

Số/No: 547/TCTHK-VP

Hà Nội, ngày/ day 18 tháng/ month 4 năm/year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ/
Regular Information Disclosure**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

To: State Securities Commission/ Ho Chi Minh Stock Exchange;

1. Tên công ty/ *Name of organization*: Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP/
Vietnam Airlines JSC

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HVN

- Địa chỉ/ *Address*: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội/ *200 Nguyen Son street, Long Bien district, Hanoi city, Vietnam*

- Điện thoại/ *Tel*: 024 38 732 732 - Fax: 024 38 720 429

- Người UQ CBTT/ *Person authorized to disclose information*: Kim Thị Thu Huyền-
Người phụ trách quản trị- *Thư ký Tổng công ty/ Chief Administrator - Secretary of the company.*

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP/
Annual reports 2024 of Vietnam Airlines JSC.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty từ ngày
18/04/2025 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website on
18/04/2025, as in the link: <https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/vietnam-airlines/investor-relations/> [https://www.vietnamairlines.com/vn/en/vietnam-airlines/investor-relations.](https://www.vietnamairlines.com/vn/en/vietnam-airlines/investor-relations/)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the
information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận/To:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (đề b/c);
- TGĐ (đề b/c);
- VP, TT, TCKT, KTNB;
- Lưu: VT, VP (QUANGPHM)

**TUQ.NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ-
THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

Organization representative

Chief Administrator - Secretary of the company



Kim Thị Thu Huyền



ĐỘT PHÁ TƯ DUY
MẠNH MẼ HÀNH ĐỘNG
VỮNG CẢNH VƯƠN XA

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2024**





Mục lục

| | | | |
|---|--|--|---|
| <p>1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị & Tổng Giám đốc 06</p> <hr/> <p>2. Định hướng, chiến lược phát triển 12</p> <p>1. Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines 14</p> <p>2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines 14</p> <p>3. Mục tiêu phát triển bền vững 16</p> <p>4. Các rủi ro 18</p> <hr/> <p>3. Giới thiệu chung về Vietnam Airlines 20</p> <p>1. Thông tin chung 23</p> <p>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 24</p> <p>3. Quá trình hình thành và phát triển 26</p> <p>4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 28</p> <p>5. Cơ cấu cổ đông 37</p> <p>6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm 40</p> <p>7. Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm 42</p> <hr/> <p>4. Tổng quan về kết quả kinh doanh 44</p> <p>1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản 46</p> <p>2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 50</p> | <p>5. Đánh giá của Hội đồng quản trị 52</p> <p>1. Các mặt hoạt động của Vietnam Airlines 54</p> <p>2. Hoạt động của Ban Giám đốc 56</p> <p>3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 56</p> <p>4. Việc tiếp tục ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng. 57</p> <hr/> <p>6. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về KQ SXKD năm 2024 58</p> <p>1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 60</p> <p>2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực 60</p> <p>3. Tình hình đầu tư 120</p> <p>4. Tình hình tài chính 129</p> <p>5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 136</p> <p>6. Kế hoạch phát triển trong tương lai 136</p> <hr/> <p>7. Báo cáo phát triển bền vững 138</p> <p>1. Các mục tiêu phát triển bền vững 140</p> <p>2. Báo cáo kết quả phát triển bền vững năm 2024 142</p> | <p>8. Quản trị công ty 148</p> <p>1. Cấu trúc quản trị công ty 150</p> <p>2. Thông tin và hoạt động của HĐQT 151</p> <p>3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT 153</p> <p>4. Báo cáo của Ban kiểm soát 154</p> <p>5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích 156</p> <p>6. Hoạt động của NPTQT - Thư ký TCT 157</p> <p>7. Quan hệ nhà đầu tư 157</p> | <p>9. Quản trị rủi ro 158</p> <hr/> <p>10. Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán 164</p> |
|---|--|--|---|





Danh mục các từ viết tắt

| | |
|-----------------------|---|
| ASK | Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển) |
| AFTK | Available Freight Tonne Kilometers (Tải cung ứng luân chuyển) |
| BH | Block Hour (Giờ bay) |
| TV HĐQT/TV BKS | Thành viên Hội đồng quản trị/ Thành viên Ban Kiểm soát |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| DHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐTV | Hội đồng thành viên |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| PA | CTCP Hàng không Pacific Airlines |
| K6 | Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air |
| LNTT | Lợi nhuận trước thuế |

| | |
|--|---|
| LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| LCC | Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ) |
| RPK | Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển) |
| RFTK | Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển) |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| Công ty mẹ hay Vietnam Airlines | Bao gồm Vietnam Airlines và Vasco |
| VNA Group | Công ty mẹ và PA |
| Hợp nhất | Công ty mẹ và các công ty con, liên kết |
| VTHK | Vận tải hàng không |
| TCT | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP |
| ĐVPT | Đơn vị phụ thuộc |





01

*Thông điệp của
Chủ tịch HĐQT &
Tổng Giám đốc*



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị & Tổng Giám đốc



Năm 2024, Vietnam Airlines đã hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra với những kết quả cao nhất trong lịch sử.

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam xin được gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc vì sự đồng hành, tin tưởng của quý cổ đông đã dành cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Hãng hàng không Quốc gia.

Sau những thách thức chưa từng có do dịch Covid-19, bằng quyết tâm cao độ và chiến lược đúng đắn, Hãng hàng không Quốc gia - Vietnam Airlines đã xoay chuyển mạnh mẽ tình hình sản xuất kinh doanh.

Kết thúc năm 2024, Tổng công ty Hàng không Việt Nam xuất sắc hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra với những kết quả cao nhất trong lịch sử. Doanh thu hợp nhất đạt 113.746 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt mức kỷ lục với 7.958 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 2.775 tỷ đồng. Vận chuyển hơn 22,7 triệu lượt hành khách tăng 8% so với cùng kỳ. Vận chuyển 314.700 tấn hàng hóa, tăng 40% so với cùng kỳ. Mạng lưới gần 100 đường bay nội địa và quốc tế, kết nối với hơn 1.150 điểm đến toàn cầu của mình.

Đặc biệt, ngày 30/11/2024, Quốc hội đã thông qua các giải pháp cuối cùng trong Đề án tái cơ cấu tổng thể Vietnam Airlines. Điều này tạo nền tảng vững chắc để hãng tái cơ cấu và phát triển bền vững giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

Năm 2024 cũng là dấu mốc đáng tự hào trong hành

trình phát triển của Vietnam Airlines khi đón nhận 30 giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế như danh hiệu "Hãng hàng không quốc tế 5 sao về trải nghiệm khách hàng" do APEX trao tặng; Nhóm 5 hãng hàng không đúng giờ nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và là một trong 25 hãng hàng không hàng đầu thế giới về an toàn và trải nghiệm khách hàng theo bình chọn của AirlineRatings; doanh nghiệp tiêu biểu đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam...

Trong bối cảnh nhu cầu vận tải hàng không tiếp tục gia tăng, ngay trong khoảng thời gian ngắn, hãng đã mở rộng mạng bay đến Munich (Đức), Phnom Penh (Campuchia), Manila (Philippines)... góp phần nâng cao doanh thu và vị thế trên trường quốc tế. Đồng thời, các dự án nâng cao chất lượng dịch vụ giúp cải thiện đáng kể trải nghiệm khách hàng với chỉ số hài lòng CSI nội địa đạt 4,21/5 điểm và CSI quốc tế đạt 4,06/5 điểm, vượt mục tiêu đề ra.

Vietnam Airlines cũng không ngừng đầu tư vào việc phát triển hạ tầng số, như chuyển đổi hệ thống phục vụ hành khách - PSS, nâng cấp phần mềm bảo dưỡng tàu bay MRO IT, triển khai các đề án hiện đại hóa khai thác bay như Operation Platform và Network Planning. Các hệ thống quản lý hành chính, nguồn nhân lực, quy trình đã được tích hợp chung với siêu app "VNA Discovery", góp phần giúp tối ưu hóa hiệu quả trên toàn hệ thống. Theo đánh giá của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, mức độ chuyển đổi số năm 2024 của Vietnam Airlines là 77% - mức 4 và là một trong ba đơn vị đứng đầu về chuyển đổi số trong 19 tập đoàn và tổng công ty thuộc Ủy ban.

Ông ĐẶNG NGỌC HOÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kết thúc năm 2024, Tổng công ty xuất sắc hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra

Doanh thu 113.746 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 7.958 tỷ đồng.

Vận chuyển hơn 22,7 triệu lượt hành khách tăng 8% so với cùng kỳ.

Vận chuyển 314.700 tấn hàng hóa, tăng 40% so với cùng kỳ.

100 đường bay nội địa và quốc tế, kết nối với hơn 1.150 điểm đến toàn cầu của mình.



Vietnam Airlines cũng nỗ lực tối ưu hiệu quả khai thác đường bay, tiết kiệm nhiên liệu và là hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững SAF. Năm 2024, hãng giảm phát thải khoảng 75.000 tấn CO2, đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường.

Các sáng kiến bền vững như "Bay nhẹ tới Côn Đảo", "Góp lá vá rừng" và trồng rừng phòng hộ được triển khai rộng rãi, lan tỏa thông điệp sống xanh. Đồng thời, hãng tiếp tục tiên phong thúc đẩy bình đẳng giới qua chiến dịch HeForShe, Tô Cam cùng UN Women, xây dựng môi trường làm việc công bằng và tiến bộ.

Thưa Quý Cổ đông,

Năm 2025, tình hình chính trị, xã hội trong nước tiếp tục ổn định, kinh tế Việt Nam phục hồi và hướng đến mức tăng trưởng 6.5% - 7%. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn có diễn biến khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro do xung đột chính trị, chiến tranh thương mại, chính sách thuế quan...

Trên cơ sở đánh giá môi trường kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc Tổng công ty đã xác định những mục tiêu và định hướng chiến lược quan trọng cho năm 2025. Trong đó, Tổng công ty sẽ tập trung vào việc tăng hiệu suất khai thác đội tàu bay, nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động điều hành. Ưu tiên nguồn lực triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ đồng bộ của Tổng công ty tại Cảng HKQT Long Thành và các sân bay căn cứ.

Mở rộng mạng bay quốc tế thông qua 15 đường bay được mở mới và khai thác trở lại đến Ý, Nga, Đan Mạch, Trung Quốc Hàn Quốc, UAE... Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đảm bảo sự hài lòng tối đa. Vietnam Airlines tiếp tục đặt ra những kỳ vọng lớn với mục tiêu phục vụ 25,4 triệu lượt khách và 336 nghìn tấn hàng hóa, đồng thời hướng đến doanh thu hợp nhất dự kiến 119 nghìn tỷ đồng.

Hướng đến dấu mốc kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty hàng không Việt Nam (27/5/1995 - 27/5/2025), Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vị thế Hãng Hàng không Quốc gia, tiên phong trong khu vực và vươn tầm quốc tế. Vietnam Airlines cam kết đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững.

Với sự ủng hộ từ Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan quản lý, cùng niềm tin từ Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, chúng tôi tin tưởng Vietnam Airlines sẽ hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2025, tiếp tục "sải cánh vươn cao".

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động Vietnam Airlines cam kết đoàn kết, nỗ lực để phát triển thương hiệu Hãng hàng không Quốc gia uy tín, gia tăng giá trị cho cổ đông, góp phần nâng tầm hàng không Việt Nam trên trường quốc tế.

Trân trọng!

Ông LÊ HỒNG HÀ
Tổng Giám đốc



Hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập

Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vị thế Hãng hàng không Quốc gia, tiên phong trong khu vực và vươn tầm quốc tế.

Chúng tôi cam kết đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững.



02

Định hướng, chiến lược phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines
- Mục tiêu phát triển bền vững
- Các rủi ro



1. Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines

- Mục tiêu văn hóa an toàn (VHAT) tiệm cận mức 5.0 Generative (tiên tiến) từ năm 2025.
- Trở thành hãng hàng không Full Service đạt nhóm 03 về quy mô trong khu vực Đông Nam Á.
- VNA đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa VNA đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.
- VNA giữ vững vai trò tiên phong là Hãng hàng không công nghệ số tiên tiến, hiện đại trong ngành vận tải hàng không Việt Nam, đồng thời nằm trong nhóm dẫn đầu về CDS của ngành hàng không ASEAN, có khả năng cạnh tranh với các Hãng hàng không lớn trong khu vực và thế giới.
- Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.
- Bảo đảm thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục; từng bước cải thiện, phục hồi năng lực tài chính; đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines

- Duy trì vị thế hàng đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách.
- Chỉ số hài lòng tổng thể - CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm. Chỉ số thiện cảm khách hàng (NPS) bình quân năm đạt trên 30 điểm.
- Tổng sản lượng vận chuyển hành khách giai đoạn 2021 - 2030 của Công ty mẹ VNA (VNA+Vasco) đạt 250 triệu lượt khách, tăng trưởng bình quân 21,4%/năm. Tổng sản lượng hàng hóa 2021 - 2030 đạt 3,2 triệu tấn, tăng trưởng bình quân 8%/năm.
- Tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ VNA giai đoạn 2021-2030 đạt tương ứng khoảng 928,8 nghìn tỷ đồng và 4,5 nghìn tỷ đồng.





3. Mục tiêu phát triển bền vững

- Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, Vietnam Airlines có trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững để giảm thiểu các tác động đến môi trường và đồng thời gia tăng các mục tiêu kinh tế. Kế hoạch phát triển bền vững của Hãng có thể được triển khai thông qua các nội dung như giảm lượng khí thải carbon thông qua các chương trình hiện đại hóa tàu bay, áp dụng các công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, tối ưu hóa lộ trình bay, giảm sử dụng nước và giảm lượng rác thải nhựa... Đồng thời, với nhu cầu ngày càng gia tăng về các lựa chọn du lịch bền vững, những doanh nghiệp gắn các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu kinh tế sẽ thu hút được nhiều khách hàng hơn và quan trọng là cải thiện được danh tiếng của hãng. Từ đó cải thiện sự trung thành của khách hàng và gia tăng lợi nhuận trong tương lai, góp phần gia tăng và duy trì lợi thế cạnh tranh ngành hàng không.
- Vietnam Airlines luôn nỗ lực bền bỉ, không ngừng khẳng định vị thế, uy tín của thương hiệu Vietnam Airlines trong lòng khách hàng Việt Nam và thế giới nhằm mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng cũng như đóng góp vào sự phát triển chung cộng đồng, xã hội. Bên cạnh sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng góp phần cải thiện an sinh xã hội, chung tay phát triển đất nước thông qua các hoạt động cộng đồng.
- Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như việc triển khai thực hiện và kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, VNA không ngừng hiện đại hóa đội tàu bay với những dòng tàu bay mới, hiện đại, giảm thiểu tác hại cho môi trường, giảm khí thải, giảm tiếng ồn. Là một thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, VNA hướng tới thực hiện cam kết của ngành hàng không thế giới (ICAO, IATA) với việc phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050) thông qua chương trình bù đắp, giảm thiểu phát thải CO2 của ngành (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation, CORSIA).
- Vietnam Airlines luôn hướng đến đảm bảo một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn cho người lao động. Tổng công ty luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Vietnam Airlines luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.





4. Các rủi ro

Giai đoạn 2021- 2025 là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, điển hình là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phổ biến của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data). Điều này dẫn đến thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng thay đổi. Bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức về bảo vệ môi trường, các rủi ro về kinh tế vĩ mô, dịch bệnh, thiên tai cũng như những tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý và sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở ngày càng phổ biến.



Về kinh tế

Sau khi đại dịch Covid-19 chấm dứt, nền kinh tế thế giới vẫn chật vật hồi phục trong bối cảnh xung đột Nga-Ukraine và Trung Đông kéo dài khiến cho lạm phát tăng cao, các ngân hàng trung ương liên tục tăng lãi suất. Theo dự báo của IMF sau khi đạt mức tăng trưởng 3,5% năm 2022, năm 2023 - 2025 tăng trưởng kinh tế thế giới đạt lần lượt 3,0%, 3,2% và 3,3%. Trong khi đó, World Bank dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 2,7%/năm giai đoạn 2023 - 2025. Kinh tế Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn thách thức trong giai đoạn này. Theo dự báo của IMF, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 5,0% năm 2023, 6,1% năm 2024 và 6,1% năm 2025, giảm đáng kể so với mức tăng trưởng ấn tượng 8,1% năm 2022 và cũng thấp hơn mức tăng trưởng 7%/năm giai đoạn trước Covid.

Về môi trường

Ngành hàng không đóng góp 2% lượng khí thải CO2 toàn cầu, và được đánh giá sẽ trở thành một trong những ngành ảnh hưởng lớn tới biến đổi khí hậu toàn cầu với tốc độ phát triển nhanh chóng, trong khi đó các ngành khác đang chuyển dịch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch. Việc sử dụng các nguồn nhiên liệu mới là một giải pháp giúp các hãng hàng không giảm bớt tác động xấu tới môi trường và tạo ấn tượng tốt với khách hàng, trong xu hướng tiêu dùng xanh giảm carbon và tăng tái chế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quyết định thuê mua, sử dụng đội tàu bay của các hãng hàng không.

Thảm họa môi trường là điều không thể dự báo trước, đây cũng là rủi ro lớn đối với ngành hàng không. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu đi lại của người dân và hàng không là một trong những ngành đầu tiên phải hứng chịu hậu quả.

Về cạnh tranh

Đối với thị trường nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại trong năm 2024. Đồng thời vấn đề thiếu hụt tàu bay do hãng Pratt&Whitney triệu hồi động cơ khiến cho khách tổng thị trường nội địa suy giảm.

Đối với quốc tế, thị trường phục hồi khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Tuy nhiên nhìn chung tốc độ phục hồi ở các tháng cuối năm đang diễn biến chậm hơn so dự kiến, đặc biệt là Trung Quốc và Hongkong. Khu vực Úc và Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất, đồng nghĩa mức độ cạnh tranh gia tăng đáng kể, khi các hãng hàng không liên tục đổ tải vào khu vực này với một loạt đường bay mới và tăng tần suất.

Như vậy, nhìn chung thị trường hàng không Việt Nam đang dần phục hồi trở về mức tương đương năm 2019, tuy nhiên mức độ phục hồi không đồng đều giữa các khu vực. Một số thị trường chững lại và phục hồi chậm do nhu cầu suy yếu dù mức độ cạnh tranh chưa trở lại như mức với năm 2019. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài đến hết năm 2025.

Về dịch bệnh

Dịch bệnh Covid được kiểm soát, các quốc gia đã gỡ bỏ hầu hết rào cản về cách ly, kiểm dịch y tế, các đường bay quốc tế được phục hồi. Tuy nhiên, nguy cơ xuất hiện các biến thể mới của Covid cũng như các dịch bệnh lây nhiễm luôn hiện hữu, ảnh hưởng sự phục hồi và phát triển của ngành hàng không.

A woman in a teal uniform is attending to a passenger lying down in an airplane cabin. The passenger is wearing a blue shirt and is covered with a yellow blanket. The cabin has large windows and overhead storage bins. The scene is lit with warm, golden light.

03

Giới thiệu chung về Vietnam Airlines

- Thông tin chung
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Quá trình hình thành và phát triển
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Cơ cấu cổ đông
- Các sự kiện tiêu biểu trong năm
- Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm



1. Thông tin chung

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP**
- Tên tiếng Anh: **Vietnam Airlines JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính: **200 Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.**
- Điện thoại: **024 38 732 732**
- Fax: **024 38 722 375**
- Website: **www.vietnamairlines.com**
- Email: **nhadautu@vietnamairlines.com**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/01/2022.
- Vốn điều lệ: **22.143.941.740.000 đồng.**
- Mã cổ phiếu: **HVN**; Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**; Tổng số cổ phần đang lưu hành: **2.214.394.174 cổ phần (tính đến 31/12/2024).**



2. Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Vietnam Airlines là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa, hành lý, bưu gửi.

Các ngành nghề kinh doanh khác được quy định tại Điều 5 Điều lệ ngày 28/06/2022 của TCT.

2.2. Địa bàn kinh doanh

Tính đến ngày 31/12/2024, danh sách, tên gọi các đơn vị phụ thuộc (trong nước và quốc tế).



24

chi nhánh trong nước

31

chi nhánh & văn phòng
đại diện tại nước ngoài

03

đơn vị hạch toán
phụ thuộc khác

2.2.1 Danh sách các ĐVPT tại Việt Nam

| | | | |
|----|---|----|--|
| 1 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực Việt Nam | 17 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thanh Hóa |
| 2 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa | 18 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Công ty Bay dịch vụ Hàng không |
| 3 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Chu Lai | 19 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Trung tâm Huấn luyện bay |
| 4 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đồng Hới | 20 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hà Nội |
| 5 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hải Phòng | 21 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Côn Đảo |
| 6 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Vinh | 22 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cà Mau |
| 7 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Điện Biên | 23 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Trung tâm Bông Sen Vàng |
| 8 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Buôn Ma Thuột | 24 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay |
| 9 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nha Trang | 25 | Tạp chí Heritage |
| 10 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quy Nhơn | 26 | Đoàn bay 919 |
| 11 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đà Lạt | 27 | Đoàn tiếp viên |
| 12 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Huế | | |
| 13 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pleiku | | |
| 14 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cần Thơ | | |
| 15 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Phú Quốc | | |
| 16 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Rạch Giá | | |

2.2.2 Danh sách các ĐVPT tại nước ngoài

| | | | |
|----|---|----|---|
| 1 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh | 17 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Osaka |
| 2 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia | 18 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Fukuoka |
| 3 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Siem Reap | 19 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nayoga |
| 4 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan | 20 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp |
| 5 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Kaoshiung | 21 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Singapore |
| 6 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức | 22 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan |
| 7 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc | 23 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc |
| 8 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Busan | 24 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Melbourne |
| 9 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hongkong | 25 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc |
| 10 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào | 26 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thượng Hải |
| 11 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Luang Prabang | 27 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quảng Châu |
| 12 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Liên Bang Nga | 28 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thành Đô |
| 13 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia | 29 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia |
| 14 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Mỹ | 30 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Ấn Độ |
| 15 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar | 31 | Văn phòng đại diện TCT HKVN - CTCP Khu vực châu Âu/EU |
| 16 | Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản | | |



3. Quá trình hình thành và phát triển



Thành lập hãng hàng không quốc gia Việt Nam.

1993



Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ;
Tiếp nhận đưa vào khai thác tàu bay hiện đại Boeing 777 đầu tiên, khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay.

2003



Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu;
Chính thức là thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không Skyteam.

2010



03/2015: Tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất thành lập CTCP;
04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/04/2015;
07/2015: Trở thành hãng hàng không đầu tiên của Châu Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới;
Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và đăng ký chứng khoán.

2015

1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành.

2002

Giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng bay và nâng cấp đội bay.

2006



Trở thành thành viên chính thức của IATA.

2014

09/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa VNA;
11/2014: Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

2016



07/2016: Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax;
Hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings INC (Nhật Bản), ký kết Hợp đồng bán cổ phần và Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với ANA Holdings INC.

LOTUSMILES

01/2017: Cổ phiếu VNA chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán HVN, giá trị vốn hóa nằm trong top đầu của thị trường;
09/2017: Nhận chứng chỉ của Skytrax lần 2 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng.

07/2019: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 4 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
08/2019: Chính thức đón tàu B787-10 đầu tiên;
08/2019: Chính thức được Bộ GTVT Mỹ cấp phép mở rộng hợp tác liên danh linh hoạt hai chiều với hãng hàng không Delta Airlines;
10/2019: Chào đón tàu bay thứ 100 trong đội tàu bay của Vietnam Airlines.



Hãng hàng không Việt Nam duy nhất được Skytrax xếp hạng 5 sao về an toàn phòng chống dịch Covid-19;
11/2021: Hãng hàng không Việt Nam đầu tiên và duy nhất khai thác đường bay thẳng thường lệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ.

Top 20 hãng Hàng không hàng đầu thế giới về an toàn và trải nghiệm khách hàng; Xếp thứ 44/100 hãng Hàng không tốt nhất thế giới năm 2023 của Skytrax; Xếp thứ nhất trong top 10 thương hiệu tốt nhất Việt Nam của Yougov.
Thành lập Ban Điều hành phát triển bền vững và lần đầu công bố báo cáo phát triển bền vững của TCT.

2017

2019

2021

2023

2018



07/2018: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 3 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
10/2018: Ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Vingroup xây dựng các sản phẩm kết hợp hàng không và du lịch trên toàn bộ mạng đường bay và cơ sở lưu trú du lịch của hai bên;
11/2018: Chính thức đón tàu A321 Neo đầu tiên.

2020

05/2020: Kỷ niệm 25 năm thành lập Vietnam Airlines;
Thực hiện thành công 180 chuyến bay tới hơn 30 quốc gia để đưa 52.500 đồng bào hồi hương.

2022

Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa; Hãng hàng không hàng đầu châu Á về hạng ghế Phổ thông; Thương hiệu hàng không hàng đầu châu Á; Hãng hàng không MICE tốt nhất châu Á; Vị trí số 1 Nhân hiệu nổi tiếng - Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam;
6/2022: Hãng đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam đạt được chứng chỉ Khai thác tầm bay mở rộng (Extended Diversion Time Operations - EDTO) trên 180 phút cho loại tàu bay trang bị 02 động cơ;
12/2022: hãng hàng không Việt đầu tiên khai thác đường bay đi/đến châu Âu qua không phận một số quốc gia Tây Á.

2024

Hãng hàng không 5 sao thế giới do APEX trao tặng; Top 10 Hãng hàng không đúng giờ nhất Châu Á do Cirium - Hãng phân tích dữ liệu hàng không có trụ sở tại Anh bình chọn; Xếp thứ 11/25 Premium Airlines of 2024 do Airline Ratings bình chọn;
Lotusmiles được vinh danh tại "Chương trình Khách hàng Trung thành tốt nhất" Loyalty & Engagement Awards 2024.

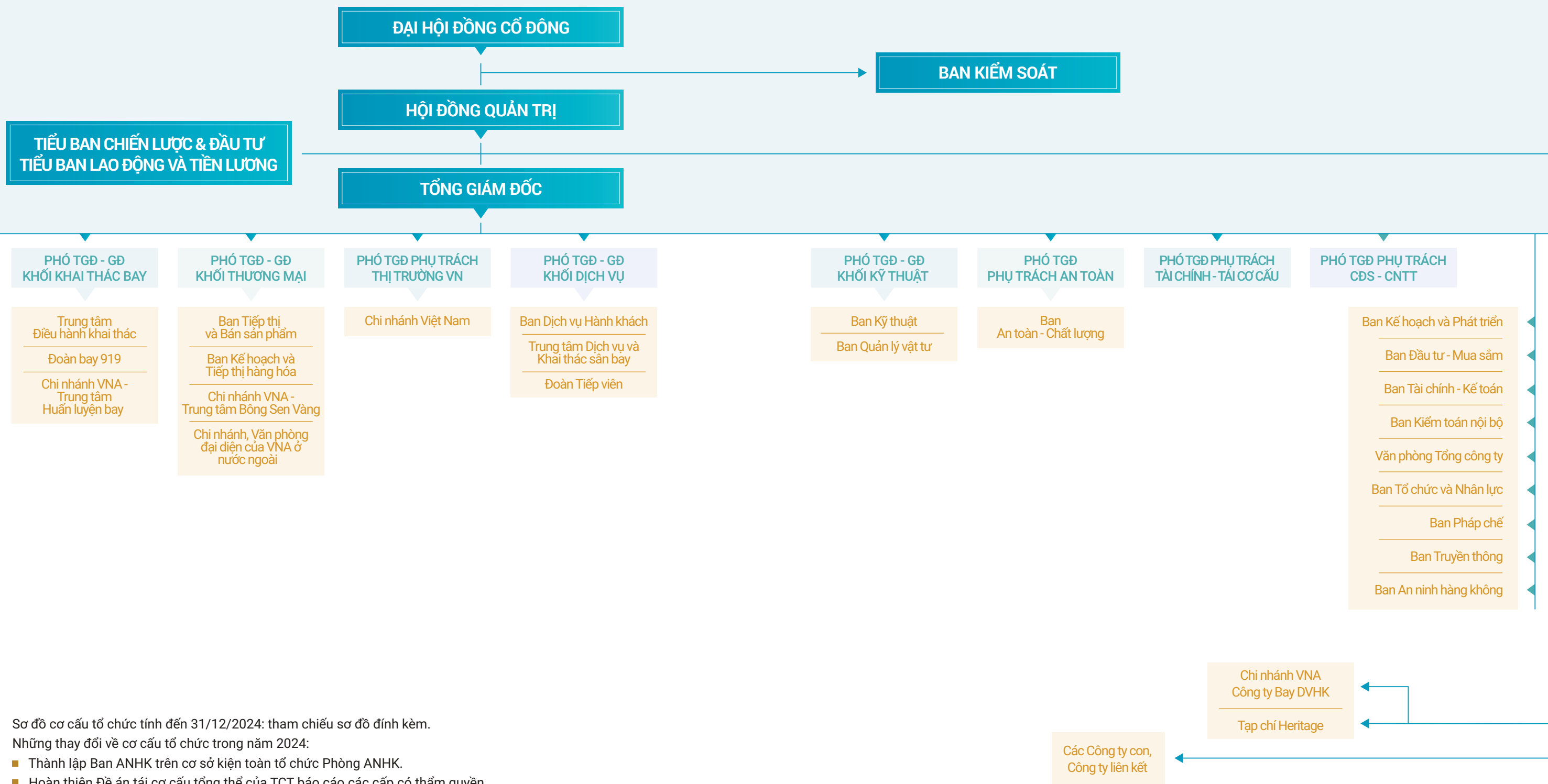




4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Vietnam Airlines là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Vietnam Airlines gồm:



Sơ đồ cơ cấu tổ chức tính đến 31/12/2024: tham chiếu sơ đồ đính kèm.

Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2024:

- Thành lập Ban ANHK trên cơ sở kiện toàn tổ chức Phòng ANHK.
- Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu tổng thể của TCT báo cáo các cấp có thẩm quyền.



4.2. Giới thiệu danh sách Ban lãnh đạo tính đến 31/12/2024 (có ảnh kèm theo): thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, NPTQT-Thư ký công ty

4.2.1. Hội đồng quản trị



Ông Đặng Ngọc Hòa
Chức vụ:
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc khóa VII, nhiệm kỳ 2023 - 2028; Ủy viên Ban chấp hành VCCI khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không



Ông Lê Hồng Hà
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC); Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông Tạ Mạnh Hùng
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý



Ông Lê Trường Giang
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Lao động và Tiền lương; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS); Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn Đua thuyền Việt Nam khóa III nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Đinh Việt Tùng
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc SCIC; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC; Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Licogi; Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Bảo Minh.

Năm sinh: 1974

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng



Ông Trương Văn Phước
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)

Tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Năm sinh: 1959

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng



Ông Daisuke Suzuki
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chiến lược của ANA Holdings.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2024

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học



4.2.2 Ban Giám đốc



Ông Lê Hồng Hà
Chức vụ:
Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC); Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông Nguyễn Chiến Thắng
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO); Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật hàng không



Ông Nguyễn Thế Bảo
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Việt Nam.

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế chính trị



Ông Lê Đức Cảnh
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO).

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1997

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Tô Ngọc Giang
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Đoàn trưởng Đoàn bay 919; Phó Chủ tịch Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Pháp khóa VII nhiệm kỳ 2022 - 2027; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT).

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học/Phi công



Ông Đinh Văn Tuấn
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng không Pacific Airlines (PA).

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển



Ông Đặng Anh Tuấn
Chức vụ:
Phó Tổng giám đốc

Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học - Viễn thông Hàng không.

Năm sinh: 1973

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Thạc sỹ Quản lý Hành chính công



4.2.3 Người phụ trách kế toán



Ông Trần Văn Hữu
Chức vụ:
Người phụ trách kế toán TCTHK
Phó Trưởng ban phụ trách
Ban Tài chính kế toán

Năm sinh: 1974
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

4.2.4 Ban Kiểm soát



Bà Dương Thị Việt Thắm
Chức vụ:
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1971
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

4.2.5 Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty



Bà Kim Thị Thu Huyền
Chức vụ:
Người phụ trách quản trị
Thư ký TCT

Năm sinh: 1972
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
Chức vụ:
Thành viên Ban Kiểm soát

Tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp - SCIC.
Năm sinh: 1979
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Bà Lê Trúc Quỳnh
Chức vụ:
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1993
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2023
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán và Tài chính

4.3. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư

- Ông **Đặng Ngọc Hòa**, Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- Ông **Lê Hồng Hà**, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
- Ông **Tạ Mạnh Hùng**, Thành viên HĐQT - Thành viên
- Ông **Lê Trường Giang**, Thành viên HĐQT - Thành viên
- Ông **Lê Đức Cảnh**, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- Ông **Nguyễn Quang Trung**, Trưởng ban KHPT - Thành viên
- Ông **Trần Văn Hữu**, Người phụ trách kế toán TCTHK - Phó Trưởng ban phụ trách Ban TCKT – Thành viên
- Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Trưởng ban ĐTMS - Thành viên
- Ông **Nguyễn Văn Thành**, Phó Trưởng phòng Thư ký HĐQT, VPTCT - Thư ký

Tiểu ban Lao động và Tiền lương

- Ông **Lê Trường Giang**, Thành viên HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- Ông **Nguyễn Chiến Thắng**, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- Ông **Vũ Đình Thủy**, Trưởng ban TCNL - Thành viên
- Ông **Triệu Hải Đăng**, Trưởng phòng Phát triển nhân lực, Ban TCNL - Thư ký

4.4 Bảng danh sách các công ty con, công ty liên kết đến 31/12/2024

4.4.1 Công ty con

Đơn vị: triệu VND

| STT | Công ty con | Tên viết tắt | Địa chỉ | Ngành nghề KD chính | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu của VNA (%) |
|-----|--|--------------|--|---|----------------------|--------------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay | VAECO | Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội | Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay | 1.093.117 | 100,00 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam | SKYPEC | 202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Kinh doanh nhiên liệu hàng không | 800.000 | 100,00 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam | VACS | Sân bay Tân Sơn Nhất - P. 2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay | 85.448 | 100,00 |
| 4 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam | VIAGS | 49 Trường Sơn - P. 2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ mặt đất sân bay | 250.000 | 100,00 |
| 5 | Công ty CP Hàng không Pacific Airlines | PA | 112 Hồng Hà - P. 2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh vận tải hàng không | 3.522.081 | 98,84 |
| 6 | Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài | NCTS | Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội | Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay | 261.669 | 55,13 |
| 7 | Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất | TCS | 46 - 48 Hậu Giang - P. 4 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay | 93.726 | 55,00 |
| 8 | Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất | TECS | Số 6 Thăng Long - P. 4 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không | 51.430 | 51,00 |
| 9 | Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO | VINAKO | 49 Trường Sơn - P. 2 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi | 8.578 | 65,05 |
| 10 | Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài | NCS | Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội | Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan | 179.491 | 60,17 |
| 11 | Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài | NASCO | Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội | Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | 83.158 | 51,00 |
| 12 | Công ty CP Đào tạo Bay Việt | VFT | 117 Hồng Hà - P. 2 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh | Đào tạo phi công | 66.000 | 51,52 |
| 13 | Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không | AITS | 412 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Dịch vụ Tin học viễn thông | 58.032 | 52,73 |
| 14 | Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không | ALSUCO | Số 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Cung ứng dịch vụ lao động | 10.000 | 51,00 |
| 15 | Công ty CP Sabre Việt Nam | SABRE VN | Số 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan qua hệ thống SABRE; Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi | 5.200 | 51,69 |

4.4.2 Công ty liên kết

| STT | Công ty liên kết | Tên viết tắt | Địa chỉ | Ngành nghề KD chính | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu của VNA (%) |
|-----|---|--------------|---|--|----------------------|--------------------------|
| 1 | Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam | VALC | Tầng 6, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Cho thuê máy bay | 63.315.837 USD | 32,48 |
| 2 | Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng | MASCO | Sân bay Quốc tế Đà Nẵng Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng | Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | 42.677 Triệu VND | 36,11 |
| 3 | Công ty CP Xuất nhập khẩu hàng không | AIRIMEX | 414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay | 31.113 Triệu VND | 41,31 |
| 4 | Công ty CP Nhựa cao cấp hàng không | APLACO | Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội | Công nghiệp nhựa cao cấp | 44.708 Triệu VND | 30,41 |

4.4.3 Danh mục đầu tư khác

| STT | Danh mục đầu tư khác | Tên viết tắt | Địa chỉ | Ngành nghề KD chính | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu của VNA (%) |
|-----|---|--------------|--|--|----------------------|--------------------------|
| 1 | Hãng Hàng không Air Cambodia | K6 | 206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia | Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không | 14.000.000 USD | 14,00 |
| 2 | Công ty CP Bưu chính viễn thông Sài Gòn | SPT | 10 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin | 4.315 Triệu VND | 0,36 |

5. Cơ cấu cổ đông

5.1. Thông tin cổ phần

| Loại cổ phần | Cổ phần phổ thông |
|-----------------------------------|-----------------------|
| Mệnh giá | 10.000 VND / cổ phần |
| Tổng số cổ phần đang lưu hành | 2.214.394.174 cổ phần |
| Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch | 2.214.394.174 cổ phần |



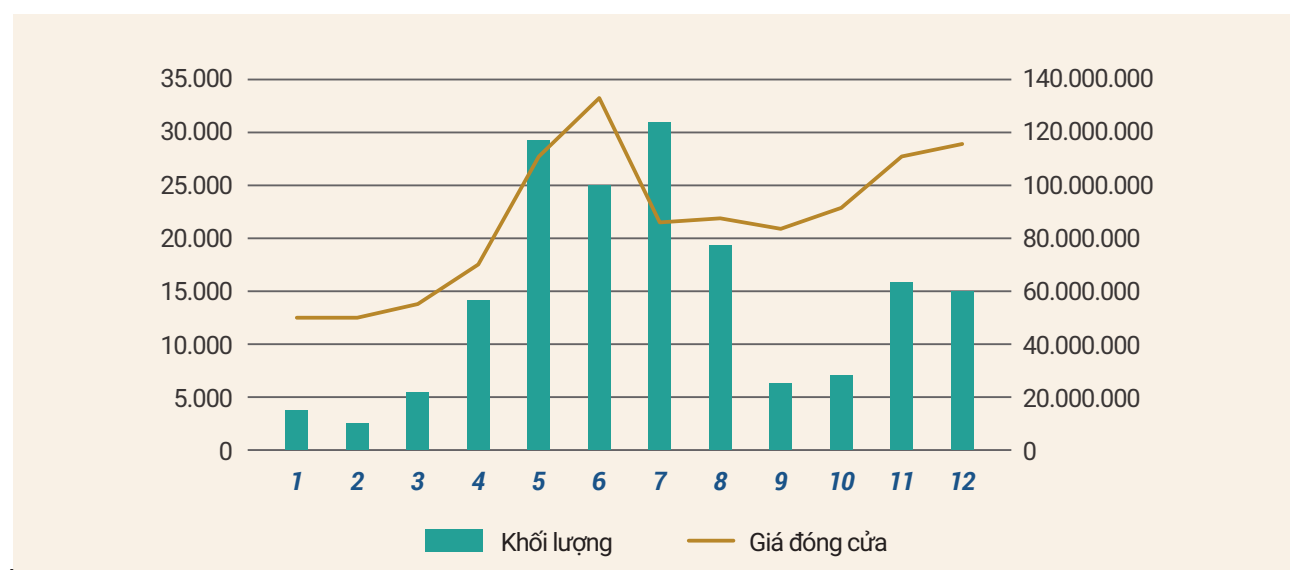
5.2. Cơ cấu cổ đông: theo danh sách cổ đông ngày 26/12/2024

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|-----|--|----------------------|------------------|------------------|
| 1 | Trong nước | 2.041.886.883 | 92,21 | 29.081 |
| 1.1 | Cá nhân | 111.199.071 | 5,02 | 29.041 |
| 1.2 | Tổ chức | 1.930.687.812 | 87,19 | 40 |
| | Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại DN | 1.222.368.291 | 55,20 | 1 |
| | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | 689.488.080 | 31,14 | 1 |
| | Khác | 18.831.441 | 0,85 | 38 |
| 2 | Nước ngoài | 172.507.291 | 7,79 | 605 |
| 2.1 | Cá nhân | 2.873.320 | 0,13 | 575 |
| 2.2 | Tổ chức | 169.633.971 | 7,66 | 30 |
| | ANA HOLDINGS INC. | 124.438.698 | 5,62 | 1 |
| | Khác | 45.195.273 | 2,04 | 29 |
| | Tổng cộng | 2.214.394.174 | 100,00 | 29.686 |

Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần)

| STT | Tên cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--|---------------|------------------|
| 1 | Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại DN | 1.222.368.291 | 55,20 |
| 2 | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | 689.488.080 | 31,14 |
| 3 | ANA HOLDINGS INC | 124.438.698 | 5,62 |

Biểu đồ biến động giá HVN trong năm 2024



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

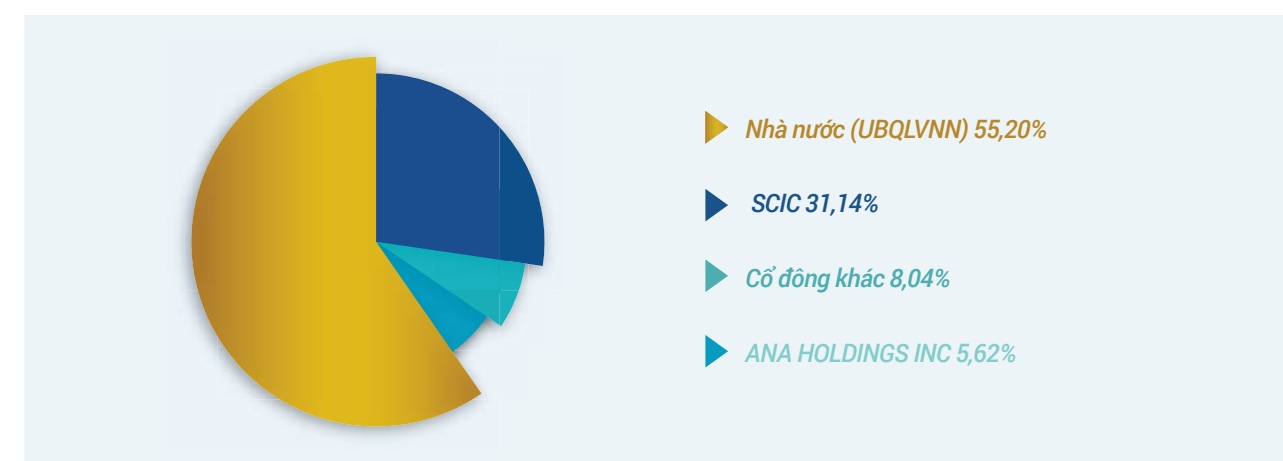
Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng:

ĐVT: VND

| STT | Thời điểm tăng vốn | Giá trị vốn tăng thêm | Vốn điều lệ | Hình thức tăng vốn |
|-----|--------------------|-----------------------|--------------------|--|
| 1 | 04/2015 | | 11.198.648.400.000 | |
| 2 | 07/2016 | 1.076.689.380.000 | 12.275.337.780.000 | Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài |
| 3 | 12/2018 | 1.907.570.690.000 | 14.182.908.470.000 | Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu |
| 4 | 9/2021 | 7.961.033.270.000 | 22.143.941.740.000 | Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu |

5.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024

Tại thời điểm 31/12/2024, chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu (CĐKT 410) là 22.143.941.740.000 VND, không có thay đổi so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu cổ đông của VNA như sau:





6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm



Sự kiện kỷ niệm đường bay

Vietnam Airlines tổ chức các lễ kỷ niệm 30 năm đường bay thẳng giữa Việt Nam và Australia, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc với sự chứng kiến của Thủ tướng và Chủ tịch Quốc hội. Đây là những dấu mốc ghi nhận sự phát triển và mở rộng mạng bay của Hãng hàng không Quốc gia trong hành trình kết nối và mở rộng "biên giới mềm" của đất nước.

Sự kiện mở đường bay

Vietnam Airlines liên tục mở các đường bay mới như Hà Nội đi Phnôm Pênh (Cambodia), Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh đến Munich (Đức) và Manila (Philippines) để tạo điều kiện thuận lợi cho du khách và nhà đầu tư nhằm tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước. Đây là những cột mốc quan trọng trong việc mở rộng mạng đường bay quốc tế của Vietnam Airlines.



Hoạt động cộng đồng

Thực hiện nhiều chương trình văn hoá nghệ thuật được công chúng yêu mến, không chỉ lan tỏa tôn vinh bản sắc văn hóa, mà còn khẳng định vai trò của Vietnam Airlines trong việc gắn kết và nâng cao tinh thần cộng đồng như: Bơi chải Thuyền rồng, Run for love, 5AM, VNA Classic...



Hoạt động phát triển bền vững

Những sáng kiến bền vững được triển khai với các chương trình "Bay nhẹ tới Côn Đảo," "Góp lá vá rừng" và trồng rừng phòng hộ tại các tỉnh thành, lan tỏa thông điệp sống xanh và trách nhiệm xã hội đến với cộng đồng. Ngoài ra, hãng còn tiên phong thúc đẩy bình đẳng giới, tham gia chiến dịch HeForShe, Tô Cam cùng UN Women để tạo dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng và tiến bộ.



Chuyến bay xanh

Vietnam Airlines là hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam thực hiện chuyến bay sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững SAF. Trong cả năm, Vietnam Airlines đã giảm phát thải 75.000 tấn CO2, một bước tiến lớn trong nỗ lực bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu.

"Thử thách hàng không 2024" của SkyTeam được Hãng khuyến khích hành khách "bay nhẹ" bằng cách giảm tải hành lý để tiết kiệm nhiên liệu. Chuyến bay cũng cắt giảm đồ nhựa, dùng nguyên liệu địa phương, thu hồi đồ dùng, và hợp tác với USSEC thiết kế khay ăn thân thiện môi trường.



Nhận tàu bay mới

Vietnam Airlines đón chiếc Boeing 787-10 thứ 5, nâng tổng số máy bay thân rộng lên 30 chiếc. Đây là dòng máy bay hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao trải nghiệm hành khách với ghế ngả phẳng, hệ thống giải trí đa dạng và thiết kế tối ưu. Đội bay thân rộng của Hãng hiện gồm Boeing 787-10, Boeing 787-9 và Airbus A350, phục vụ các đường bay quốc tế và trực nội địa chính. Việc bổ sung máy bay giúp Vietnam Airlines đảm bảo cung ứng trong bối cảnh ngành hàng không thiếu hụt máy bay.





7. Các danh hiệu phần thưởng đạt được trong năm

QUỐC TẾ



Top 25 Premium airlines of 2024 do Airlineratings bình chọn (Vietnam Airlines xếp thứ 11/25)



Hãng hàng không 5 sao thế giới năm 2024 do APEX trao tặng.



Lotusmiles được vinh danh tại “Chương trình Khách hàng Trung thành tốt nhất” Loyalty & Engagement Awards 2024.



Hãng hàng không có dịch vụ thân thiện và tiềm năng phát triển hàng đầu thị trường Ấn Độ



HHK hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa năm 2024 - WTA



"Million miles of wonder experiences" của Vietnam Airlines đã dành chiến thắng ở khu vực Global tại hạng mục Smarties X Global - Personalization: GOLD WINNER (Giải Vàng).

TRONG NƯỚC



Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2024.



Thương hiệu quốc gia Việt Nam (giá trị 2 năm 2024 - 2025)



Giải Nhất giải thưởng Quảng cáo sáng tạo Việt Nam loại hình quảng cáo trên truyền hình TVC VIETNAM AIRLINES - VẠN DẶM NÂNG NIU và Giải THƯƠNG HIỆU DU LỊCH - LỮ HÀNH SÁNG TẠO CỦA NĂM.



Giải thưởng Hành động vì cộng đồng Human Act Prize 2024 - hạng mục Ý tưởng bền vững với dự án “Vi Một Việt Nam Xanh và Phát Triển Bền Vững”.

04

Tổng quan về kết quả kinh doanh

- Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản



1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

1.1. Số liệu Vietnam Airlines (VNA và VASCO)

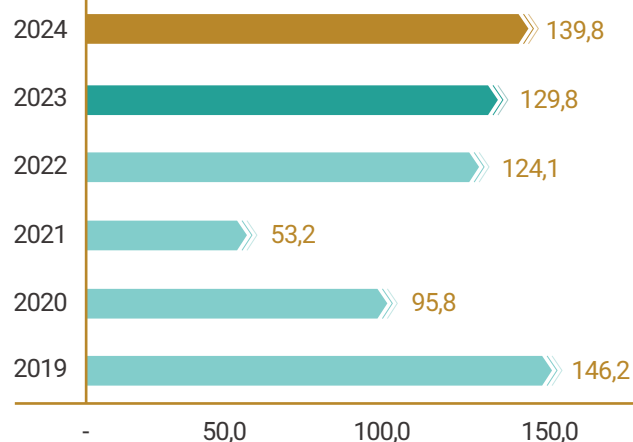
Cập nhật số liệu 2019 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|-------------------------------|-------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng số chuyến bay | Chuyến | 146,2 | 95,8 | 53,2 | 124,1 | 129,8 | 139,8 |
| Hành khách vận chuyển | Triệu khách | 22,9 | 14,1 | 6,1 | 18,2 | 21,0 | 22,7 |
| Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển | Nghìn Tấn | 348 | 196 | 219,8 | 213,9 | 225,6 | 312,6 |
| Khách luân chuyển (RPK) | Tỷ khách.km | 37,6 | 15,2 | 5,1 | 20,9 | 33,2 | 37,2 |
| Ghế luân chuyển (ASK) | Tỷ ghế.km | 46,5 | 19,4 | 7,2 | 28,1 | 42,2 | 46,1 |
| Hệ số sử dụng ghế (LF) | % | 80,9% | 78,3% | 71,6% | 74,4% | 78,8% | 80,6% |
| Thị phần | % | 29,1% | 39,6% | 40,5% | 33,4% | 29,3% | 30,2% |

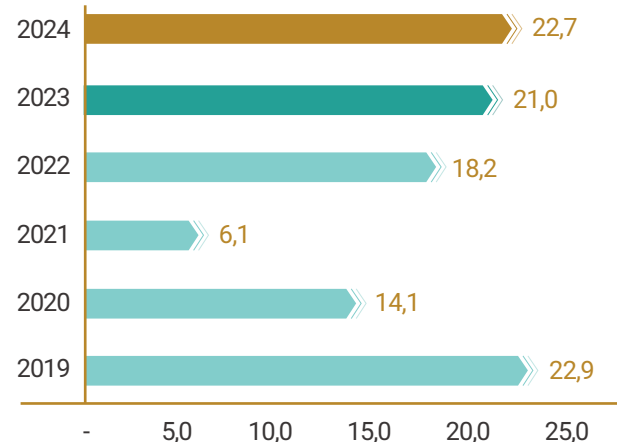
* Ghi chú: 2019 - 2023 theo số liệu đã công bố trong BCTN các năm trước

Biểu đồ cột giai đoạn 2019 - 2024

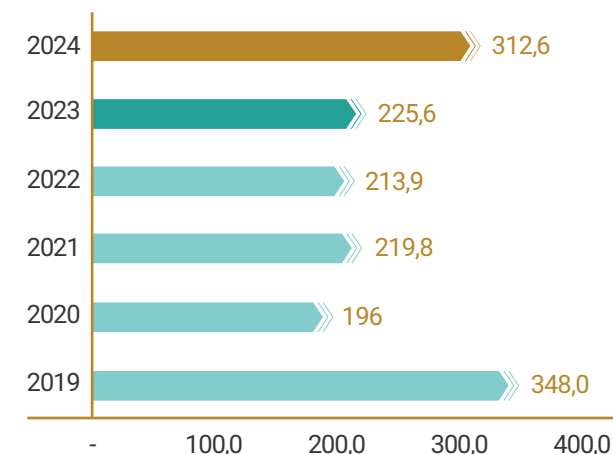
Chuyến bay



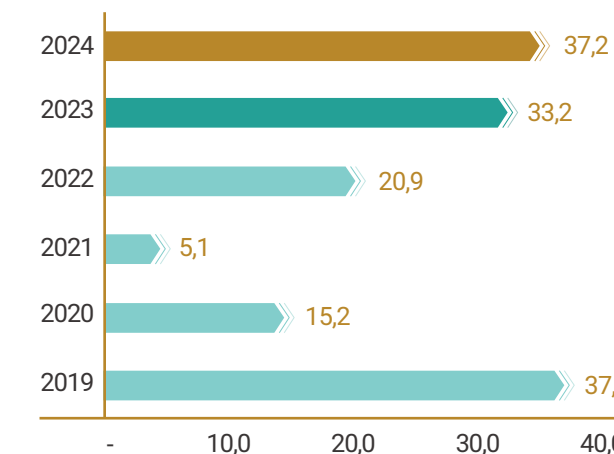
Khách vận chuyển



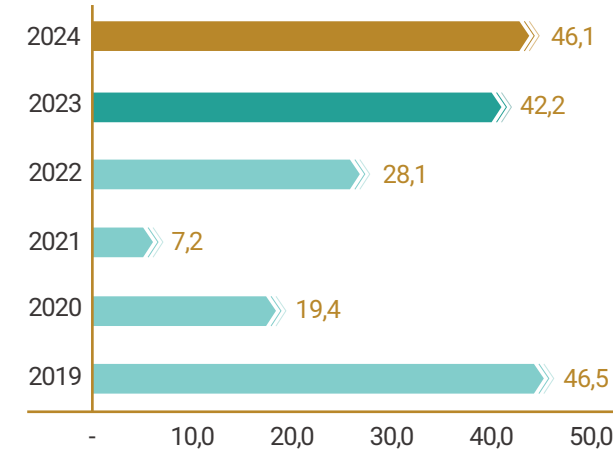
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển



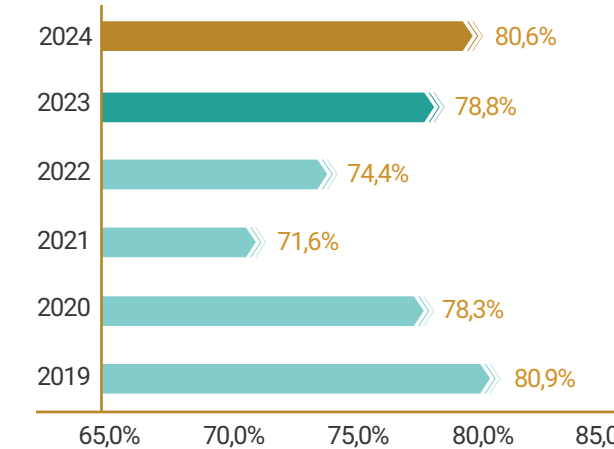
Khách luân chuyển



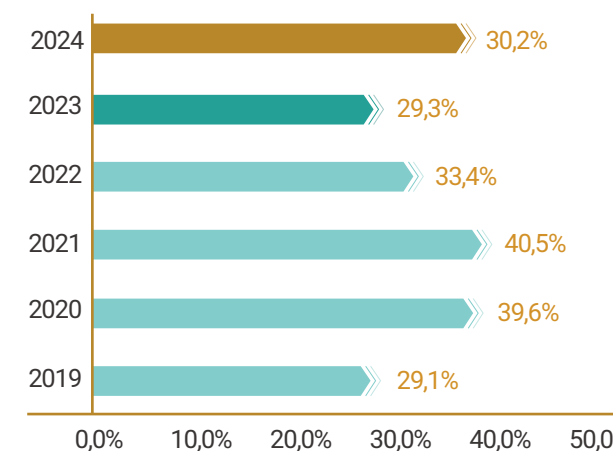
Ghế luân chuyển



Hệ số sử dụng ghế



Thị phần





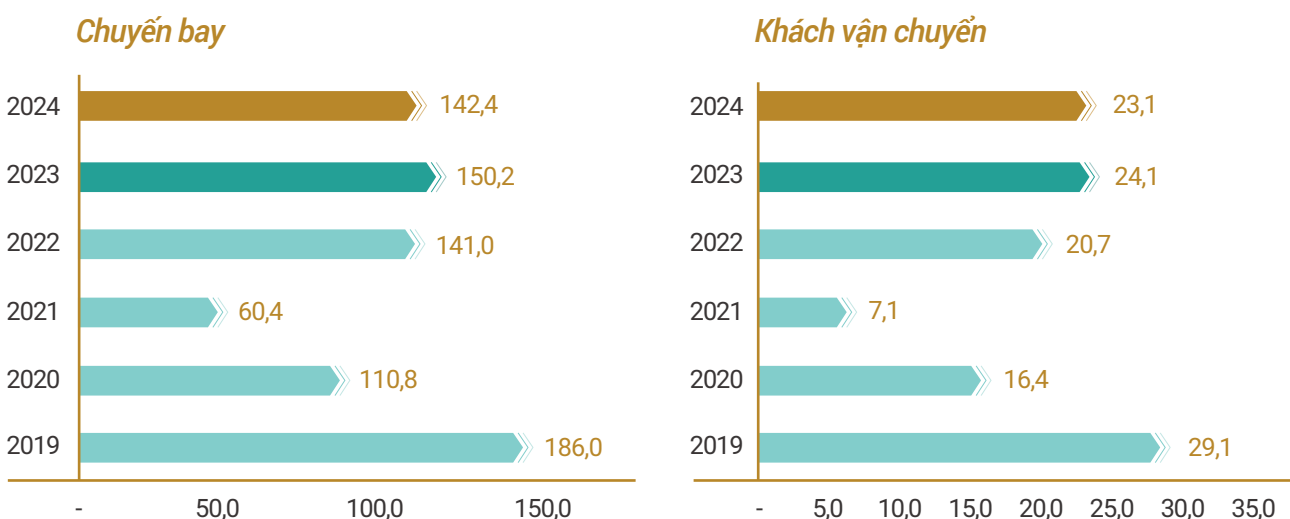
1.2. Số liệu VNA Group (VNA, VASCO và PA)

Cập nhật số liệu 2019 - 2024

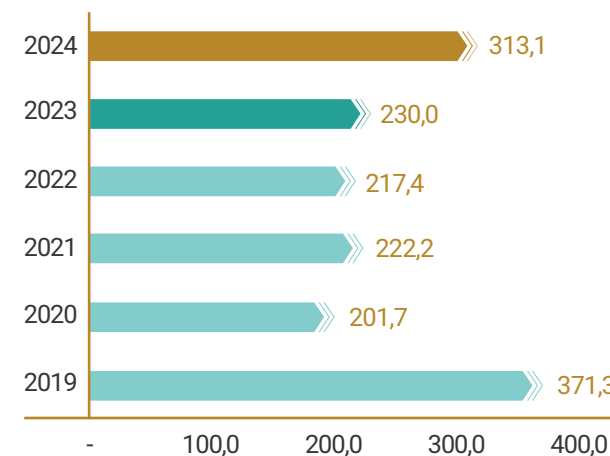
| Chỉ tiêu | ĐVT | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|-------------------------------|-------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng số chuyến bay | Chuyến | 186,0 | 110,8 | 60,4 | 141,0 | 150,2 | 142,4 |
| Hành khách vận chuyển | Triệu khách | 29,1 | 16,4 | 7,1 | 20,7 | 24,1 | 23,1 |
| Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển | Nghìn Tấn | 371,3 | 201,7 | 222,2 | 217,4 | 230,0 | 313,1 |
| Khách luân chuyển (RPK) | Tỷ khách.km | 42,9 | 17,0 | 5,8 | 22,6 | 35,4 | 37,5 |
| Ghế luân chuyển (ASK) | Tỷ ghế.km | 52,8 | 21,6 | 8,2 | 30,2 | 44,9 | 46,5 |
| Hệ số sử dụng ghế (LF) | % | 81,2% | 78,5% | 71,4% | 74,9% | 78,8% | 80,7% |
| Thị phần | % | 37,0% | 46,1% | 46,5% | 37,7% | 33,6% | 30,6% |

* Ghi chú: 2019 - 2023 theo số liệu đã công bố trong BCTN các năm trước

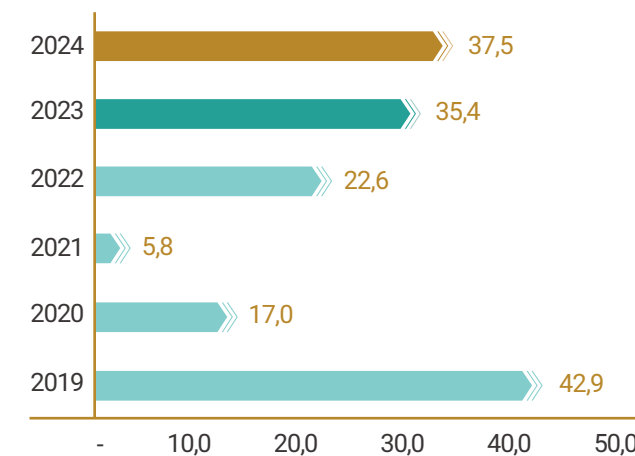
Biểu đồ cột giai đoạn 2019 - 2024



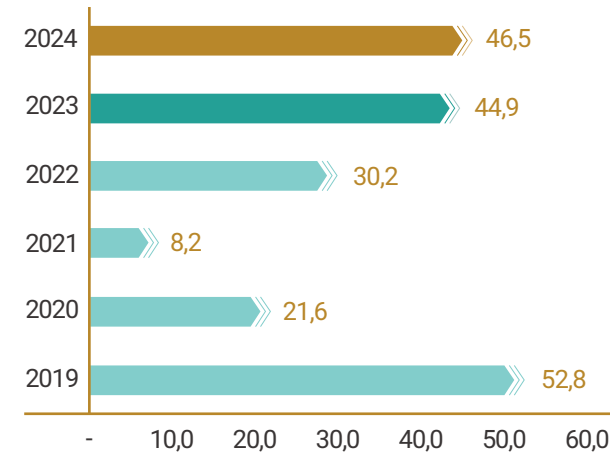
Hàng hoá, bưu kiện vận chuyển



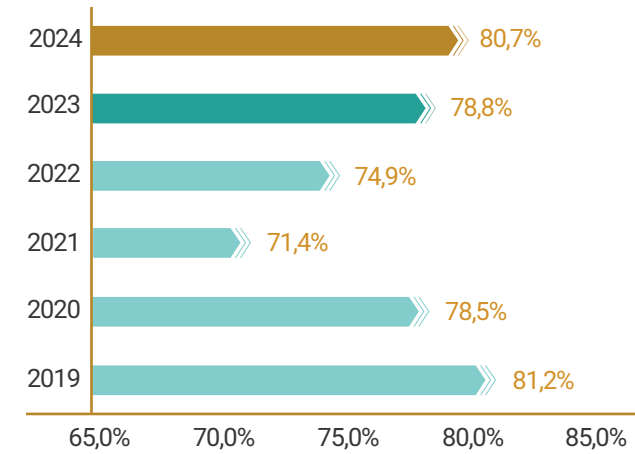
Khách luân chuyển



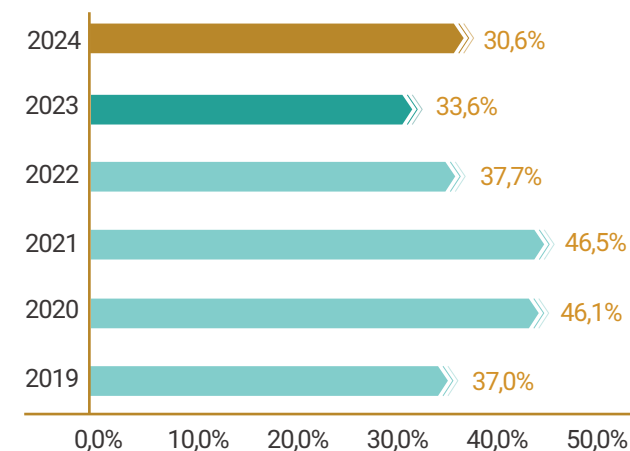
Ghế luân chuyển



Hệ số sử dụng ghế



Thị phần

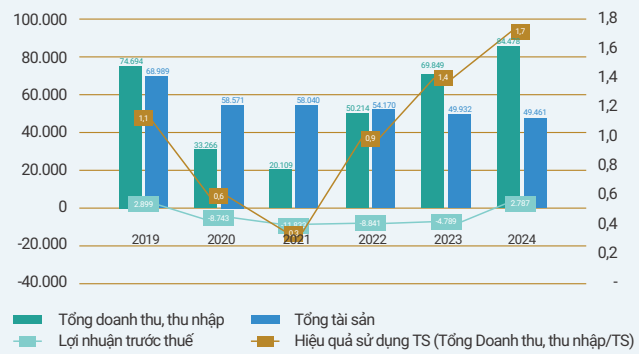




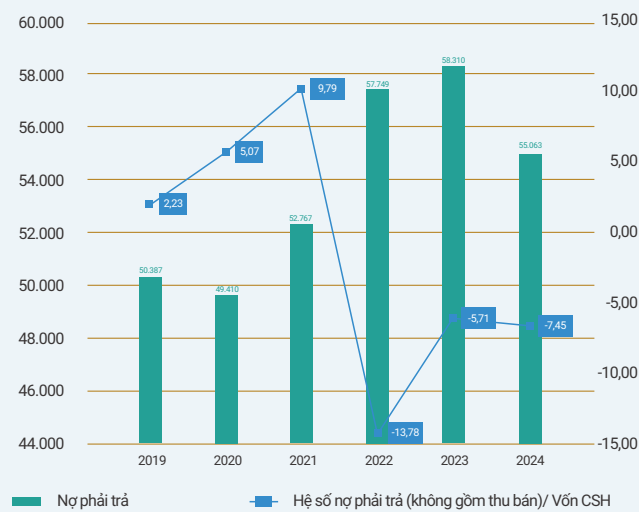
2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1. Công ty Mẹ

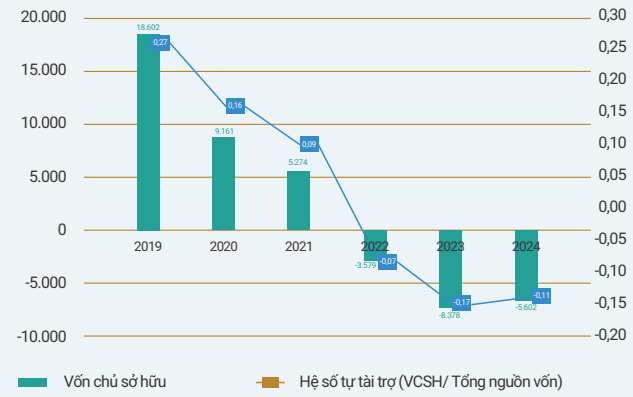
Tổng doanh thu, Tổng tài sản, Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả sử dụng tài sản (công ty mẹ)



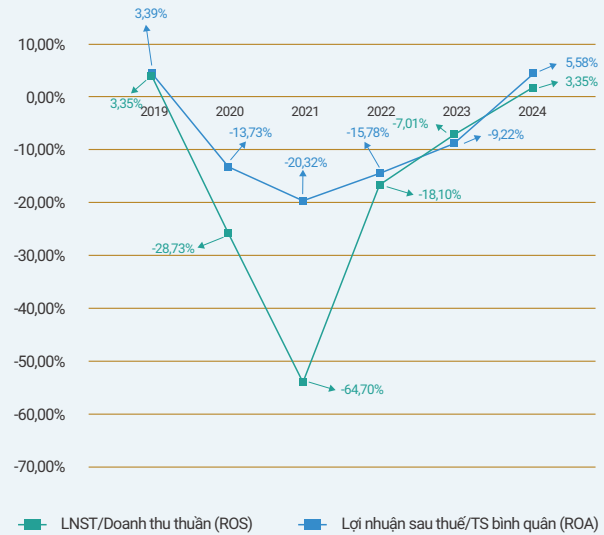
Nợ phải trả và Hệ số nợ



Khả năng tự chủ nguồn vốn

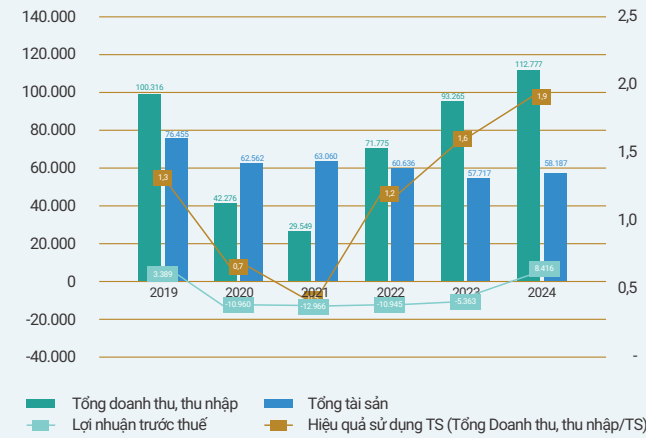


Khả năng sinh lời

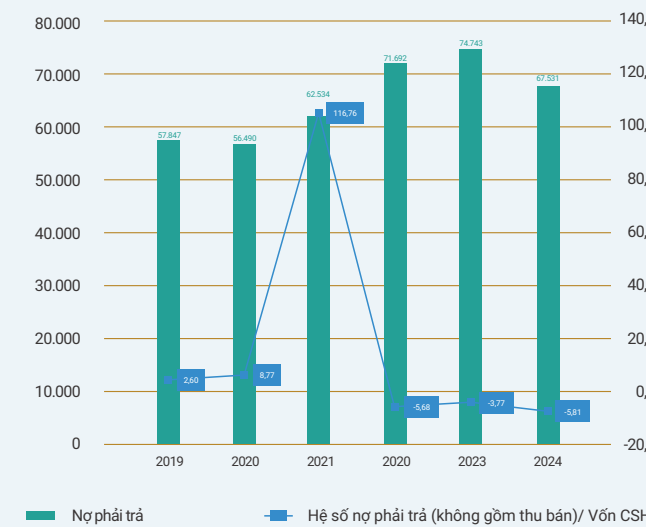


2.2. Cáo báo hợp nhất

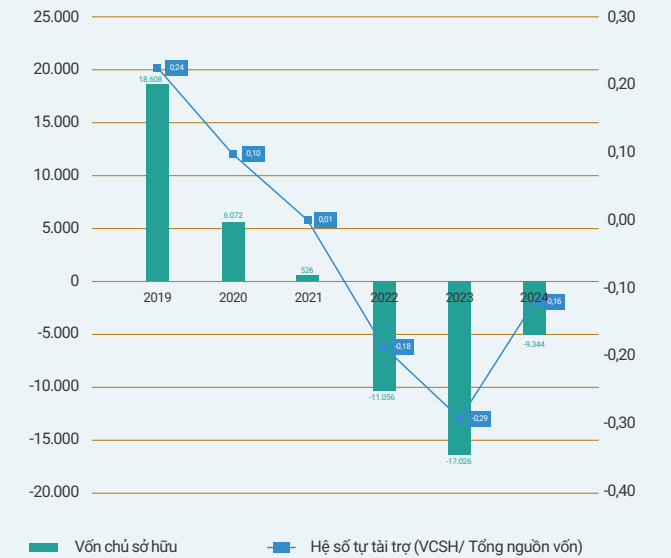
Tổng doanh thu, Tổng tài sản, Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả sử dụng tài sản (hợp nhất)



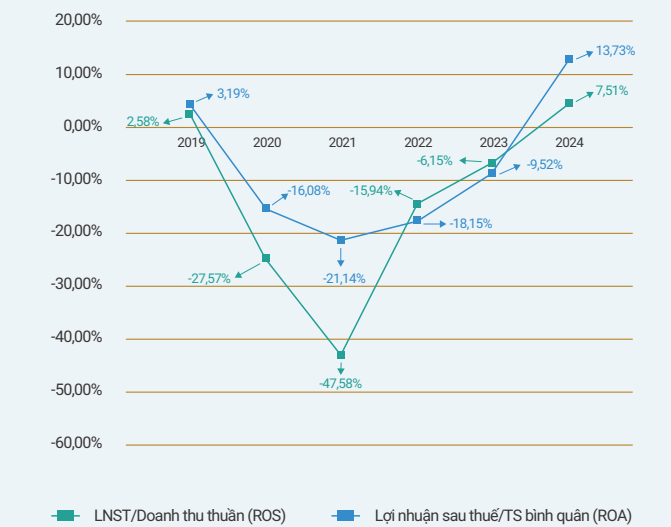
Nợ phải trả và Hệ số nợ



Khả năng tự chủ nguồn vốn



Khả năng sinh lời





05

Đánh giá của Hội đồng quản trị

- Các mặt hoạt động của Vietnam Airlines
- Hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
- Việc tiếp tục ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng



1. Các mặt hoạt động của Vietnam Airlines

1.1. Công việc trọng tâm của TCT

Tổ chức thành công 01 ĐHĐCĐ để thông qua các nội dung theo thẩm quyền và quy định.

■ Về hoạt động SXKD

TCT đã chủ động triển khai hiệu quả hàng loạt các giải pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác (*thường xuyên cập nhật thị trường, linh hoạt điều chỉnh sản phẩm trên cơ sở mục tiêu đảm bảo thị phần, hiệu quả, cân đối các vấn đề nguồn lực tàu bay; tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu và triển khai các đường bay mới để đa dạng hóa sản phẩm, tăng hiệu suất sử dụng tàu bay*). TCT tận dụng mọi cơ hội, cải thiện doanh thu bình quân, nâng cao chất lượng dịch vụ. TCT tiếp tục quản trị dòng tiền theo quan điểm thận trọng, sử dụng linh hoạt giải pháp giãn hoãn nợ nhà cung cấp và vay tín dụng ngắn hạn để duy trì thanh khoản.

■ Về tái cơ cấu, tinh gọn lao động và bộ máy tổ chức:

HDQT đã chỉ đạo việc rà soát, sắp xếp tinh giản bộ máy các cơ quan, đơn vị nhằm giảm bớt đầu mối xử lý công việc, tinh gọn nhẹ lực lượng lao động, phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới trên nguyên tắc tối ưu hóa năng suất lao động.

■ Về Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (Đề án tổng thể):

HDQT đã chỉ đạo sát sao, bám sát đẩy nhanh tiến độ để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, kết luận thông qua các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT. Sau khi hoàn tất các thủ tục phê duyệt, HDQT sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo mục tiêu theo đúng Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

■ HDQT cũng xác định chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư cấp thiết trong giai đoạn 2024 - 2025, là các dự án

trực tiếp phục vụ hoạt động SXKD, đặc biệt các dự án nhằm tăng cường sức cạnh tranh cho VNA và các doanh nghiệp thành viên, như dự án VNA đầu tư tàu bay thân hẹp, dự án đầu tư Tổ hợp công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Bên cạnh đó, VNA triển khai các dự án để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao trải nghiệm khách hàng, giá trị gia tăng cho chuỗi dịch vụ vận tải hàng không, nâng cao sức cạnh tranh của VNA Group và tăng cường công tác an toàn, kiểm soát đảm bảo an ninh thông tin.



1.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024

Bám sát những nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, HDQT VNA đã chỉ đạo triển khai quyết liệt giải pháp kinh doanh ngay từ đầu năm hướng tới mục tiêu đảm bảo hoạt động liên tục, bền vững. Kết quả đạt được là trong năm 2024, mạng đường bay của TCT về cơ bản đã phục hồi hoàn toàn và có tăng trưởng so với giai đoạn trước dịch, với 58 đường bay quốc tế đến 30 điểm đến trên 18 quốc gia và có 38 đường nội địa đến 22 điểm đến. Trong năm 2024, TCT khai thác 139 nghìn chuyến bay đạt KH 2024. Sản lượng khách vận chuyển đạt 22,66 triệu lượt hành khách đạt KH 2024. Giờ khai thác bình quân đạt 11 giờ/tàu/ngày, tăng 25% so cùng kỳ.

Về tài chính, TCT đã đạt kết quả SXKD năm 2024 khá tích cực: doanh thu ước tính đạt 84.347 tỷ VND (đạt 108,3% KH), lãi trước thuế đạt 1.862 tỷ đồng (gấp 17,7 lần KH). Bên cạnh đó, hoạt động SXKD của các công ty vốn góp đa số đạt kết quả tích cực và có lãi; Pacific Airlines (PA) mặc dù gặp khó khăn trong hoạt động SXKD tuy nhiên do việc ghi nhận thu nhập từ đàm phán xóa nợ nên đạt kết quả lãi trong năm. Do đó, lợi nhuận hợp nhất trước thuế của toàn TCT năm 2024 ước tính đạt 7.324 tỷ VND (tăng mạnh so với dự kiến KH).

Về dòng tiền, với kết quả VTHK tích cực, TCT đã cân đối được dòng tiền để đảm bảo thanh toán các khoản mục phục vụ SXKD. Dự kiến cuối năm 2024, số dư tiền cuối kỳ khoảng 1.900 tỷ đồng, dư nợ vay ngắn hạn và tái cấp vốn khoảng 5.177 tỷ đồng và nợ quá hạn nhà cung cấp duy trì ở mức khoảng 7.465 tỷ đồng.

Tiền lương, thù lao của HDQT và Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao của HDQT, Ban KS năm 2024 được thực hiện theo đúng phê duyệt của ĐHĐCĐ (chi tiết trong "Báo cáo tiền lương, thù lao của HDQT, BKS thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025" trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024).

Về chủ trương bán 06 tàu ATR72 để thay thế bằng đội bay phân lực khu vực

Căn cứ phương án bán được HDQT phê duyệt tại NQ 1551/NQ-HDQT/TCTHK ngày 29/10/2021, TCT đã triển khai bán 6 tàu ATR72-500 lần 1 trong 2021 và 01 tàu ATR72-500 B225 trong tháng 1/2024 nhưng không thành công. Do KH nâng cấp của sân bay Côn Đảo kéo dài hơn dự kiến đồng thời với kế hoạch khôi phục lại sản phẩm tại một số đường bay ngách, HDQT TCT đã nhất trí chủ trương duy trì khai thác đội bay ATR72-500 đến hết năm 2025 tại NQ số 574/NQ-HDQT/TCTHK ngày 27/04/2024.

Về chủ trương bán 9 tàu A321 CEO

TCT đã triển khai bán và thực hiện bàn giao 3 A321 CEO (MSNs 2974/3005/3013) trong Q1/2024.

Năm 2024, trong bối cảnh thị trường phục hồi sau Covid, nhu cầu của các hãng HK tăng cao cùng các yếu tố như lạm phát, lãi suất tăng, vấn đề của động cơ A320/A321Neo... đã đẩy giá thuê tàu bay, động cơ tăng cao và trở nên khan hiếm. Do đó, TCT đã tạm dừng việc bán 06 tàu bay A321CEO còn lại để đảm bảo nguồn lực khai thác. TCT sẽ tiếp tục xem xét phương án bán / bán & thuê lại các tàu bay này trong năm 2025 và các năm tiếp theo trên cơ sở đánh giá nhu cầu khai thác, tình hình thị trường thực tế.

Công tác tái cơ cấu và Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn 2021 - 2025

Trong năm 2024, VNA tiếp tục chủ động, nỗ lực triển khai các giải pháp tự thân để từng bước phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hoàn thành việc xây dựng, trình và đã được cấp có thẩm quyền thông qua các giải pháp theo Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để VNA sớm phục hồi và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2035. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, VNA sẽ tiếp tục hoàn thiện lại Đề án cơ cấu lại VNA giai đoạn đến năm 2025 và báo cáo HDQT thông qua, tổ chức triển khai thực hiện.



Đề án tàu bay thân hẹp

Vietnam Airlines đang triển khai xây dựng kế hoạch phát triển đội máy bay giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2035, trong đó đầu tư máy bay là dự án trọng điểm để Hãng hàng không Quốc gia đảm bảo đạt được mục tiêu, tầm nhìn chiến lược đã đặt ra trong giai đoạn phục hồi và phát triển bền vững. Dự án đầu tư đội máy bay thân hẹp nhằm phục vụ cho kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines trên các đường bay nội địa và khu vực châu Á, đồng thời giúp VNA hoàn thiện đội máy bay hiện đại, tiện nghi và tiết kiệm nhiên liệu.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2024, Ban giám đốc đã triển khai có hiệu quả các giải pháp đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường và hiệu quả, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác.

Ban giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo của HĐQT, thực hiện quản lý điều hành hoạt động SXKD sát sao, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của TCT và các cổ đông. Hàng tháng, Tổng Giám đốc có báo cáo định kỳ về kết quả SXKD của TCT tại các phiên họp HĐQT. Hàng quý, Tổng giám đốc đều báo cáo HĐQT kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Trước đó, Vietnam Airlines và tập đoàn sản xuất máy bay Boeing đã ký kết bản ghi nhớ về việc mua 50 máy bay thân hẹp Boeing 737 MAX với giá trị 10 tỉ USD. Theo đó, hai bên sẽ phối hợp chặt chẽ để nghiên cứu, đánh giá, sớm báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, làm cơ sở thúc đẩy quá trình đàm phán, hoàn thiện các thủ tục đầu tư của Vietnam Airlines.

Hiện Đề án đã được trình Thủ tướng chính phủ xem xét, quyết định.

Ban giám đốc đã thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền quyết định của TGD. Ban giám đốc cũng đã tổ chức làm việc thường xuyên với các CQ, ĐV để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD và có những điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với từng thời điểm của quá trình hoạt động SXKD của TCT.

Tổng Giám đốc cũng đồng thời là thành viên HĐQT, vì vậy việc thông tin giữa Ban Giám đốc và HĐQT rất chặt chẽ và thường xuyên. Theo đó, công tác giám sát kết quả hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc cũng được diễn ra liên tục, đảm bảo việc hỗ trợ và định hướng kịp thời từ HĐQT.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 như sau:
Đảm bảo hiệu quả SXKD bám sát hoặc tốt hơn so với KH 5 năm trong Đề án Tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCTHK do ảnh hưởng đại dịch Covid - 19 giai đoạn 2021 - 2025.

Tiếp tục tối ưu sử dụng nguồn lực, nâng cao hiệu quả của đội tàu bay theo từng loại tàu bay, từng đầu tàu bay, đảm bảo hiệu suất sử dụng đội tàu bay tăng trên 5% so 2024: đảm bảo công tác định kỳ bảo dưỡng, nâng cao chất lượng công tác điều hành lịch bay, không bố trí lực lượng tàu dự bị, nâng hiệu suất sử dụng đội tàu.

Tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Đảm bảo nguồn lực phi công, tiếp viên, kỹ sư cho phương án sản lượng cao; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý; phấn đấu năng suất lao động tăng trên 7% so CK và thu nhập người lao động về mức tương đương trước đại dịch.

Đảm bảo tái cung ứng nội địa bám sát nhu cầu thị trường, ưu tiên nguồn lực để duy trì thị phần trên các đường bay trọng điểm; đẩy nhanh tiến độ khôi phục các đường bay quốc tế theo lộ trình các tàu bay A321 NEO khắc phục xong vấn đề động cơ Pratt Whitney và quay lại khai thác. Thị phần quốc tế của TCT tối thiểu bằng 2024 và thị phần nội địa VNA Group đạt trên 42%.



4. Việc tiếp tục ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



06

Báo cáo & đánh giá *của Ban Giám đốc về* *KQ SXKD năm 2024*

- Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm
- Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm

Năm 2024 - 2025 được nhiều tổ chức uy tín trong lĩnh vực hàng không đánh giá là một giai đoạn quan trọng, hứa hẹn nhiều sự tăng trưởng mạnh mẽ sau đại dịch, đặc biệt đối với thị trường hàng không quốc tế. Tuy nhiên, việc nhà sản xuất động cơ Pratt - Whitney phải triệu hồi hàng loạt các động cơ của tàu A321 NEO đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhỏ liên quan đến nguồn lực tàu bay trên toàn thế giới.

Trong năm 2024, môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen. Trong đó, thị trường hàng không quốc tế tiếp tục xu hướng phục hồi và tăng trưởng nhưng sức mua tại thị trường nội địa có suy yếu. Ngoài ra, các yếu tố vĩ mô và chi phí đầu vào có nhiều diễn biến bất lợi. Cụ thể:

- Tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp như xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine; giữa Israel - Hamas cũng như các biến động về tỉ giá các đồng tiền quan trọng;

- Giá nhiên liệu bay năm 2024 ở mức 96,32 USD/thùng, thấp hơn 8,6% so cùng kỳ. Tỷ giá bình quân (TGBQ) UTH2024 USD/VND là 24.990, cao hơn TGBQ 2023 khoảng 4,9% làm giảm hiệu quả SXKD khoảng 433 tỷ đồng.

- Mặt bằng lãi suất vay dài hạn USD tiếp tục duy trì mức cao trong 9 tháng đầu năm 2024 và chỉ bắt đầu giảm từ giữa tháng 9 khi FED hạ lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2022. Tại thị trường trong nước, lãi suất vay bằng VND trong quý 1 tương đối bình ổn, tuy nhiên lãi suất có xu hướng tăng trở lại từ cuối quý 2. Trong bối cảnh TCT đang phải vay nợ và nợ quá hạn nhà cung cấp với quy mô lớn do hậu quả của dịch Covid, việc lãi suất duy trì mức cao tiếp tục tạo áp lực lớn lên chi phí và kết quả SXKD của TCT. Trong năm 2024, TCT đã tích cực đàm phán giảm lãi suất vay với các TCTD trong nước và hiện đang tiếp tục đàm phán với ACV để thống nhất một mức lãi suất hợp lý đối với các khoản giãn hoãn nợ, đảm bảo cân đối lợi ích của hai bên.

- Việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và vấn đề triệu hồi động cơ của Pratt Whitney khiến giá thuê tàu, vật tư phụ tùng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng cao.

Nội địa

Khách tổng thị trường nội địa đạt 34,35 triệu khách, giảm 14,4% so cùng kỳ và giảm 8% so 2019. Nguyên nhân chủ yếu do vấn đề thiếu hụt tàu bay và sức mua của thị trường có suy yếu.

Quốc tế

Khách tổng thị trường quốc tế (bao gồm cả khách thuê chuyến) đạt 41,2 triệu lượt khách, tăng 29,6% so cùng kỳ và giảm 0,2% so 2019. Trong các nhóm đường bay thường lệ, tăng trưởng mạnh nhất là nhóm đường bay Úc và Ấn Độ do các hãng tăng cường khai thác thông qua việc mở nhiều đường bay mới. Nhóm đường bay phục hồi chậm nhất là Trung Quốc, Hongkong (mới phục hồi khoảng 55% so trước COVID).

2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực

2.1. Mạng đường bay

Về mạng đường bay, đến cuối năm 2024, trên mạng bay quốc tế, TCTHK khai thác 57 đường bay thường lệ (tương đương 92% số đường bay so 2019) đến 31 điểm đến trên 18 quốc gia. Ngoài ra, TCTHK tiếp tục triển khai việc mở rộng mạng bay thông qua mở đường bay mới

HAN/SGN-MNL (tháng 6/2024), HAN-PNH (tháng 10/2024), HAN/SGN-MUC (tháng 10/2024). Trên mạng bay nội địa, TCTHK đã khai thác 39 đường bay tới 22 điểm đến.

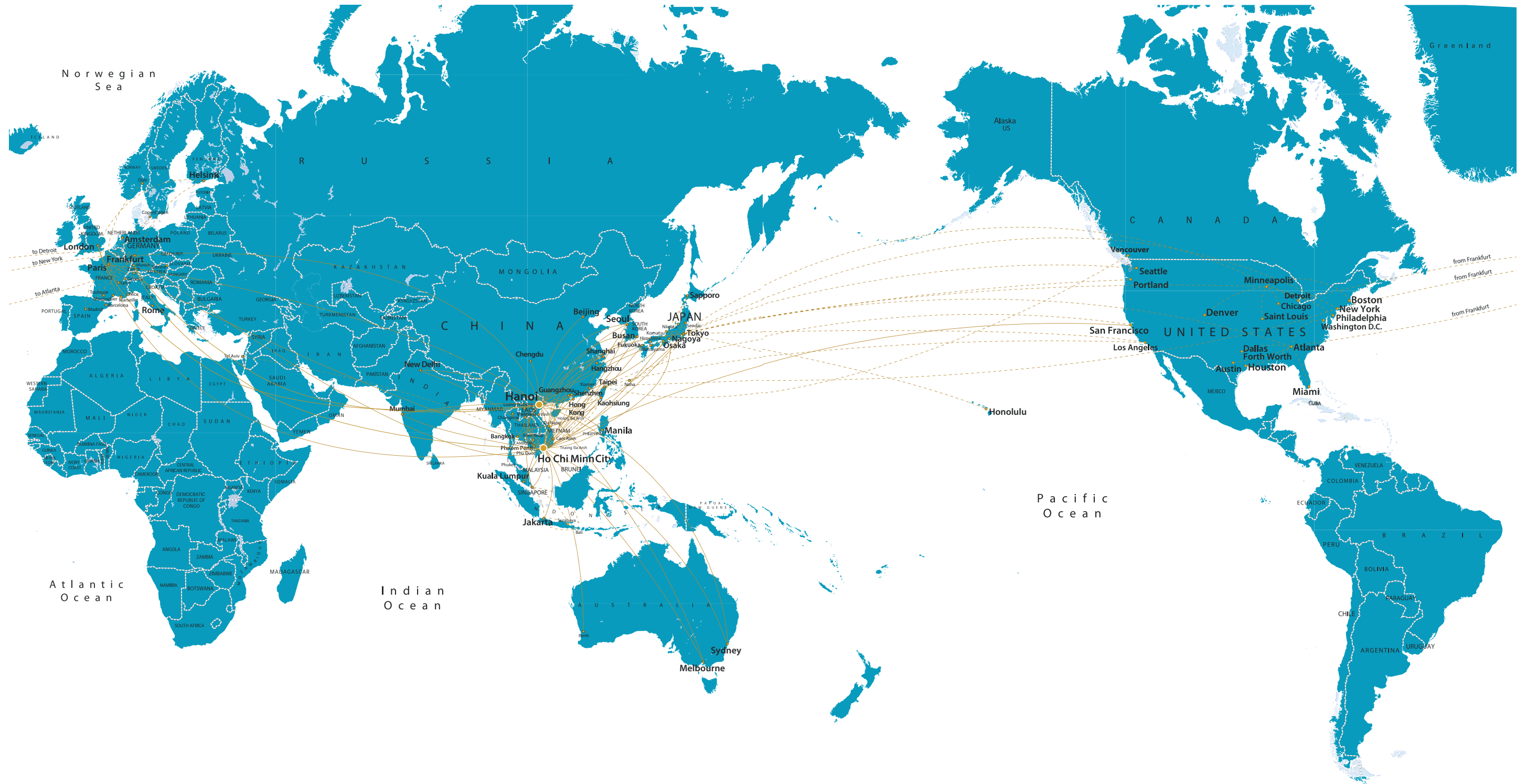
Bảng số liệu đường bay tổng hợp, nội địa, quốc tế (Trực tiếp khai thác)

| Năm 2024 | Điểm đến | | Mạng đường bay | |
|------------|------------|---------|----------------|---------|
| | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế |
| Công ty mẹ | 22 | 31 | 39 | 57 |
| PA | 16 | 2 | 15 | 2 |
| Tổng cộng | 22 | 31 | 39 | 57 |

(* Số liệu tính tại thời điểm tháng 12/2024)



MẠNG ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ



- Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác
Operated by Vietnam Airlines.
- - - Chặng bay hợp tác liên danh với các hãng hàng không khác
Operated by codeshare partners.

Vietnam Airlines hợp tác liên danh với SNCF từ Paris đến 20 điểm nội địa Pháp;
Vietnam Airlines offers codeshare services on 20 domestic French routes to/from Paris operated by SNCF.



MẠNG ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA



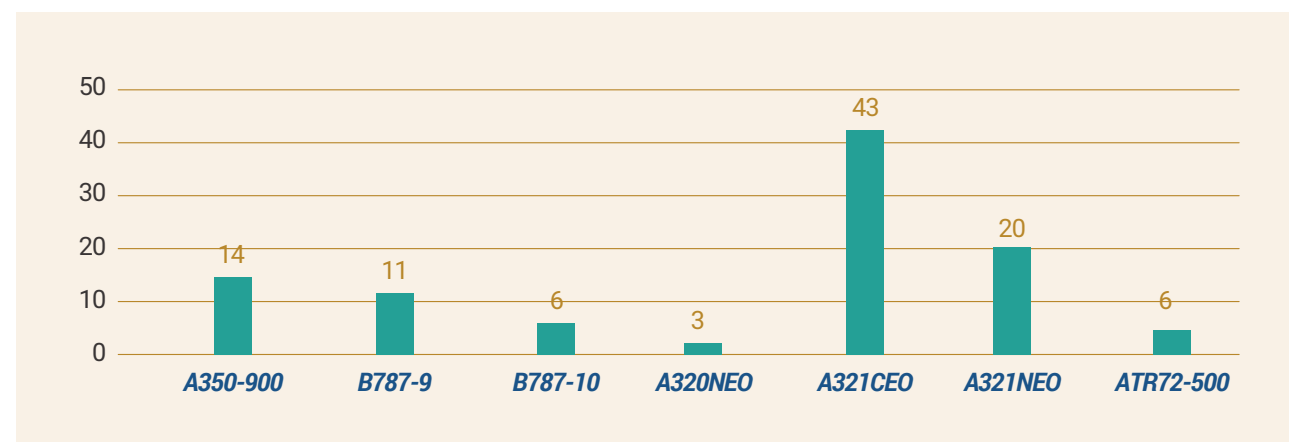
MẠNG ĐƯỜNG BAY CHÂU Á





2.2. Đội tàu bay

2.2.1. Cơ cấu đội tàu bay tại 31/12/2024



2.2.2. Số liệu đội tàu bay tại 31/12/2024

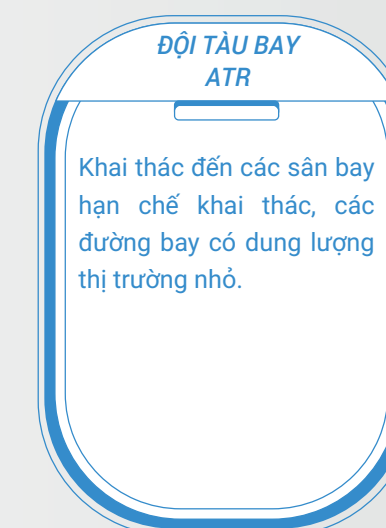
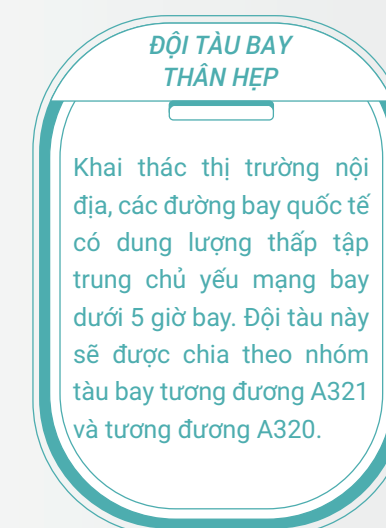
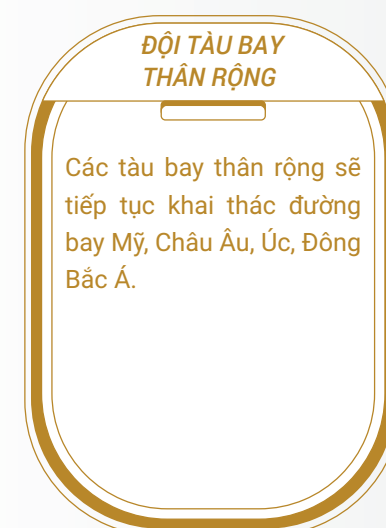
| Loại máy bay | Tính đến 31/12/2024 | | | Ghi chú |
|-------------------|---------------------|-----------|------------|--|
| | Thuê | Sở hữu | Tổng | |
| Tàu bay TurboProp | 0 | 6 | 6 | Tàu bay sử dụng động cơ Turbin cánh quạt, 68 ghế |
| ATR72-500 | 0 | 6 | 6 | |
| Tàu bay thân hẹp | 33 | 33 | 66 | (Từ 178 - 203 ghế) |
| A320NEO | 3 | 0 | 3 | |
| A321CEO | 10 | 33 | 43 | Bao gồm 01 tàu bay cho K6 thuê kho. |
| A321NEO | 20 | 0 | 20 | |
| Tàu bay thân rộng | 24 | 7 | 31 | (Từ 274 - 367 ghế) |
| A350-900 | 14 | 0 | 14 | |
| B787-9 | 4 | 7 | 11 | |
| B787-10 | 6 | 0 | 6 | |
| TỔNG | 57 | 46 | 103 | |

2.2.3. Biến động tăng giảm tàu bay sử dụng trong năm 2024

| Loại máy bay | Tại 01/01/2024 | Tại 31/12/2024 | Biến động |
|--------------|----------------|----------------|-----------|
| A350 | 14 | 14 | 0 |
| B787-9 | 11 | 11 | 0 |
| B787-10 | 4 | 6 | 2 |
| A320NEO | 0 | 3 | 3 |
| A321CEO | 46 | 43 | -3 |
| A321NEO | 20 | 20 | 0 |
| ATR72 | 6 | 6 | 0 |

Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021 - 2035, tầm nhìn 2040

Định hướng chủng loại tàu bay: VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại. Đội tàu bay sẽ có 03 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:



Do hiện nay trên thế giới một số loại tàu bay mặc dù có số ghế tối đa tương tự như tàu bay phản lực nhưng tầm bay lại tương tự tàu bay thân hẹp nên trong tương lai có thể nghiên cứu hoặc sử dụng 2 dòng tàu bay riêng biệt hoặc sử dụng dòng tàu bay đáp ứng cả mạng bay của đội thân hẹp và đội phản lực khu vực.

Dự kiến đến năm 2025, nhu cầu đội tàu bay thân rộng của VNA là 31 tàu, cơ bản nằm trong giới hạn số tàu bay đã thuê mua; đội thân hẹp là 54 tàu; đội tàu bay ATR là 05 tàu. Nhằm đạt được các mục tiêu về phát triển mạng đường bay, thị phần và đảm bảo khả năng cạnh tranh của VNA, dự kiến đến năm 2030, nhu cầu đội tàu bay thân rộng của VNA là 37 tàu; đội thân hẹp là 95 tàu; đội tàu bay ATR là 05 tàu.



Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021 - 2030 (tàu trung bình năm)

| VNA (VN+OV) | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 |
|--------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|------------|------------|
| Thân rộng | 19 | 29 | 29 | 27 | 31 | 31 | 31 | 37 | 37 | 37 |
| Thân hẹp | 39 | 56 | 62 | 53 | 54 | 59 | 71 | 82 | 88 | 95 |
| ATR/ Phản lực khu vực | 6 | 6 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Tổng tàu | 64 | 91 | 96 | 86 | 90 | 95 | 107 | 124 | 130 | 137 |

2.3. Thương mại

2.3.1 Vận chuyển hành khách

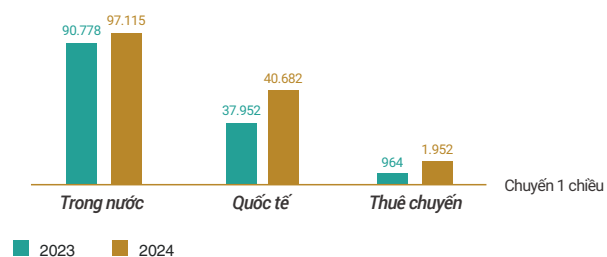
Công ty mẹ

Năm 2024, tình hình kinh tế chính trị xã hội tại Việt Nam có nhiều thuận lợi song tình hình thế giới có nhiều diễn biến bất lợi như xung đột chính trị tại nhiều nơi, giá nhiên liệu duy trì ở mức cao, đồng USD tăng giá, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và vấn đề triệu hồi động cơ của PW khiến giá thuê tàu, vật tư phụ tùng và chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng cao.

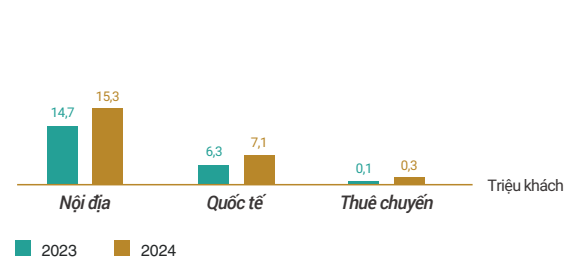
Trong bối cảnh đó, TCTHK đã triển khai nhiều giải pháp để đảm bảo các mục tiêu đặt ra từ kế hoạch đầu năm. Đến thời điểm hiện tại, mạng đường bay về cơ bản đã phục hồi hoàn toàn và có tăng trưởng so với giai đoạn trước dịch, đồng thời khai thác thêm một số đường bay mới.

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | 2024/2023 (%) |
|------------------------------|----------------|---------|---------|---------------|
| Tổng số chuyến bay | Chuyến 1 chiều | 129.757 | 139.749 | 107,7% |
| Trong nước | | 90.833 | 97.115 | 106,9% |
| Quốc tế | | 37.962 | 40.682 | 107,2% |
| Thuê chuyến | | 962 | 1.952 | 202,9% |
| Hành khách vận chuyển | Triệu khách | 21,0 | 22,7 | 108,2% |
| Nội địa | | 14,7 | 15,3 | 104,5% |
| Quốc tế | | 6,3 | 7,1 | 114,3% |
| Thuê chuyến | | 0,1 | 0,3 | 250,7% |

Tổng số chuyến bay

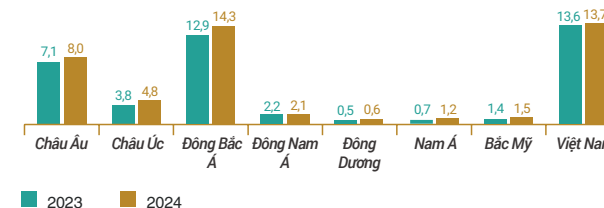


Hành khách vận chuyển

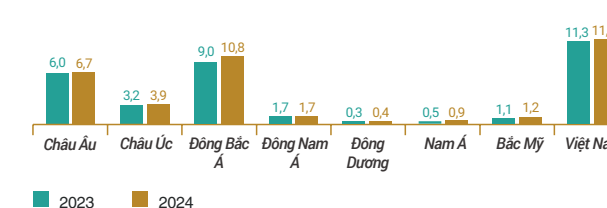


| TT | Chỉ tiêu | ASK (tỷ ghế.km) | | | RPK (tỷ khách.km) | | | Hệ số sử dụng ghế/tài (%) | | |
|----|-------------|-----------------|-------------|---------------|-------------------|-------------|---------------|---------------------------|--------------|--------------|
| | | 2023 | 2024 | % chênh lệch | 2023 | 2024 | % chênh lệch | 2023 | 2024 | % chênh lệch |
| 1 | Châu Âu | 7,1 | 8,0 | 112,7% | 6,0 | 6,7 | 111,7% | 84,8% | 83,7% | -1,1 |
| 2 | Châu Úc | 3,8 | 4,8 | 126,9% | 3,2 | 3,9 | 122,6% | 83,9% | 81,4% | -2,5 |
| 3 | Đông Bắc Á | 12,9 | 14,3 | 110,6% | 9,0 | 10,8 | 119,7% | 70,0% | 75,5% | 5,5 |
| 4 | Đông Nam Á | 2,2 | 2,1 | 93,7% | 1,7 | 1,7 | 100,1% | 78,2% | 82,6% | 4,4 |
| 5 | Đông Dương | 0,5 | 0,6 | 122,9% | 0,3 | 0,4 | 125,7% | 62,3% | 61,3% | -1,0 |
| 6 | Nam Á | 0,7 | 1,2 | 164,9% | 0,5 | 0,9 | 173,5% | 72,5% | 75,1% | 2,6 |
| 7 | Bắc Mỹ | 1,4 | 1,5 | 105,0% | 1,1 | 1,2 | 111,4% | 80,6% | 83,4% | 2,8 |
| 8 | Việt Nam | 13,6 | 13,7 | 101,0% | 11,3 | 11,7 | 103,2% | 83,1% | 84,8% | 1,7 |
| | Tổng | 42,2 | 46,1 | 109,4% | 33,2 | 37,2 | 112,1% | 78,7% | 80,7% | 2,0 |

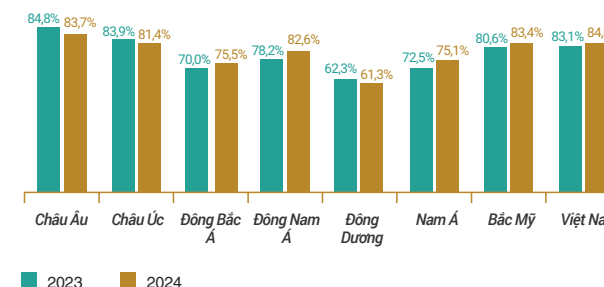
ASK (tỷ ghế.km)



RPK (tỷ khách.km)



Hệ thống sử dụng ghế/tài (%)





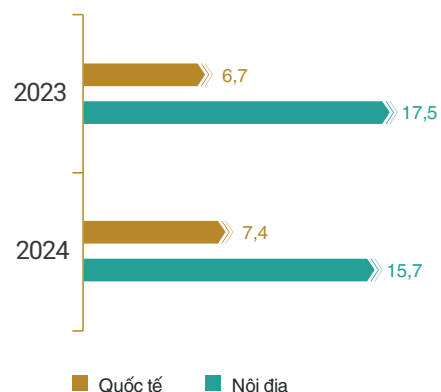
VNA Group

| Chỉ số | Quốc tế (*) | | | Nội địa | | | Tổng | | |
|----------|-------------|-------|--------|---------|-------|-------|-------|-------|--------|
| | 2023 | 2024 | 24/23 | 2023 | 2024 | 24/23 | 2023 | 2024 | 24/23 |
| Khách | 6,7 | 7,4 | 110,5% | 17,5 | 15,7 | 89,7% | 24,1 | 23,1 | 95,9% |
| RPK | 22,3 | 25,6 | 114,7% | 13,1 | 11,9 | 90,7% | 35,4 | 37,5 | 105,8% |
| ASK | 29,2 | 32,4 | 111,0% | 15,7 | 14,1 | 89,8% | 44,9 | 46,5 | 103,6% |
| Ghế suất | 76,4% | 78,9% | 2,5 | 83,5% | 84,7% | 1,2 | 78,9% | 80,7% | 1,8 |
| Thị phần | 21,0% | 18,0% | -3,0 | 43,5% | 45,7% | 2,3 | 33,6% | 30,6% | (3,0) |

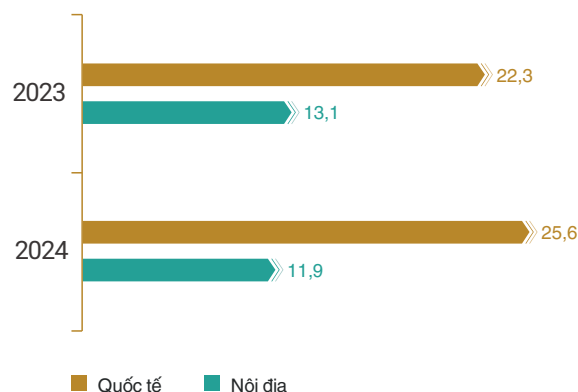
(ĐV tính Khách: 1.000, RPK: tỷ kh.km; ASK: tỷ ghế.km, ghế suất: %, thị phần: %)

(*): Bao gồm thuê chuyến

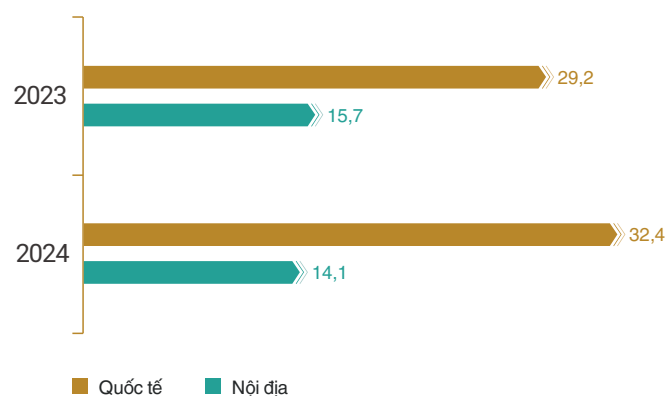
Khách (Triệu khách)



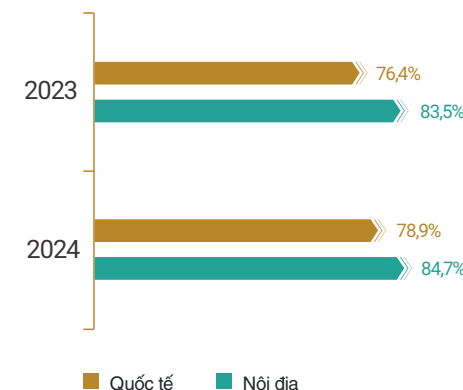
RPK (Tỷ khách.km)



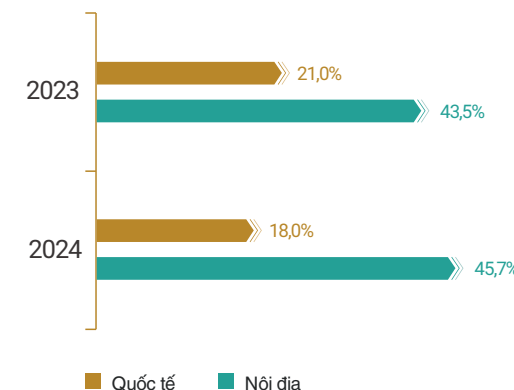
ASK (Tỷ ghế.km)



Ghế suất



Thị phần



2.3.2. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

I. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của Vietnam Airlines (VNA)

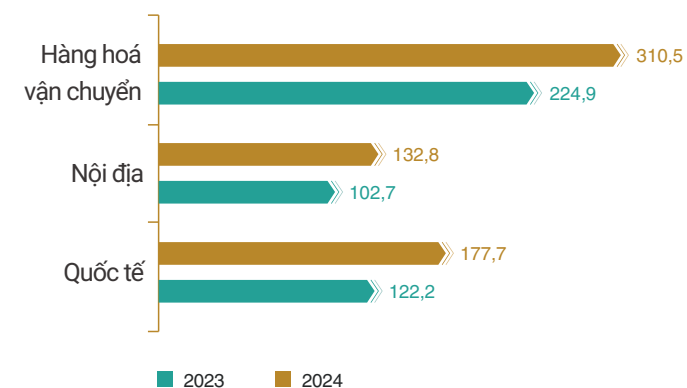
1. Cập nhật số liệu 2020 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | %2024/2023 |
|-------------------------------|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|------------|
| Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển | Nghìn tấn | 195,3 | 219,5 | 213,0 | 224,9 | 310,5 | 138% |

2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2023 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | %2024/2023 |
|---------------------|-----------|-------|-------|------------|
| Hàng hóa vận chuyển | Nghìn tấn | 224,9 | 310,5 | 138% |
| Nội địa | | 102,7 | 132,8 | 129% |
| Quốc tế | | 122,2 | 177,7 | 145% |

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Sale Force)



3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường.

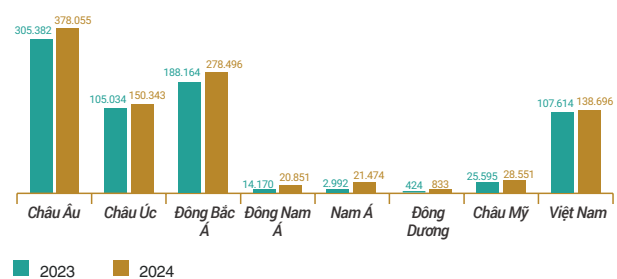
| TT | Chỉ tiêu | RFTK (1000 tấn.km) | | | AFTK (1000 tấn.km) | | | Load factor (%) | | |
|----|-------------|--------------------|------------------|-------------|--------------------|------------------|-------------|-----------------|------------|------------|
| | | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
| 1 | Châu Âu | 305.382 | 378.055 | 124% | 344.037 | 399.292 | 116% | 89% | 95% | 6% |
| 2 | Châu Úc | 105.034 | 150.343 | 143% | 166.433 | 217.991 | 131% | 63% | 69% | 6% |
| 3 | Đông Bắc Á | 188.164 | 278.496 | 148% | 431.614 | 397.414 | 92% | 44% | 70% | 26% |
| 4 | Đông Nam Á | 14.170 | 20.851 | 147% | 22.548 | 27.558 | 122% | 63% | 76% | 13% |
| 5 | Nam Á | 2.992 | 21.474 | 718% | 4.831 | 27.179 | 563% | 62% | 79% | 17% |
| 6 | Đông Dương | 424 | 833 | 197% | 2.363 | 4.880 | 207% | 18% | 17% | -1% |
| 7 | Châu Mỹ | 25.595 | 28.551 | 112% | 32.496 | 30.434 | 94% | 79% | 94% | 15% |
| 8 | Việt nam | 107.614 | 138.696 | 129% | 276.063 | 260.242 | 94% | 39% | 53% | 14% |
| | Tổng | 749.374 | 1.017.299 | 136% | 1.280.385 | 1.364.990 | 107% | 59% | 75% | 16% |

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa Sales Force)

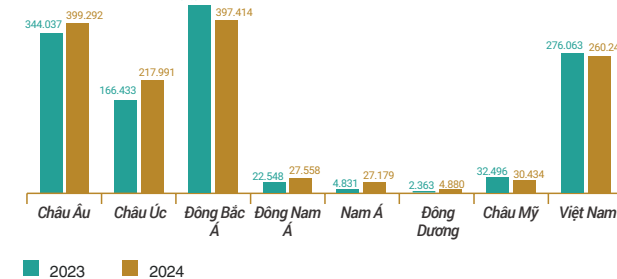
Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2024 bằng 124% so với 2023 (quốc tế bằng 124%, nội địa bằng 125%).

Với nỗ lực bán của VNA, việc khai thác hàng hóa toàn mạng bay của VNA năm 2024 đạt kết quả như sau: Sản lượng hàng hóa bưu kiện luân chuyển đạt 1.017 triệu tấn.km, bằng 136% so với 2023, trong đó quốc tế 879 triệu tấn.km, bằng 137% so với 2023, nội địa 139 triệu tấn.km bằng 129% so với 2023.

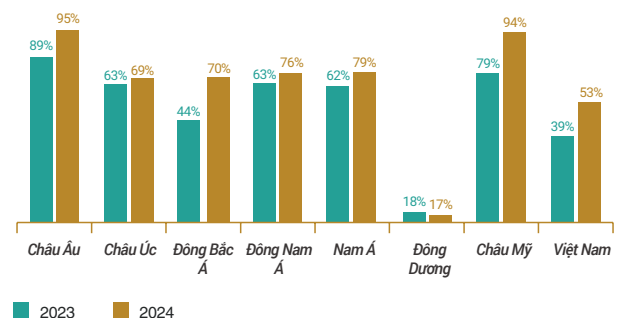
RFTK (1000 tấn.km)



AFTK (1000 tấn.km)



Load factor (%)



II. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VASCO

1. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2023 - 2024

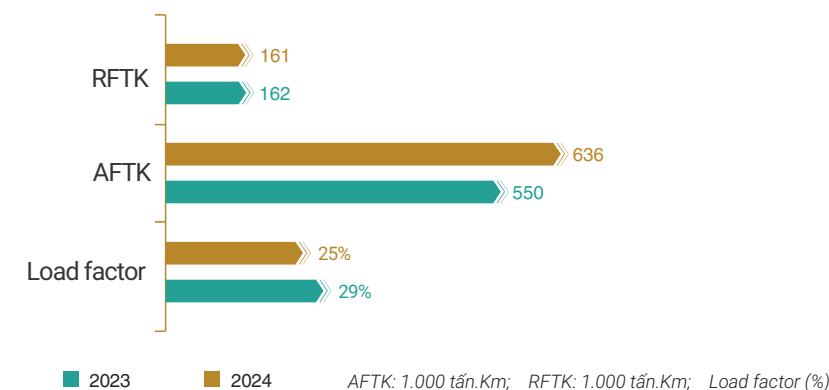
| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | SS 2024/2023 |
|----------|-----------|-------|-------|--------------|
| Nội địa | Nghìn tấn | 0,842 | 0,704 | 84% |

(Nguồn: VASCO cung cấp)

2. Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

| Chỉ tiêu | RFTK (1000 tấn.km) | | | AFTK (1000 tấn.km) | | | Load factor (%) | | |
|-------------|--------------------|------------|------------|--------------------|------------|-------------|-----------------|------------|------------|
| | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
| Việt Nam | 162 | 161 | 99% | 550 | 636 | 116% | 29% | 25% | -4% |
| Tổng | 162 | 161 | 99% | 550 | 636 | 116% | 29% | 25% | -4% |

(Nguồn: VASCO cung cấp)

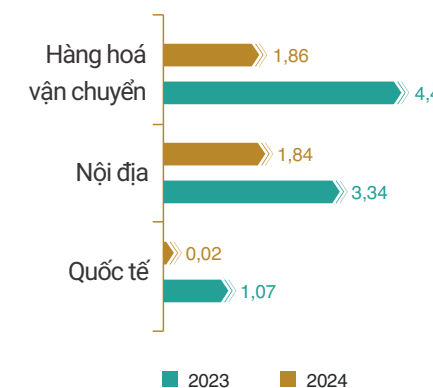


III. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của PA

1. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện năm 2023 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
|---------------------|-----------|------|------|----------|
| Hàng hóa vận chuyển | Nghìn tấn | 4,41 | 1,86 | 42% |
| Nội địa | Nghìn tấn | 3,34 | 1,84 | 55% |
| Quốc tế | Nghìn tấn | 1,07 | 0,02 | 1% |

(Nguồn: PA cung cấp)



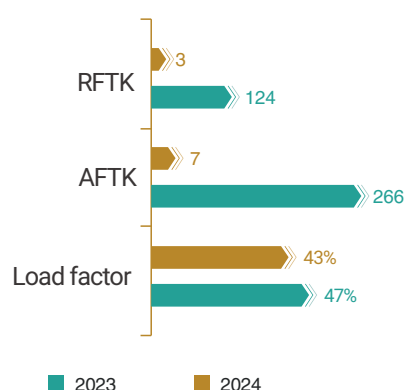


2. Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

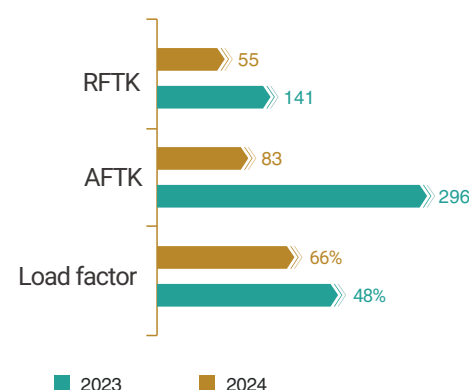
| Chỉ tiêu | RFTK (1000 tấn.km) | | | AFTK (1000 tấn.km) | | | Load factor (%) | | |
|-------------|--------------------|-----------|------------|--------------------|-----------|------------|-----------------|------------|------------|
| | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
| Đông Nam Á | 124 | 3 | 2% | 266 | 7 | 3% | 47% | 43% | -4% |
| Việt Nam | 141 | 55 | 39% | 296 | 83 | 28% | 48% | 66% | 18% |
| Tổng | 265 | 58 | 22% | 562 | 90 | 16% | 47% | 64% | 17% |

(Nguồn: VASCO cung cấp)

Đông Nam Á



Việt Nam



AFTK: 1.000 tấn.Km; RFTK: 1.000 tấn.Km; Load factor (%)

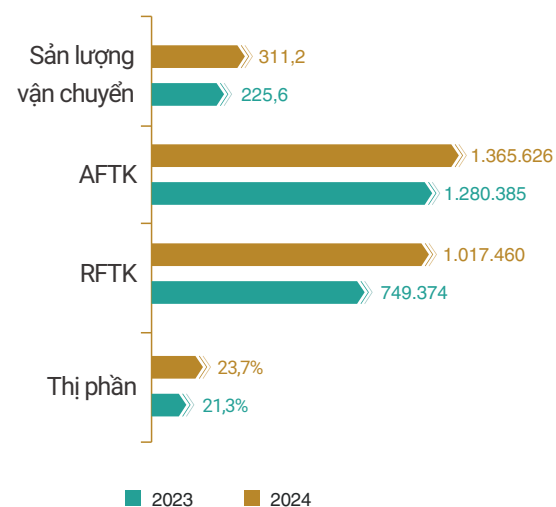
IV. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của công ty mẹ (VNA và VASCO)

1. Cập nhật số liệu 2023 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | 2024/2023 |
|-------------------------------|-----------|-------|-------|-----------|
| Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển | Nghìn tấn | 225,7 | 311,2 | 138% |

2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

| Chỉ tiêu VNA & VASCO | ĐVT | 2023 | 2024 | SS 2023/2024 |
|----------------------|-------------|-----------|-----------|--------------|
| Sản lượng vận chuyển | Nghìn tấn | 225,6 | 311,2 | 138% |
| AFTK | 1000 tấn.km | 1.280.385 | 1.365.626 | 107% |
| RFTK | 1000 tấn.km | 749.374 | 1.017.460 | 136% |
| Thị phần | % | 21,3% | 23,7% | 2,4% |

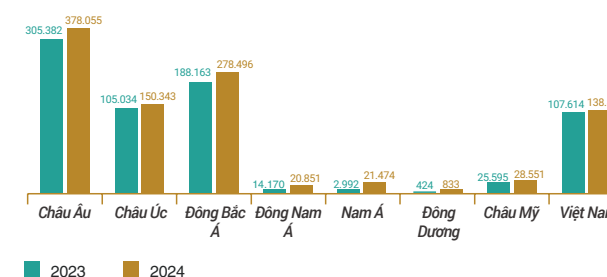


3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

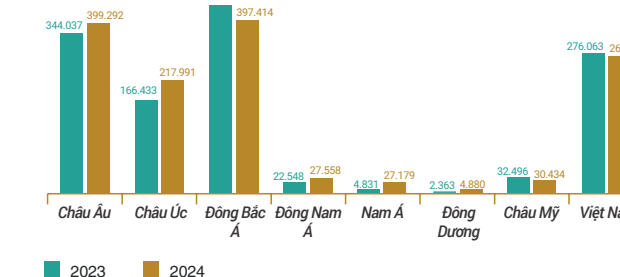
| TT | Chỉ tiêu | RFTK (1000 tấn.km) | | | AFTK (1000 tấn.km) | | | Load factor (%) | | |
|----|-------------|--------------------|------------------|-------------|--------------------|------------------|-------------|-----------------|------------|------------|
| | | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
| 1 | Châu Âu | 305.382 | 378.055 | 124% | 344.037 | 399.292 | 116% | 89% | 95% | 6% |
| 2 | Châu Úc | 105.034 | 150.343 | 143% | 166.433 | 217.991 | 131% | 63% | 69% | 6% |
| 3 | Đông Bắc Á | 188.163 | 278.496 | 148% | 431.614 | 397.414 | 92% | 44% | 70% | 26% |
| 4 | Đông Nam Á | 14.170 | 20.851 | 147% | 22.548 | 27.558 | 122% | 63% | 76% | 13% |
| 5 | Nam Á | 2.992 | 21.474 | 718% | 4.831 | 27.179 | 563% | 62% | 79% | 17% |
| 6 | Đông Dương | 424 | 833 | 197% | 2.363 | 4.880 | 207% | 18% | 17% | -1% |
| 7 | Châu Mỹ | 25.595 | 28.551 | 112% | 32.496 | 30.434 | 94% | 79% | 94% | 15% |
| 8 | Việt nam | 107.614 | 138.857 | 129% | 276.063 | 260.878 | 94% | 39% | 53% | 14% |
| | Tổng | 749.374 | 1.017.460 | 136% | 1.280.385 | 1.365.626 | 107% | 59% | 75% | 16% |

(Nguồn:PA cung cấp)

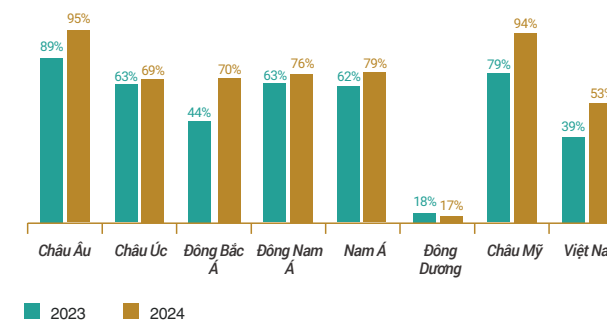
RFTK (1000 tấn.km)



AFTK (1000 tấn.km)



Load factor (%)





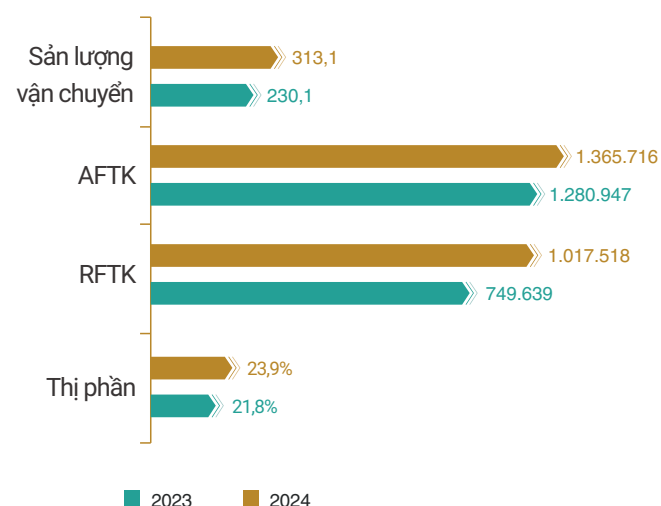
V. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện của VNA Group (Công ty mẹ và PA)

1. Cập nhật số liệu 2023 - 2024

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2023 | 2024 | SS 2024/2023 |
|-------------------------------|-----------|-------|-------|--------------|
| Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển | Nghìn tấn | 230,0 | 313,1 | 136% |

2. Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

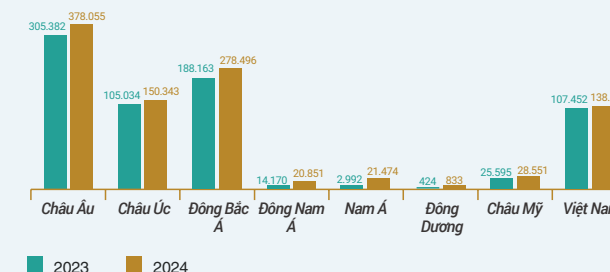
| Chỉ tiêu VNA & VASCO và PA | ĐVT | 2023 | 2024 | %2024/2023 |
|----------------------------|-------------|-----------|-----------|------------|
| Sản lượng vận chuyển | Nghìn tấn | 230,1 | 313,1 | 136% |
| AFTK | 1000 tấn.km | 1.280.947 | 1.365.716 | 107% |
| RFTK | 1000 tấn.km | 749.639 | 1.017.518 | 136% |
| Thị phần | % | 21,8% | 23,9% | 2,1% |



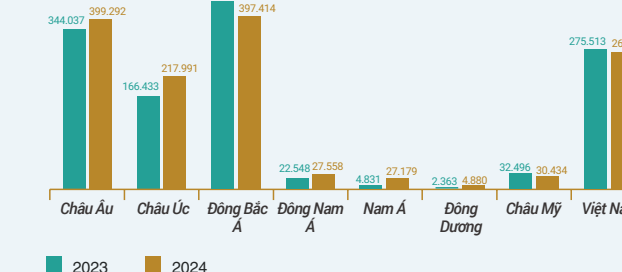
3. Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường.

| TT | Chỉ tiêu | RFTK (1000 tấn.km) | | | AFTK (1000 tấn.km) | | | Load factor (%) | | |
|----|-------------|--------------------|------------------|-------------|--------------------|------------------|-------------|-----------------|------------|------------|
| | | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 | 2023 | 2024 | SS 24/23 |
| 1 | Châu Âu | 305.382 | 378.055 | 124% | 344.037 | 399.292 | 116% | 89% | 95% | 6% |
| 2 | Châu Úc | 105.034 | 150.343 | 143% | 166.433 | 217.991 | 131% | 63% | 69% | 6% |
| 3 | Đông Bắc Á | 188.163 | 278.496 | 148% | 431.614 | 397.414 | 92% | 44% | 70% | 26% |
| 4 | Đông Nam Á | 14.294 | 20.854 | 146% | 22.548 | 27.565 | 121% | 60% | 76% | 16% |
| 5 | Nam Á | 2.992 | 21.474 | 718% | 4.831 | 27.179 | 563% | 62% | 79% | 17% |
| 6 | Đông Dương | 424 | 833 | 197% | 2.363 | 4.880 | 207% | 18% | 17% | -1% |
| 7 | Châu Mỹ | 25.595 | 28.551 | 112% | 32.496 | 30.434 | 94% | 79% | 94% | 15% |
| 8 | Việt nam | 107.755 | 138.912 | 129% | 276.359 | 260.961 | 94% | 39% | 53% | 14% |
| | Tổng | 749.639 | 1.017.518 | 136% | 1.280.947 | 1.365.716 | 107% | 58% | 75% | 16% |

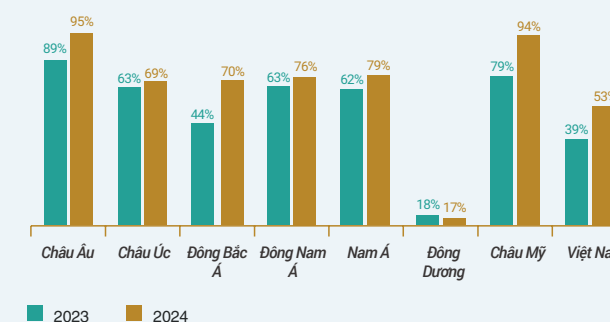
RFTK (1000 tấn.km)



AFTK (1000 tấn.km)



Load factor (%)



VI. Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên

Công tác hàng hóa

- Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA group ở mức 60% (Thị phần đường trực HAN-SGN-HAN~65%).
- Bám sát diễn biến thị trường hàng hóa, triển khai chính sách bán linh hoạt, tối ưu hóa doanh thu chuyến bay. Tăng cường bán hàng hóa để lấp đầy tải chuyến bay, đảm bảo hệ số sử dụng tải trên các chuyến bay chở khách quốc tế đối với tàu thân rộng đạt 90% - 100% và tàu thân hẹp trên 71%.
- Tăng cường hợp tác với các hãng hàng không, nâng cao hiệu quả và mở rộng hợp tác.

2.3.3. Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmile)

1. Chương trình BSV

a. Doanh thu



b. Các chỉ tiêu chính

| KPI | Đơn vị | 2024 | 2023 | SSCK |
|--------------------|--------|------|------|------|
| Số lượng HV | Triệu | 6.2 | 5.3 | 117% |
| Tổng số dặm CT BSV | Tỉ | 11.7 | 9.9 | 118% |
| Dặm tích lũy | Tỉ | 6.8 | 6.3 | 108% |

2. Hoạt động chính triển khai trong năm 2024

- Triển khai phát triển hội viên trên các kênh MGM, SGM, AGM theo hướng linh hoạt hơn cho hệ thống bán, nhân viên, khách hàng. PTHV tại các điểm chạm của VNA, triển khai chương trình status match để thu hút thêm khách hàng Quốc tế.
- Mở rộng thêm các ưu đãi, dịch vụ dành cho Hội viên qua việc hợp tác với các đối tác phi hàng không như khách sạn, nhà hàng, bất động sản. Đồng thời đẩy mạnh các sản phẩm tích dặm như thẻ ĐTH ngân hàng, sử dụng dịch vụ của đối tác được tích dặm.
- Làm việc với các đối tác trong Skyteam, đối tác Non-Air trong nước và quốc tế để có nhiều lựa chọn khi sử dụng dặm cho Hội viên.
- Nâng cấp hệ thống, các sản phẩm website, ứng dụng của Lotusmiles - VNA để tăng trải nghiệm khách hàng. Mở rộng truyền thông đa kênh để Hội viên có thể tiếp cận thông tin dễ dàng nhất.





2.4. Dịch vụ

ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ HIỆU QUẢ MANG LẠI TRONG NĂM, CÁC CẢI TIẾN

Năm 2024, chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu với những bước tiến vượt bậc, được minh chứng qua hàng loạt giải thưởng danh giá từ các tổ chức quốc tế. Hãng không chỉ duy trì mức độ hài lòng cao của khách hàng mà còn nâng tầm các tiêu chuẩn dịch vụ, mang đến trải nghiệm vượt trội trong mỗi hành trình.

Vietnam Airlines đã được Cirium, tổ chức phân tích dữ liệu hàng không hàng đầu, vinh danh trong Top 5 hãng hàng không đúng giờ nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khẳng định cam kết về độ tin cậy và tính đúng giờ. Đồng thời, với việc tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ hạng ghế phổ thông đặc biệt, hãng đã xuất sắc nhận giải thưởng Best Value Premium Economy of the Year Award 2024 do Airlineratings trao tặng.

Cùng năm, hình ảnh của Vietnam Airlines còn được tô điểm thêm qua danh hiệu Top 10 đồng phục tiếp viên đẹp nhất thế giới, xếp hạng 3 theo đánh giá của Cabin Crew 24. Đây là sự công nhận cho sự đầu tư chắt chiu vào hình ảnh và phong cách chuyên nghiệp của đội ngũ tiếp viên hàng không.

Ngoài ra, Vietnam Airlines đã có bước nhảy vọt trên bảng xếp hạng Top 25 Premium Airlines of 2024, từ vị trí thứ 19 năm 2023 lên hạng 11, do Airlineratings bình chọn. Đặc biệt, Hãng tiếp tục khẳng định chất lượng vượt trội qua danh hiệu cao quý Hãng hàng không 5 sao thế giới, được trao bởi APEX.

Vietnam Airlines tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành hàng không. Chỉ số hài lòng khách hàng (CSI - Customer Satisfaction Index) của hãng tiếp tục tăng trưởng, duy trì ở mức cao vượt qua các tiêu chuẩn trước dịch. CSI cho từng hạng mục, từ tiếp viên, nhân viên mặt đất đến dịch vụ phụ trợ, đều cho thấy sự cải thiện đáng kể, phản ánh sự hài lòng ngày càng lớn từ hành khách.

Chỉ số NPS (Net Promoter Score) – đo lường mức độ khách hàng sẵn sàng giới thiệu dịch vụ – cũng đạt mức cao, vượt trung bình ngành. Đây là minh chứng cho lòng tin và sự đánh giá tích cực mà khách hàng dành cho Vietnam Airlines.

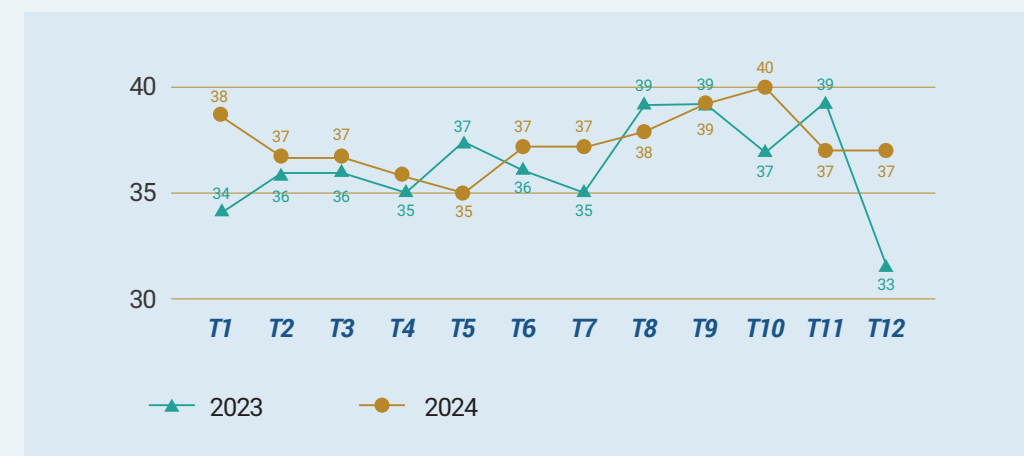
Các phản hồi khen ngợi thường xuyên nhấn mạnh sự tận tâm, chuyên nghiệp của đội ngũ tiếp viên và nhân viên mặt đất, cũng như cam kết không ngừng đổi mới để đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của hành khách.

Trong năm 2024, Vietnam Airlines cũng triển khai mạnh mẽ chương trình Nâng tầm dịch vụ, với trọng tâm là xây dựng hình mẫu dịch vụ chuyên nghiệp, cải tiến quy trình, và công nhận thành tích. Chương trình không chỉ hướng tới nâng cao kỹ năng và kiến thức của đội ngũ nhân viên mà còn tập trung vào việc tạo dựng trải nghiệm khách hàng xuất sắc, qua đó củng cố hình ảnh thương hiệu trên toàn cầu.

CÁC CHỈ TIÊU THỂ HIỆN ĐỘ HÀI LÒNG/ PHẢN HỒI CỦA KHÁCH HÀNG (CSI, NPS) VÀ SO VỚI BÌNH QUÂN NGÀNH

Chỉ số NPS (thước đo mức độ khách hàng sẵn sàng giới thiệu dịch vụ) của Vietnam Airlines năm 2024 đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2023.

Biểu đồ chỉ số Thiện cảm khách hàng (NPS)



Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

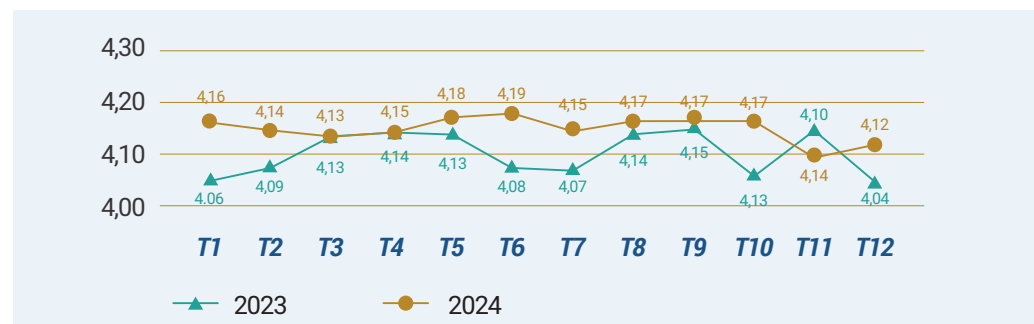
Những yếu tố then chốt góp phần vào sự gia tăng này bao gồm độ tin cậy của lịch bay, sự chuyên nghiệp và tận tâm của đội ngũ tiếp viên, cùng hàng loạt cải tiến đáng kể trong trải nghiệm hành khách. Những thay đổi này không chỉ nâng cao mức độ hài lòng mà còn tăng cường sự gắn bó của khách hàng với Vietnam Airlines, giúp hãng tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong khu vực với dịch vụ chất lượng cao và sự chăm sóc chu đáo dành cho hành khách.





Chỉ số hài lòng khách hàng (CSI) của hãng đã tăng so với năm 2023, đặc biệt ở các hạng mục như tiếp viên, nhân viên mặt đất và dịch vụ phụ trợ. Mức tăng trưởng này phản ánh sự cải thiện toàn diện trong trải nghiệm dịch vụ của hành khách, từ khâu check-in, dịch vụ trên không đến xử lý tình huống bất thường.

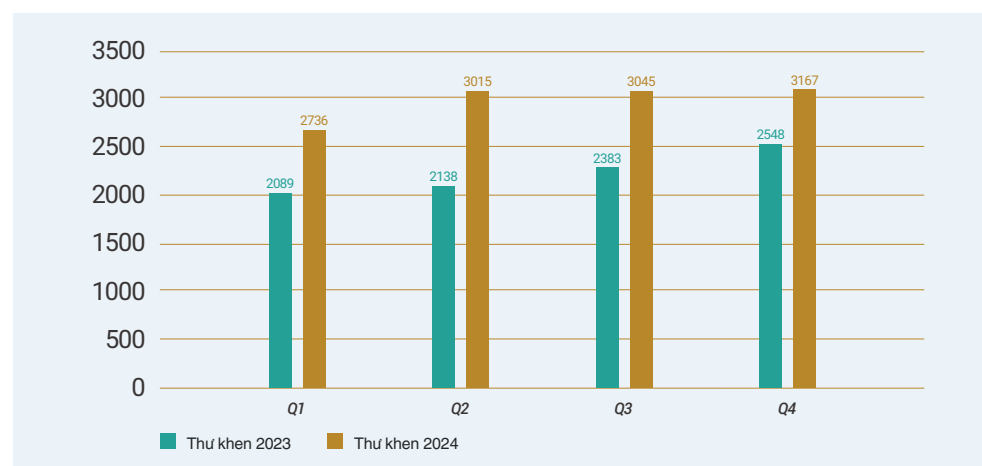
Biểu đồ chỉ số Hài lòng khách hàng (CSI)



Nguồn: Chương trình điều tra thường xuyên Online Survey của TCT

Phản hồi tích cực từ hành khách không chỉ thể hiện qua các khảo sát mà còn được ghi nhận qua số lượng thư khen ngợi, đạt 11.963 thư trong năm 2024, tăng đáng kể so với 9.158 thư của năm 2023. Những lời khen này không chỉ phản ánh sự tận tâm, chuyên nghiệp của đội ngũ tiếp viên và nhân viên mặt đất, mà còn là minh chứng rõ nét cho cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng tốt nhất kỳ vọng của hành khách.

Biểu đồ số lượng thư khen



Nguồn: Hệ thống Thông tin phản hồi của TCT

Vietnam Airlines luôn đặt khách hàng làm trung tâm, mang đến những trải nghiệm bay mang tính cá nhân hóa cao, nơi mỗi hành khách đều được trân trọng và chăm sóc theo cách đặc biệt nhất. Từ việc hỗ trợ tận tình những người lần đầu bay, ghi nhớ sở thích của khách hàng thân thiết, đến những cử chỉ quan tâm nhỏ nhưng ý nghĩa như cung cấp suất ăn theo khẩu vị riêng hay kịp thời đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tất cả đều nhằm mang đến một hành trình trọn vẹn. Không chỉ đơn thuần là di chuyển, mỗi chuyến bay với Vietnam Airlines là một trải nghiệm ấm áp, thể hiện sự nâng niu, tinh tế trong từng dịch vụ. Một hành khách quốc tế đã xúc động chia sẻ:

"Hôm nay tôi tròn 56 tuổi, nhưng nhờ đội ngũ của Vietnam Airlines, đặc biệt là tiếp viên Minh và đội bay, tôi đã có một ngày sinh nhật đáng nhớ và cảm thấy như một đứa trẻ. Đây là trải nghiệm tuyệt vời nhất trong đời tôi!"

Chính sự quan tâm tỉ mỉ, sự thấu hiểu từng nhu cầu dù nhỏ nhất của hành khách đã giúp Vietnam Airlines không chỉ kết nối những chuyến bay mà còn kết nối cảm xúc, làm tròn sứ mệnh "Vạn dặm nâng niu" - nâng niu từng khoảnh khắc, từng hành trình của khách hàng trên từng dặm bay.

CÁC CON SỐ/CHỈ SỐ ẤN TƯỢNG, NỔI BẬT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Năm 2024 đánh dấu nhiều bước tiến quan trọng của Vietnam Airlines trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, với các thành tựu nổi bật được thể hiện qua các chỉ số và sáng kiến cụ thể. Trong năm 2024, hãng đã triển khai chương trình khảo sát trực tuyến quy mô lớn, thu thập được hơn 90.000 ý kiến phản hồi từ khách hàng. Đồng thời, hơn 49.000 phản hồi từ khách hàng và nội bộ đã được ghi nhận và xử lý. Các chỉ số hài lòng khách hàng (NPS, CSI) không ngừng cải thiện nhờ hệ thống báo cáo chi tiết, giúp đánh giá chất lượng dịch vụ trên từng điểm chạm, từ quy trình mặt đất đến hành trình trên không. Điều này không chỉ thể hiện triết lý "khách hàng là trung tâm" mà còn khẳng định cam kết của Vietnam Airlines trong việc không ngừng đổi mới để đáp ứng và vượt qua kỳ vọng của hành khách.

Không ngừng mang lại trải nghiệm mới cho hành khách, trong năm 2024 Vietnam Airlines đã triển khai mở rộng hệ thống làm thủ tục hành khách của hãng tại hơn 60 sân bay trong và ngoài nước đã góp phần nâng chất lượng dịch vụ, cung cấp những tiện ích hiện đại cho phép hành khách chủ động tự làm thủ tục trước chuyến bay thông qua web, mobile hay kiosk check-in. Khách cũng có thể tự làm thủ tục ký gửi hành lý tại sân bay thông qua dịch vụ BagDrop hay được làm thủ tục nối chuyến quốc tế với hơn 50 hãng hàng không khác trên thế giới. Với những hành khách làm thủ tục qua web hay mobile sẽ nhận được mẫu thẻ lên máy bay được thiết kế cá nhân hoá theo từng sự kiện, lễ hội... nhằm cung cấp cho hành khách các trải nghiệm dịch vụ nâng tầm của hãng.

Cập nhật xu thế của ngành hàng không thế giới về chất lượng dịch vụ và an toàn hàng đầu, Vietnam Airlines đã triển khai các chương trình, dự án liên quan đến các dịch vụ cho hành khách trong liên minh SkyTeam như Lounge, SkyPriority, Baggage tracking... các hợp tác đa phương như AAPA, IATA nhằm kết nối và mở rộng trải nghiệm nhất quán của khách trên suốt hành trình khi có vé trên Vietnam Airlines.

Tiếp nối các thành công về nâng cao trải nghiệm của khách, trong năm 2025 Vietnam Airlines cùng với ACV (Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam) đang khẩn trương thực hiện các khâu quan trọng để đưa nhà ga T3 sân bay Tân Sơn Nhất vào khai thác trong tháng 4/2025 với các công nghệ tiên tiến, hạ tầng công năng nhà ga rộng mới đáp ứng vượt

trội nhu cầu trong phục vụ hành khách so với hạ tầng hiện nay, chắc chắn mang lại điểm đột phá trong chất lượng dịch vụ các chuyến bay tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Ấm thực trên chuyến bay là một phần quan trọng trong chiến lược nâng cao trải nghiệm khách hàng của Vietnam Airlines. Hãng đã đổi mới thực đơn trên các đường bay nội địa và quốc tế, với sự kết hợp độc đáo giữa các món ăn truyền thống Việt Nam và ẩm thực quốc tế. Các món đặc sản ba miền như phở, bún chả Hà Nội, bún bò Huế, cơm gà Hội An, bánh canh hải sản, hủ tiếu Mỹ Tho... đã tạo dấu ấn đặc biệt trong lòng hành khách. Không dừng lại ở đó, Vietnam Airlines còn tiếp tục giới thiệu dịch vụ "Cà phê trên Máy" nhằm quảng bá cà phê Việt Nam, với các loại nổi tiếng như cà phê sữa đá, bạc xỉu và cà phê đen. Các loại đặc sản địa phương như cam Xã Đoài, dầu tây Mộc Châu, mận Ruby Sơn La, xoài Cát Chu - Đồng Tháp, quýt đường Bình Dương, bánh đậu xanh Hải Dương... cũng được đưa vào thực đơn, góp phần quảng bá nông sản Việt Nam tới du khách quốc tế. Thực đơn đồ uống còn bao gồm các loại trà và nước trái cây tự nhiên tốt cho sức khỏe như nước mót Hội An, nước gừng quế, trà sen, nước sâm, trà vải, trà xoài nhiệt đới, nước cam sả... đảm bảo tinh thơm mỹ, truyền thống và xu hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Trong giai đoạn Tết cổ truyền, Vietnam Airlines đã phục vụ menu Tết trên các đường bay nội địa & quốc tế với các món ăn đặc trưng Tết cổ truyền 3 miền Bắc Trung Nam như canh măng mọc, xôi gấc, giò chả, thịt heo kho nước dừa, gỏi cổ hủ dừa, mứt sen, mứt dừa...

Về mảng Bán lẻ LotusDeli, sau các thành công bước đầu triển khai bán lẻ sản phẩm trà sữa LotusDeli trên các đường bay Nội địa, năm 2024 tiếp tục mở rộng phạm vi sang các đường bay Quốc tế, sử dụng bao bì trà sữa cốc giấy thân thiện với môi trường, thể hiện trách nhiệm xã hội của VNA. Số lượng cốc trà sữa bán ra đã cán mốc 1 triệu cốc vào tháng 12 năm 2024, tổng doanh thu lũy kế 52 tỷ VNĐ (trong đó năm 2024 đạt ~17 tỷ VNĐ), thu về cho VNA gần 21 tỷ VNĐ.

Về Bán hàng miễn thuế, Vietnam Airlines đã triển khai phục hồi thành công dịch vụ bán hàng miễn thuế với đối tác mới từ tháng 5/2024 với danh mục hàng hóa hấp dẫn hơn, đạt tiêu chuẩn hàng không quốc tế.



Về tài trợ trải nghiệm, năm 2024 Vietnam Airlines cũng hợp tác với 02 nhà cung cấp sản phẩm sữa lớn nhất Việt Nam với hợp đồng tài trợ sản phẩm phục vụ hành khách trị giá 63 tỷ VNĐ, đồng thời giúp gia tăng chất lượng dịch vụ và tiết kiệm chi phí đáng kể. Đây là hoạt động mới triển khai từ giữa năm 2023, tính đến nay tổng giá trị tài trợ mang về cho Vietnam Airlines gồm cả hiện vật và tiền đạt 87 tỷ VNĐ.

Trong lĩnh vực giải trí, Vietnam Airlines đã tiến hành nâng cấp trải nghiệm dịch vụ không dây trên các máy bay A321, mang đến cho hành khách hơn 1.000 giờ nội dung giải trí đa dạng, bao gồm các bộ phim bom tấn quốc tế, chương trình truyền hình thực tế và các tác phẩm âm nhạc nổi tiếng. Đặc biệt, từ tháng 7/2024, hành khách có thể trải nghiệm dịch vụ tai nghe cao cấp với chất lượng âm thanh vượt trội trên các chuyến bay dài. Ngoài ra, các chương trình giải trí được cập nhật thường xuyên và phù hợp với xu hướng của hành khách, như các chương trình "Chị Đẹp Đạp Gió Rẽ Sóng", "Anh Trai Vượt Ngàn Chông Gai", "Mẹ Siêu Nhân"... Những cải tiến này không chỉ nâng cao chất lượng thư giãn trên các chuyến bay mà còn phản ánh nỗ lực của Vietnam Airlines trong việc cá nhân hóa dịch vụ, đem lại sự thoải mái tối đa cho hành khách.

2.5. Công tác kỹ thuật

2.5.1. Kết quả đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả

Tối ưu hóa nội dung các gói công việc bảo dưỡng định kỳ, nâng cao công tác chuẩn bị, kiểm soát và phối hợp thực hiện định kỳ, đạt mục tiêu 7% TAT tổng thể các định kỳ lớn năm 2024, đảm bảo tàu ra Check đúng kế hoạch.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch và điều phối các hoạt động bảo dưỡng góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, giảm thiểu tỉ lệ máy bay dừng bay, tỉ lệ chậm giờ, hủy chuyến, tỉ lệ kéo dài định kỳ, nâng cao hệ số sẵn sàng khai thác của đội bay;

Đánh giá và triển khai sớm nhất các cải tiến kỹ thuật của Nhà sản xuất, khắc phục các hạn chế đội bay.

Duy trì kiểm soát trạng thái kỹ thuật đội bay, đánh giá nhận diện các hỏng hóc mang tính phổ biến, triển khai các giải pháp Bảo dưỡng tăng cường để phòng ngừa, giảm thiểu ảnh hưởng nâng cao chỉ số độ tin cậy cất cánh của đội bay. Duy trì và nâng cao công tác giám sát tiến độ, điều hành

Bên cạnh đó, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao trải nghiệm văn hóa đọc, Vietnam Airlines đã hợp tác với nhiều tòa soạn báo uy tín như Nhân Dân, Đầu tư, Giao thông, Thời báo Ngân hàng, Kinh tế Sài Gòn,... để bổ sung các ấn phẩm báo chí lên nền tảng ứng dụng đọc PressReader. Điều này giúp hành khách dễ dàng tiếp cận hàng nghìn đầu báo nổi tiếng, mở rộng kho tri thức đọc và góp phần bảo vệ môi trường thông qua việc giảm thiểu sử dụng giấy.

Các vật dụng nhựa dùng một lần được thay thế bằng chất liệu thân thiện với môi trường, như bộ dụng cụ ăn bằng gỗ cho hạng phổ thông. Hãng cũng quyên góp hơn 7,8 tấn thực phẩm chất lượng tốt cho các tổ chức xã hội, đồng thời triển khai nhiều sáng kiến nhằm giảm rác thải và bảo vệ môi trường.

Tất cả những thành quả trên phản ánh nỗ lực không ngừng của Vietnam Airlines trong việc đổi mới dịch vụ, lấy khách hàng làm trung tâm, đồng thời duy trì sự phát triển bền vững và tối ưu hóa chi phí. Những sáng kiến và cải tiến của hãng đã và đang góp phần nâng tầm vị thế của Vietnam Airlines như một biểu tượng hàng không quốc gia.

linh hoạt kế hoạch định kỳ theo nhu cầu khai thác; áp dụng chuyển đổi số, kết quả chương trình cải tiến liên tục trong công tác phối hợp - điều phối tiến độ định kỳ.

Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống tàu bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp Khối Khai thác bay - Kỹ thuật góp phần giảm số vụ gây gián đoạn khai thác.

Đảm bảo duy trì chất lượng nội thất tàu bay trong điều kiện khó khăn về nhân/vật lực, tăng cường công tác vệ sinh tàu bay (vệ sinh nâng cao ECP, tăng tần suất giặt áo ghế), triển khai chương trình nâng cấp chất lượng nội thất tàu bay A321 CEO, khảo sát và chuẩn bị vật tư triển khai nâng cấp nội thất khoang C tàu bay thân rộng A350/B787.





2.5.2. Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, giảm chi phí kỹ thuật...

2.5.2.1. Quản lý kỹ thuật, bảo dưỡng và cung ứng:

Tiếp tục chương trình Equalized EA Check cho A321, thực hiện chuyển đổi Equalized EC sang Block C Check phù hợp với tình trạng đội tàu bay đã cao tuổi, rà soát nội dung các gói định kỳ đến từng công việc cụ thể để giảm thiểu tối đa thời gian dừng tàu bay để bảo dưỡng cũng như sử dụng hiện quả nguồn lực bảo dưỡng.

Triển khai áp dụng chương trình CI (Continues Improvement) cho các định kỳ đặc biệt trong giai đoạn cao điểm khai thác để tối ưu hóa các công đoạn, rút ngắn TAT bảo dưỡng định kỳ.

Liên tục rà soát, đánh giá hiệu quả các chương trình Kỹ thuật cơ bản, bảo dưỡng ngăn ngừa, bảo dưỡng tăng cường nhằm tăng độ tin cậy của thiết bị, hệ thống tàu bay, đồng thời đảm bảo đủ nguồn lực tàu bay, động cơ tàu bay đáp ứng yêu cầu khai thác của Tổng công ty trong từng giai đoạn.

Tăng cường xây dựng và áp dụng chuyển đổi số vào việc quản lý tình trạng kỹ thuật tàu bay trong năm 2024 bằng việc thay thế thành công phần mềm quản lý kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay mới (AMOS), xây dựng và đưa vào sử dụng nền tảng quản lý dữ liệu kỹ thuật (TIMS), nghiên cứu ứng

dụng công nghệ AI trong đánh giá, phân tích và tổng hợp dữ liệu kỹ thuật... Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ theo dõi trạng thái máy bay, động cơ như AHM, SHM, ADEM và các phần mềm dự đoán hỏng hóc như SPM và PRCP phát hiện sớm các hỏng hóc, chủ động xử lý, giảm tỷ lệ gián đoạn khai thác.

Đưa hệ thống giải trí không dây portable wirelines IFE vào khai thác trên tàu bay A321CEO, đồng bộ chất lượng dịch vụ với đội bay A321NEO.

Đẩy nhanh tiến độ lựa chọn đối tác cung cấp ghế, DOA chuyển đổi cấu hình cho 23 A321, và chuẩn bị vật tư, nguồn lực, đào tạo kích hoạt dịch vụ IFC cho 10 tàu A350 trong năm 2025.

Năm 2024 vẫn là một năm rất nhiều khó khăn và thách thức trong chuỗi cung ứng PTVT toàn cầu từ việc thiếu nguyên liệu đầu vào đến PTVT đầu ra, giá cả PTVT tăng cao, các xưởng sửa chữa đều quá tải do không đủ nguồn lực, thiếu PTVT dẫn đến TAT bị kéo dài, đặc biệt là động cơ. Trước tình hình đó VNA đã chủ động tìm các phương án phù hợp:

- Đa dạng hóa nhà cung ứng, đẩy mạnh và duy trì việc sử dụng các dịch vụ PTVT trọn gói thuê ngoài tính theo giờ bay để giảm thiểu rủi ro tăng chi phí sửa chữa bảo dưỡng vượt ngoài kiểm soát. Áp dụng nhiều biện pháp để quản lý các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng.
- Đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng PTVT ở trong nước và trong khu vực gần nhằm giảm thiểu các chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian quay vòng sửa chữa dẫn đến giảm chi phí sửa chữa bảo dưỡng và giảm chi phí đầu tư mức kho PTVT dự phòng. Thường xuyên tính toán lại mức kho PTVT để điều chỉnh cho phù hợp với thay đổi số lượng tàu bay khai thác
- Phối hợp chặt chẽ VAECO trong việc chuẩn bị danh mục PTVT tối ưu, và đúng thời điểm để rút ngắn thời gian làm bảo dưỡng định kỳ tàu bay. Tăng cường sửa chữa on-wing, dẫn cách thời gian tháo lắp PTVT khi PTVT sắp đến hạn, và tìm các giải pháp về linh kiện thay thế trong trường hợp PTVT chính không có đủ.
- Đối với sửa chữa động cơ, VNA tập trung vào việc xây dựng phạm vi công việc sửa chữa chặt chẽ, kiểm soát việc thay thế các PTVT và thời gian sửa chữa để đảm bảo việc sửa chữa bảo dưỡng động cơ ngắn nhất có thể. Ngoài ra, VNA cũng làm việc với nhà sản xuất động cơ để được hỗ trợ về chi phí, rút ngắn thời gian sửa chữa, tìm kiếm các giải pháp tối ưu cho các vấn đề của động cơ, đàm phán giảm giá các hạng mục.
- Tích cực đàm phán với Boeing, Airbus và các Nhà sản xuất thiết bị tàu bay (OEMs) để tăng hỗ trợ kỹ thuật, giảm chi phí dịch vụ, yêu cầu bảo hành, tận dụng tối đa các hỗ trợ (FOC, credit) từ các đối tác cho các hỏng hóc do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc các thiết bị có độ tin cậy thấp.
- Tăng cường mở rộng nhân viên trực kỹ thuật tại một số trạm ngoại trường quan trọng để giảm thiểu chi phí bảo dưỡng và tăng mức độ linh hoạt.
- Triển khai các chương trình bảo dưỡng chủ động, tầm soát, rà soát chuẩn bị nguồn lực nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả và an toàn, đặc biệt trong các giai đoạn khai thác cao điểm.



2.5.2.2. Công tác quản trị chi phí kỹ thuật

Cập nhật, phân tích chi phí đơn vị (CASK) hàng quý, năm và theo yêu cầu. Tìm các nguyên nhân (cost driver) làm tăng chi phí, phản hồi và điều chỉnh ngay trong năm KH, đặc biệt đối với nội dung thuê, sửa chữa động cơ, động cơ phụ và các hợp đồng pooling PTVT.

Tiếp tục xây dựng các KPI cho chi phí kỹ thuật ở mức chi tiết hơn, cụ thể các KPI đăng ký trong khối KT về chi phí/giờ động cơ đối với động cơ A321-V2500, chi phí giờ bay/giờ động cơ đối với các Hợp đồng động cơ theo giờ. Phân tích/đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực hiện ngay các biện pháp giảm chi phí đến từng yếu tố tác động.

Quản trị chặt chẽ/thường xuyên các hợp đồng sửa chữa

động cơ, các hợp đồng pooling PTVT, các hợp đồng nhiên liệu, các hợp đồng dịch vụ và mua sắm khác đảm bảo các lợi ích thương mại của TCT theo hợp đồng. Đánh giá chi tiết các phương án cung ứng trong quá trình sửa chữa động cơ để giảm chi phí bảo dưỡng trực tiếp.

Đàm phán giảm giá, hỗ trợ từ các đối tác hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Kiểm soát chi phí sửa chữa động cơ, APU bằng các giải pháp: đàm phán giảm giá, giới hạn trần chi phí sửa chữa (NTE), tăng cường kiểm soát PTVT thay thế, hỏng hóc, tối ưu hóa nội dung công việc đối với LRU/QEC, tối đa thời gian động cơ trên cánh.

2.5.3. Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO:

Triển khai đầu tư xây dựng Hangar 3 NBA và cơ sở bảo dưỡng tại Long Thành, đảm bảo hoàn thành giai đoạn 1 (Hangar 1 Long Thành) tháng 6 năm 2026, tăng năng lực Bảo dưỡng lên 40%.

Hợp tác với các đối tác Korean Air về lĩnh vực bảo dưỡng máy bay để học hỏi, tiếp cận phương thức quản lý tiên tiến vào mô hình của TCT và VAECO, nhằm tối ưu chi phí bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh tiến tới hình thành một trung tâm bảo dưỡng của khu vực.

Đẩy mạnh tìm kiếm và triển khai các hợp đồng dài hạn Bảo dưỡng cho các khách hàng lớn như LUF, KE, Cebu Pacific, Asiana Airlines... nhằm nâng tầm thương hiệu, vị thế của TCT và VAECO trong thị trường Bảo dưỡng của khu vực và thế giới.

Mạnh mẽ triển khai chuyển đổi số, vận hành hệ thống AMOS, tiến tới làm chủ hoàn toàn hệ thống và khai thác tối đa tính năng hệ thống trong công tác quản lý, triển khai Bảo dưỡng.

Triển khai các giải pháp cải tiến liên tục, giảm tối thiểu 10% TAT các định kỳ.

Tiếp tục triển khai phát triển các năng định thiết yếu để chủ động trong công tác Bảo dưỡng, giảm phụ thuộc vào bên ngoài như Bảo dưỡng CNA, Bảo dưỡng Radom, các thiết bị Composit.

Nghiên cứu phát triển các năng lực Bảo dưỡng máy bay mới như Boeing 737, Bảo dưỡng chuyển đổi cấu hình máy bay (chở khách sang chở hàng) để có thể triển khai khi cơ sở Bảo dưỡng Long thành đi vào hoạt động.

2.5.4 Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động kỹ thuật

Trong năm 2024 TCT đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đạt mục tiêu kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

| Các chỉ số | Kết quả thực hiện năm 2024 |
|------------|----------------------------------|
| ARL | 94,86 (Mục tiêu 94.39) - Đạt MT |
| OCR | 0,43% (Mục tiêu 2.5% *) - Đạt MT |
| DR A321 | 99,67 (Mục tiêu 99.63) - Đạt MT |
| DR A350 | 99,53 (Mục tiêu 99.44) - Đạt MT |
| DR B787 | 99,49 (Mục tiêu 99.25) - Đạt MT |
| DR ATR72 | 99,68 (Mục tiêu 99.65) - Đạt MT |

(Mục tiêu OCR 0.43% là chỉ số lấy trung bình của 12 tháng năm 2024)

Bảo dưỡng tàu bay:

Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 278.484 giờ bay (trong đó: A320/321: 154.426 FH, A350: 53.377 FH, B787: 63.497 FH và ATR72: 7.184 FH).

Bảo dưỡng nội trường

| Lượt check | A321 | A350 | B787 | ATR72 |
|----------------|------|------|------|-------|
| A-checks | 0 | 55 | 72 | 8 |
| EC checks | 63 | 0 | 0 | 0 |
| C/Y checks | 81 | 20 | 17 | 2 |
| Bảo dưỡng khác | 149 | 23 | 12 | 6 |



2.6. Khai thác

Năm 2024, điều hành khai thác hiệu quả, an toàn tuyệt đối 139.882 chuyến bay, tăng 11,8% so với năm 2023, trong đó 215 chuyến bay VIP/VAP chuyên cơ/chuyên khoang phục vụ lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Chỉ số đúng giờ duy trì ở mức cao OTP đi đạt 83,4 %, OTP đến đạt 81,9%.

Triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi phí khai thác ước đạt 424,7 tỷ đồng, góp phần rất lớn vào nỗ lực giảm chi phí của TCT.

Công tác điều hành

Điều hành an toàn linh hoạt hiệu quả các chuyến bay của VNA, VASCO. Hỗ trợ Pacific Airlines trong các hoạt động khai thác tạo hiệu quả chung mạng bay VNA Group.

Đảm bảo phục vụ an toàn chu đáo các chuyến bay chuyên cơ trong và ngoài nước phục vụ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ tốt công tác chuyên chở đại biểu tham dự các Hội nghị TW, Quốc hội.

Điều hành lịch bay, phép bay, slot T+29 hiệu quả linh hoạt, đảm bảo kết nối giữa các yêu cầu thương mại, khai thác.

Tiếp tục phát huy mô hình điều hành, điều phái tập trung, nâng cao năng lực và chất lượng điều hành, điều phái.

Phối hợp với Cục HK, QLBNV ứng dụng, khai thác thủ tục bay từ xa, ACDM/ATFM đảm bảo các chuyến bay của VNA khai thác hiệu quả, đúng giờ.

Công tác kỹ thuật khai thác

Đảm bảo hệ thống tài liệu dữ liệu khai thác bay cho toàn hệ thống. Xây dựng phương án đường bay, chuẩn bị dữ liệu, tài liệu phục vụ các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt đường dài đi Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và Úc/New Zealand...

Thiết lập đường bay linh hoạt, nắn chỉnh đường bay, tối ưu hóa các đường bay đi/đến Châu Âu, Nhật Bản, xin phê chuẩn sử dụng sân bay dự bị tối ưu tiết kiệm chi phí (sân bay Cần Thơ giảm cấp cứu hỏa xuống CAT 7 làm sân bay dự bị của sân bay SGN cho tàu bay A350/B787), khai thác vùng trời uncontrolled airspace, isolated airport...

Kiến nghị điều chỉnh đường bay phù hợp với yêu cầu thực tế, thực hiện tốt việc lựa chọn và đánh giá đường bay, lựa chọn đường bay tối ưu, nâng cao hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí.

Xây dựng các phương án chủ động ứng phó với cuộc khủng hoảng chiến sự Nga-Ukraina, Iran-Israel, sử dụng đường bay tránh không phận Nga, Iran, không lựa chọn các sân bay dự bị trong không phận Nga, Iran. Nắn chỉnh đường bay tránh các cơn bão, áp thấp nhiệt đới trong hoàn cảnh xảy ra biến đổi khí hậu toàn cầu, hướng di chuyển và cường độ của các cơn bão trở lên khó dự đoán hơn.

Duy trì, bổ sung hệ thống trực điều hành ứng phó các tình huống bất thường, khẩn nguy, khủng hoảng.

Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình và tham gia trực tiếp các quá trình đánh giá, đạt yêu cầu qua các đợt đánh giá IOSA 2024, MARI 2024, gia hạn chứng chỉ AOC của Cục HKVN. Phối hợp với CHK, QLBNV xây dựng và ban hành phương thức bay PBN các sân bay trong nước, tham gia quy hoạch mạng sân bay trong lãnh thổ Việt Nam.

Triển khai thành công dự án chuyển đổi NCC tài liệu, dữ liệu khai thác bay từ tháng 07/2024, tiết kiệm được 3,6 triệu USD/5 năm.

Chuẩn bị tài liệu, dữ liệu, triển khai giải pháp tiết kiệm nhiên liệu: xây dựng DOW linh hoạt theo số khách của B787/A350 để khai thác hiệu quả đường bay đi Mỹ, Châu Âu và Úc, tiết kiệm 1,6 tỉ VNĐ/năm. Phối hợp với Tổ PSS chuyển đổi thành công hệ thống DCS Amadeus, ban hành AHM565 theo mẫu mới.

Hoàn thiện hệ thống tài liệu điện tử EFB, xây dựng chức năng cảnh báo thiếu dữ liệu NOTAM, WX, CFP khi cập nhật lên hệ thống FMS. Cấu trúc lại hệ thống tài liệu khai thác nhằm tăng hiệu quả sử dụng của eDOC trên iPad, EFB Class 3 B787. Xây dựng phần mềm quản lý FON tiết kiệm thời gian.

Đàm phán với các NCC AIB, ATR, Honeywell, Jeppesen, NavBlue về việc giãn, hoãn thanh toán. Đảm bảo ngân sách, thủ tục thanh toán đúng các quy định tài chính. Gia hạn HĐ tài liệu, dữ liệu với Jeppesen, HĐ dữ liệu dẫn đường của Honeywell.

Công tác lịch bay PC, TV

Chủ trì tính toán nguồn lực PC/TV khai thác đáp ứng từng thời kỳ điều hành với tính chất khai thác khác nhau.

Quản lý, điều hành phân bay tập trung PC/TV; Tối ưu hóa hành trình bay, điều chỉnh cơ cấu PC/TV đảm bảo phân bay hiệu quả, nâng cao hiệu suất, giờ bay trung bình PC/TV.

Xây dựng và thống nhất các quy trình phối hợp, phân công trách nhiệm giữa các đơn vị nhằm phục vụ tốt cho công tác lịch bay PC/TV cho toàn bộ VNA Group.



Công tác quản lý khai thác

Chủ trì triển khai các giải pháp Tiết kiệm chi phí nhiên liệu TKNL, năm 2024 đạt tiết kiệm được 22.000 tấn, vượt định mức 2.000 tấn, tương đương 428,5 tỷ đồng. Phân tích, đánh giá các hoạt động khai thác tàu bay: Nâng cao hiệu quả khai thác, giảm chi phí. Theo dõi tính toán PF đội máy bay, phối hợp với Ban KT thực hiện các giải pháp giảm PF cho các đội bay, khuyến cáo sắp xếp tàu bay theo PF. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu block time, taxi time, định mức nhiên liệu nhằm xây dựng LB KH, LB mùa đảm bảo hiệu quả sử dụng tàu bay.

Hoàn thành các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững của lĩnh vực khai thác bay.

Quản trị KPI khai thác, theo dõi, phân tích, tham mưu các giải pháp đảm bảo hoàn thành KPI được giao. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu CHK, các tổ chức HK, lãnh đạo TCT và BGĐ.

Tham mưu giúp việc P.TGD - GDK KTB, BGĐ TTĐHKT thực hiện hoàn thành KH 2024, điều hành ngân sách

Công tác quản lý ứng phó khủng hoảng, khẩn nguy

Tổ chức diễn tập quy trình thoát hiểm khẩn nguy năm 2024: Thoát hiểm khẩn cấp trên mặt đất và trên mặt nước tàu bay A320 NEO vào ngày 10/10/2024 tại VAECO NBA đạt kết quả tốt.

Đào tạo về UPKN năm 2024 cho các cá nhân được giao nhiệm vụ về ứng phó khẩn nguy theo quy định

Công tác đảm bảo nguồn lực phi công khai thác

Tổng số nguồn lực PC đang bay khai thác tháng 12/2024: 1.029 PC, trong đó: Lái chính: 515, Lái phụ: 514;

đảm bảo CASK dưới MT, cắt giảm tiết kiệm chi phí toàn Khối Khai thác bay. Thực hiện quản trị theo KPI chi phí. Xây dựng KH2025 gắn với mục tiêu của Khối, đảm bảo MT chung của TCT nâng cao năng suất lao động.

Công tác Chuyển đổi số (CĐS): Phát triển Hệ thống tài liệu điện tử Moplus, thay đổi phương thức quản lý iPad, thay thế wifibox cho PC giảm nhân công, tiết kiệm chi phí. Thực hiện các nội dung theo Kế hoạch CĐS 2024 TTĐHKT được giao chủ trì và phối hợp, theo sát Chiến lược CĐS chung của TCT.

Phối hợp tổ chức đào tạo định kỳ và đào tạo nội bộ TTĐHKT bằng hình thức online, duy trì thi năng định FOD, gia hạn chứng chỉ Giáo viên NVĐHKT đúng thời hạn.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát, quản lý Hợp đồng, đề nghị thanh toán phí điều hành và bay qua, quản trị phí hạ cất cánh, chi phí KS tổ bay, PC, TV.

Phát triển hệ thống: xây dựng hệ thống quản trị UPKN, thông báo kích hoạt khẩn nguy.

Rà soát các tiêu chuẩn về UPKN để hoàn thành chương trình kiểm tra, đánh giá IOSA.

PC Việt Nam: 916 (89%), PC nước ngoài: 113 (11%).
Nguồn lực PC đáp ứng sản lượng khai thác của TCT.



Công tác đảm bảo an toàn

Kết quả thực hiện mục tiêu về an toàn 2024

| STT | Chỉ số an toàn Khai thác bay (Tỷ lệ sự cố trên 10.000 chuyến bay) | Mục tiêu 2024 | Thực hiện (131.394 CB) | TH 12T/24 MT 2024 |
|-----|--|---------------|---------------------------|----------------------|
| 1 | Tỷ lệ sự cố loại A, B /10.000 CB | 0 | 0 | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ sự cố loại C/10.000 CB | ≤ 0,19 | 0 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ sự cố loại D/10.000 CB | ≤ 0,19 | 0.15 | Đạt |
| 4 | Tỷ lệ vụ việc loại E /10.000 CB | ≤ 1,45 | 0.76 | Đạt |
| 5 | Tỷ lệ vụ việc mức 3 /10.000 CB | ≤ 2,35 | 1.60 | Đạt |
| | B787 | ≤2,26 | 1,85 (16.241 CB) | Đạt |
| | A350 | ≤1,80 | 1,88 (10.621 CB) | Không Đạt |
| | A321 | ≤2,08 | 1,60 (99.925 CB) | Đạt |
| | ATR72 | ≤5,41 | 0 (3.725 CB) | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ vụ việc mức 2 /10.000 CB | ≤ 2,16 | 136 | Đạt |
| | B787 | ≤9,44 | 3.69 | Đạt |
| | A350 | ≤10,55 | 6.59 | Đạt |
| | A321 | ≤192,15 | 160 | Đạt |
| | ATR72 | ≤467,50 | 413 | Đạt |
| 7 | Tỷ lệ vụ việc mức 1 /10.000 CB | ≤ 1353 | 699 | Đạt |
| | B787 | ≤741,75 | 577 | Đạt |
| | A350 | ≤662,73 | 268 | Đạt |
| | A321 | ≤881,48 | 739 | Đạt |
| | ATR72 | ≤1.943.93 | 1.272 | Đạt |

Theo dõi, duy trì gia hạn các chứng nhận của Tổ chức huấn luyện hàng không, đảm bảo các hoạt động của ATO được thông suốt, đáp ứng yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam.

Hoàn thành công tác làm việc với Cục HKVN đánh giá phê chuẩn gia hạn ATO và được cấp giấy chứng nhận số 00218 – ATO ngày 27/08/2024, hạn đến ngày 31/08/2025.

Báo cáo an toàn, báo cáo HIRA đến Tổ công tác an toàn - Khối khai thác (SAG1) hàng tháng.

Đảm bảo hệ thống tài liệu phù hợp theo yêu cầu của Nhà chức trách đối với ATO và nhu cầu thực tế.

Kiểm soát hệ thống chất lượng tại TTHL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Thực hiện phê chuẩn mới và gia hạn giáo viên nhằm đảm bảo nguồn lực giáo viên.

Công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến và kết quả.

Triển khai phương thức kiểm soát thanh toán tự động cho đối tác, nâng cao hiệu quả đường bay hiệu quả đi/đến Châu Âu qua L750.

Đồng bộ hành trình bay Phi công, tiếp viên, máy bay trong giai đoạn phục hồi khai thác.

Công cụ hỗ trợ điều phái chọn đường bay hiệu quả.

Công tác huấn luyện chuyển loại, phục hồi, nâng cấp, các loại hình khai thác đặc biệt dành cho phi công

Số lượt học viên: 127, đạt 66% KH năm.

Số lớp: 57, đạt 59% KH năm.

HL nâng cấp Lái phụ lên Lái chính: 24 PC, đạt 92% KH năm;

HL chuyển loại: 87 PC, đạt 71% KH năm.

Công tác huấn luyện đào tạo

| Nội dung HL | Tổng số HV |
|----------------------------|------------|
| Huấn luyện phi công | 1.612 |
| Huấn luyện tiếp viên | 5.911 |
| Huấn luyện NVĐHKT | 533 |
| Huấn luyện giáo viên | 159 |
| Bàn giao PCCB cho Hội đồng | 19 |

Tỷ lệ số lượng học viên HL năm 2024, 2023 so với KH:

HL phi công: 100%

HL tiếp viên: 100%

HL nhân viên ĐHKT: đạt 98% KH năm

| Nội dung dịch vụ | Doanh thu (VND) |
|---------------------|-----------------|
| Đào tạo PCCB XHH | 48.581.095.629 |
| Đào tạo TVCB XHH | 7.250.089.000 |
| Dịch vụ HL Đào tạo | 2.076.547.733 |
| Cho thuê TTB HL | 968.092.080 |
| Hợp tác SIM với CAE | 619.781.518 |

Tỷ lệ phần trăm doanh thu năm 2024 so với KH:

Đào tạo PCCB XHH: 100%

Đào tạo TVCB XHH: 100% KH

Dịch vụ HL Đào tạo: 127%

Cho thuê TTB HL: 100%



2.7. An toàn

2.7.1 Tóm tắt các chính sách lớn về an toàn và thay đổi quan trọng

Không để xảy ra tai nạn, sự cố loại B, C, KPI sự cố/ vụ việc an toàn trên 10.000 chuyến bay là 7,87, đạt và tốt hơn mục tiêu đã đề ra (MT: 8,55); KPI vụ việc nguy cơ uy hiếp AT (phần chìm) các vụ việc Level 1,2/10.000 chuyến bay giảm so với năm 2023, được Airline Ratings đánh giá, xếp loại là một trong 25 hãng hàng không an toàn nhất thế giới.

Gia hạn thành công Chứng chỉ IOSA của IATA đến năm 2026, Chứng chỉ AOC của Cục HKVN đến ngày 31/11/2025, Chứng chỉ FAOC của Nhà chức trách HK nước ngoài, Chứng chỉ đủ điều kiện bay các đội tàu bay; đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định đưa tàu bay A320 NEO vào khai thác; đảm bảo tiêu chuẩn an toàn khi mở các đường bay, sân bay mới vào khai thác.

Chủ trì tổ chức thành công Hội nghị VHAT, VHBC và các Hội nghị phối hợp về ATHK giữa ba TCT.

Hoàn thành 100% kế hoạch đánh giá ATCL các đối tác cung cấp dịch vụ cho VNA, bao gồm cả đánh giá LOSA các lĩnh vực, xử lý 100% các báo cáo an toàn trên hệ thống AQD.

Thẩm định, trình phê chuẩn và tham gia góp ý hàng trăm lượt tài liệu, các CRs liên quan đến công tác ATCL của TCT.

Rà soát nhân sự các lĩnh vực, trình phê chuẩn phương thức bay góp phần đảm bảo AT tuyệt đối các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội đi công tác nước ngoài.

Tham mưu với LD TCT, hỗ trợ các CQ, ĐV trong TCT thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội trong công tác môi trường, năng lượng và phát triển bền vững của TCT đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước nhằm kiểm soát, giảm lượng khí thải, lượng nhiên liệu tiêu thụ, tiếng ồn.

Đánh giá **Risk-Based Assessment (RBA)** theo tiêu chuẩn IOSA (IATA Operational Safety Audit) là một quy trình quan trọng để nhận diện, phân tích và đánh giá các rủi ro liên quan đến an toàn khai thác. Vietnam Airlines đã tổ chức thành công các lớp học về Đánh giá **Risk-Based Assessment** đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn và tuân thủ quy định của IOSA. Xây dựng các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu (Preventive/Corrective Actions) và đảm bảo các biện pháp kiểm soát phù hợp với các yêu cầu cụ thể của IOSA. Việc đánh giá Risk-Based Assessment theo tiêu chuẩn IOSA không chỉ giúp nâng cao an toàn vận hành mà còn tăng cường khả năng đáp ứng các yêu cầu quốc tế, từ đó củng cố hình ảnh và uy tín của Vietnam Airlines.

2.7.2. Hoạt động của UB an toàn, các Tổ SAGs và Ủy ban ứng phó khủng hoảng

2.7.2.1. Ủy ban An toàn (UB An toàn)

Trong năm 2024, UBAT đã thực hiện 4 phiên họp định kỳ với sự tham gia của các thành viên của ủy ban. Tại các cuộc họp của Ủy ban, các thành viên đã cùng thảo luận, xem xét và thực hiện các chính sách và quy trình an toàn được triển khai đúng theo tiêu chuẩn quốc tế và quy định của Cục Hàng không Việt Nam (CAAV)

Đánh giá tình hình an toàn khai thác, phân tích các chỉ số an toàn (Key Safety Indicators - KSIs) và đưa ra giải pháp cải tiến.

Cập nhật và phê duyệt danh mục các mối nguy tiềm ẩn, xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro. Phối hợp với các bộ phận tổ chức các buổi hội thảo, diễn đàn về an toàn cho nhân viên.

Duy trì tỷ lệ tuân thủ tiêu chuẩn IOSA và các yêu cầu của ICAO.

Tăng cường số lượng báo cáo an toàn từ nhân viên, qua đó cải thiện hiệu quả giám sát và khắc phục rủi ro.

2.7.2.2. Các Tổ Đánh giá An toàn (SAGs)

Các Tổ Đánh giá An toàn (SAGs) họp định kỳ hàng tháng theo quy định trong tài liệu Quản lý an toàn (SMSM).

Kiểm tra toàn diện các khâu khai thác, từ vận hành tàu bay, kỹ thuật, phục vụ mặt đất, đến dịch vụ hành khách.

Nghiên cứu các sự cố (incidents) và gần sự cố (near-misses) để xác định nguyên nhân gốc rễ và đề xuất biện pháp phòng ngừa.

Báo cáo lên UB An toàn các biện pháp cải tiến dựa trên kết quả đánh giá.

Hoàn thành 100% các đợt kiểm tra an toàn nội bộ và đạt được các chỉ số an toàn vượt kế hoạch.

Phát hiện và khắc phục sớm một số mối nguy lớn trong vận hành nhờ cơ chế giám sát hiệu quả.

2.7.2.3. Ủy ban Ứng phó khủng hoảng (UBUPKH)

Năm 2023 TCT đã thành lập UBQLKH theo QĐ số 1104/QĐ-TCTHK-TCNL ngày 22/12/2023 với chức năng là cơ quan chuyên trách xử lý các sự việc, sự kiện xảy ra có nguy cơ dẫn đến khủng hoảng trong SXKD của TCT.

Trong đó chia ra 6 tiểu ban WPKH trên 6 lĩnh vực: truyền thông, khai thác bay, CNTT, ANHK, dịch bệnh, tài chính do các PTGD phụ trách trực tiếp.

Cơ quan thường trực giúp việc, theo dõi ứng phó mọi tình huống là Trung tâm quản lý khủng hoảng.

Qua 1 năm hoạt động, UBQLKH đã thực hiện việc xây dựng các tiêu chí, các cơ chế phối hợp hoạt động giúp sớm nhận diện vấn đề dẫn đến khủng hoảng ở 6 cấp độ. Thường xuyên tổ chức diễn tập huấn luyện đảm bảo sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

2.7.2.4. Kế hoạch năm tới

Tăng cường sự phối hợp giữa UB An toàn, SAGs và UBUPKH để đảm bảo an toàn toàn diện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, như AI và phân tích dữ liệu lớn, vào việc giám sát và dự báo các rủi ro an toàn.

Tổ chức thêm các buổi diễn tập phối hợp giữa các bên để nâng cao khả năng xử lý tình huống khẩn cấp.



2.8. An ninh

VNA quyết tâm bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác, đảm bảo an toàn tính mạng cho hành khách và toàn thể cán bộ, nhân viên. Việc bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác được kết hợp bởi các cán bộ, nhân viên được huấn luyện và có năng lực, trang thiết bị được bảo dưỡng tốt cùng với các quy trình thực hiện, có sự giám sát phù hợp.

VNA bảo đảm an ninh hàng không là trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên. Thúc đẩy văn hóa an ninh hàng không, chú trọng văn hóa chính trực và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin phản hồi nhằm đảm bảo các sự cố, vụ việc vi phạm an ninh phải được điều tra, xem xét, kể cả việc sửa đổi các quy trình có liên quan.

VNA chủ động nhận diện mối nguy hiểm và quản lý, phân tích, đánh giá, giảm thiểu rủi ro an ninh trong hoạt động khai thác. Mọi vi phạm trong công tác bảo đảm an ninh hàng không sẽ bị xử lý nghiêm và kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định về an ninh hàng không.

VNA bảo đảm thiết lập và duy trì hệ thống quản lý an ninh hàng không, tuân thủ các yêu cầu của Nhà chức trách Hàng không, quy định pháp luật hiện hành và luôn hướng tới các tiêu chuẩn cao nhất của ngành hàng không.

VNA cam kết cung cấp đủ nguồn lực cần thiết để thực thi chính sách và mục tiêu an ninh hàng không. Liên tục cải tiến hệ thống quản lý, tạo môi trường làm việc tin cậy, với tinh thần trách nhiệm cao nhất trong toàn hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

Kết quả công tác bảo đảm ANHK năm 2024

Năm 2024, tình hình an ninh chính trị trên thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, nhanh chóng và bất ngờ, đặc biệt xung đột quân sự Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu chấm dứt; quan hệ giữa Nga và các nước phương Tây diễn biến khó lường; chiến sự khu vực Trung Đông bùng phát căng thẳng,... tiếp tục là thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác hàng không. Hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT đã có sự khởi sắc và vượt qua được giai đoạn khó khăn nhất trong lịch sử ngành hàng không thế giới và Việt Nam, tuy nhiên trước bối cảnh môi trường kinh doanh vận tải hàng không chịu nhiều tác động bởi các bất ổn về kinh tế,

chính trị thế giới và khu vực vẫn tiềm ẩn nhiều các rủi ro về tài chính, tiền tệ và sự phục hồi của TCT.

Trước tác động của bối cảnh tình hình nêu trên, TCT đã thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp quản lý, điều hành, trong đó đã bám sát sự chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn NN, Bộ GTVT, Cục HKVN, chủ động, tích cực phối hợp với các CQ, ĐV liên quan để triển khai có hiệu quả các nội dung, yêu cầu công tác bảo đảm ANHK theo quy định, bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác của TCT trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn hoạt động, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Một số kết quả công tác nổi bật:

Một là, kiện toàn, nâng cấp, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống tổ chức ANHK của TCT. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, ICAO, IATA và nghiên cứu, đánh giá thực tế các cơ quan tham mưu, giúp việc của TCT; mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ bảo đảm ANHK của các hãng hàng không trong khu vực, trên thế giới và Việt Nam, cũng như của ACV và VATM, TCT đã quyết định thành lập Ban ANHK trên cơ sở nâng cấp Phòng ANHK hiện nay để đảm bảo bộ phận ANHK có chức trách, thẩm quyền tương đương về mặt hành chính so với các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của TCT, Ban ANHK bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2024. Theo mô hình tổ chức Ban ANHK, Trưởng ban ANHK là người đứng đầu hệ thống quản lý ANHK của TCT, chịu trách nhiệm chính, cuối cùng trước Tổng giám đốc về công tác bảo đảm ANHK theo đúng quy định pháp luật.

Hai là, kịp thời tổ chức xây dựng, cập nhật, sửa đổi chính sách, tiêu chuẩn ANHK phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hoạt động khai thác. Trọng tâm là hoàn thành Chương trình ANHK lần thứ 07 của VNA; sửa đổi, cập nhật Quy chế ANHK nhà ga hàng hóa, Quy chế ANHK của các đơn vị trực thuộc; cập nhật, sửa đổi Bộ Giáo trình ANHK của VNA theo Thông tư số 34/2022/TT-BGTVT của Bộ GTVT và Chương trình ANHK sửa đổi lần 07 của VNA; Quy trình phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang của TCT theo Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 02/11/2021 của Chính phủ, Thông tư số 25/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ GTVT về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang; xây dựng và triển khai các điều kiện, thủ tục an ninh để mở đường bay mới tại Philippines, Thái Lan, Myanmar, Đức. Triển khai quy định mới đối với công tác bảo đảm an ninh hàng hóa, bưu gửi vận chuyển vào Úc, Hoa Kỳ; thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng ANHK, đáp ứng các tiêu chuẩn ANHK trong các đợt thanh tra, thanh sát ANHK của Cục HKVN và Cục An ninh vận tải Mỹ (TSA). Thực hiện thành công đánh giá gia hạn chứng chỉ an ninh hàng hóa (ACC3) tại HAN, SGN và xin cấp mới ACC3 tại DAD; hoàn thành tốt công tác đánh giá lĩnh vực ANHK của TCT theo tiêu chuẩn IOSA của IATA, phục vụ việc đánh giá gia hạn chứng chỉ IOSA năm 2024 của TCT.

Ba là, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng nắm chắc tình hình an ninh liên quan trong và ngoài nước

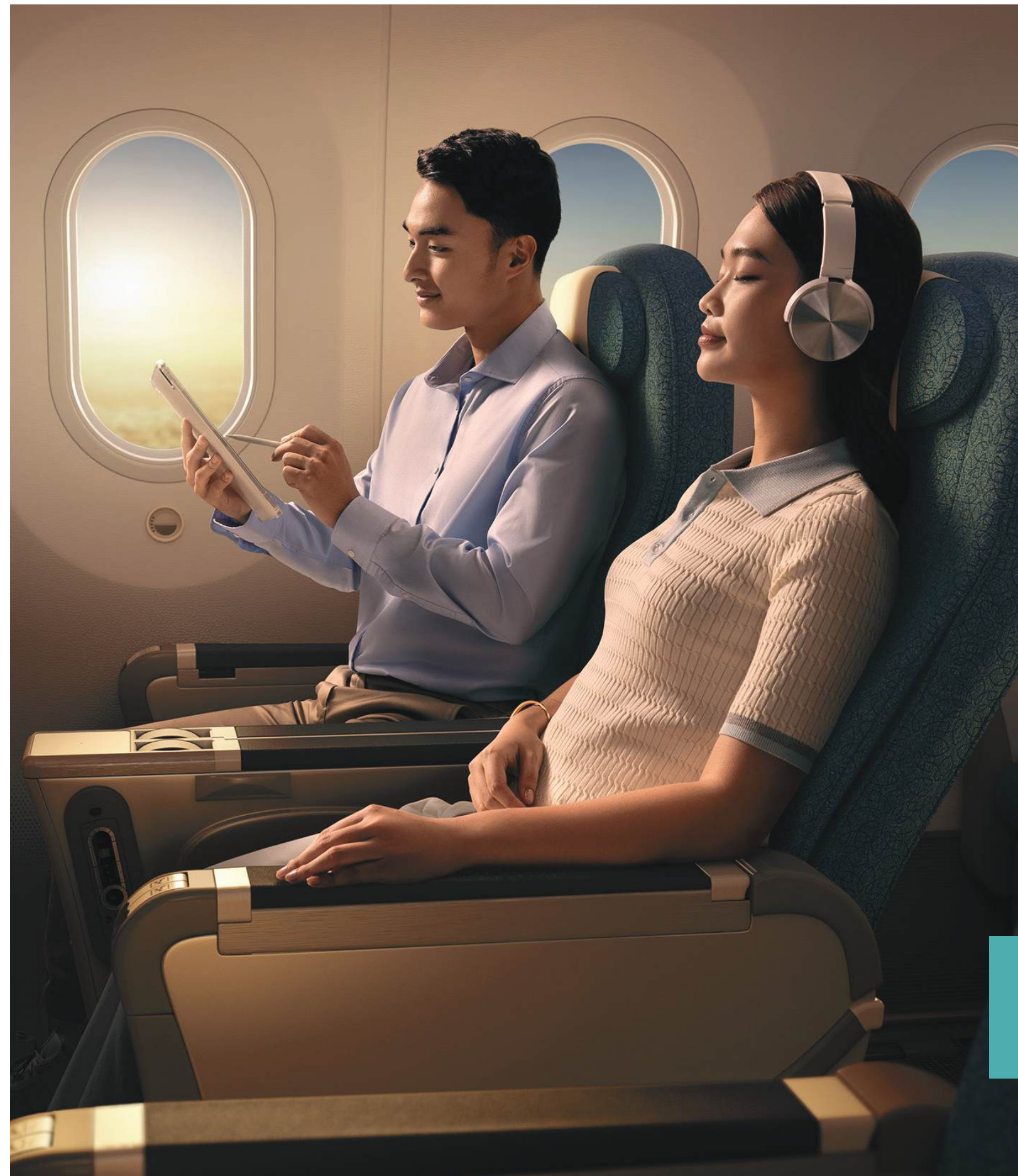
để kịp thời nhận diện, đánh giá các nguy cơ, rủi ro an ninh và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh cho các đường bay, địa bàn khai thác, ứng phó có hiệu quả với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động khai thác của TCT: (1) Triển khai phương án bảo đảm an ninh tuyệt đối cho 19 chuyến bay chuyên cơ quốc tế, góp phần quan trọng phục vụ hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. (2) Tăng cường các biện pháp an ninh dịp Lễ Tết, các ngày kỷ niệm, sự kiện trọng đại của đất nước, thời điểm sau các vụ đe dọa an ninh tại Cảng HKQT Cam Ranh và Cảng HKQT Nội Bài và trước diễn biến tình hình chính trị phức tạp tại Hàn Quốc. (3) Kịp thời đánh giá rủi ro an ninh ANHK để điều chỉnh đường bay đi/đến châu Âu qua không phận Afghanistan, Iraq, Iran. (4) Phối hợp tra cứu, xác minh và cung cấp các thông tin liên quan, đáp ứng 95 lượt yêu cầu của cơ quan chức năng trong và ngoài nước; kịp thời cập nhật, cảnh báo trên hệ thống thông tin của 540 đối tượng truy nã, đối tượng liên quan đến vụ án cần theo dõi, đối tượng cấm vận chuyển, kiểm tra bắt buộc để chủ động phát hiện, ngăn chặn và thông báo cho các cơ quan chức năng. (5) Triển khai hàng loạt các biện pháp trong bảo đảm an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, tàu bay... kịp thời phát hiện và xử lý theo quy định 91 vụ việc liên quan đến ANHK, không có vụ việc nghiêm trọng, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh cho tất cả các chuyến bay và hoạt động khai thác tại địa bàn trong và ngoài nước.

Bốn là, tăng cường các giải pháp phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, kiểm soát an ninh nội bộ, hạn chế thấp nhất vi phạm kỷ luật, pháp luật của CBNV.

TCT đã bám sát chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389), Bộ GTVT, Ủy ban Quản lý Vốn NN, Cục HKVN và chủ động triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, từng bước giảm thiểu các vụ việc buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật, kỷ luật xảy ra trong hoạt động khai thác, góp phần bảo vệ CBNV và uy tín của TCT: (1) Đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu rộng đến toàn thể CBNV thông qua hội nghị tập huấn về công tác phòng chống khủng bố và kiểm soát an ninh nội bộ, phòng chống vi phạm kỷ luật, pháp luật năm 2024 do TCT phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (C04), Cục An ninh nội địa (A02) và Học viện An ninh nhân dân để phổ biến cho cán bộ, nhân viên có liên quan của TCT nắm được, không tham gia, tiếp tay, giúp sức cho hoạt động buôn lậu, vi phạm kỷ luật, pháp luật. (2) Tổ chức rà soát, tăng cường công tác kiểm soát an ninh nội bộ, thực hiện luân chuyển và yêu cầu 100% cán bộ, nhân viên làm việc tại các vị trí trực tiếp tiếp xúc với hành lý, hàng hóa, tàu bay phải ký cam kết không tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển hàng giả. (3) Tăng cường kiểm tra hành lý tổ bay trên các chuyến bay quốc tế để đảm bảo việc tuân thủ nghiêm hành lý tổ bay và quy định hải quan. (4) Chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; phối hợp kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm theo quan điểm của TCT là không dung túng, bao che cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

Năm là, chủ động phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08), Bộ Công an triển khai lực lượng an ninh trên không và xử lý các đối tượng trộm cắp trên các chuyến bay của TCT.

TCT đã phối hợp chặt chẽ với Cục A08 trong công tác đào tạo định kỳ kiến thức hàng không cho lực lượng an ninh trên không, triển khai lực lượng an ninh trên không bay huấn luyện thực hành và bay chuyên khoang nội địa, bảo đảm tạo điều kiện tối đa cho lực lượng an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ trên chuyến bay và không làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thương mại, thực hiện chuyến bay chuyên khoang của TCT: (1) Phối hợp triển khai lực lượng an ninh trên không bay huấn luyện thực hành trên tàu bay A350, B787 của 22 chuyến bay thương mại nội địa và thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên 164 chuyến bay chuyên khoang nội địa, bảo đảm an ninh, an toàn và không làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác bình thường của chuyến bay; phối hợp xây dựng Biên bản hợp tác triển khai lực lượng an ninh trên không trên các chuyến bay của VNA. (2) Phối hợp với Cục A08, A09 triển khai các biện pháp xử lý nghiêm đối tượng trộm cắp trên chuyến bay theo quy định pháp luật để bảo đảm tính răn đe, cảnh báo đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp.





2.9. Quản trị nguồn nhân lực

2.9.1. Tổng số lao động công ty mẹ và hợp nhất đến 31/12/2024

Số lao động hợp nhất của TCT tính đến 31/12/2024 là 18.749 người, bao gồm 5.223 của Công ty mẹ và 13.526 người của các Công ty con, công ty liên kết.

Trong số đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các CQ, ĐV (không gồm TV ALSUCO). Đội ngũ nhân sự của Vietnam Airlines

không ngừng phát triển theo hướng trẻ hóa, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Đặc biệt, các vị trí then chốt, đặc thù như phi công, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được đào tạo bài bản, sẵn sàng đáp ứng hiệu quả yêu cầu sản xuất kinh doanh và hoạt động vận tải hàng không.

Thông tin công ty mẹ

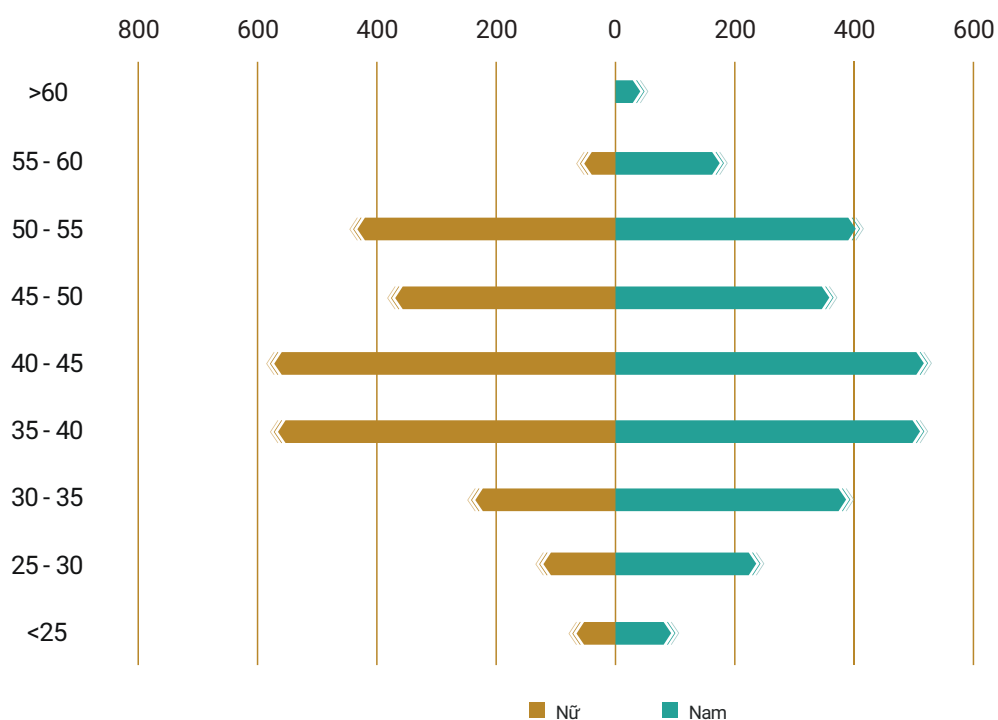
Thu nhập bình quân:

VNA tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách nhân lực, tiền lương phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh; mức tiền lương bình quân của người lao động năm 2024 phục hồi trên 95% so với thực hiện năm 2019 (giai đoạn đỉnh cao sản xuất kinh doanh của TCT).

Lao động bình quân; tuổi đời bình quân:

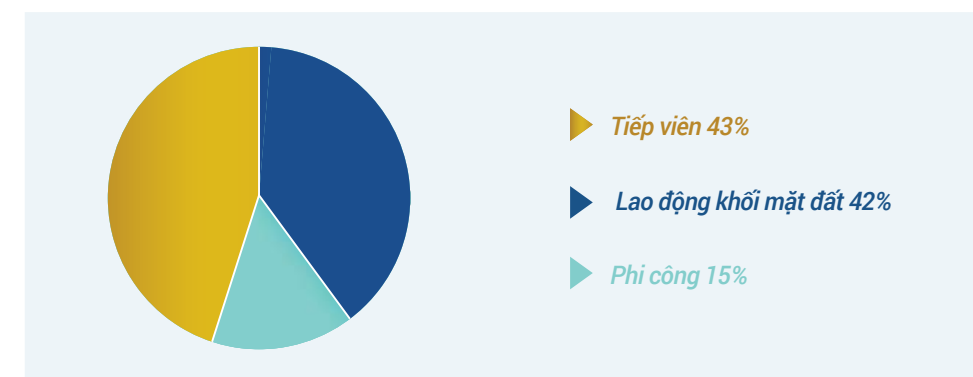
■ Cơ cấu lao động theo giới tính, độ tuổi (reverse order)

Cơ cấu lao động theo giới tính, độ tuổi



■ Biểu đồ cơ cấu lao động theo lĩnh vực

Biểu đồ cơ cấu lao động theo lĩnh vực



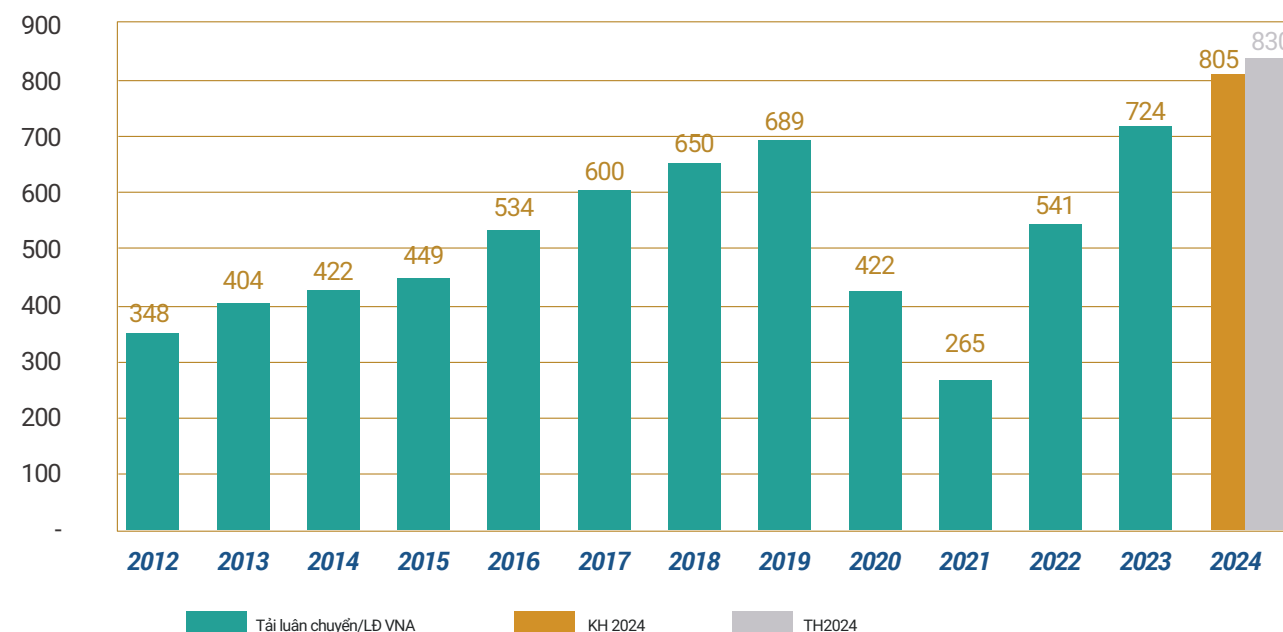
■ Các chỉ tiêu về NSLĐ

Lao động: Năm 2024, TCT tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Công tác rà soát, tổ chức lại quy trình công việc, phân công lại lao động, giảm các cấp trung gian, rút ngắn thời gian ra quyết định đã được triển khai đồng bộ, mang lại những kết quả tích cực, rõ nét, phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân; nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh tổng thể của tổ chức. Tích cực, nhanh chóng đưa ra các giải pháp hợp lý đối với chủ trương, chính sách tinh gọn, sắp xếp lại bộ máy của Đảng, Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm nguồn lực.

Nguồn nhân lực được sử dụng tối ưu, đảm bảo nguồn lực phi công, tiếp viên cho khai thác bay được xây dựng theo kế hoạch sản lượng; số LĐ thôi việc đã được tuyển dụng bù đắp hợp lý, tương ứng với quy mô hoạt động SXKD, đáp ứng nhu cầu từng bước phục hồi, thực hiện chủ trương chuyển đổi số, tăng năng lực quản trị, cạnh tranh.

Với việc điều hành, sử dụng tiết kiệm lao động, lao động sử dụng bình quân 2024 là 5.205 người, bằng 96% so với KH2023 báo cáo ĐHCĐ. Năng suất lao động theo tải vận chuyển có doanh thu RTK (Revenued Ton Kilometre) là 830 nghìn tấn.km/LĐ, đạt 103% kế hoạch.

Biểu đồ: Sử dụng lao động và NSLĐ 2024





■ Nguyên nhân tăng giảm so với năm trước: Số lượng lao động nghỉ việc tự nguyện năm 2024, tỷ lệ ~2%, giảm dần so với năm trước do tình hình sản xuất kinh doanh của TCT dần phục hồi, mức lương năng suất được cải thiện, hướng tới phát triển bền vững.

■ Các giải pháp đã thực hiện để cải thiện, nâng cao hiệu quả lao động:

Đảm bảo cơ chế lương - thưởng minh bạch. Tích cực truyền thông nội bộ về các chế độ phúc lợi cho NLD, chú trọng vào chế độ phúc lợi như một yếu tố thu hút ứng viên khi tuyển dụng và giữ chân NLD.

Lan tỏa văn hóa doanh nghiệp đến rộng rãi ứng viên/NLD. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững chắc, môi trường làm việc hiện đại, chuyển đổi số để giảm áp lực công việc, gia tăng năng suất lao động.

Xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo điều kiện phát triển cho NLD. Chú trọng đào tạo kỹ năng và luân chuyển nội bộ thay vì chỉ tuyển dụng mới.

Cơ chế đánh giá công bằng - minh bạch: nhìn nhận và đánh giá năng lực nhân viên thường xuyên dựa vào giá trị hiệu suất công việc, luôn có sự lắng nghe, phản hồi tích cực và khen thưởng khi nhân viên đạt thành tích tốt, đem lại cơ hội thăng tiến cho những cá nhân xứng đáng.

Kết quả triển khai trên các mảng:

■ Tuyển dụng

TCT tiếp tục chương trình tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp nhận Phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay, tuyển bổ sung Tiếp viên để bù đắp số chấm dứt HĐLĐ và chuẩn bị nguồn lực cho 2025. Bên cạnh đó, quy trình tuyển dụng đã góp phần bổ sung một nguồn lao động mặt đất trẻ dồi dào, có nhiều tiềm năng, đóng góp tích cực trong công tác thúc đẩy nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

■ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Trong năm 2024, nhằm đảm bảo về số lượng, chất lượng đào tạo - huấn luyện theo đúng yêu cầu của Cục HKVN, các tổ chức đánh giá quốc tế IATA-IOSA và yêu cầu phát triển của VNA, công tác đào tạo-huấn luyện của TCT được triển khai mạnh mẽ: (i) Duy trì và kiểm soát chặt chẽ công tác đào tạo huấn luyện các môn An toàn - An ninh HK theo đúng yêu cầu của Cục HKVN, các tổ chức đánh giá quốc tế IATA-IOSA để giữ vững mục tiêu “An

toàn là số 1” của VNA; (ii) Triển khai chương trình đào tạo nâng tầm dịch vụ cho tất cả các đối tượng, nhằm lan tỏa nhận thức và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ trong toàn TCT; (iii) Chủ động triển khai các chương trình đào tạo cho cán bộ quản lý, cán bộ tiềm năng, cán bộ nguồn và lao động đặc thù, giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển của VNA; (iv) Kịp thời triển khai các chương trình đào tạo chuyển đổi hệ thống, chuyển đổi khai thác đáp ứng yêu cầu SXKD của TCT; (v) Xây dựng môi trường, văn hóa học tập trong toàn VNA.

■ Quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá cán bộ Các công tác liên quan đến quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá cán bộ trong năm 2024 luôn được theo dõi sát sao, đảm bảo kịp thời triển khai, đúng tiến độ và nguồn cán bộ được lựa chọn đảm bảo về năng lực, chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà TCT đề ra. Nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của TCT, các tiêu chí đánh giá sẽ được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với tình hình thực tế để tạo điều kiện cho sự phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

■ Tình hình hoạt động và đặc điểm nổi bật trong hoạt động của các cơ sở đào tạo FTC, ĐTV, ĐB, VFT: Tổ chức tốt công tác xây dựng tài liệu huấn luyện (Chính sách, chương trình, giáo trình huấn luyện) đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN và IOSA-IATA; Quy hoạch và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm Phi công, Tiếp viên có phẩm chất chính trị và chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu huấn luyện, đào tạo của TCT; Tổ chức công tác tạo nguồn, tuyển sinh, đào tạo và huấn luyện nguồn lực Tiếp viên, Phi công, Nhân viên điều hành khai thác bay để kịp thời cung cấp nguồn lực lao động đặc thù, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, hiệu quả công việc cho TCT.

■ Văn hóa doanh nghiệp

Xuyên suốt quá trình hình thành, xây dựng và phát triển bền vững của Vietnam Airlines, việc xây dựng VHDN và phát triển văn hóa công sở, con người trên nền tảng kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, giá trị truyền thống của ngành Hàng không dân dụng và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, đã kiến tạo nên sức mạnh nội sinh cũng như nét văn hóa riêng biệt của TCT. Từ đó, góp phần kết tinh nên các giá trị cốt lõi cho VHDN và được thấm nhuần qua thời gian, trở thành những chuẩn mực đạo đức không chỉ trong văn hóa giao tiếp, ứng xử mà còn bao gồm cả tầm nhìn sứ mệnh, giá

trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.

Bên cạnh tinh thần nêu cao trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp hiện hữu, việc phát triển, nâng tầm VHDN gắn liền với chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cũng là những tiêu chí vô

2.10. Truyền thông, phát triển thương hiệu

Năm 2024, hoạt động truyền thông thương hiệu của TCT với thông điệp mới “#VạnDặmNângNiu” thể hiện (1) Tinh thần không ngừng nỗ lực vượt ngưỡng giới hạn và vượt lên cả sự mong đợi của khách hàng để mang tới dịch vụ xuất sắc của VNA; (2) Tượng trưng cho sự quan tâm, ân cần và lòng hiếu khách rất đặc trưng của người Việt Nam trong văn hoá dịch vụ của VNA, khẳng định giá trị cốt lõi của HHK luôn lấy khách hàng làm trung tâm, giúp khách hàng cảm thấy được chào đón và trân trọng trong suốt hành trình của họ và có sự kết nối sâu sắc hơn về mặt cảm xúc với VNA.

Quản trị hình ảnh thương hiệu

- Duy trì hình ảnh thương hiệu tại tất cả các điểm chạm với khách hàng và cán bộ nhân viên.
- Phát triển nhận diện thương hiệu theo hướng trẻ trung, hiện đại, hợp xu thế; VNA trở thành đại sứ văn hóa Việt trên bản đồ thế giới.
- Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố, tập đoàn, doanh nghiệp, đại sứ quán, lãnh sự quán các nước để xây dựng, phát triển thương hiệu, hình ảnh.
- Tiếp tục triển khai nghiên cứu, thực hiện chương trình theo lộ trình tái định vị thương hiệu.

cùng quan trọng. Với mục tiêu xây dựng Vietnam Airlines vững mạnh, mang bản sắc riêng, bộ quy tắc văn hóa, ứng xử, cuốn “Sổ tay Văn hóa Vietnam Airlines” đóng vai trò là kim chỉ nam để mỗi thành viên trong tổ chức thấu hiểu, trân trọng và gìn giữ những giá trị tinh túy của doanh nghiệp, đồng thời là công cụ không thể thiếu trong quá trình thay đổi và hoàn thiện bản thân của mỗi cá nhân, chung tay củng cố sức mạnh tập thể.

Chiến dịch #VạnDặmNângNiu là sự khởi đầu cho quá trình Tái định vị thương hiệu với hình ảnh thương hiệu của Vietnam Airlines năng động và sáng tạo thông qua cách kể chuyện hấp dẫn, trên các nền tảng kỹ thuật số hiện đại để kết nối với cá nhân từng hành khách, chia sẻ những câu chuyện đầy cảm hứng, khẳng định cam kết của chúng tôi về đổi mới, văn hoá và tính bền vững. Hành trình cùng Vietnam Airlines không chỉ là đến đích, đó là trải nghiệm một hành trình bay tròn vẹn và đầy cảm hứng, mang đậm chất Việt.



Quảng cáo truyền thông

- Kết nối với khách hàng qua quảng cáo truyền thông hình thức Omni Channel - sử dụng đa kênh (QC-TT-SKTT) theo hành trình khách hàng (customer journey).
- Tập trung quảng cáo, truyền thông về các điểm mạnh, điểm nổi trội trong sản phẩm dịch vụ của Vietnam Airlines như Dịch vụ nâng tầm, chuyển đổi số, các giải thưởng uy tín trong và ngoài nước...
- Đẩy mạnh quảng cáo bán các hạng doanh thu cao và quảng cáo bán các thị trường quốc tế trọng điểm.
- Triển khai kịp thời và đúng tiến độ 100% chương trình quảng cáo chiến thuật, đặc biệt chú trọng tính cá nhân hóa. Các chiến dịch quảng cáo đạt hiệu quả vượt trội về KPI trên các nền tảng số.
- Thông tin truyền thông bên ngoài và nội bộ bám sát định hướng sản xuất kinh doanh của TCT. Các KPI truyền thông và thị phần tin tức được đảm bảo.
- Quan hệ báo chí tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh nhằm hỗ trợ hoạt động truyền thông.
- Tăng cường tham gia tổ chức và tài trợ các chương trình, sự kiện mang tầm quốc gia, quốc tế.
- Bắt kịp xu hướng, công cụ mới thông qua các chương trình như OneS và bộ 3 mascot.

Sự kiện nổi bật

Tổ chức các chiến dịch, sự kiện tạo điểm nhấn, thu hút được sự quan tâm của khách hàng, đối tác và công chúng như các sự kiện kỷ niệm ngày lễ, Tết; khai trương đường bay mới (Munich); hội chợ Vietnam Airlines Festa; hội chợ VITM, ITE, hội chợ và roadshow quốc tế; lễ ký kết với các tỉnh thành, doanh nghiệp; giải Bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng và giải chạy VNA Run for love; chương trình Vietnam Airlines Classic; Sự kiện 5AM Concert mùa 2 tại Đà Lạt; Thực hiện 10 chương trình sự kiện với vai trò hãng hàng không quốc gia giới thiệu

đường bay, hình ảnh VNA nhân các chuyến công tác của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội tới Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Pháp, Mông Cổ, Campuchia, UAE, Nhật Bản; Hội thảo về đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid để VNA sớm phục hồi và phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Hoạt động phát triển bền vững (ESG): Triển khai một cách sáng tạo, giàu tính lan tỏa ra cộng đồng với các hoạt động phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường như:

- Sử dụng nhiên liệu SAF, tham gia thử thách hàng không của SkyTeam, tham gia dự án đo lường phát thải CO2 của IATA, hợp tác cùng Momo triển khai dự án "Góp lá và rừng", phát động chiến dịch "Vạn dặm bay nhẹ" - Bay nhẹ tới Côn Đảo, chiến dịch HeForShe thúc đẩy bình đẳng giới...
- Đồng hành cùng đất nước khắc phục hậu quả bão lũ: vận chuyển gần 30 tấn hàng hóa gồm áo phao, thuốc men, thực phẩm, đồ uống...
- Hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) được triển khai sâu rộng ở nhiều lĩnh vực, tăng cường quảng bá hình ảnh tới nhiều đối tượng khách hàng: Chuyến bay đưa người lao động xa quê về đoàn viên cùng gia đình trong dịp Tết Nguyên đán; Vận chuyển vaccine miễn phí phục vụ Chương trình Tiêm chủng mở rộng Quốc gia; Xây dựng thư viện xanh tại tỉnh Điện Biên; Chuyến đi mơ ước cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn; Quyên góp dặm và đấu giá từ thiện; Giải chạy VNA Run for Love với sự tham gia của người khuyết tật; Tham gia các chương trình Bình đẳng giới do UN phát động.





GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

| STT | Giải thưởng quốc tế |
|-----|---|
| 1 | Top 10 Hãng hàng không đúng giờ nhất Châu Á và Top 5 Hãng hàng không đúng giờ nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương |
| 2 | Best value premium economy of the year award for 2024 |
| 3 | Top 10 Hãng hàng không có đồng phục cho tiếp viên hàng không đẹp nhất thế giới |
| 4 | Top 25 Premium airlines of 2024 |
| 5 | Hãng hàng không 5 sao thế giới |
| 6 | "Chương trình Khách hàng Trung thành tốt nhất" |
| 7 | "Thương hiệu Du lịch và Giải trí được Ưu tiên Lựa chọn năm 2024" |
| 8 | Bảng xếp hạng 500 công ty lớn nhất ĐNÁ |
| 9 | Top 10 hãng hàng không khu vực Đông Nam Á có tổng số ghế cung cấp cao nhất trong năm |
| 10 | Hãng hàng không MICE tốt nhất Châu Á 2024 |
| 11 | Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa 2024 |
| 12 | Hãng hàng không có dịch vụ thân thiện và tiềm năng phát triển hàng đầu thị trường Ấn Độ |
| 13 | Giải vàng hạng mục Personalization |
| 14 | Giải Đồng hạng mục Real Time Marketing |

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

| STT | Giải thưởng trong nước |
|-----|---|
| 1 | Hãng hàng không đúng giờ nhất Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 |
| 2 | Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2024 |
| 3 | Hãng hàng không có dịch vụ cho Golfer tốt nhất năm 2024 |
| 4 | Hãng hàng không có tỉ lệ bay đúng giờ cao nhất tại Việt Nam giai đoạn cao điểm hè |
| 5 | Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2024 |
| 6 | Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 ngành Logistic |
| 7 | Thương hiệu quốc gia Việt Nam |
| 8 | Giải Bạc hạng mục Personalization |
| 9 | Giải Đồng hạng mục Real Time Marketing |
| 10 | Giải Nhất hạng mục Bình đẳng giới thông qua tham gia cộng đồng và quan hệ đối tác tại Lễ trao giải Thực hiện nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ |
| 11 | Giải Nhì hạng mục video clip |
| 12 | Giải Nhất giải thưởng Quảng cáo sáng tạo Việt Nam loại hình quảng cáo trên truyền hình |
| 13 | Giải THƯƠNG HIỆU DU LỊCH - LỮ HÀNH SÁNG TẠO CỦA NĂM |
| 14 | Giải Ý tưởng phát triển bền vững Giải thưởng hành động vì cộng đồng Human Act Prize |

2.11. Công nghệ thông tin

a. Các Nền tảng số và Hệ thống phần mềm ứng dụng mới hoặc được cải tiến trong các lĩnh vực kinh doanh (thương mại, khai thác, kỹ thuật, công tác bán, quản trị,...)

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang tái định hình toàn bộ ngành hàng không, VNA khẳng định vị thế tiên phong với chiến lược chuyển đổi số toàn diện, đồng thời không ngừng đầu tư vào đội tàu bay hiện đại và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện trải nghiệm hành khách và tối ưu hóa hiệu quả vận hành.

VNA nhận thấy rằng chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu bắt buộc trong thời đại số hiện nay. Hãng đã và đang triển khai một loạt các giải pháp công nghệ hiện đại như Trí tuệ nhân tạo (AI), Phân tích nâng cao (Big Data), Học máy (Machine Learning), Sinh trắc học (Biometrics), Internet vạn vật (IoT), Dịch vụ đám mây (Cloud), Công nghệ Chuỗi khối (Blockchain) và Tự động hóa thông minh (Hyperautomation) nhằm xây dựng "Doanh nghiệp số" - một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và cạnh tranh trên trường quốc tế.

Song song với chuyển đổi số, VNA cũng chú trọng đầu tư phát triển đội tàu bay thế hệ mới, với các mẫu máy bay tiên tiến như B787 và A350. Những máy bay này không chỉ giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và khí thải, giảm chi phí bảo dưỡng mà còn mang đến trải nghiệm bay đẳng cấp với không gian rộng rãi và hệ thống giải trí hiện đại.

Trong năm 2024, VNA đã triển khai hệ thống quản lý bảo dưỡng mới AMOS của MRO-IT thay thế cho hệ thống AMASIS cũ, cùng với hệ thống quản lý thông tin kỹ thuật chung TIMS. Nhờ tích hợp các công nghệ AI, IoT, Big Data và tự động hóa, VNA đã nâng cao khả năng phân tích, dự đoán và theo dõi tình trạng tàu bay theo thời gian thực, đảm bảo đội máy bay luôn đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và hiệu quả vận hành.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực kỹ thuật, VNA hợp tác với các đối tác hàng đầu như Boeing, Airbus, General Electric và Rolls-Royce để ứng dụng các hệ thống giám sát trạng thái máy bay tiên tiến như: Aircraft Health Monitoring (AHM) cho máy bay Boeing, Aircraft Maintenance Analysis (AIRMAN) cho máy bay Airbus, Advanced Diagnostic and Engine Management (ADEM) cho động cơ máy bay.... Những hệ thống này giúp VNA theo dõi

tình trạng kỹ thuật 24/7, tăng cường độ tin cậy và sẵn sàng khai thác của đội tàu bay hiện đại.

Để tối ưu hóa công tác khai thác bay, VNA đã thực hiện nâng cấp tổng thể các hệ thống điều hành hiện đại. Hệ thống thông tin phục vụ kế hoạch bay, ứng dụng di động cho tổ bay, hệ thống điều hành khai thác và hệ thống hỗ trợ lập kế hoạch (Network Planning) được triển khai nhằm tối ưu hóa việc sử dụng đội tàu bay, quản lý tổ bay hiệu quả, lập kế hoạch khai thác linh hoạt và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực.

Nhằm tạo ra trải nghiệm khách hàng, VNA đã hoàn thiện chuyển đổi hệ thống Phục vụ Hành khách (PSS). Hệ thống hỗ trợ bán (B2C, B2B) vé của VNA được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến của Salesforce, các công cụ kết hợp với các công cụ kết nối API, giúp tích hợp liền mạch với các hệ sinh thái bên ngoài. Ngoài ra, trang web thương mại điện tử và hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng (CDP) hiện đại được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hành khách.

VNA không ngừng cải tiến hạ tầng kỹ thuật số, mang lại sự tiện lợi tối đa cho hành khách thông qua thủ tục trực tuyến trên website, ứng dụng di động và quầy tự làm thủ tục Kiosk check-in tại các sân bay trong và ngoài nước. Phiên bản tiên tiến của ứng dụng di động từ năm 2019 tích hợp nhiều tính năng hiện đại như tìm kiếm chuyến bay, tra cứu hành trình, đặt vé trực tuyến, cập nhật ưu đãi và quản lý giao dịch qua tài khoản Bông Sen Vàng. Hệ thống còn hỗ trợ tra cứu 67 bản đồ kỹ thuật số của các sân bay nội địa và quốc tế. Tích hợp thanh toán QR code qua cổng Napas (ứng dụng Momo, Moca), VNPAY và dịch vụ SOFORT Banking tại các thị trường quốc tế như Đức, Thụy Sĩ, Áo.

Nhằm đem đến trải nghiệm giải trí độc đáo trên chuyến bay, VNA đã giới thiệu ứng dụng Microsite, được liên kết với website của Hãng, cập nhật định kỳ với 8 ngôn ngữ (Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Hàn, Trung Quốc), cho phép hành khách tự tra cứu thông tin dịch vụ và lựa chọn chương trình giải trí yêu thích. Wireless Streaming là hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam trang bị hệ



thống Wireless Streaming trên máy bay A321neo, giúp hành khách với chuyến bay ngắn (dưới 03 giờ) có thể truy cập giải trí qua các thiết bị cá nhân như máy tính bảng, điện thoại thông minh và laptop.

Bên cạnh đó, VNA triển khai nhiều phần mềm công nghệ thông nhằm hỗ trợ vận hành, quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như: Phân tích chất lượng an toàn khai thác, Quản lý kế toán thu (REVERA), Tối ưu hóa doanh thu (RMS), Quản lý và phân phối giá cước, Quản lý công tác hành chính (SkyOffice), nhân sự (SkyHR), quy trình (BPM) và hợp đồng (CMS). Những giải pháp này giúp VNA tối ưu hóa hiệu quả công tác hành chính số và nâng cao năng lực quản lý tổng thể của Hãng.

b. Đánh giá độ sẵn sàng các hệ thống CNTT

Độ sẵn sàng các hệ thống CNTT trung bình trong năm 2024 là 100%.

Các chỉ tiêu ANTT trung bình trong năm 2024 là 100%.

c. Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông và những thay đổi quan trọng (nếu có)

Đảm bảo ANTT cho các hệ thống CNTT, đạt KPI về an toàn thông tin đã đề ra như Tỷ lệ các máy trạm cài đặt các phần mềm ANTT đạt 100%; Tỷ lệ các máy chủ cài đặt các phần mềm ANTT đạt 100%; Tỷ lệ xử lý các sự cố về ATTT đạt 100%.

Tối ưu các dịch vụ và giải pháp ANTT khác được tối ưu để ứng phó với khó khăn về ngân sách của VNA.

Cam kết thực hiện đánh giá ATTT và khắc phục các lỗ hổng bảo mật đối với các hệ thống CNTT quan trọng và các hệ thống mới. Tiếp tục duy trì chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật quốc tế PCI DSS của Hiệp hội thẻ thanh toán quốc tế. Áp dụng và triển khai hệ thống Quản lý An toàn Thông Tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 cho Quản lý trung tâm dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu. Đạt chứng chỉ ISO 27001:2022 vào tháng 8/2024.

Với chiến lược chuyển đổi số toàn diện và đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, Vietnam Airlines không chỉ khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành hàng không tại Việt Nam, mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển bền vững. Những bước tiến công nghệ đã và đang tạo ra giá trị lớn cho hành khách và các đối tác, đồng thời khẳng định cam kết của VNA trong việc mang đến trải nghiệm bay an toàn, tiện nghi và hiện đại. Vietnam Airlines tiếp tục tiên phong, không ngừng cải tiến và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không số hàng đầu khu vực ASEAN và trên trường quốc tế.

Các trường hợp khiếu nại về bảo vệ dữ liệu được gửi đến DPO được giải quyết, hạn chế và khắc phục nhanh chóng các sự cố ANTT như Booking khổng, DDoS website TMĐT; Đảm bảo tất cả các trường hợp khiếu nại về bảo vệ dữ liệu được gửi đến DPO được giải quyết.

Tổ chức đánh giá nhận thức người dùng về ATTT và diễn tập tấn công lừa đảo qua Email. Triển khai thay thế các SSL, đưa về mô hình quản lý tập trung. Triển khai các giải pháp chống giả mạo đối với email gửi từ bên ngoài. Triển khai phương án tách domain hệ thống Email Marketing, nâng cao độ an toàn và hiệu quả của Email Marketing. Thực hiện nghiên cứu, áp dụng, triển khai thử nghiệm các giải pháp ANTT mới như PAM; SOAR và EDR.



d. Lộ trình và các giải pháp để trở thành doanh nghiệp số 4.0 (Digital Airlines)

Đẩy mạnh triển khai nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi hạ tầng số, tổ chức nguồn dữ liệu số và đẩy mạnh khai thác các báo cáo thông minh (BI). Tổ chức kho dữ liệu dùng chung Datalake House chung bao gồm tất cả các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu khai thác và quản trị dữ liệu trên môi trường Cloud. Ban hành chính sách quản trị dữ liệu, quy trình khai thác dữ liệu trong toàn TCT.

Triển khai đồng bộ các nền tảng số và hệ thống phần mềm ứng dụng theo chuẩn mực ngành hàng không dựa trên các quy trình tiêu chuẩn, tiên tiến (Best Practice) của ngành hàng không. Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 như Trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác dự báo, tối ưu hóa sử dụng nhiên liệu,...; nhận dạng sinh trắc học (Biometric); khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào các lĩnh vực thương mại, điều hành khai thác, tự động hóa phục vụ

khách hàng, nâng cao tính trải nghiệm của khách hàng. Tăng cường ứng dụng công nghệ số tiên tiến, hiện đại trên thế giới vào hoạt động bảo dưỡng kỹ thuật, dự báo hỏng hóc sớm để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

Thực hiện nâng cấp hệ thống giám sát an ninh thông tin SOC; đáp ứng các quy định, đường hướng của cơ quan chức năng về An toàn thông tin; triển khai và duy trì thành công các tiêu chuẩn về An toàn thông tin như ISO 27001; PCI DSS,... nâng cấp và các hệ thống quản lý truy cập, phân quyền trên các ứng dụng quan trọng; hoàn thiện mô hình ANTT hướng đến từng ứng dụng; triển khai các mô hình quản lý phân quyền trên lớp ứng dụng và CSDL, đảm bảo việc quản lý, truy xuất, truy vết dữ liệu khi có yêu cầu.



2.12. Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên

2.12.1. Tổ chức lại sản xuất kinh doanh

Đường bay

Điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến của thị trường và nguồn lực tàu bay khai thác. Trên thị trường quốc tế, dừng khai thác hoặc giảm tần suất những đường bay chưa đạt hiệu quả cao, tiếp tục tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường thông qua việc mở đường bay mới. Ngoài ra, các đường bay khác cơ bản duy trì tần

suất khai thác như năm 2019, ngoại trừ các đường bay Nga, Myanmar do vẫn còn tồn tại những bất ổn về chính trị. Trên thị trường nội địa, duy trì giữ thị phần chính của VNA Group trên các đường bay trực, tiếp tục tăng tải đường bay du lịch, điều hành tải linh hoạt nhằm đảm bảo hiệu quả.

Công tác bán

Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản trị nội bộ theo hướng công khai, minh bạch; thực hiện tăng phân quyền, ủy quyền, giao quyền, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên cơ sở tăng cường công tác kiểm tra, giám sát;

Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu quản trị cụ thể, rõ ràng và triển khai bài bản, đồng bộ trong toàn hệ thống;

Thiết lập chiến lược chuyển đổi số và tư duy văn hóa số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong tất cả các hoạt động SXKD, quản trị, vận hành của VNA để tăng tốc ra quyết định, nâng cao tính chính xác trong công tác ra quyết định;

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng nhằm triển khai các hoạt động tiếp thị hiện đại, thực hiện cá nhân hóa trong các công tác tiếp thị nói chung và cũng như làm nền tảng triển khai các dịch vụ nâng cấp các trải nghiệm của khách hàng;

Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cấp hạ tầng website, CNTT, chuyển đổi số cũng như các chính sách về thương mại để đạt mục tiêu tỷ trọng kênh bán online (VNA Website, Mobile App) chiếm tỷ trọng bán trên 25,5% trong năm 2025;

Đổi mới, cập nhật các hệ thống phần mềm xây dựng kế hoạch mạng bay, đội bay, lịch bay; hệ thống quản trị doanh thu, xây dựng và phân phối giá nhằm đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường, tăng năng suất lao động, giảm chi phí. Tận dụng công nghệ mới, phương thức quản trị mới của các ngành HK nhờ vào việc đổi mới hệ thống, giải pháp về

CNTT. Trong đó, VNA sẽ áp dụng hệ thống quản trị doanh thu theo O&D với mục tiêu tăng thêm 2% doanh thu tại các thị trường được áp dụng;

Chú trọng công tác nghiên cứu, dự báo thị trường để nắm chắc biến động cạnh tranh, chủ động xây dựng và điều hành sản phẩm theo các kịch bản kế hoạch, sát với nhu cầu thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh tối ưu toàn mạng đường bay trên cơ sở từng đường bay, loại máy bay. Công tác thiết kế sản phẩm phải theo sát với sự thay đổi nhanh chóng của nhu cầu và hành vi của khách hàng, thực sự lấy khách hàng là trung tâm, đảm bảo sự thuận tiện, an tâm, dễ tiếp cận cho khách hàng;

Về đội bay, thực hiện đa dạng hơn về kích cỡ tàu bay nhưng đơn giản hơn về chủng loại ở từng cỡ tàu để linh hoạt hơn trong công tác khai thác, thiết kế sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường;

Sớm triển khai các giải pháp giá linh hoạt (dynamic pricing) nhằm đảm bảo tính đa dạng, linh hoạt phù hợp với đa dạng nhóm khách hàng, thậm chí từng khách hàng riêng lẻ song cấu trúc giá, nguyên tắc phải xác định giá phải đảm bảo tính đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận cho khách hàng;

Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng lớn (Corporate Account - CA) bao gồm việc xây dựng chính sách ưu đãi, linh hoạt riêng cho khách hàng, ứng dụng hệ thống LoutsBiz (Loyalty Program) trong quản trị; cung cấp dịch vụ nhanh chóng, tự động, minh bạch với khách hàng nhằm mục đích ngày càng làm hài lòng khách hàng hiện tại cũng như truyền thông mở rộng các đối tượng khách hàng mới;

Cải tiến chương trình khách hàng thường xuyên LotuSmiles nhằm tăng cường các lợi ích rõ rệt hơn cho khách hàng, đặt mục tiêu mở rộng và nâng cao tần suất sử dụng dịch vụ của tệp khách hàng trung thành, khuyến khích khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ vận chuyển cũng như mua thêm các dịch vụ bổ trợ (ancillary) của VNA;

Các chính sách, giải pháp trong công tác truyền thông cần triển khai linh hoạt, đáp ứng nhanh với các biến động của thị trường nhưng trên cơ sở có chiến lược truyền thông tổng thể, dài hạn với các mục tiêu truyền thông cụ thể, rõ ràng. Từng chiến dịch truyền thông cần có tổ chức theo dõi và đánh giá hiệu quả;

Triển khai các giải pháp về ứng dụng công nghệ, digital marketing và hoàn thiện chính sách bán, tăng cường đàm phán với các đối tác phi hàng không để đẩy mạnh bán sản phẩm bổ trợ, với mục tiêu doanh thu sản phẩm

Công tác hàng hóa

Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA group ở mức 60% (Thị phần đường trực HAN-SGN-HAN~65%).

Bám sát diễn biến thị trường hàng hóa, triển khai chính sách bán linh hoạt, tối ưu hóa doanh thu chuyến bay. Tăng cường bán hàng hóa để lấp đầy tải chuyến bay,

Công tác dịch vụ

Căn cứ thực hiện

Căn cứ chủ trương tái cơ cấu của TCT theo

Nghị quyết số 18-NQ/TW (2017) về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị quyết lãnh đạo của Ban TVĐU TCT

dịch vụ gia tăng (ancillary) đạt từ 6%-7% tổng doanh thu hành khách vào năm 2025;

Đối với hợp tác thương mại, tập trung triển khai các hợp đồng hợp tác liên doanh với các hãng HK đối tác chiến lược ở từng khu vực thị trường như Air France, Delta, China Airlines, Korean Air và ANA. Tại thị trường trong nước, tiếp tục triển khai kế hoạch hợp tác với PA và Vasco trong tổng thể kế hoạch phát triển và đảm bảo khả năng cạnh tranh của VNA Group;

Phát triển mảng kinh doanh vận tải hàng hoá, nghiên cứu khai thác tàu bay chuyên chở hàng hoá;

Cải tổ, đơn giản hóa quản lý kênh phân phối tại thị trường Việt Nam; đưa một số nhiệm vụ quản trị kênh bán từ các Chi nhánh về thực hiện tập trung tại trụ sở chính (HDQ) bao gồm việc quản trị bán khách hàng lớn, quản lý chuyến bay, quản trị chính sách chiết khấu thương mại...

đảm bảo hệ số sử dụng tải trên các chuyến bay chở khách quốc tế đối với tàu thân rộng đạt 90% - 100% và tàu thân hẹp trên 71%.

Tăng cường hợp tác với các hãng hàng không, nâng cao hiệu quả và mở rộng hợp tác.

Hiện trạng tổ chức Khối Dịch vụ

Khối Dịch vụ gồm ba đơn vị chính:

Ban Dịch vụ Hành khách (DVHK): Phụ trách dịch vụ mặt đất, dịch vụ trên không, quản trị chi phí và trải nghiệm khách hàng.

Trung tâm Dịch vụ & Khai thác Sân bay (ASOC): Quản lý khai thác sân bay, điều hành và giám sát an toàn chất lượng.

Đoàn Tiếp viên (ĐTV): Đảm bảo chất lượng phục vụ trên không, quản lý tiếp viên và đào tạo.

Mặc dù mô hình hiện tại của Khối DV đã cho thấy nhiều ưu điểm và hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên qua hơn 2 năm hoạt động, có một số nội dung cần được phân tích và xem xét điều chỉnh.



Cơ sở, nguyên tắc tái cơ cấu

Một tổ chức thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, bỏ bớt các thủ tục hành chính, chống lãng phí.

Chuyển các tổ chức có nhiệm vụ tương đồng hoặc có nhiệm vụ gắn kết mật thiết trong quá trình triển khai công việc, đảm bảo tinh gọn tổ chức.

Tổ chức mới hiệu quả hơn, có thể đi vào hoạt động được ngay, không làm ngắt quãng công việc.

Phương án tái cơ cấu

Khối Dịch vụ đề xuất phương án tái cơ cấu theo 2 giai đoạn

Giai đoạn 1 (tháng 1/2025)

Giai đoạn 2 (quý 3/2025)

Dự kiến hiệu quả sau tái cơ cấu giai đoạn 1

Đối với Ban DVHK

Tinh gọn được một đầu mối cấp phòng, từ 4 phòng xuống còn 3 phòng.

Cân bằng hơn về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc giữa các phòng.

Giảm bớt các khâu trung gian, từ đó giảm thời gian xử lý công việc. Cụ thể là các nhiệm vụ về quản trị chi phí theo các cost driver, đánh giá hiệu quả quản trị chi phí theo KPI, công tác xây dựng kế hoạch, điều hành, đánh giá thực hiện kế hoạch SXKD. Các phòng chuyên môn như DVMĐ, DVTK sẽ trực tiếp làm và trực tiếp chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Cũng từ việc giảm bớt các khâu trung gian nêu trên, chất lượng xử lý công việc cũng sẽ tốt hơn do

các phòng chuyên môn ý thức được khối lượng công việc và trách nhiệm của mình, từ đó có kế hoạch tổ chức, phân bổ nguồn lực cụ thể để thực hiện.

Một đầu mối duy nhất chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện hiệu quả đối với công tác cung ứng, thu hồi hàng hóa PVHK, đáp ứng được yêu cầu một nhiệm vụ chỉ giao cho một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động: Trên cơ sở đưa các nhiệm vụ có tính chuyên môn rõ ràng về đúng các phòng chuyên môn để chịu trách nhiệm thực hiện, việc này sẽ tạo điều kiện cho các phòng sử dụng lao động hiệu quả hơn, phân công được nhiều công việc hơn cho người lao động và sẽ là tiền đề để đánh giá, giảm bớt lao động trong thời gian tiếp sau, đáp ứng được yêu cầu một tổ chức thực hiện nhiều việc như chủ trương đã đề ra.

Đối với ASOC

Giảm được biên chế cấp lãnh đạo TT và cán bộ phòng Kế toán.

Giai đoạn 2 (quý 3/2025) của phương án Tái cơ cấu

Khối Dịch vụ: Tiếp tục rà soát và nghiên cứu phương án tái cơ cấu ASOC, ĐTV, trọng tâm tiếp tục tinh gọn bộ máy, tối ưu quản lý và nâng cao hiệu quả vận hành.

2.12.2. Tái cơ cấu tài chính Công ty Mẹ

Bước sang năm 2024 - giai đoạn quyết định quan trọng của tiến trình phục hồi sau đại dịch, TCT tiếp tục nỗ lực cao độ triển khai nhiều giải pháp tái cơ cấu tài chính bao gồm: tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp cắt giảm chi phí, tái cơ cấu tài sản thông qua thanh lý tàu bay cũ để gia tăng nguồn thu, bổ sung dòng tiền cho hoạt động SXKD; đẩy mạnh công tác tái cơ cấu nợ vay, xây dựng các kịch bản dòng tiền và phối kết hợp điều hành linh hoạt các khoản thu - chi kết hợp sử dụng linh hoạt giải pháp giãn hoãn nợ nhà cung cấp và vay tín dụng ngắn hạn để có dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, tháng 6/2024, TCT đã hoàn thành báo cáo và được Quốc hội thông qua phương án gia hạn gói vay tái cấp vốn 4.000 tỷ đồng, theo đó Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã gia hạn thêm 03 lần tại thời điểm đến hạn trả nợ đối với dư nợ tái cấp vốn còn lại của các tổ chức tín dụng đang cho TCT vay bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Giải pháp này đã tạo ra một khoảng thời gian cần thiết giúp TCT giảm áp lực dòng tiền trong năm 2024,

2.12.3. Tái cơ cấu doanh nghiệp thành viên

Năm 2024, TCT đã tích cực triển khai công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên và đạt được một số kết quả như: hoàn thành xin phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn và triển khai một số công việc chuẩn bị để chuyển nhượng vốn của TCT tại CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất; hoàn thành triển khai các giải pháp hỗ trợ Pacific Airlines duy trì hoạt động song song với tiếp tục

2.12.4. Công tác áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động kinh doanh

TCTHK hiện nay đang áp dụng mạnh mẽ các nền tảng TMĐT vào công tác bán như nâng cấp phát triển liên tục trang Website giúp tạo ra nền tảng bán hàng và trải nghiệm khách hàng độc đáo. Phát triển Mobile App để gia tăng kênh bán và trải nghiệm di động. Tích hợp và hợp tác đa kênh với các đối tác ngân hàng, sàn thương mại, chợ điện tử để đa dạng hóa sản phẩm. Liên tục hợp

bảo đảm thanh khoản, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và tập trung triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài sản, nguồn vốn để bổ sung dòng tiền và thu nhập.

Ngoài ra, TCT tiếp tục kiên trì báo cáo, giải trình các cấp có thẩm quyền về các giải pháp đề xuất trong Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid -19 để TCT sớm phục hồi và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2035. Đến tháng 11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa 15, Quốc hội đã thông qua các giải pháp gồm: cho phép TCT chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn thêm với quy mô tối đa 22.000 tỷ đồng (giai đoạn 1 là 9.000 tỷ đồng triển khai trong 2025, giai đoạn 2 là 13.000 tỷ đồng trong 2026); cho phép Pacific Airlines (PA) được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp thuế còn nợ đến hết ngày 31/12/2024 làm cơ sở để TCT triển khai các giải pháp tái cơ cấu nguồn vốn thông qua triển khai phương án phát hành thêm cổ phần tăng vốn và tái cơ cấu vốn đầu tư của TCT tại PA.

phối hợp với các bộ ngành triển khai các giải pháp xử lý tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thoái vốn của TCT tại PA; nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch chuyển nhượng vốn đầu tư của VNA tại một số doanh nghiệp đa ngành nghề, ít liên quan đến VTHK để triển khai việc chuyển nhượng từ 2025.

tác với các đối tác để mở kênh tích lũy điểm thưởng cho khách hàng nhằm đem tới cho khách hàng nhiều lợi ích nhất khi bay với Vietnam Airlines. Bên cạnh công tác bán trực tiếp sản phẩm hàng không, một số sản phẩm phi hàng không cũng được tích hợp và mở rộng tới khách hàng thông qua các cổng thương mại như VN Mall, VN Amazing hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại khác.



2.13. Các chương trình hợp tác

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc

Năm 2024, VNA và ANA tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác chiến lược tổng thể, toàn diện trên nhiều lĩnh vực theo các thỏa thuận giữa hai bên trong khuôn khổ hợp tác đầu tư mua cổ phần của VNA vào năm 2016. Trong năm 2024, hai bên duy trì trao đổi về khả năng hợp tác liên doanh trong lĩnh vực thương mại, đồng thời đẩy mạnh triển khai nội dung hỗ trợ kỹ thuật trên nhiều lĩnh vực: công nghệ thông tin và chuyển đổi số, đào tạo nâng cao chất lượng dịch vụ suất ăn, hệ thống phục vụ hành khách PSS (Passenger Service System) mới và quản trị doanh thu phụ trợ...

Thông qua các chia sẻ, hỗ trợ của ANA, VNA đã học hỏi nhiều kinh nghiệm để nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ suất ăn trên chuyến bay, mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. Đối với công tác chuyển đổi số, những hỗ trợ của ANA giúp VNA hoàn thiện việc xây dựng kho dữ liệu dùng chung, hỗ trợ VNA trong công tác chuẩn bị và triển khai hệ thống phục vụ hành khách PSS mới, xây dựng mô hình kiến trúc các hệ thống phần mềm khai thác bay cũng như giúp VNA học hỏi một số kinh nghiệm về phân bổ khai thác tại các sân bay qua đó từng bước hoàn thiện các giải pháp về dữ liệu, hệ thống và khai thác cho VNA.



b. Hợp tác thương mại (song phương/ đa phương/ liên doanh/ Skyteam)

Về hợp tác liên doanh song phương, trong năm 2024, TCT đã triển khai hợp tác với 22 hãng hàng không quốc tế và 01 hãng tàu hỏa Pháp; trao đổi khả năng hợp tác liên danh với các hãng hàng không Saudi Arabia Airlines, Emirates, Singapore Airlines, Scandinavian Airlines, Aeromexico nhằm mở rộng mạng bay hợp tác, phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của hành khách.



Về hợp tác liên doanh, TCT duy trì việc quản trị hợp tác liên doanh trên đường bay giữa Việt Nam – Pháp với hãng hàng không Air France của Pháp, thực hiện các thủ tục xin phép Nhà chức trách gia hạn hưởng miễn trừ cạnh tranh đối với hợp tác với Air France và nộp hồ sơ xin miễn trừ cạnh tranh đối với hợp tác liên doanh với hãng hàng không China Southern Airlines. Ngoài ra, TCT tiếp tục trao đổi khả năng hợp tác liên doanh với một số đối tác tiềm năng.



Về hợp tác chia chặng đặc biệt (SPA), TCT cũng quản trị hiệu quả hơn 80 hợp tác SPA với các hãng hàng không, hãng tàu. Việc tăng cường hợp tác giúp TCT mở rộng được mạng bay, đa dạng hóa sản phẩm, bảo vệ doanh thu cho TCT và góp phần nâng cao hiệu quả khai thác các đường bay, nâng cao hình ảnh thương hiệu và tăng cường sự hiện diện tại hầu hết các thị trường lớn trên thế giới.



Về hợp tác đa phương, TCT đã tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA và Liên minh Hàng không toàn cầu SkyTeam nhằm phát huy vai trò và ảnh hưởng của TCT trong việc xây dựng, định hình các chính sách chung của Liên minh. Trong năm 2024, TCT chính thức gia nhập Hiệp hội các hãng hàng không châu Á Thái Bình Dương (AAPA). Đây là tổ chức có sức ảnh hưởng nhất định trong ngành hàng không, đặc biệt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việc tham gia AAPA giúp TCT tăng cường quan hệ hợp tác với các hãng hàng không thành viên; trực tiếp tham gia các hoạt động vận động hành lang để gia tăng sức ảnh hưởng và nâng cao vị thế của TCT trong khu vực. Việc gia nhập AAPA cũng giúp củng cố quan hệ của TCT với các hãng trong khu vực, tăng cường hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực.





Về Hiệp định chính phủ và quan hệ ngành, TCT luôn chủ động có ý kiến về các đối sách điều tiết hoạt động không tải giữa Việt Nam và các nước để bảo vệ quyền lợi của TCT trong hoạt động khai thác. Theo đó, trong năm 2024, TCT đã kiến nghị phương án đàm phán và tham gia đoàn công tác của CHK trao đổi Hiệp định hàng không song phương giữa Việt Nam và Ấn Độ, Bangladesh, New Zealand,.. cũng như các Hiệp định hàng không đa biên nội vùng ASEAN, và ASEAN với các nước đối thoại EU/New Zealand/Hàn Quốc/Nhật Bản.



c. Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Tính đến hết năm 2024, VNA đã hoàn thành triển khai ký kết hợp tác với 40/63 UBND các tỉnh/thành. Riêng trong năm 2024, Vietnam Airlines đã ký mới thỏa thuận hợp tác toàn diện với 03 UBND tỉnh bao gồm Sơn La, Hải Dương và Lạng Sơn. Với các hợp tác đã ký kết trước đó, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì, triển khai tổng thể các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại nhằm phối hợp đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch, đầu tư thương mại, hàng không, điểm đến; xây dựng chính sách hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau một cách hiệu quả; tăng cường quảng bá hình ảnh, khẳng định vai trò hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines và các tỉnh/thành phố trong quá trình hoạt động và phát triển, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đóng góp vào công cuộc quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước. Việc hợp tác với các tỉnh/thành trong các năm vừa qua đã góp phần giúp Vietnam Airlines nâng tầm thương hiệu quốc gia, khẳng định vai trò là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.



d. Hợp tác với các đối tác doanh nghiệp lớn

Thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines với các tập đoàn kinh tế nhằm mục đích phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, tăng cường hợp tác toàn diện hướng tới mục tiêu là đối tác chiến lược của nhau trong quá trình hoạt động và phát triển. Thông qua hoạt động hợp tác toàn diện, Vietnam Airlines và các tập đoàn này sẽ cùng xúc tiến các hoạt động hỗ trợ nhau, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh để khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm; thông qua hợp tác để tăng cường lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của các bên.

Trong năm 2024, Vietnam Airlines đã tiếp tục mở rộng ký kết hợp tác thêm với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam và Tập đoàn phát triển Sentosa (Sentosa Development Corporation) của Singapore. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì các hoạt động hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã có hợp tác từ trước như VinGroup, Sun Group, Thiên Minh Group, Saigontourist,... triển khai thành công các hoạt động phối hợp marketing, đồng tổ chức sự kiện, phát động các chiến dịch bán sản phẩm chung... qua đó nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng các giá trị, quyền lợi cho khách hàng của các bên.



3. Tình hình đầu tư

3.1. Các khoản đầu tư dự án lớn

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 của TCT đã được TGD giao các cơ quan đơn vị tại QĐ 1115/QĐ-TCTHK-ĐTMS ngày 15/7/2024, theo đó: Tổng kinh phí 283,6 tỷ VNĐ, gồm: đầu tư tài sản 70,9 tỷ; Dự phòng đầu tư tài sản 212,7 tỷ. Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2024 như sau:

| Danh mục đầu tư | KH 2024 | | TH 2024 | | %TH/KH | |
|-----------------------|-----------|------------------------------|----------|-----------------------------|--------------|-------------------|
| | Số dự án | Kế hoạch giải ngân (Tỷ đồng) | Số dự án | Giá trị giải ngân (Tỷ đồng) | Số dự án | Giá trị giải ngân |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| Đầu tư tài sản | 22 | 70,9 | 9 | 21,5 | 40,9% | 30,3% |
| Tàu bay | 1 | 1,8 | - | - | - | - |
| Xây dựng cơ bản | 7 | 35,9 | - | - | - | - |
| Trang thiết bị, CNTT | 14 | 33,1 | 9 | 21,5 | 64,3% | 65,0% |
| Đầu tư RNDN | 4 | | | | | |
| Dự phòng | | 212,7 | | 2,5 | | 1,2% |
| Tổng cộng | 26 | 283,6 | 9 | 24,0 | 34,6% | 8,4% |

Ghi chú: Cột 4 là tổng số dự án Chuẩn bị đầu tư được phê duyệt, số dự án Thực hiện đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2024.



Các dự án đầu tư tài sản

Đầu tư tàu bay

Năm 2024, VNA tiếp tục chuẩn bị đầu tư 01 dự án 50 tàu bay thân hẹp. Dự án đã được Sở TNMT đã phê duyệt BCĐG tác động môi trường, VNA và Boeing đã ký MOU chấp nhận Bản chào bán 50 tàu B737Max của Boeing làm cơ sở để hai bên tiếp tục xem xét, đồng thời là yếu tố thúc đẩy quá trình đàm phán với các nhà sản xuất để hỗ trợ quá trình triển khai hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án. Hiện nay, VNA đang triển khai thủ tục xin Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án này theo quy định hiện hành làm cơ sở lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2024 là 24 tỷ đồng, chủ yếu để giải ngân cho 02 dự án trang thiết bị phục vụ huấn luyện đào tạo theo yêu cầu của nhà chức trách hàng không (hoàn thành đưa vào sử dụng cuối năm 2023) và 01 dự án mua ULD (container) phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2024, VNA tập trung, ưu tiên bố trí tối đa nguồn lực để tham gia các dự án đầu tư xây dựng và khai thác các cơ sở hạ tầng tại Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, hiện nay VNA đã trúng thầu là nhà đầu tư các dự án khu bảo trì tàu bay, khu cung cấp suất ăn trên tàu bay, khu bảo trì phương

tiện phục vụ mặt đất và xử lý vệ sinh tàu bay và đang tiếp tục đề xuất được giao là nhà đầu tư đối với các dự án cung ứng nhiên liệu hàng không, nhà ga hàng hóa và trung tâm logistic hàng không.

Dự phòng đầu tư

Trong năm 2024, TCT dự phòng 212,7 tỷ đồng để giải ngân triển khai đầu tư các dự án được phê duyệt mới trong năm 2024 (200 tỷ dự phòng cho dự án chuyển đổi cấu hình 23 tàu bay A321 sở hữu và 12,7 tỷ cho các dự án trang thiết bị khác). VNA chỉ sử dụng 2,5 tỷ dự phòng để triển khai một số dự án trang thiết bị nhỏ mới được phê duyệt trong năm phục vụ SXKD, khoản dự phòng cho dự án chuyển đổi cấu hình 23 tàu bay A321 sở hữu chưa thực hiện do dự án đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu.

Đánh giá chung công tác đầu tư tài sản

Năm 2024 TCT thực hiện đúng chủ trương chỉ triển khai các DA nếu bố trí được vốn. Kinh phí đầu tư năm 2024 chủ yếu chỉ để thanh toán cho các dự án cấp thiết đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2024 để phục vụ trực tiếp SXKD. Công tác thực hiện đầu tư được triển khai theo đúng quy định của Nhà nước và TCT, tuy tỉ lệ % thực hiện đầu tư thấp nhưng không ảnh hưởng tới hoạt động SXKD chung của TCT.





3.2. Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Đánh giá chung về hiệu quả đầu tư ra ngoài DN

Năm 2024 bên cạnh những yếu tố thuận lợi như nhu cầu đi lại, du lịch trong và ngoài nước có sự phục hồi, ngành hàng không vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức do thiếu hụt nguồn lực tàu bay, những bất ổn chính trị trên thế giới, biến động tỷ giá, giá dầu. Các DNVG đã tận dụng tốt các cơ hội thị trường để giữ thị phần và khách hàng, trong đó nhóm các công ty TNHH MTV, suất ăn, hàng hóa đều có thêm khách hàng mới, đồng thời các DN đều

nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ để đàm phán tăng giá; các DN suất ăn đẩy mạnh cung ứng sản phẩm non-air, tối ưu công suất sử dụng nhà xưởng và nguồn lực. Do đó, cùng với các giải pháp quản trị chi phí, hầu hết các DNVG đã hoàn thành tốt KH được giao và tăng trưởng LN so với năm 2023; đồng thời đảm bảo an ninh an toàn bay và chất lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp cho VNA.

Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn góp trong năm 2024

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty con






| TT | Logo | Công ty | Tỷ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|------|---------|----------------------|--|
| 1 | | VAECO | 100% | <p>Là Công ty TNHH một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ. VAECO là Tổ chức bảo dưỡng máy bay duy nhất ở Việt Nam nhận được cả 2 chứng chỉ uy tín nhất thế giới là FAR-145 của Cục Hàng không Liên bang Mỹ (FAA, năm 2010) và EASA-145 của Cơ quan An toàn hàng không Châu Âu (EASA, năm 2017), bên cạnh chứng chỉ của Cục Hàng không Việt Nam và 20 Nhà chức trách hàng không trên thế giới. Bên cạnh đó, VAECO được EASA phê chuẩn chương trình SMS tháng 10/2023 sớm hơn 1 năm so với kế hoạch, trở thành 1 trong những AMO đầu tiên được EASA phê chuẩn theo yêu cầu mới. Điều này giúp VAECO gia tăng tính cạnh tranh và trở thành đối tác tin cậy của các hãng hàng không trong và ngoài nước. VAECO đã đạt được nhiều thành tựu trong việc phát triển năng lực bảo dưỡng máy bay, đặc biệt bởi các dòng máy bay hiện đại như Airbus A350 và Boeing B787. Công ty đã đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng phục vụ các khách hàng quốc tế.</p> <p>Kết quả SXKD năm 2024 của VAECO được cải thiện đáng kể với tổng doanh thu đạt 2.795,7 tỷ đồng, LNTT đạt 272,4 tỷ đồng, ROE đạt 19,3%.</p> |

| TT | Logo | Công ty | Tỷ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|------|---------|----------------------|--|
| 2 | | Skypec | 100% | <p>Là Công ty TNHH một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ với bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa 200.000m³, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc.</p> <p>Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 với 10 phép thử tiêu chuẩn, Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam.</p> <p>Năm 2024 SKYPEC đạt được những kết quả tích cực với tổng sản lượng đạt 1.595.367 tấn; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 35.270 tỷ đồng và LNTT đạt 268,2 tỷ đồng, ROE đạt 27,9%.</p> |
| 3 | | VIAGS | 100% | <p>Là Công ty TNHH một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu gần 4000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISAGO. Năm 2024 Công ty đã nhận được nhiều thư khen về công tác phục vụ an toàn, đúng giờ và hiệu quả các hãng HK quốc tế. VIAGS còn được trao các giải thưởng như giải thưởng Tổ chức phục vụ Ground Time 35' của Hãng Vietnam Airlines, Chuyển đổi và khai thác hiệu quả hệ thống mới PSS của Hãng Vietnam Airlines hay giải thưởng Lan tỏa và triển khai hiệu quả công tác dịch vụ nâng tầm của Hãng Vietnam Airlines; Đối tác cung ứng dịch vụ mặt đất tốt nhất năm 2024 của Hãng Vietnam Airlines.</p> <p>Năm 2024, hoạt động SXKD của VIAGS có nhiều thuận lợi: Thị trường hàng không nội địa cũng như quốc tế tăng trưởng tích cực đặc biệt có thêm nhiều hãng HK Ấn Độ khai thác các chặng bay đến Việt Nam, các hãng HK Trung Quốc tăng tần suất khai thác. VIAGS đã chủ động tiếp xúc và đàm phán, ký kết thành công hợp đồng cung cấp dịch vụ với 05 hãng HK mới, nâng tổng số khách hàng lên 90 hãng hàng không. Tuy nhiên, Công ty cũng gặp khó khăn khi các hãng HK đều thiếu hụt tàu bay buộc phải cắt giảm CP, một số đường bay quan trọng bị cắt giảm, CP vận hành, nhiên liệu tăng cao do xung đột vũ trang diễn ra tại nhiều quốc gia, cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Đứng trước những thách thức kể trên VIAGS đã thực hiện tốt các giải pháp điều hành SXKD, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa lợi nhuận. Kết quả SXKD năm 2024 VIAGS đạt mức tăng trưởng kỷ lục từ khi thành lập đến nay với tổng sản lượng chuyển bay Công ty phục vụ đạt 127.459 chuyến; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 2.515,8 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 243,7 tỷ đồng, ROE đạt 55,6%.</p> |



| TT | Logo | Công ty | Tỷ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|------|------------------|----------------------|---|
| 4 | | VACS | 100% | <p>Là Công ty TNHH một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ chuyên sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và SQF 2000 (tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm) được HACCP công nhận. Trong năm 2024, VACS đã nhận được nhiều giải thưởng, bằng khen của các Hãng HK như: Excellent catering services award 2023 của Eva Air; Giải thưởng đối tác cung ứng suất ăn hợp tác tốt nhất năm 2024 và Giải thưởng nghiệp vụ năm 2024-Giải pháp dịch vụ trên không sáng tạo và hiệu quả của VNA; Bằng khen DN có thành tích xuất sắc giai đoạn 2023-2024 của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; Đơn vị xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2024 - Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Năm 2024, Thị trường hàng không nội địa tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh, thị trường quốc tế phục hồi hoàn toàn. Công ty đã tiếp xúc, đàm phán tích cực với các khách hàng để tái cung ứng/cung ứng mới suất ăn cho các hãng hàng không quốc tế chưa khai thác trở lại hoặc chưa tái lấy suất ăn của VACS năm 2023, tăng giá dịch vụ trên cơ sở nâng cấp thực đơn cho các khách hàng hiện hữu. Đồng thời Công ty đã chủ động mở rộng cung ứng sản phẩm non-air nên đã giúp hoạt động SXKD của VACS cải thiện nhanh chóng. Kết quả SXKD năm 2024, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của VACS đạt 10.370.184 suất ăn; 112%.</p> |
| 5 | | PACIFIC AIRLINES | 98,84% | <p>Là công ty do VNA sở hữu 98,84% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không. Năm 2024, do khó khăn về tài chính, PA đã đàm phán và thực hiện trả tàu cho các lessor, theo đó PA được các lessor xóa nợ tiền thuê tàu, lãi phạt chậm trả khoảng 4.284 tỷ đồng. Trước tình hình hoạt động hết sức khó khăn của PA, VNA tiếp tục triển khai những giải pháp phối hợp nguồn lực, cho PA thuê 03 tàu bay để hỗ trợ Công ty duy trì AOC cũng như Slot bay theo quy định của nhà chức trách và PA tiếp tục khai thác các chặng bay theo Hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ chuyến bay VNA-PA. Đồng thời, Quốc hội đã cho phép PA được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế phát sinh (do chưa xác định các khoản nợ còn lại với ngân sách nhà nước trước thời điểm nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào PA năm 2007), còn nợ đến ngày 31/12/2024; PA có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) trước ngày 31/12/2024. Đến ngày 31/12/2024, PA đã hoàn thành việc nộp toàn bộ số tiền nợ thuế vào ngân sách nhà nước. Kết quả SXKD năm 2024, Công ty có tổng doanh thu ước đạt 5.381,1 tỷ đồng, LNTT ước đạt 2.505,6 tỷ đồng.</p> |
| 6 | | NCTS | 55,13% | <p>Là công ty do VNA sở hữu 55,13% vốn điều lệ phục vụ hàng hóa đầu tiên tại sân bay Nội Bài với kinh nghiệm và trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, được khách hàng đánh giá cao và ghi nhận về công tác phục vụ chuyên nghiệp đặc biệt là các loại hàng như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, hàng động vật sống.</p> <p>Năm 2024, NCTS vinh dự nhận được giải thưởng "Top 3 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024", "Certificate of Honor" từ đại diện của hãng hàng không Lao Airlines (QV) về việc cung cấp chất lượng dịch vụ hàng hóa tốt trong năm 2023 cùng 18 thư khen về công tác phục vụ chuyển bay thường lệ từ các hãng hàng không nước ngoài. Đây là minh chứng cho nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững thị phần trong bối cảnh tình hình cạnh tranh giữa các công ty phục vụ hàng hoá tại Nội Bài vẫn diễn ra gay gắt. Kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu sản lượng của Công ty đạt 370 nghìn tấn; Tổng doanh thu đạt 950 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 331 tỷ đồng; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 102%.</p> |



| TT | Logo | Công ty | Tỷ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|------|---------|----------------------|---|
| 7 | | TCS | 55,00% | <p>Là kho hàng hóa quốc tế đầu tiên và hàng đầu tại sân bay Tân Sơn Nhất với 30 năm kinh nghiệm, TCS luôn nỗ lực đạt được các chứng chỉ ISAGO, ISO 9001:2015, chứng chỉ RA3, IATA CEIV Pharma, IATA CEIV Fresh,... để đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng. Năm 2024, TCS đã vinh dự đón nhận Bằng khen từ Chủ tịch của ANA Cargo về chất lượng phục vụ xuất sắc trong công tác phục vụ các chuyến bay thuê chuyển vận chuyển hàng hóa, khai thác bằng máy bay Boeing 767. Bên cạnh đó, năm 2024 TCS vinh dự là Nhà ga hàng hóa hàng không được Spring Airlines, Air India, Turkmenistan Airlines lựa chọn để phục vụ hàng hoá cho các chuyến bay của các hãng HK này tại sân bay Tân Sơn Nhất. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí để giữ hiệu quả SXKD Năm 2024 ở mức cao, sản lượng hàng hóa phục vụ là 225.053 tấn, tổng doanh thu của TCS đạt 706,6 tỷ đồng, LNTT đạt 387,1 tỷ đồng, ROE đạt 299,4%.</p> |
| 8 | | TECS | 51,00% | <p>Là công ty do VNA sở hữu 51% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai nhiều biện pháp để khai thác triệt để các nguồn hàng, theo sát diễn biến thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với sản lượng hàng hóa phục vụ là 41.197 tấn, chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 261,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 94,4 tỷ đồng, ROE đạt 141,2%.</p> |
| 9 | | VINAKO | 65,00% | <p>Là công ty do VNA sở hữu 65% vốn điều lệ, hoạt động SXKD truyền thống là giao nhận hàng hoá, đặc biệt là hàng xuất quốc tế đến thị trường Nhật Bản. Năm 2024, giá cước đi Nhật tăng tương đương năm 2019, cộng thêm với tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các forwarder lớn nên VINAKO gặp khó khăn trong việc tăng giá bán tương ứng với giá cước làm ảnh hưởng lớn đến nguồn thu của công ty cũng là thách thức cho Công ty trong việc phát triển các nguồn hàng, khách hàng mới. Tuy nhiên, với các giải pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào, rà soát chính sách giá đối với các lô hàng số lượng lớn, khách hàng truyền thống, linh hoạt trong cạnh tranh, chiết khấu giảm giá, tăng cường cung ứng các dịch vụ phụ trợ nhằm giữ vững sản lượng, bù đắp nguồn thu và tiết giảm tối đa chi phí trong tất cả các khâu nghiệp vụ, kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu sản lượng của Công ty đạt 5,8 nghìn tấn; Tổng doanh thu đạt 165 tỷ đồng; LNTT đạt 28 tỷ đồng; ROE đạt 234%.</p> |
| 10 | | NCS | 60,17% | <p>Là công ty do VNA nắm giữ 60,17% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL và ứng dụng phương pháp quản trị chất lượng Lean Six-Sigma, 5S vào hoạt động SXKD. Công ty đã được các hãng HK vinh danh và nhận được nhiều bằng khen, giấy khen: Được Vinh danh Công ty suất ăn xuất sắc nhất năm 2023 và Công ty suất ăn xuất sắc nhất về chất lượng khai thác năm 2023 do hãng hàng không Quốc gia Nhật - Japan Airlines trao tặng; Vinh Danh Công ty suất ăn tốt nhất năm 2023 do hãng hàng không quốc gia Lào - Lao Airlines trao tặng; Vinh Danh Công ty suất ăn tốt nhất Việt Nam năm 2023 do VNA bình chọn. Công ty còn nhận được Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Giấy khen tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2024 của VNA. Năm 2024, NCS gặp thuận lợi khi một số hãng HK quốc tế khai thác trở lại sớm hơn KH cũng như nỗ lực tiếp xúc với một số hãng HK để tham gia chào hàng sớm hơn. Đồng thời, ngoài trả sửa cấp lên máy bay, NCS đã định vị, xây dựng thương hiệu non-air từ đó đẩy mạnh cung ứng các sản phẩm non-air phục vụ dịp Tết Nguyên đán, Trung thu cũng như tiếp tục cung cấp suất ăn nhẹ cho hệ thống Vinschool. Kết quả SXKD năm 2024, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của NCS đạt 11.995.726 suất ăn; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 717,8 tỷ đồng, LNTT đạt 67,6 tỷ đồng, ROE đạt 30,5%.</p> |

| TT | Logo | Công ty | Tỉ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|---|----------|----------------------|---|
| 11 |  | NASCO | 51,00% | Là công ty do VNA nắm giữ 51% vốn điều lệ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài. Thị trường vận tải hàng khách năm 2024 đang trên đà phục hồi mạnh mẽ, kéo theo các lĩnh vực kinh doanh của Công ty tăng trưởng tích cực, hoạt động đầu tư tài chính tại NCTS có hiệu quả. Mặc dù Công ty còn một số khó khăn do phát sinh chi phí liên quan đến mặt bằng tại Cảng hàng không song Công ty vẫn nỗ lực mở rộng thị trường, thị phần khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ, giá trị thương hiệu gắn liền với Công ty mẹ VNA và triển khai các giải pháp quản trị, tối ưu hóa chi phí nhân công nhằm tăng năng suất lao động, đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả SXKD. Kết quả SXKD năm 2024, NASCO đạt tổng doanh thu 425,6 tỷ đồng, LNTT đạt 26,1 tỷ đồng, ROE đạt 20,75%. |
| 12 |  | VFT | 51,52% | Là công ty do VNA nắm giữ 51,52% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Năm 2024, hoạt động đào tạo phi công tại Trường bay tại Rạch Giá vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn với việc chi phí tăng trong khi doanh thu chưa thể bù đắp dẫn đến phát sinh khoản lỗ của hoạt động này, làm giảm lợi nhuận chung của công ty. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực triển khai các giải pháp tìm kiếm thêm khách hàng mới để tăng doanh thu, đồng thời tăng cường các biện pháp về quản trị, tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động. Kết quả SXKD năm 2024, VFT đã hoàn thành kế hoạch đề ra với tổng doanh thu đạt 62,2 tỷ đồng, LNTT 5,3 tỷ đồng, ROE đạt 6,2%. |
| 13 |  | AITS | 52,73% | Là công ty VNA nắm giữ 52,73% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: hệ thống mạng Core LAN; đảm bảo hoạt động Phòng máy chủ; Cổng tương tác dữ liệu (Datagateway); thiết bị Swith truyền dẫn; hệ thống IPS; thiết bị tường lửa của hệ thống kết nối SCADA EVNSPC... với các đối tác bên ngoài; Bảo hành mở rộng cho thiết bị mạng WAN; Hệ thống hóa đơn điện tử; Kiểm soát tài khoản hội viên Bông sen vàng; Trang tin điện tử Spirit... Kết quả SXKD năm 2024, tổng doanh thu của AITS đạt 282,3 tỷ đồng, LNTT đạt 12,7 tỷ đồng, ROE đạt 14,6%. |
| 14 |  | ALSUCO | 51% | Là công ty do VNA nắm giữ 51% vốn điều lệ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng lao động, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực cung ứng tiếp viên cho các hãng hàng không với tỷ trọng doanh thu cung ứng cho VNA chiếm đến 80-90% tổng doanh thu. Năm 2024, tình hình khai thác của VNA có nhiều dấu hiệu khởi sắc, sản lượng khai thác bay của Tiếp viên ALSUCO tăng là thuận lợi rất lớn cho hoạt động SXKD của ALSUCO. Bên cạnh đó, công ty con MTV ALSIMEXCO cũng dần đi vào hoạt động ổn định, bước đầu có doanh thu từ xuất khẩu tiếp viên cho các Hãng HK nước ngoài. Tuy còn gặp một số khó khăn trong việc thiếu hụt nhân sự chất lượng cao và sự cạnh tranh dẫn đến hoạt động của một số lĩnh vực chưa hiệu quả, ALSUCO đã triển khai các giải pháp nhằm nghiên cứu thị trường, nắm bắt các cơ hội kinh doanh mới cũng như tận dụng kinh nghiệm và lợi thế sẵn có trong mảng cung ứng lao động phổ thông để ký thêm được hợp đồng với các đối tác mới, đóng góp vào hiệu quả hoạt động chung của công ty. Kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty đạt 621 tỷ đồng; LNTT đạt 5 tỷ đồng; ROE đạt 28,9% |
| 15 |  | SABRE VN | 51,69% | Là công ty do VNA nắm giữ 51,69% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống GDS phân phối toàn cầu SABRE. Từ năm 2017, SABRE VN chính thức tiếp nhận và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ CSKH cho VNA. Qua các năm, SABRE VN vẫn tiếp tục đóng vai trò là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dịch vụ tiêu chuẩn 4 sao, tiến tới 5 sao của VNA. Đặc biệt trong quá trình chuyển đổi hệ thống PSS của VNA, Công ty đã nỗ lực để đảm bảo hoạt động dịch vụ CSKH cho VNA được ổn định, thông suốt. Kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu tổng doanh thu của Công ty đạt 126,4 tỷ đồng; LNTT đạt 9,9 tỷ đồng; ROE đạt 143%. |

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

| TT | Logo | Công ty | Tỉ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|---|---------|----------------------|---|
| 1 |  | VALC | 32,48% | Là công ty do VNA nắm giữ 32,48% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai ổn định hoạt động SXKD chính là cho VNA thuê 10 tàu bay A321. Kết quả SXKD năm 2024 chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 71,2 triệu USD; LNTT đạt 19,6 triệu USD; ROE đạt 24%. |
| 2 |  | MASCO | 36,11% | Là công ty do VNA nắm giữ 36,11% vốn điều lệ, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề... Masco đang áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 vào hoạt động SXKD nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng suất ăn cung ứng cho các Hãng hàng không. Năm 2024, Công ty gặp nhiều thuận lợi khi thị trường VTHK đã dần hồi phục. Tại chi nhánh Cam Ranh do VNA khai thác trở lại các chuyến charter Trung Quốc, đồng thời Công ty có thêm khách hàng mới là Air Samarkand giúp DT tăng cao và cơ bản cân đối được thu chi kinh doanh. Tại Đà Nẵng, Công ty tiếp tục phục vụ các hãng HK quốc tế và các hãng HK nội địa đều tăng cường các chặng bay Quốc tế từ DAD. Hoạt động tại các trung tâm dạy nghề cũng được cải thiện khi Công ty phối hợp với Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức đào tạo cho bộ đội xuất ngũ. Kết quả SXKD năm 2024, chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 178,8 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 7,3 tỷ đồng, ROE đạt 17,2%. |
| 3 |  | AIRIMEX | 41,31% | Là công ty do VNA nắm giữ 41,31% vốn điều lệ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2024, bên cạnh thuận lợi trong việc tiếp tục duy trì là đơn vị được cung cấp toàn bộ dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu phụ tùng máy bay và dịch vụ vận chuyển cho VNA, Công ty cũng đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn do gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các đối tác khai thác lĩnh vực vận chuyển, kinh doanh trang thiết bị mặt đất, việc cung cấp hàng hóa phụ thuộc vào việc tổ chức đấu thầu và suy giảm lợi nhuận do giá cả, chi phí đầu vào biến động, đứt gãy chuỗi cung ứng... Tuy nhiên, bằng việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, Airimex vẫn đạt được tổng doanh thu 330,7 tỷ đồng, LNTT đạt 6,0 tỷ đồng, ROE đạt 14,6%. |
| 4 |  | APLACO | 30,41% | Là công ty do VNA nắm giữ 30,41% vốn điều lệ, hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng nhựa, sản phẩm nhựa thông thường và cao cấp, gồm: các mặt hàng nhựa phục vụ ngành công nghiệp, sản phẩm nhựa xuất khẩu, sản phẩm gia dụng, thiết bị khuôn mẫu, vật tư ngành nhựa... Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh tái chế vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phương tiện phục vụ ngành công nghiệp đã qua sử dụng... Năm 2024, hoạt động SXKD của công ty gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng, tình trạng thiếu hụt vốn cùng với chi phí tài chính cao... nên hoạt động SXKD bị ảnh hưởng nặng nề, hiện VNA chưa có số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán của APLACO. |

Danh mục đầu tư khác

| TT | Logo | Công ty | Tỷ lệ sở hữu của VNA | Tình hình hoạt động |
|----|---|---------|----------------------|---|
| 1 |  | K6 | 14,00% | Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia được thành lập vào năm 2009 với sự tham gia góp vốn của Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Vietnam Airlines và các nhà đầu tư. Năm 2024, nhu cầu trên đường bay Việt Nam và đường bay nội địa Campuchia được hồi phục giúp K6 có cơ hội cải thiện kết quả SXKD. K6 đã nỗ lực khôi phục và mở rộng các đường bay đến Việt Nam, Trung Quốc, mở đường bay mới đến Ấn Độ, đồng thời thực hiện các giải pháp tăng doanh thu, triệt để cắt giảm chi phí, đàm phán giãn hoãn thanh toán, tận dụng mọi cơ hội để tăng cường khai thác chuyển bay thuê chuyển, chuyển bay chở hàng giúp bổ sung dòng tiền duy trì hoạt động. |
| 2 |  | SPT | 0,36% | Là công ty cổ phần trong đó VNA sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ đồng), ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Hiện VNA chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2024 của công ty. |

(Kết quả SXKD 2024 của các DNVG là số liệu chưa kiểm toán)

3. Tình hình tăng/giảm vốn đầu tư của TCT tại các Công ty con/liên kết trong năm 2024

Trong năm 2024, VNA không tăng/giảm vốn đầu tư tại các Công ty con/liên kết.



4. Tình hình tài chính

4.1. Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

| Chỉ tiêu (Công ty mẹ) | Đơn vị tính | 2023 | 2024 | Chênh lệch % 2024/2023 |
|--|-------------|---------|--------|------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | Tỷ đồng | 49.932 | 49.461 | -0,9% |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 68.443 | 82.757 | 20,9% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | (5.077) | 2.290 | -145,1% |
| Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | 288 | 497 | 72,8% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | (4.789) | 2.787 | -158,2% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (4.799) | 2.775 | -157,8% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | % | 0% | 0% | |
| Thuế và các khoản phải nộp | Tỷ đồng | 40 | 51 | 27,2% |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,15 | 0,18 | 24,0% |
| Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,14 | 0,18 | 25,1% |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 116,8% | 111,3% | -4,7% |
| Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 90,7% | 91,4% | 0,8% |
| Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản | % | 26,1% | 19,9% | -23,7% |
| Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn CSH | Lần | (5,71) | (7,45) | 30,5% |
| Hệ số Nợ/Vốn CSH | Lần | (6,96) | (9,83) | 41,2% |
| Hệ số Vốn CSH / Tổng nguồn Vốn | % | -16,8% | -11,3% | -32,5% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Lần | 234,3 | 245,1 | 4,6% |
| Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) | Lần | 1,37 | 1,67 | 22,1% |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | -7,0% | 3,4% | -147,8% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | % | 80,3% | -39,7% | -149,5% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) | % | -9,2% | 5,6% | -160,6% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | -7,4% | 2,8% | -137,3% |

(*) Hệ số ROE năm 2023 dương do VCSH bình quân âm và LNST âm, ROE năm 2024 âm do VCSH bình quân âm và LNST dương.

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

| Chỉ tiêu (Hợp nhất) | Đơn vị tính | 2023 | 2024 | Chênh lệch % 2024/2023 |
|---|-------------|---------|---------|------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | Tỷ đồng | 57.717 | 58.187 | 0,8% |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 91.540 | 105.942 | 15,7% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | (5.978) | 3.199 | -153,5% |
| Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | 615 | 5.217 | 748,1% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | (5.363) | 8.416 | -256,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (5.632) | 7.958 | -241,3% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | % | 0% | 0% | |
| Thuế và các khoản phải nộp | Tỷ đồng | 321 | 366 | 13,8% |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,24 | 0,30 | 24,7% |
| Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,19 | 0,24 | 30,5% |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 129,5% | 116,1% | -10,4% |
| Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 106,0% | 98,2% | -7,3% |
| Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản | % | 23,5% | 17,8% | -24,2% |
| Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn CSH | Lần | (3,8) | (5,8) | 54,0% |
| Hệ số Nợ/Vốn CSH | Lần | (4,4) | (7,2) | 64,6% |
| Hệ số Vốn CSH /Tổng nguồn Vốn | % | -29,5% | -16,1% | -45,6% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Lần | 27,8 | 27,1 | -2,6% |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1,59 | 1,82 | 14,8% |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | -6,2% | 7,5% | -222,1% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | % | 40,1% | -60,4% | -250,5% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) | % | -9,5% | 13,7% | -244,3% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | -6,5% | 3,0% | -146,2% |
| Hệ số EPS | Đồng | (2.678) | 3.416 | -227,6% |
| Hệ số P/E | Lần | - | 8,387 | -283,4% |

(*) Hệ số ROE năm 2023 dương do VCSH bình quân âm và LNST âm, ROE năm 2024 âm do VCSH bình quân âm và LNST dương.

Đánh giá tổng quát

Trong năm 2024, mặc dù các yếu tố đầu vào về giá nhiên liệu, lãi suất, tỷ giá vẫn ở mức cao và diễn biến bất lợi, tuy nhiên với tình hình khả quan của thị trường VTHK cùng các nỗ lực trong điều hành và thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng doanh thu và lợi nhuận, công ty mẹ đã đạt kết quả SXKD năm 2024 rất tích cực với lợi nhuận trước thuế 2.787 tỷ VND, qua đó chấm dứt tình trạng thua lỗ do đại dịch Covid-19. Với kết quả có lãi của công ty mẹ và của

các DNVG (trong đó hãng HK Pacific Airlines có lợi nhuận cao do ghi nhận thu nhập từ kết quả xóa nợ), toàn TCT đạt mức lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2024 là 8.416 tỷ VND. Các chỉ tiêu tài chính năm 2024 được cải thiện đáng kể về mức độ âm vốn chủ sở hữu và lỗ lũy kế. Tuy nhiên, do hậu quả nặng nề từ giai đoạn dịch Covid, trạng thái tài chính cuối năm vẫn còn ở mức tiêu cực và rủi ro.

1.2. Phân tích tình hình tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất

Các giải pháp quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và đảm bảo thanh khoản của Vietnam Airlines

Trong năm 2024 Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, bao gồm:

Về tổ chức sản xuất: Vietnam Airlines chủ động công tác dự báo từ xa, chuẩn bị sớm các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực tàu bay, theo dõi sát tình hình thị trường để triển khai kịp thời các kế hoạch kinh doanh theo diễn biến thị trường và sử dụng nguồn lực hợp lý, hiệu quả; liên tục rà soát sản phẩm, lịch bay, chủ động thay đổi phương thức xây dựng và điều hành lịch bay, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tàu bay, tích cực đổi mới công tác bán, thực hiện các giải pháp tăng doanh thu bình quân; tận dụng các cơ hội tăng doanh thu đặc biệt là các giai đoạn cao điểm; đẩy mạnh quản trị, tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tàu bay, phi công tiếp viên để cải thiện kết quả SXKD VTHK.

Về chính sách lao động, tiền lương: Trong năm 2024, VNA tiếp tục tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh; tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả và hiệu suất, năng lực cạnh tranh tổng thể của tổ chức, phản ứng linh hoạt với biến động của thị trường.

Cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm: VNA tiếp tục thực hiện cắt giảm, tiết kiệm, quản trị và tối ưu hóa chi phí, kiến nghị các cơ quan hữu quan kéo dài các giải pháp hỗ trợ chính sách chung của Chính phủ (giảm thuế bảo vệ môi trường cho nhiên liệu bay, các loại thuế, phí...).

Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, đảm bảo giãn hoãn thanh toán: Trong năm 2024, cùng với kết quả VTHK đạt tích cực, VNA đảm bảo cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản mục phục vụ SXKD phát sinh trong năm. VNA tiếp tục quản trị dòng tiền theo quan điểm thận trọng, gia hạn nợ vay tái cấp vốn, chủ động chuẩn bị dự địa để quản trị dòng tiền và sử dụng linh hoạt giải pháp giãn hoãn nợ nhà cung cấp và vay tín dụng ngắn hạn để duy trì thanh khoản. Bên cạnh đó, VNA được bổ sung dòng tiền 753 tỷ đồng nhờ hoàn thành các thủ tục hoàn thuế GTGT với các CQNN.

Bên cạnh các giải pháp tự thân, VNA đã hoàn thiện lại Đề án Tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để VNA sớm phục hồi và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2035. VNA chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước, Bộ Tài chính và các Cơ quan Bộ Ngành cập nhật tình hình SXKD, kiến nghị các giải pháp hỗ trợ đối với ngành HK, với doanh nghiệp. Trong năm 2024, TCT đã hoàn thành báo cáo Quốc hội ban hành 02 Nghị quyết thông qua các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA, bao gồm Nghị quyết số 142/2024/QH15 trong đó thông qua phương án gia hạn khoản vay tái cấp vốn tối đa 3 lần và Nghị quyết số 174/2024/QH15 trong đó thông qua các giải pháp để VNA phục hồi và phát triển bền vững, với trọng tâm là gói giải pháp tài chính tăng vốn điều lệ quy mô tối đa 22.000 tỷ đồng thực hiện bắt đầu từ năm 2025.



Doanh thu - Lợi nhuận công ty mẹ

DVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | Chênh lệch 2024/2023 | |
|-----|---|--------|--------|----------------------|--------|
| | | | | Giá trị | % |
| 1 | Tổng doanh thu | 69.849 | 84.478 | 14.628 | 20,9% |
| | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV | 68.443 | 82.757 | 14.314 | 20,9% |
| | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.118 | 1.007 | -111 | -10,0% |
| | Thu nhập khác | 288 | 714 | 426 | 147,7% |
| 2 | Tổng chi phí | 74.638 | 81.690 | 7.052 | 9,4% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | -4.789 | 2.787 | 7.576 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | -4.799 | 2.775 | 7.574 | |

Hoạt động SXKD của VNA trong năm 2024 đối mặt với nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Mặc dù các yếu tố đầu vào về giá nhiên liệu, lãi suất, tỷ giá vẫn ở mức cao và diễn biến bất lợi, tuy nhiên các nỗ lực trong điều hành, cùng với việc thị trường VTHK diễn biến thuận lợi đã góp phần cải thiện kết quả SXKD của công ty mẹ. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2024 của công ty mẹ đạt 84.478 tỷ đồng, tăng 20,9% so với năm 2023 và bằng 113,1% so với năm 2019. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng và

cung cấp dịch vụ đạt 82.757 tỷ đồng, tăng 20,9% so với năm 2023 và chiếm 98% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính là 1.007 tỷ đồng, giảm 10,0% so với năm 2023 (giảm tuyệt đối 111 tỷ đồng). Thu nhập khác là 714 tỷ đồng, tăng 147,7% so với năm 2023 (tăng tuyệt đối 426 tỷ đồng). Tính chung cả năm 2024, công ty mẹ đạt lợi nhuận trước thuế 2.787 tỷ đồng (tăng hiệu quả so với năm 2023 là 7.576 tỷ đồng, phục hồi 96% so với lợi nhuận trước thuế năm 2019)

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2024 là 49.461 tỷ đồng, giảm 472 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (0,9%). Tài sản dài hạn cuối kỳ là 41.228 tỷ đồng, giảm tỷ 2.054 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (4,7%). Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 4.680 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do khấu hao. Trong năm 2024, VNA hoàn thành bán 03 máy bay A321CEO, thu về 568 tỷ VND. Khoản mục tài sản dài hạn khác tăng 2.335 tỷ đồng chủ yếu ở khoản mục chi phí trả trước liên quan đến các sửa chữa lớn động cơ, máy bay.

Tài sản ngắn hạn cuối kỳ là 8.233 tỷ đồng, tăng 1.583 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (23,8%). Các khoản mục tăng mạnh là: khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1.254 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn tăng 1.142 tỷ đồng chủ yếu là ở các khoản trả trước chi phí sửa chữa lớn cần trừ quỹ đại tu. Khoản mục tài sản ngắn hạn khác giảm 882 tỷ đồng chủ yếu ở khoản mục thuế GTGT được khấu trừ sau khi VNA thu hoàn thuế trong năm 2024.

Cơ cấu tài sản cuối năm biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm 2023 (tăng từ 13,3% lên 16,6%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 86,7% xuống 83,4%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh tăng so với cùng kỳ 2023.

Qui mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại ngày 31/12/2024 được cải thiện lên mức -5.602 tỷ đồng, tăng 2.775 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 do TCT có lợi nhuận trong năm 2024.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2024 là 55.063 tỷ đồng, giảm 5,6% (giảm tuyệt đối 3.247 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2024, nợ phải trả dài hạn chiếm 17,9%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 82,1%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là 45.228 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,2% so với cùng kỳ năm 2023 (giảm tuyệt đối 68 tỷ đồng). Các khoản mục tăng là các khoản phải trả người bán ngắn hạn (tăng 3.000 tỷ đồng), doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (tăng 446 tỷ đồng) do qui mô SXKD phục hồi. Khoản mục nợ phải trả ngắn hạn giảm lớn nhất là nợ vay và thuê tài chính ngắn hạn (giảm khoảng 2.994 tỷ đồng, trong đó số vay ngắn hạn giảm 1.692 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác giảm 633 tỷ đồng. Nợ phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2024 là 9.835 tỷ đồng, giảm 24,4% (giảm tuyệt đối 3.179 tỷ đồng) so với năm 2023 chủ yếu do giảm nợ vay, thuê tài chính dài hạn 3.543 tỷ đồng.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn - tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại ngày 31/12/2024 là 9.948 tỷ đồng, giảm 4.837 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Nợ phải trả nhà cung cấp đang giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2024 là 7.056 tỷ VND, giảm 1.803 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2023 do trong năm VNA đã cân đối trả một phần các khoản nợ theo các cam kết với đối tác.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2024 được cải thiện tích cực về qui mô vốn chủ sở hữu và lỗ lũy kế. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines - công ty mẹ cải thiện theo hướng tăng nguồn vốn chủ sở hữu (tăng từ mức -16,8% cuối năm 2023 lên -11,3% cuối năm 2024) và giảm tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả giảm từ 116,8% xuống 111,3% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 77,7% lên 82,1%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 22,3% xuống 17,9% tổng nợ phải trả).

Nguồn vốn - Tài sản công ty mẹ

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu tài sản - nguồn vốn | 2023 | 2024 | Chênh lệch 2024/2023 | |
|------------------------------|---------------|---------------|----------------------|--------------|
| | | | Giá trị | % |
| 1. Tài sản ngắn hạn | 6.650 | 8.233 | 1.583 | 23,8% |
| 2. Tài sản dài hạn | 43.282 | 41.228 | -2.054 | -4,7% |
| Tổng tài sản | 49.932 | 49.461 | -472 | -0,9% |
| 1. Nợ phải trả | 58.310 | 55.063 | -3.247 | -5,6% |
| Nợ ngắn hạn | 45.296 | 45.228 | -68 | -0,2% |
| Nợ dài hạn | 13.014 | 9.835 | -3.179 | -24,4% |
| 2. Vốn chủ sở hữu | -8.378 | -5.602 | 2.775 | -33,1% |
| Tổng nguồn vốn | 49.932 | 49.461 | -472 | -0,9% |

Doanh thu - Lợi nhuận hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | Tăng/giảm so với 2023 | |
|-----|--|--------|---------|-----------------------|---------|
| | | | | Giá trị | % |
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 93.176 | 112.706 | 19.530 | 21,0% |
| | Doanh thu thuần | 91.540 | 105.942 | 14.402 | 15,7% |
| | Doanh thu hoạt động tài chính | 926 | 1.266 | 340 | 36,7% |
| | Thu nhập khác | 710 | 5.498 | 4.788 | 674,2% |
| 2 | Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 88 | 70 | -18 | -20,3% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập (gồm phần lãi lỗ trong công ty LDLK) (1+2) | 93.265 | 112.777 | 19.512 | 20,9% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | -5.363 | 8.416 | 13.778 | -256,9% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | -5.632 | 7.958 | 13.589 | -241,3% |

Tổng Doanh thu, thu nhập hợp nhất (gồm phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết) của VNA trong năm 2024 ở mức 112.706 tỷ đồng, tăng 21,0% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 là 105.942 tỷ đồng, tăng 15,7% so với năm 2023 và chiếm khoảng 94% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 36,7% so với năm

2023 (tăng tuyệt đối 340 tỷ đồng). Nội dung thu nhập khác năm 2024 tăng mạnh so với năm 2023 (tăng tuyệt đối 4.788 tỷ đồng) chủ yếu do phát sinh khoản thu nhập bất thường do công ty con của VNA là Hãng HK Pacific Airlines được xóa phần lớn số nợ tiền thuê tàu bay và sửa chữa bảo dưỡng. Lãi hợp nhất trước thuế năm 2024 ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của TCT là 8.416 tỷ đồng.

Tài sản - Nguồn vốn hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu tài sản - nguồn vốn | 2023 | 2024 | Chênh lệch 2024/2023 | |
|------------------------------|---------------|---------------|----------------------|-------------|
| | | | Giá trị | % |
| 1. Tài sản ngắn hạn | 14.884 | 17.338 | 2.453 | 16,5% |
| 2. Tài sản dài hạn | 42.833 | 40.849 | -1.984 | -4,6% |
| Tổng tài sản | 57.717 | 58.187 | 470 | 0,8% |
| 1. Nợ phải trả | 74.743 | 67.531 | -7.212 | -9,6% |
| Nợ ngắn hạn | 61.171 | 57.159 | -4.012 | -6,6% |
| Nợ dài hạn | 13.572 | 10.372 | -3.200 | -23,6% |
| 2. Vốn chủ sở hữu | (17.026) | (9.344) | 7.682 | -45,1% |
| Tổng nguồn vốn | 57.717 | 58.187 | 470 | 0,8% |

Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2024 là 58.187 tỷ đồng, tăng nhẹ 470 tỷ đồng so với năm 2023 (0,8%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 17.338 tỷ đồng, tăng 2.453 tỷ đồng (16,5%), khoản mục tăng chủ yếu là khoản mục tiền và tương đương tiền (tăng 2.076 tỷ đồng) và khoản mục phải thu ngắn hạn (tăng 1.201 tỷ đồng) do hoạt động SXKD hồi phục; khoản mục giảm chủ yếu là tài sản ngắn hạn khác (giảm 856 tỷ đồng) phần lớn ở khoản mục thuế GTGT được khấu trừ.

Tài sản dài hạn cuối năm là 40.849 tỷ đồng, giảm 1.984 tỷ đồng (4,6%) so với năm 2023. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 4.768 tỷ đồng chủ yếu do khấu hao. Khoản mục tài sản dài hạn khác tăng 2.449 tỷ đồng chủ yếu ở nội dung chi phí trả trước dài hạn liên quan đến sửa chữa bảo dưỡng và phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn (tăng từ 25,8% lên 29,8%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 74,2% xuống 70,2%).

Qui mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2024 là -9.344 tỷ đồng, cải thiện 7.682 tỷ đồng so với cuối năm 2023 do kết quả SXKD hợp nhất đạt lợi nhuận. Nợ phải trả hợp nhất tại 31/12/2024 giảm 9,6% (giảm tuyệt đối 7.212 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 15,4%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 84,6%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 57.159 tỷ đồng, giảm 6,6% (giảm tuyệt đối 4.012 tỷ đồng). Các khoản giảm chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và đến hạn trong vòng một năm, các khoản chi phí phải trả và phải

trả ngắn hạn; các khoản tăng chủ yếu là doanh thu chưa thực hiện và phải trả người lao động ngắn hạn. Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2024 là 10.372 tỷ đồng, giảm 23,6% (giảm tuyệt đối 3.200 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023, các khoản giảm chủ yếu là dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn, các khoản phải trả người bán dài hạn; khoản tăng chủ yếu là chi phí phải trả dài hạn.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn và tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2024 là 10.102 tỷ đồng, giảm 1.953 tỷ đồng so với đầu năm. Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn - tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại 31/12/2024 là 10.381 tỷ đồng, giảm 4.932 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay.

Nợ phải trả nhà cung cấp đang giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2024 là 10.812 tỷ VND giảm 2.931 tỷ VND so với cuối năm 2023 chủ yếu do hoạt động trả nợ của công ty mẹ và việc Pacific Airlines được nhà cung cấp xóa nợ trong năm 2024.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2024 được cải thiện tích cực về vốn chủ sở hữu hợp nhất và lỗ lũy kế hợp nhất. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty tiếp tục biến động theo tăng tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (từ mức -29,5% cuối năm 2023 lên -16,1% cuối năm 2024) và giảm tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả giảm từ 129,5% xuống 116,1% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 81,8% lên 84,6%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 18,2% xuống 15,4% tổng nợ phải trả).

4.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan - Thuyết minh báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2024 (kèm theo).



5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Năm 2024, Tổng công ty tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Công tác rà soát, tổ chức lại quy trình công việc, phân công lại lao động, giảm các cấp trung gian, rút ngắn thời gian ra quyết định đã được triển khai đồng bộ, mang lại những kết quả tích cực, rõ nét, phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân; tổ chức phản ứng nhanh hơn, linh hoạt hơn với sự thay đổi, biến động của thị trường; sàng lọc và loại bỏ các quy trình, công việc thừa, ít ý nghĩa; tập trung nguồn lực cho công việc chính, trọng tâm; nâng cao hiệu quả công việc của từng cá nhân và năng lực cạnh tranh tổng thể của tổ chức.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giữ vị trí số 1 về thị phần khách nội địa và quốc tế đi/đến Việt Nam.

Củng cố hệ sinh thái đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không.

Doanh nghiệp hàng đầu về ứng dụng công nghệ số tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, để tiếp tục thực hiện các sứ mệnh đã đặt ra, VNA tiếp tục đặt các mục tiêu phấn đấu cho giai đoạn sau năm 2025 đến năm 2040 là:

Trở thành doanh nghiệp hàng không đứng thứ 02 về quy mô doanh thu trong khu vực Đông Nam Á, tăng 1 bậc so với giai đoạn 2021 - 2035.

Vietnam Airlines đạt nhóm 5 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á so với đạt nhóm 10 trong giai đoạn 2021 - 2035.

Duy trì vị thế doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

Doanh nghiệp hàng đầu trong việc sử dụng các sản phẩm bảo vệ môi trường, giảm lượng khí thải và chất thải. Hiện tại VNA vẫn đang triển khai các giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường, ví dụ sử dụng một số sản phẩm tự nhiên như dụng cụ cung ứng suất ăn, hạn chế sử dụng bao nilon trên máy bay... và sẽ tiến tới áp dụng các sản phẩm thân thiện môi trường trong toàn hệ thống.





07

Báo cáo

phát triển bền vững

- Các mục tiêu phát triển bền vững
- Báo cáo kết quả phát triển bền vững năm 2024



1. Các mục tiêu phát triển bền vững

1.1. Tuyên ngôn phát triển bền vững của VNA

Hãng hàng không quốc gia Vietnam Airlines luôn duy trì sự tăng trưởng, phát triển đi đôi với cam kết về sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đóng góp vào cộng đồng, tôn trọng quyền lợi của người lao động và xã hội. Chúng tôi tin rằng chỉ có bằng việc hành động đúng đắn và tôn trọng các giá trị này, chúng ta mới có thể xây dựng một tương lai tốt đẹp cho thế hệ tiếp theo.

Với tôn chỉ này, chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong tất cả các hoạt động. Vietnam Airlines sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu khí thải carbon và ô nhiễm, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nhiên liệu và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài nguyên. Là một thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, chúng tôi hướng tới thực hiện cam kết của ngành hàng không thế giới (ICAO, IATA) với việc phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050) thông qua chương trình bù đắp, giảm thiểu phát thải CO2 của ngành (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation, CORSIA).

Hơn nữa, Vietnam Airlines hiểu rằng chúng tôi là một thành phần, bộ phận không thể tách rời của cộng đồng, nước Việt Nam và thế giới. Vì vậy, các hoạt động hỗ trợ

1.2. Chính sách phát triển bền vững

Chính sách phát triển bền vững của Vietnam Airlines xoay quanh sự cân bằng giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế. Vietnam Airlines luôn hành động và tạo ra những tác động tích cực, không chỉ trong hoạt động hàng không mà còn trong cộng đồng và xã hội. Vietnam Airlines tin rằng việc thực hiện chiến lược này sẽ giúp chúng tôi đạt được mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào xây dựng một thế giới tốt đẹp, "xanh" hơn. Một số chính sách chủ đạo:

- Luôn đặt yếu tố an toàn, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường lên hàng đầu.
- Tiên phong đổi mới công nghệ để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung triển khai nhanh và mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển

cộng đồng là một phần quan trọng trong hành trình phát triển của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện các hoạt động xã hội có lợi, hỗ trợ các dự án phát triển cộng đồng và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Chúng tôi cũng cam kết đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi của cộng đồng, đảm bảo rằng ảnh hưởng của chúng tôi là tích cực và mang lại lợi ích cho mọi người.

Với nhân viên là nguồn lực quan trọng, Vietnam Airlines cam kết đảm bảo một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn. Tổng công ty đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Chúng tôi cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.

Vietnam Airlines tin rằng phát triển bền vững không chỉ là một mục tiêu, mà là trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể đối với mọi người và tương lai của hành tinh. Chúng tôi cam kết hành động và tạo ra những tác động tích cực, giúp xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, nơi mà môi trường, cộng đồng, xã hội và người lao động đều được tôn trọng và phát triển.

thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến. Thực hiện thúc đẩy nghiên cứu, sử dụng nhiên liệu bền vững hàng không (SAF), tín chỉ giảm phát thải khí CO2 trong hoạt động khai thác trong tương lai gần.

- Triển khai các giải pháp, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh phải đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hài hòa trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Xây dựng môi trường làm việc toàn diện, đa dạng và công bằng cho nhân viên thông qua việc tham gia chương trình "25 by 2025" của IATA, tăng cường vai trò người lao động nữ ở cấp quản lý.

- Tôn trọng và bảo vệ đa dạng sinh học trong hoạt động thông qua việc lựa chọn các đối tác và nhà cung cấp. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ các nguồn tài

nguyên bền vững, kinh tế tuần hoàn và hạn chế sử dụng các tài nguyên không tái tạo.

1.3. Kế hoạch hành động thực hiện phát triển bền vững

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Vietnam Airlines luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Các hoạt động phục vụ phát triển bền vững đã được thực hiện đa dạng trong các lĩnh vực, từ bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu đến hỗ trợ người yếu thế trong xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Kế hoạch hành động thực hiện phát triển bền vững tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

- Khai thác, sử dụng đội tàu bay thế hệ mới để giảm phát thải CO2 thông qua tiết kiệm nhiên liệu. Tiếp tục nghiên cứu tối ưu đường bay, lịch bay và tối ưu trọng lượng chất xếp để giảm tiêu hao nhiên liệu (tối ưu quá trình cất cánh, hạ cánh và tuyến đường bay). Nâng cấp, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin theo dõi tiêu hao nhiên liệu, phát thải CO2 và có sự xác minh của đối tác thứ 3 để gửi cơ quan nhà nước (Cục Hàng không).
- Nghiên cứu và thúc đẩy cơ quan nhà nước triển khai việc sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) tại Việt Nam và thị trường tín chỉ giảm phát thải CO2 đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế. Tham gia chương trình CORSIA và thị trường tín chỉ CO2 tại Việt Nam khi cơ quan nhà nước triển khai.
- Triển khai việc lắp đặt thay thế hệ thống chiếu sáng đèn huỳnh quang bằng đèn LED tại khối văn phòng để tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo.
- Thực hiện triển khai sử dụng tài liệu điện tử để hạn chế tài liệu giấy. Tiếp tục nghiên cứu triển khai các nội dung của chương trình "Zero Waste Vietnam Airlines" như dùng dụng cụ ăn uống bằng gỗ, inox thay cho dụng cụ nhựa; cắt giảm sử dụng túi nylon...

■ Triển khai thực hiện rà soát quy định, tăng cường đào tạo nhận thức cho người lao động về PTBV, cải thiện phúc lợi, kỹ năng công việc, môi trường làm việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, trong đó có nâng cao vai trò của người lao động nữ. Hành động nâng cao nhận thức và thúc đẩy bình đẳng giới. Duy trì các hoạt động công ích, hỗ trợ cộng đồng như hiến máu tình nguyện, trồng cây gây rừng, quyên góp suất ăn,...

■ Kế hoạch triển khai các chương trình giảm thiểu rác thải, tái sử dụng,... Nghiên cứu đồng bộ dụng cụ DTD Inox hạng BC/PE, nhằm mục đích tối ưu hóa việc sử dụng, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả khai thác mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. Rà soát, điều chỉnh định mức vật tư vật phẩm phục vụ hành khách cho phù hợp với nhu cầu hành khách và tránh lãng phí. Tiếp tục dự án thu hồi và tái sử dụng các đồ cấp thêm lên chuyến bay như đường, sữa, tiêu, muối,...; dụng cụ dùng 1 lần như giấy lót ly, que khuấy, đĩa dùng 1 lần,... Nghiên cứu bán suất ăn chưa sử dụng trên chuyến bay.

■ Kế hoạch sử dụng nhiên liệu sạch để bảo vệ môi trường: TCTHK là hãng hàng không Việt Nam tiên phong, đầu tiên sử dụng SAF như sử dụng SAF trên đường bay đi/đến sân bay Paris-Charles-de-Gaulle (CDG) từ năm 2022 cho đến hiện tại (tỷ lệ SAF sử dụng qua các năm: 2022 - 2023 là 1%; 2024 là 1,5%) và trên chuyến bay SIN-HAN VN660 ngày 27/05/2024. Thời gian tới, TCTHK sẽ tiếp tục tăng tỷ lệ, khối lượng SAF sử dụng nhằm giảm thiểu phát thải khí CO2, đáp ứng quy định, chính sách của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

2. Báo cáo kết quả phát triển bền vững năm 2024

Năm 2024, Vietnam Airlines đã đạt được kết quả tích cực về phát triển bền vững trên các lĩnh vực: môi trường, xã hội, con người.

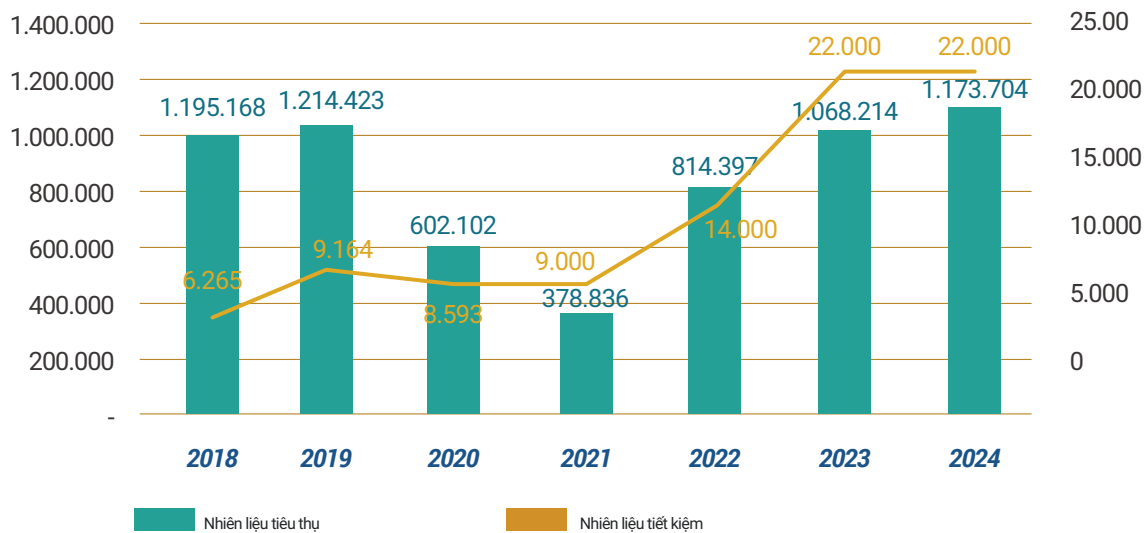
2.1. Môi trường

Năng lượng (JET A1) tiết kiệm được năm 2024 là 22.000 tấn, vượt 10% kế hoạch đề ra (20.000 tấn) và bằng 1,87% so với lượng tiêu thụ của năm. Tương đương tiết kiệm 424,2 tỷ đồng chi phí. Lượng khí CO2 giảm thông qua các hoạt động tối ưu khai thác tàu bay, sử dụng nhiên liệu đạt 69.520 tấn.

Bảng nhiên liệu tiêu thụ/nhiên liệu tiết kiệm:

| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|--------------------|-----------|-----------|---------|---------|---------|-----------|-----------|
| NL tiêu thụ (tấn) | 1.195.168 | 1.214.423 | 602.102 | 378.836 | 814.397 | 1.068.214 | 1.173.704 |
| NL tiết kiệm (tấn) | 6.265 | 9.164 | 8.593 | 9.000 | 14.000 | 22.000 | 22.000 |

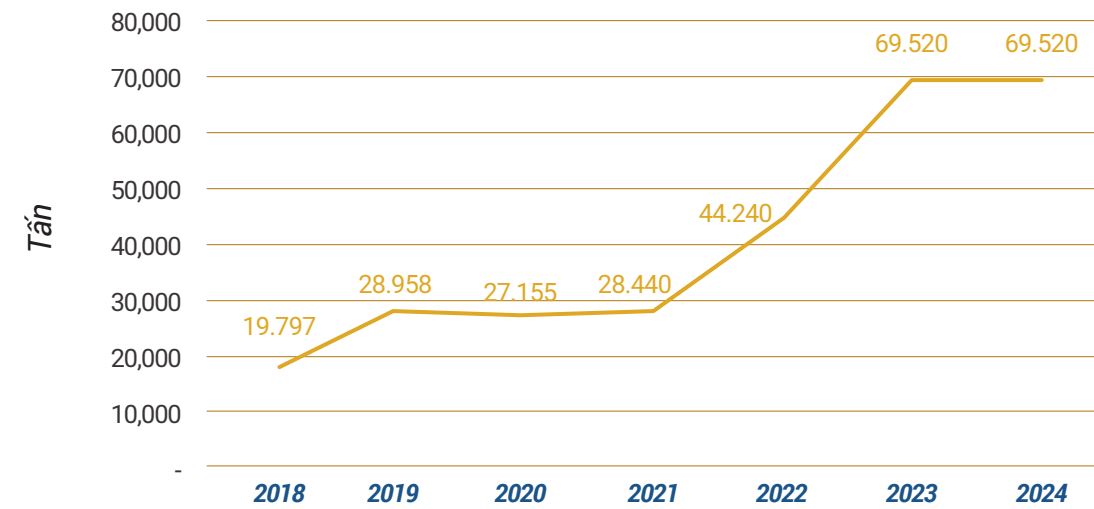
Nhiên liệu tiêu thụ/Nhiên liệu tiết kiệm



Bảng Lượng CO2 đã giảm bằng hoạt động tối ưu khai thác:

| VNA (VN+0V) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Lượng giảm khí phát thải CO2 (tấn) | 19.797 | 28.958 | 27.155 | 28.440 | 44.240 | 69.520 | 69.520 |

Lượng CO2 đã giảm bằng hoạt động tối ưu khai thác



Sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF): TCTHK là hãng hàng không Việt Nam đầu tiên, tiên phong sử dụng SAF. Từ năm 2022, TCTHK đã sử dụng SAF trên các đường bay CDG-HAN/SGN, đáp ứng yêu cầu, quy định của Chính phủ Pháp. Trong đó, giai đoạn năm 2022 - 2023, TCTHK đã sử dụng gần 505 tấn nhiên liệu SAF với tỷ lệ là 1%; năm 2024 là khoảng 569 tấn nhiên liệu với tỷ lệ 1,5%. Ngoài ra, TCTHK đã thực hiện thành công chuyến bay sử dụng SAF với tỷ lệ 38% có số hiệu VN660 trên hành trình từ Singapore đến Hà Nội vào ngày 27/5/2024. Nhiên liệu SAF được cung cấp bởi Neste, nhà sản xuất hàng đầu thế giới về nhiên liệu hàng không bền vững và diesel tái tạo.

Chuyển đổi sử dụng các chất liệu thân thiện với môi trường: Vietnam Airlines cam kết giảm thiểu rác thải nhựa và thúc đẩy việc sử dụng các chất liệu thân thiện với môi trường trong toàn bộ hệ thống vận hành. Cụ thể, chúng tôi đã thực hiện chuyển đổi sang các vật liệu có thể tái chế hoặc phân hủy sinh học, đặc biệt trong các vật dụng phục vụ hành khách trên tàu bay. Các vật phẩm như dao, đĩa, thìa, ly nhựa dùng một lần đã được thay thế bằng các chất liệu tre, giấy hoặc bã mía. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines cũng triển khai tai nghe chụp tai cao cấp dành cho hạng Thương gia với phần bọc tai nghe được thay thế bằng giấy thay vì nilon, góp phần giảm thiểu rác thải nhựa. Đồng thời, bảng hướng dẫn an toàn bay đã được cải tiến với chất liệu giấy chất lượng cao và thiết kế tối ưu nhằm nâng cao độ bền, giúp kéo dài thời gian sử dụng và giảm thiểu việc thay thế thường xuyên. Nhờ những nỗ lực này, Vietnam Airlines đã cắt giảm 62,8 triệu túi nilon mỗi năm trong các hoạt động cung cấp dịch vụ trên chuyến bay. Việc thay thế này

không chỉ giúp giảm thiểu lượng rác thải nhựa mà còn cải thiện trải nghiệm của hành khách, tạo cảm giác thoải mái và thân thiện hơn với môi trường. Đây là một bước đi quan trọng giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường và khẳng định vai trò tiên phong của Vietnam Airlines trong việc xây dựng một ngành hàng không xanh và bền vững hơn.

Triển khai ứng dụng đọc báo điện tử PressReader: Trong nỗ lực giảm thiểu việc sử dụng giấy và tiết kiệm tài nguyên, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai ứng dụng đọc báo điện tử PressReader trên các chuyến bay. Ứng dụng này cho phép hành khách truy cập hơn 7.000 đầu báo và tạp chí từ hơn 120 quốc gia, mang lại trải nghiệm đọc phong phú và hiện đại. Nhờ áp dụng PressReader, mỗi năm Vietnam Airlines cắt giảm khoảng 35.000 cuốn tạp chí và 64.000 tờ báo giấy, đồng thời tiết kiệm 2,3 triệu tấn nhiên liệu. Ngoài ra, ứng dụng còn giúp giảm khối lượng vận chuyển của máy bay, góp phần giảm lượng khí thải carbon. Đây là một bước tiến quan trọng trong lộ trình số hóa dịch vụ, giúp chúng tôi nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và tối ưu hóa hiệu suất vận hành. Vietnam Airlines không ngừng đổi mới và áp dụng các giải pháp bền vững nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và thúc đẩy ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Những sáng kiến về chuyến bay bền vững, tái chế vật dụng, cắt giảm rác thải nhựa và áp dụng công nghệ số trong dịch vụ đã giúp Vietnam Airlines không chỉ duy trì hiệu quả kinh doanh mà còn nâng cao trách nhiệm xã hội. Vietnam Airlines cam kết tiếp tục đầu tư vào các sáng kiến và công nghệ xanh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các tổ chức môi trường và đối tác để mở rộng quy mô của các



chương trình bền vững. Những nỗ lực này không chỉ góp phần đưa Vietnam Airlines trở thành một trong những hãng hàng không tiên phong trong xu hướng phát triển bền vững trên toàn cầu, mà còn khẳng định vai trò và trách nhiệm của hãng Hàng không quốc gia trong việc bảo vệ hành tinh xanh và mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Triển khai giải pháp thu hồi và tái cấp sản phẩm đồ khô, dụng cụ dùng một lần: Tiếp nối thành quả đạt được từ 2023 trong việc triển khai giải pháp thu hồi và tái cấp các sản phẩm đồ khô, dụng cụ dùng một lần sau chuyến bay nhằm giảm thiểu rác thải và tối ưu hóa nguồn tài nguyên, Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện thông qua quy trình kiểm tra nghiêm ngặt, phân loại và xử lý các vật phẩm một cách kỹ lưỡng để đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn sử dụng. Ước tính, mỗi năm, giải pháp này giúp "giải cứu" hơn 12 triệu suất ăn và dụng cụ, góp phần giảm đáng kể lượng chất thải nhựa. Giải pháp này không chỉ giúp Vietnam Airlines tối ưu hóa nguồn lực mà còn mang lại giá trị kinh tế đáng kể. Một phần các sản phẩm thu hồi được quyên góp cho tổ chức giải cứu thực phẩm VietHarvest để hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Các suất ăn còn đảm bảo chất lượng được phân phối tới các trung tâm từ thiện theo một quy trình vận chuyển chặt chẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Vietnam Airlines đã tích cực tham gia chương trình "Thử thách hàng không" (viết tắt TAC - The Aviation Challenge)

2.2. Xã hội

Chương trình "Cùng Sen vàng kết nối yêu thương" đạt được những kết quả ấn tượng. Tổng số dặm quyên góp trong 02 năm 2023 - 2024 là 13,76 triệu dặm (tương đương 8,6 tỷ đồng), thực hiện mục tiêu nhân đạo đáng trân trọng. Dự án đã xuất sắc giành giải thưởng Hạng mục Bền Bỉ - Giải thưởng Human Act Prize (Hành động vì Cộng đồng) năm 2024:

- Phẫu thuật 230 ca bệnh hàm - sọ - mặt phức tạp.
- Phẫu thuật thành công 2.400 nụ cười.
- Thăm khám sàng lọc dị tật tim cho 75.000 trẻ em, phát hiện 197 trường hợp mắc bệnh tim bẩm sinh.
- Thăm khám cho 203 trẻ em bị khuyết tật cơ quan sinh dục và tiết niệu, phẫu thuật thành công 46 ca.

do liên minh hàng không SkyTeam khởi xướng, nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Trong khuôn khổ chương trình, chúng tôi đã đưa ra nhiều sáng kiến để bảo vệ môi trường như: Khay ăn với các dụng cụ sinh học cho hạng Y, thay thế túi nilon bọc chân trên chuyến bay bằng giấy kraft, toàn bộ các chai nước suối sẽ được thay bằng chai nước vỏ giấy thân thiện môi trường, Thay thế một số món ăn được chế biến từ đậu nành và nguyên liệu phát triển bền vững. Ngoài ra đây là "chuyến bay nhẹ" - Chúng tôi kêu gọi hành khách chỉ mang những đồ dùng thật cần thiết cho chuyến đi, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.

Triển khai dự án "Đường bay bền vững - Côn Đảo" để trồng rừng và thu gom rác thải tái chế thành vật dụng hữu ích.

Năm 2024, Vietnam Airlines thực hiện dự án Góp Lá Vá Rừng Vì Một Việt Nam Xanh và Phát Triển Bền Vững. Kết hợp với ví điện tử - nền tảng công nghệ số MoMo đem đến trải nghiệm làm thiện nguyện ý nghĩa, mới mẻ cho khách hàng. Mỗi một giao dịch mua vé VNA thành công trên MoMo, Quý khách sẽ đóng góp 5.000 đồng vì Một Việt Nam Xanh và Phát Triển Bền Vững. Đã có 50ha rừng Tây Bắc được hồi sinh, 60.000 lượt khách quyên góp, 75.000 lượt giao dịch quyên góp. Dự án đã xuất sắc giành giải thưởng Hạng mục Ý tưởng bền vững Giải thưởng Human Act Prize (Hành động vì Cộng đồng) năm 2024.

- Nhân kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Vietnam Airlines khẳng định vai trò và trách nhiệm của HHK Quốc gia trong việc đồng hành cùng Đoàn Thanh niên Công an TP. Hà Nội xây dựng và trao tặng Thư viện xanh cho học sinh Trường THCS thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chi phí xây thư viện 150 triệu đồng.

- Giải chạy Vietnam Airlines Run For Love mùa 3 với sự tham gia 300 VĐV khiếm thị được tổ chức thành công rực rỡ, ghi nhận nhiều phản hồi tích cực của cộng đồng và CBNV khi lan tỏa những hình ảnh đẹp/thông điệp nhân văn của lòng nhân ái.

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) và Tổ chức giải cứu thực phẩm VietHarvest đã ký kết hợp tác nhằm triển khai hoạt động quyên góp các suất ăn

hàng không chưa sử dụng và còn đảm bảo chất lượng sau các chuyến bay tới những tổ chức, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Theo đó, các sản phẩm Vietnam Airlines quyên góp là các thực phẩm khô chưa sử dụng và còn đảm bảo chất lượng như ngũ cốc khô, các loại bánh ăn nhẹ... Các suất ăn được quyên góp sẽ thực hiện theo quy trình thu hồi, kiểm tra, phân loại và lưu trữ riêng biệt để đảm bảo chất lượng của sản phẩm khi chuyển giao cho VietHarvest. Chiến dịch đã quyên góp hơn 480.000 suất ăn, trị giá 1 tỷ 137 triệu VND (gói hạt, ngũ cốc, bánh khô) sau các chuyến bay, giúp đỡ 1.800 hoàn cảnh hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn lương thực theo chương trình hợp tác với VietHarvest (Từ 7/2023 đến hết 2024).

- Tổ chức thành công 03 Chuyến đi mơ ước (từ năm 2022 - 2024) cho hàng trăm trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn. Do Vietnam Airlines chủ trì, phối hợp cùng SpaceSpeakers Group, Melia Group, chương trình Nhịp tim Việt Nam tổ chức. "Chuyến đi Mơ ước" đã mang lại niềm vui và những kỷ niệm đẹp cho gần 300 trẻ em trên khắp Việt Nam, thể hiện cam kết của các đơn vị tổ chức trong việc chung tay xây dựng một xã hội phát triển bền vững, nơi mọi trẻ em đều có cơ hội được học tập, vui chơi và phát triển toàn diện. Từ đó lan tỏa những thông điệp tích cực về tình yêu thương.

- Năm 2024: Tổ chức thành công 03 Chuyến bay đoàn viên đưa người gần 600 người lao động khó khăn đang làm việc tại các tỉnh thành phía Nam được trở về quê hương tại các tỉnh thành phía Bắc trong dịp Tết Nguyên đán.

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về vai trò của nữ giới, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới được triển khai thường xuyên, sâu rộng, với đa dạng hình thức như: đào tạo, huấn luyện, cuộc thi, bài viết, phóng sự,...

- Tham gia chiến dịch "Rung chuông Bình đẳng giới": Là một doanh nghiệp niềm yết và có đông lao động nữ. VNA tham gia RTB với vai trò Doanh nghiệp đầu chuỗi, có những cam kết về Thúc đẩy Bình đẳng giới, Tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp mà còn ở cả cộng đồng, thị trường. VNA mong muốn sẽ huy động được sự tham gia của các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng của mình cho chiến dịch này, góp phần thúc đẩy vai trò của các doanh nghiệp trong Tăng quyền kinh tế cho phụ nữ.

- Tham gia các hoạt động do UN Women và Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam - VCCI tổ chức nhằm thúc đẩy Bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ với chủ đề "Đầu tư cho phụ nữ: Đẩy nhanh tiến độ phát triển".

- Đồng hành cùng Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới - Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) và Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam - VCCI tổ chức chuỗi sự kiện HeForShe - Vì những người phụ nữ quanh ta (Tổ chức chuyến bay màu Hồng, ký kết hợp tác giữa Vietnam Airlines và UN Women giai đoạn 2024 - 2027 trong đó có các cam kết về Thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền kinh tế cho phụ nữ và tọa đàm Bình đẳng giới tại nơi làm việc và tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ.

- Đồng hành cùng Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) tổ chức 02 chuyến bay "Tô cam bầu trời", hưởng ứng Tháng hành động quốc gia về Bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và Chiến dịch Toàn cầu 16 Ngày Đoàn kết hành động chấm dứt bạo lực trên cơ sở giới.

- Với những hoạt động trên năm 2024 Vietnam Airlines vinh dự nhận giải Nhất hạng mục Bình đẳng giới thông qua tham gia cộng đồng và quan hệ đối tác tại Lễ trao giải Thực hiện Nguyên tắc Trao quyền cho Phụ nữ (WEPS Awards Application).



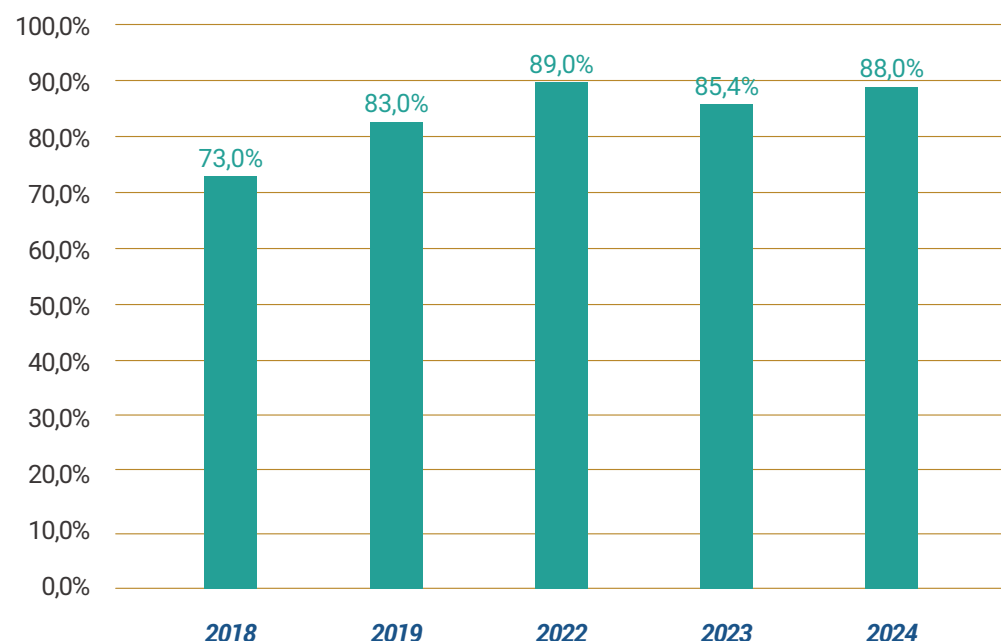
2.3. Con người

Số lao động của TCTHK tính đến 31/12/2024 là 5.222 người, với mức sử dụng bình quân là 5.204 người. Công tác đóng bảo hiểm được thực hiện theo đúng quy định (người lao động đóng 10,5% lương, người sử dụng lao động đóng 21,5% lương).

100% người lao động đã tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể để bảo vệ quyền lợi người lao động và minh bạch trách nhiệm của người sử dụng lao động.

Người lao động gắn kết và thỏa mãn với môi trường làm việc.

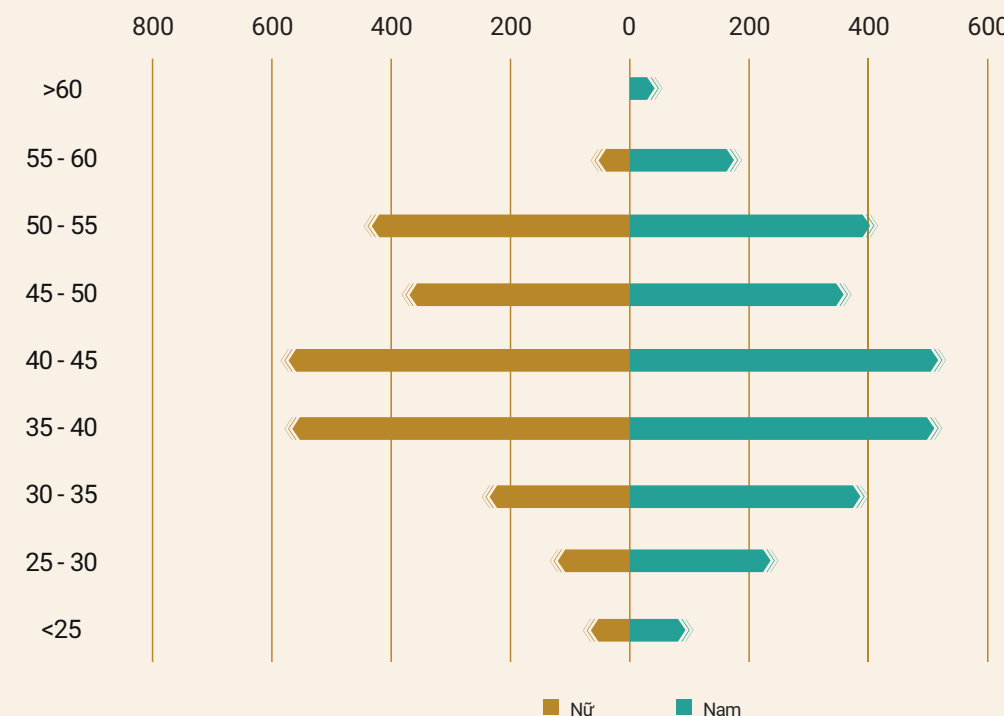
Mức độ hài lòng và gắn kết của người lao động



Nhiều năm qua từ Tổng công ty đến các đơn vị cơ sở đã quán triệt và triển khai tốt đường lối của Đảng và chính sách của Chính phủ về công tác cán bộ nữ.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, lao động nữ là lực lượng lao động quan trọng trong dây chuyền hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Với tỷ lệ 46% trên tổng số lao động hiện có, lực lượng lao động nữ đã tham gia vào hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và chiếm đa số ở những vị trí trực tiếp, tuyến trước như: đội ngũ tiếp viên phục vụ trên máy bay, nhân viên bán vé và nhân viên phục vụ hành khách tại các nhà ga hàng không...

Bảng tỷ lệ giới tính của lao động năm 2024



Cán bộ lãnh đạo nữ từ cấp phòng và tương đương trở lên là 129/458 chiếm 28% tổng số cán bộ lãnh đạo. Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ trong Tổng công ty để thực thi thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.



08

Quản trị công ty

- Cấu trúc quản trị công ty
- Thông tin và hoạt động của HĐQT
- Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT
- Báo cáo của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích
- Hoạt động của NPTQT-Thư ký TCT
- Quan hệ Nhà đầu tư



1. Cấu trúc quản trị công ty

Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:

- Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Vietnam Airlines và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị công ty đã được xây dựng một cách đồng bộ, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị. Trong quá trình triển khai, hệ thống quy định này đã dần hoàn thiện và đi vào thực tiễn một cách hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho công tác quản trị. Việc thực hiện các quy định đã ổn định trong thời gian dài, đảm bảo tính minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của TCT.



2. Thông tin và hoạt động của HĐQT

2.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị và các cuộc họp HĐQT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị TCTHK đối với ông Hiroyuki Kometani và bầu ông Daisuke Suzuki làm thành viên Hội đồng quản trị TCT với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 21/6/2024.

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Đặng Ngọc Hòa | CT HĐQT | 10/8/2020 | 12/12 | 100% | |
| 2 | Lê Hồng Hà | TV HĐQT kiêm TGD | 10/8/2020 | 12/12 | 100% | |
| 3 | Tạ Mạnh Hùng | TV HĐQT | 01/10/2016 | 12/12 | 100% | |
| 4 | Lê Trường Giang | TV HĐQT | 01/01/2021 | 12/12 | 100% | |
| 5 | Đình Việt Tùng | TV HĐQT | 14/12/2021 | 12/12 | 100% | |
| 6 | Trương Văn Phước | TV HĐQT độc lập | 14/12/2021 | 11/12 | 92% | Công việc |
| 7 | Hiroyuki Kometani | TV HĐQT | 28/6/2022 | 06/06 | 100% | |
| 8 | Daisuke Suzuki | TV HĐQT | 21/6/2024 | 06/06 | 100% | |

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 166 Nghị quyết và 232 Quyết định thực hiện chức năng quản trị hoạt động của TCT và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, điều hành.

2.2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT.
- Đóng góp ý kiến tư vấn, phản biện về các nội dung quyết định của HĐQT.
- Tham mưu việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Cung cấp kinh nghiệm, tư vấn về chính sách tài chính, kinh tế vĩ mô...



2.3. Đào tạo về quản trị công ty

TCTHK luôn xác định yêu cầu liên tục tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức, tập huấn cho cấp lãnh đạo là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo và các cán bộ quản lý là hết sức quan trọng. Với mục tiêu đó, kết quả triển khai công tác đào tạo cán bộ quản lý trong năm 2024 như sau:

- Cử 05 cán bộ tham gia đào tạo cao cấp lý luận chính trị và 59 cán bộ đào tạo trung cấp lý luận chính trị; Cử 13 cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, trong đó: Đối tượng 1 - 2 đồng chí, Đối tượng 2 - 4 đồng chí, Đối tượng 3 - 7 đồng chí.
- Triển khai 2 lớp Phát triển năng lực lãnh đạo 4.0 cho 56 cán bộ cấp ban và quy hoạch cấp tương đương với thời lượng 2 ngày/lớp nâng cao kỹ năng, kiến thức và tư duy chiến lược.
- Triển khai chuỗi chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý rủi ro: Cân đối chính sách giữa an toàn và chất lượng dịch vụ (7 cán bộ); Quản lý rủi ro an toàn liên

quan yếu tố con người thông qua HSE (5 cán bộ); Ứng dụng AI thúc đẩy truyền thông an toàn (3 cán bộ); Ứng dụng AI để nâng cao kỹ năng hoạch định, tổ chức và quản lý sự kiện cho doanh nghiệp (7 cán bộ); Văn hóa an toàn linh hoạt thúc đẩy an toàn khai thác (6 cán bộ); Văn hóa báo cáo, phân tích và xử lý dữ liệu thông minh để phản hồi HIRA (4 cán bộ); Phân tích dữ liệu hàng không để thúc đẩy văn hóa báo cáo dựa trên dữ liệu (4 cán bộ).

- Cử 2 cán bộ tham gia chương trình đào tạo dành cho cán bộ lãnh đạo đơn vị của UBQLV tổ chức tại Pháp và Trung Quốc.
- Ban lãnh đạo TCTHK và cán bộ quản lý các cấp cũng tham dự nhiều hội nghị, hội thảo cùng với các chuyên gia đầu ngành lĩnh vực hàng không, các đơn vị tư vấn, đối tác chiến lược trong và ngoài nước để triển khai các dự án, hoạt động về chiến lược mạng bay/đội bay, phương pháp dự báo thị trường, phương án mở rộng khai thác và mở rộng hợp tác thị trường mới, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, nâng cao văn hóa an toàn và triển khai công tác chuyển đổi số.



3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2024, các Tiểu ban thuộc HĐQT và Ban KTNB đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT trên các nội dung sau:

Tiểu ban Lao động và tiền lương tham mưu cho HĐQT chính sách sử dụng nguồn lực, đào tạo, tiền lương năm 2024; sửa đổi các Quy chế tổ chức cán bộ, quản lý lao động, đào tạo của HĐQT phù hợp với quy định hiện hành, góp ý ban hành Sổ tay Văn hóa Vietnam Airlines; góp ý nội dung báo cáo các cơ quan Nhà nước về tổng kết thí điểm quản lý lao động tiền lương theo Nghị định 20; đề xuất kế thừa kết quả đã đạt được tại ND20, ND64 về bổ sung Quỹ tiền lương cho Phi công Việt nam để đưa vào Nghị định mới về tiền lương; sửa đổi thang lương bảng lương chức danh cho toàn thể NLD.

Tiểu ban chiến lược đầu tư thực hiện vai trò tư vấn, tham mưu cho HĐQT các nội dung:

- Đề án cơ cấu lại TCTHK giai đoạn đến hết năm 2025; Chiến lược phát triển TCTHK giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2040; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển TCT giai đoạn đến hết năm 2025.

- Kế hoạch đầu tư của TCTHK và định hướng đầu tư của doanh nghiệp vốn góp. Công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp vốn góp.

- Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành HK của TCTHK tại Cảng HKQT Long Thành để đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ khai thác của VNA Group.

- Dự án đầu tư 50 tàu bay thân hẹp để phát triển mạng đường bay nội địa và khu vực, tăng cường năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, tầm nhìn chiến lược đã đặt ra với vai trò là Hãng hàng không quốc gia trong giai đoạn phục hồi và phát triển bền vững.

- Các dự án đầu tư thực sự cấp thiết phục vụ trực tiếp SXKD, phù hợp khả năng bố trí vốn của TCTHK.

Hoạt động của Ban KTNB: trong năm 2024, Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã triển khai thực hiện các chuyên đề KTNB theo kế hoạch KTNB năm 2024 được HĐQT phê duyệt. Một số chuyên đề KTNB hoàn thành trong năm bao gồm: Kiểm tra việc TCTHK nhận cổ phần của Qantas và các nghĩa vụ tài chính trước thời điểm Qantas đầu tư còn tồn đọng tại Công ty cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA); Kiểm tra quy trình xây dựng và triển khai giá cước vận tải hàng hóa; Kiểm tra việc tuân thủ quy định của TCTHK trong quá trình LCNCC đối với các gói mua sắm HHDV sử dụng kinh phí thường xuyên thuộc thẩm quyền của TGD trong năm 2023, Ban KTNB cũng đã hoàn thiện quy chế giám sát tài chính (GSTC) của TCTHK. Đồng thời, Ban KTNB cũng thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT và Ban Kiểm soát như: soát xét các Tờ trình HĐQT; tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của KSV định kỳ hàng tháng/quý; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định BCTC, soát xét các Tờ trình HĐQT; tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của KSV định kỳ hàng tháng/quý; Hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định BCTC, báo cáo soát xét báo cáo GSTC; Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của các CQNN; Theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng kiểm toán độc lập năm 2023, 2024.



4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Nhân sự trong Ban kiểm soát từ 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------------|----------------|---------------------------------|------------------------------|
| 1 | Bà Dương Thị Việt Thắm | Trưởng BKS | Chuyên trách từ ngày 16/12/2023 | Cử nhân ngành Kế toán |
| 2 | Bà Lê Trúc Quỳnh | Thành viên BKS | Chuyên trách từ ngày 16/12/2023 | Thạc sỹ Kế toán và Tài chính |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Thành viên BKS | Kiểm nhiệm từ ngày 14/12/2021 | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh |

Nhân sự BKS hiện có:

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------------|----------------|---------------------------------|------------------------------|
| 1 | Bà Dương Thị Việt Thắm | Trưởng BKS | Từ ngày 16/12/2023 | Cử nhân ngành Kế toán |
| 2 | Bà Lê Trúc Quỳnh | Thành viên BKS | Chuyên trách từ ngày 16/12/2023 | Thạc sỹ Kế toán và Tài chính |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Thành viên BKS | Kiểm nhiệm từ ngày 14/12/2021 | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh |

4.1. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 14 cuộc họp với đầy đủ thành viên tham dự. Các cuộc họp được lập biên bản có đầy đủ chữ ký của Thành viên tham dự họp và được lưu trữ theo quy định. Các nội dung chính được thống nhất bao gồm:

- Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty mẹ và Hợp nhất 06 tháng năm 2023, năm 2023 và 06 tháng năm 2024. Làm việc với công ty kiểm toán độc lập soát xét các BCTC giữa niên độ khác của TCTHK.
- Thực hiện giám sát 02 chuyên đề: (i) Việc triển khai quy trình cung cấp dịch vụ hành khách, dịch vụ chuyển bay, ký hợp đồng và thanh toán cho nhà cung cấp và việc tuân thủ các quy định hiện hành về công tác quản lý tài chính trong năm 2024 của Chi nhánh Nhật Bản; (ii) Việc triển khai thực hiện quy trình phục vụ hành khách, phục vụ chuyển bay của TCTHK.
- Phúc đáp đề nghị của cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có ý kiến về: phương án chuyển

nhượng vốn của TCTHK tại Skypec, Báo cáo giám sát tài chính 06 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023 của TCTHK; phương án gia hạn trả nợ đối với khoản vay tái cấp vốn...

- Thẩm định các Báo cáo và lập các Báo cáo trình ĐHCĐ năm 2024 (BCTC riêng và hợp nhất, Báo cáo về kết quả kinh doanh, Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD), Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS, Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa TCTHK với người liên quan và bên liên quan).
- Lập Tờ trình ĐHCĐ bất thường năm 2025 (Danh sách kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của TCTHK giai đoạn 2025 - 2027).
- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Kiểm soát viên tại Doanh nghiệp vốn góp (DNVG) năm 2023.
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.

4.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT; tham gia họp giao ban tuần, tháng, quý, năm của Ban Giám đốc Điều hành (BDH); đưa ra các kiến nghị, ý kiến đối với HĐQT, BDH trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn; tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2023 và 2024 theo quy định; tổ chức các cuộc họp với các Ban chuyên môn phục vụ công tác giám sát thường xuyên.

Giám sát công tác điều hành hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư:

- Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 được ĐHCĐ thông qua; việc xây dựng và thực thi các giải pháp điều hành hoạt động SXKD.
- Công tác quản trị về tài chính, đảm bảo dòng tiền và khả năng hoạt động liên tục, công tác quản trị nguồn lực của TCTHK.
- Hoạt động đầu tư tại các DNVG, công tác tái cơ cấu, chuyển nhượng vốn đầu tư tại DNVG...thông qua báo cáo của BDH, các ban chuyên môn, Kiểm soát viên tại DNVG.

- Việc trình và triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban và cơ quan có thẩm quyền trong việc tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để TCTHK sớm phục hồi và phát triển bền vững: (i) phương án gia hạn trả nợ khoản vay tái cấp vốn; (ii) chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với quy mô phát hành tối đa 22.000 tỷ đồng; (iii) Cho phép PA được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế phát sinh.
- Công tác đầu tư mua sắm, công tác đấu thầu tại các dự án hạ tầng phụ trợ tại Cảng Hàng không quốc tế Long Thành.
- Công tác lập kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty mẹ và các DNVG của TCTHK.
- Việc xây dựng, ban hành các Quy chế, Quy định nội bộ, Nghị quyết của HĐQT, các Thông báo, Quyết định của TGD.

4.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, BGĐDH, các cơ quan, đơn vị trực thuộc TCTHK, Kiểm soát viên tại các DNVG đã cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình về công tác điều hành và hoạt động SXKD của TCTHK. Tại các cuộc họp, HĐQT và BGĐDH đã ghi nhận kiến nghị của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGĐDH được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của TCTHK; được điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của TCTHK, các cổ đông và người lao động theo quy định.





5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích

5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng TV HĐQT, TV Ban KS, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý

Mức tiền lương, thù lao năm 2024 của Thành viên HĐQT, Ban KS, Ban điều hành tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định 20/2020/NĐ-CP và Nghị định 87/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

5.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | |
|-----|---------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|
| | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Đặng Ngọc Hòa | 21.595 | 0,000975 | 21.595 | 0,000975 |
| 2 | Lê Hồng Hà | 19.531 | 0,000882 | 19.531 | 0,000882 |
| 3 | Tạ Mạnh Hùng | 20.604 | 0,000930 | 20.604 | 0,000930 |
| 4 | Lê Trường Giang | 19.030 | 0,000859 | 19.030 | 0,000859 |
| 5 | Lê Đức Cảnh | 9.397 | 0,0004244 | 9.397 | 0,0004244 |
| 6 | Nguyễn Chiến Thắng | 14.340 | 0,0006476 | 14.340 | 0,0006476 |
| 7 | Tô Ngọc Giang | 7.951 | 0,000359 | 7.951 | 0,000359 |
| 8 | Nguyễn Xuân Tú | 11.135 | 0,0005 | 11.135 | 0,0005 |
| 9 | Đinh Văn Tuấn | 17.425 | 0,0008 | 17.425 | 0,0008 |
| 10 | Nguyễn Thế Bảo | 27.068 | 0,0012 | 27.068 | 0,0012 |
| 11 | Đặng Anh Tuấn | 19.711 | 0,0009 | 19.711 | 0,0009 |
| 12 | Nguyễn Diệu Thúy | 2.500 | 0,00011 | 2.500 | 0,00011 |
| 13 | Dương Thị Việt Thắm | 13.346 | 0,0006 | 13.346 | 0,0006 |
| 14 | Nguyễn Mạnh Tuấn | 17.595 | 0,00079 | 17.595 | 0,00079 |
| 15 | Nguyễn Thị Thu Hương | 6.000 | 0,00027 | 6.000 | 0,00027 |
| 16 | Dương Thị Hồng | 3.795 | 0,00017 | 3.795 | 0,00017 |
| 17 | Hồ Xuân Dung | 4.700 | 0,00021 | 4.700 | 0,00021 |
| 18 | Kim Thị Thu Huyền | 1.306 | 0,00006 | 1.306 | 0,00006 |

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với TCT, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của TV HĐQT, TV Ban KS, TGD, các cán bộ quản lý và những người liên quan đến đối tượng nói trên

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan - Thuyết minh báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2024 (kèm theo).

6. Hoạt động của NPTQT - Thư ký TCT

Năm 2024 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Quan hệ Nhà đầu tư

“Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước”

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.

09

Quản trị rủi ro

- Rủi ro về môi trường kinh doanh
- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro cạnh tranh
- Rủi ro đặc thù ngành hàng không
- Rủi ro thông tin
- Rủi ro khác



1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Thứ nhất là rủi ro về các yếu tố vĩ mô. Trong năm 2025, dự kiến các yếu tố đầu vào như giá nhiên liệu và lãi suất sẽ diễn biến thuận lợi hơn so với năm 2024, nhưng vẫn ở mặt bằng cao hơn so với trước dịch Covid. Tuy vậy, với dự kiến kinh tế - chính trị thế giới vẫn đứng trước nhiều bất định, nguy cơ chiến tranh xung đột leo thang và khả năng thay đổi định hướng, chính sách của các nước lớn sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ, do đó các yếu tố đầu vào vẫn tiềm tàng khả năng biến động khó lường ngoài dự liệu làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD của VNA. Bên cạnh đó, các chi phí đầu vào quan trọng của ngành HK hiện đều tăng cao hơn nhiều so với trước dịch Covid do tình trạng lạm phát, xung đột vũ trang, đứt gãy chuỗi cung ứng và khan hiếm hàng hóa dịch vụ HK hậu covid. Mặt bằng chi phí đầu vào tăng và các yếu tố đầu vào cơ bản vẫn giữ ở mức cao so với trước dịch Covid cùng bối cảnh tình hình vĩ mô thế giới phức tạp có thể ẩn chứa nhiều tác động tiêu cực khó lường đến tình hình SXKD của VNA.

Thứ hai là rủi ro về nhu cầu thương mại và cạnh tranh ở các nhóm đường bay quốc tế. Đối với nhóm đường bay Châu Âu, mặc dù được đánh giá vẫn duy trì mức độ tăng trưởng tốt, tuy nhiên áp lực cạnh tranh trên nhóm đường bay này đang gia tăng mạnh khi các hãng hàng không Trung Đông, Đông Nam Á và Trung Quốc đều đã triển khai kế hoạch tăng tải cung ứng đến Châu Âu.

Thứ ba là rủi ro liên quan đến đường bay Nga. Đây là đường bay cần đặc biệt theo dõi trong năm 2025. Trong trường hợp xung đột leo thang hoặc có khả năng lan rộng

đến vùng Moscow, TCT sẽ đánh giá, cân nhắc về việc lùi thời hạn mở lại đường bay để tránh phát sinh chi phí tăng cao về bảo hiểm, phụ tùng vật tư dự phòng hoặc hoãn khôi phục/dừng khai thác đến Nga trong dài hạn.

Thứ tư là tình hình slot đối với các đường bay quốc tế mới. Hiện các sân bay Busan, Bali, Taipei, Seoul đều chưa có phương án cấp slot phù hợp với nhu cầu thương mại của VNA. Điều này đòi hỏi nhiều nỗ lực và nhiều công việc cần triển khai tiếp theo trong giai đoạn tới.

Thứ năm là vấn đề doanh thu của đường bay quốc tế và nội địa. Theo các đánh giá của IATA, xu hướng giá vé bình quân trong tương lai gần có xu hướng giảm. Cùng với các nhận định về cạnh tranh gia tăng như đã nêu trên, TCT sẽ thực hiện mọi giải pháp thương mại để đảm bảo doanh thu và cân đối thu chi.

Thứ sáu là hạ tầng hàng không tại nhiều sân bay nội địa vẫn còn khó khăn, nhất là các sân bay lớn như Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Phú Quốc, Nha Trang.

Rủi ro cuối cùng là vấn đề động cơ Pratt & Whitney trên các tàu bay A321/320 NEO đã nêu trên, cùng với đó là việc chuỗi cung ứng phụ tùng vật tư gặp khó khăn trên toàn thế giới, dẫn đến thời gian sửa chữa các tàu bay tăng lên. Hai yếu tố này đã xảy ra trong năm 2024 và được đánh giá sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2025 với nhiều tiềm ẩn khó lường.

2. Rủi ro pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines tuân thủ tất cả luật áp dụng về mọi khía cạnh quan trọng. Vietnam Airlines đã chưa từng và đang không phải chịu bất kỳ hình phạt nghiêm trọng nào áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào trong và ngoài nước.

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại.

Về khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines: Theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của Vietnam Airlines tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietnam Airlines.

Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.

3. Rủi ro cạnh tranh

Năm 2024, rủi ro về cạnh tranh ở các nhóm đường bay quốc tế dự kiến sẽ tăng lên. Đối với nhóm đường bay Châu Âu, mặc dù được đánh giá vẫn duy trì mức độ tăng trưởng tốt, tuy nhiên áp lực cạnh tranh trên nhóm đường bay này đang gia tăng mạnh khi các hãng hàng không Trung Đông, Đông Nam Á và Trung Quốc đều đã triển khai kế hoạch tăng tải cung ứng đến Châu Âu.

Đối với thị trường nội địa, áp lực cạnh tranh dự kiến sẽ gia tăng mạnh từ tháng 6/2025 trong điều kiện cả VNA và VJ đều dẫn đưa các tàu A321/320 NEO đã khắc phục xong vấn đề động cơ quay trở lại khai thác.



4. Rủi ro đặc thù ngành hàng không

Rủi ro công tác an toàn

Năm 2023, UBAT đã chỉ đạo và định hướng chiến lược thực hiện quản lý rủi ro an toàn cho các tổ công tác an toàn đối với các vấn đề an toàn cụ thể, phù hợp; giám sát thực hiện công tác quản lý rủi ro an toàn của TCT.

Các Tổ SAGs đã thực hiện quản lý rủi ro an toàn theo chỉ đạo và định hướng của UBAT; tổng hợp, xem xét hiệu lực và giám sát thực hiện quản lý rủi ro an toàn của các CQ, ĐV thuộc lĩnh vực quản lý; xây dựng mức độ chấp nhận rủi ro an toàn của lĩnh vực phụ trách.

Lãnh đạo các CQ, ĐV đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro an toàn trong phạm vi của CQ, ĐV; định kỳ báo cáo an toàn cho các Tổ công tác an toàn. Ngoài ra, các CQ, ĐV đã xây dựng quy trình nội bộ thực hiện quản lý rủi ro an toàn phù hợp với chính sách, mục tiêu của TCT và quản lý hồ sơ quản lý rủi ro an toàn của CQ, ĐV.

Rủi ro chương trình Lotusmile

Đánh giá rủi ro mỗi khi triển khai các chương trình, chính sách mới. Kiểm tra, đánh giá dữ liệu, sớm phát hiện rủi ro mới phát sinh, kịp thời điều chỉnh chính sách ngay. Phối hợp chặt chẽ với các đối tác triển khai các giải pháp ngăn chặn rủi ro khi phát hiện, đảm bảo công tác thanh toán đúng hạn.

Thực hiện xác minh tài khoản trước khi công nhận hội viên Million Miller, trước khi trao giải chương trình Bingo định kỳ của Chương trình BSV đảm bảo các tài khoản hợp lệ khi được công nhận/trao giải thưởng.

5. Rủi ro thông tin

Là những rủi ro liên quan đến việc sử dụng, vận hành các hệ thống CNTT trong doanh nghiệp.

TCT đã và đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các nền tảng về hạ tầng số như hạ tầng kết nối, hạ tầng Dữ liệu, triển khai các cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp và áp dụng các kỹ thuật ứng dụng tiến tiến cùng với đội ngũ nhân lực được đào tạo theo các quy trình giúp quản lý tốt để tránh rủi ro trong khai thác vận hành.

Năm 2024, TCT cũng đã ban hành Kế hoạch tổng thể về Quản trị rủi ro trong chuyển đổi số. Đồng thời tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa "hiểu biết về rủi ro" trong doanh nghiệp, trong đó mỗi người có hiểu biết phù hợp về rủi ro và có thể trao đổi về rủi ro một cách cởi mở, không bị lo sợ thông qua các lớp học, thi tìm hiểu về rủi ro an ninh, mạng, CNTT.

6. Các rủi ro khác

Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty.

Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu.

Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán.

Biện pháp quản trị rủi ro

Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ

Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và

kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.

Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên, nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.



10

Báo cáo

*tài chính hợp nhất
kiểm toán*



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 30 tháng 6 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 8 tháng 5 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

| | | |
|--------------------------|-----------------------|--|
| Hội đồng Quản trị | Ông Đặng Ngọc Hòa | Chủ tịch |
| | Ông Tạ Mạnh Hùng | Ủy viên |
| | Ông Lê Hồng Hà | Ủy viên |
| | Ông Lê Trường Giang | Ủy viên |
| | Ông Daisuke Suzuki | Ủy viên (<i>bổ nhiệm ngày 21/6/2024</i>) |
| | Ông Hiroyuki Kometani | Ủy viên (<i>miễn nhiệm ngày 21/6/2024</i>) |
| | Ông Đinh Việt Tùng | Ủy viên |
| Ông Trương Văn Phước | Ủy viên | |

| | | |
|---------------------|------------------------|---|
| Ban Giám đốc | Ông Lê Hồng Hà | Tổng Giám đốc |
| | Ông Trịnh Hồng Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Đặng Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Chiến Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Tô Ngọc Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Đinh Văn Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Lê Đức Cảnh | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Thế Bảo | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Trần Thanh Hiền | Kế toán trưởng (<i>đến ngày 1/5/2024</i>) |

Trụ sở đăng ký Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam





Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và các công ty con ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và các công ty con đồng thời thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Giám đốc
Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 69.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited is a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- a) Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.822 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 10.812 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 9.344 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.
- b) Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 3. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại các Thuyết minh số 12, 13 và 17 của báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của các vấn đề cần nhấn mạnh trên.

Công ty TNHH KPMG

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00231-25-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3064-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 17.337.695.278.340 | 14.884.282.536.124 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 4.626.738.463.941 | 2.551.042.006.378 |
| Tiền | 111 | | 2.861.943.009.889 | 1.964.242.006.378 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.764.795.454.052 | 586.800.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.015.203.600.683 | 920.438.534.909 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6(a) | 1.015.203.600.683 | 920.438.534.909 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.322.324.469.422 | 6.121.737.465.734 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 4.656.848.501.751 | 4.474.693.862.337 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 536.076.663.828 | 220.120.316.380 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9(a) | 2.453.682.230.335 | 1.758.027.426.614 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (324.282.926.492) | (331.104.139.597) |
| Hàng tồn kho | 140 | 11 | 3.369.443.518.711 | 3.430.699.464.456 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 3.619.259.484.775 | 3.659.335.181.051 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (249.815.966.064) | (228.635.716.595) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.003.985.225.583 | 1.860.365.064.647 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 17(a) | 631.414.414.554 | 605.280.039.079 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 371.652.202.153 | 1.247.838.608.693 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | 19 | 918.608.876 | 7.246.416.875 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 40.848.918.584.426 | 42.832.648.184.069 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.867.877.653.419 | 1.632.231.467.885 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 7 | 1.895.654.945 | 2.015.745.888 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 9(b) | 1.870.610.685.816 | 1.632.369.722.189 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 10 | (4.628.687.342) | (2.154.000.192) |
| Tài sản cố định | 220 | | 29.591.005.075.890 | 34.358.558.415.730 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 12.887.467.684.898 | 13.706.433.076.192 |
| Nguyên giá | 222 | | 46.821.940.493.280 | 43.453.041.747.996 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (33.934.472.808.382) | (29.746.608.671.804) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 13 | 16.464.198.176.347 | 20.503.753.861.143 |
| Nguyên giá | 225 | | 33.114.627.353.590 | 39.060.643.420.829 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (16.650.429.177.243) | (18.556.889.559.686) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 239.339.214.645 | 148.371.478.395 |
| Nguyên giá | 228 | | 958.829.468.136 | 826.771.700.583 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (719.490.253.491) | (678.400.222.188) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 109.159.553.411 | 132.650.060.151 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 109.159.553.411 | 132.650.060.151 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.795.287.517.500 | 1.672.501.502.444 |
| Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết | 252 | 16 | 1.421.385.347.451 | 1.298.599.332.395 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 6(b) | 463.902.170.049 | 463.902.170.049 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 6(b) | (90.000.000.000) | (90.000.000.000) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.485.588.784.206 | 5.036.706.737.859 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 17(b) | 7.229.292.922.164 | 4.844.972.224.674 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 1.530.954.531 | 1.274.128.504 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 254.764.907.511 | 190.460.384.681 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 58.186.613.862.766 | 57.716.930.720.193 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 67.530.856.737.926 | 74.742.856.598.931 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 57.159.224.873.616 | 61.171.298.216.881 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 18(a) | 30.504.307.084.497 | 30.797.349.212.237 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 216.644.290.187 | 211.266.356.339 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 19 | 365.665.940.716 | 321.376.695.991 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.764.494.986.099 | 1.214.047.937.665 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20(a) | 7.038.029.177.147 | 7.869.932.904.480 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 21 | 1.666.062.183.423 | 1.215.909.234.339 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 22(a) | 684.734.425.851 | 1.300.450.902.586 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 23(a) | 14.311.199.722.938 | 17.561.780.915.106 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 9.151.328.433 | 8.684.511.123 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 24 | 598.935.734.325 | 670.499.547.015 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 10.371.631.864.310 | 13.571.558.382.050 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | 18(b) | 268.737.939.234 | 763.215.038.360 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 20(b) | 2.326.103.000.106 | 1.528.272.034.954 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 3.114.033.549 | 1.379.102.100 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 22(b) | 1.377.452.097.698 | 1.315.649.049.543 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 23(b) | 6.171.600.219.919 | 9.806.279.127.540 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 224.624.573.804 | 156.764.029.553 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|------------|-------------|----------------------------|-----------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | (9.344.242.875.160) | (17.025.925.878.738) |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 25 | (9.344.242.875.160) | (17.025.925.878.738) |
| Vốn cổ phần | 411 | 26 | 22.143.941.740.000 | 22.143.941.740.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 22.143.941.740.000 | 22.143.941.740.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.220.498.156.541 | 1.220.498.156.541 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 241.355.237.827 | 241.355.237.827 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (1.153.004.222.954) | (1.153.004.222.954) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 209.549.694.460 | 154.285.019.292 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 933.114.412.332 | 933.114.412.332 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 2.024.298.861 | 2.024.298.861 |
| Lỗi lũy kế | 421 | | (33.614.194.469.572) | (41.057.410.026.425) |
| - Lỗi lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (41.181.864.665.847) | (35.134.005.719.826) |
| - LNST chưa phân phối (lỗi) năm nay | 421b | | 7.567.670.196.275 | (5.923.404.306.599) |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 27 | 672.472.277.345 | 489.269.505.788 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 58.186.613.862.766 | 57.716.930.720.193 |

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Trần Văn Hữu
Phụ trách Kế toán



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-----------|-------------|----------------------------|----------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 29 | 106.911.815.323.587 | 92.231.210.227.412 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 29 | 969.843.018.400 | 691.345.042.213 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 29 | 105.941.972.305.187 | 91.539.865.185.199 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | | 92.039.578.339.052 | 87.654.421.187.647 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 13.902.393.966.135 | 3.885.443.997.552 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 1.266.077.129.286 | 926.348.652.367 |
| Chi phí tài chính | 22 | 31 | 4.951.175.853.159 | 4.404.977.636.713 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.281.733.876.235 | 1.554.935.763.903 |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 24 | | 70.287.711.026 | 88.210.560.520 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 4.898.348.417.242 | 4.376.668.981.713 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 2.190.720.659.597 | 2.096.092.630.937 |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)} | 30 | | 3.198.513.876.449 | (5.977.736.038.924) |
| Thu nhập khác | 31 | 34 | 5.498.181.312.668 | 710.169.511.600 |
| Chi phí khác | 32 | 35 | 281.052.844.988 | 95.042.794.407 |
| Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 5.217.128.467.680 | 615.126.717.193 |
| Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 8.415.642.344.129 | (5.362.609.321.731) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 37 | 390.475.867.479 | 273.448.689.289 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 37 | 67.603.718.224 | (4.309.540.329) |
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau) | 60 | | 7.957.562.758.426 | (5.631.748.470.691) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-------|-------------|-------------------|---------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước) | 60 | | 7.957.562.758.426 | (5.631.748.470.691) |
| Phân bổ cho: | | | | |
| Cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 7.564.092.019.695 | (5.930.301.562.765) |
| Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 393.470.738.731 | 298.553.092.074 |
| Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 38 | 3.416 | (2.678) |

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập: **Hồ Xuân Tam**
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt: **Trần Văn Hữu**
Phụ trách Kế toán

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế | 01 | | 8.415.642.344.129 | (5.362.609.321.731) |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao | 02 | | 5.094.513.262.248 | 5.986.079.114.730 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 17.300.540.824 | 149.926.589.940 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 589.206.713.703 | 514.351.528.068 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (864.437.537.034) | (467.634.463.424) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 1.281.733.876.235 | 1.554.935.763.903 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 14.533.959.200.105 | 2.375.049.211.486 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (310.626.269.889) | (1.729.033.423.779) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (23.515.411.815) | (572.824.066.761) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (601.103.870.928) | 3.901.121.166.075 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (2.411.168.487.704) | (1.002.615.415.057) |
| | | | 11.187.545.159.769 | 2.971.697.471.964 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.238.280.158.723) | (1.568.129.924.439) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (325.153.084.531) | (231.390.906.825) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 5.925.918 | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (183.546.931.918) | (168.487.031.146) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 9.440.570.910.515 | 1.003.689.609.554 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (320.431.480.172) | (317.900.923.776) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 568.249.884.857 | 641.993.313.127 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (1.586.295.898.011) | (1.260.818.548.290) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 1.491.530.832.237 | 1.246.160.705.077 |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | - | 191.972.142.445 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 96.900.399.121 | 165.687.633.381 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 249.953.738.032 | 667.094.321.964 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-------------------|----------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 33.285.556.859.044 | 38.150.404.534.128 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (36.710.491.203.782) | (36.529.783.059.443) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (3.963.889.103.635) | (2.928.257.233.074) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (220.153.054.883) | (305.517.256.815) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (7.608.976.503.256) | (1.613.153.015.204) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 2.081.548.145.291 | 57.630.916.314 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 2.551.042.006.378 | 2.490.276.442.806 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (5.851.687.728) | 3.134.647.258 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 4.626.738.463.941 | 2.551.042.006.378 |

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập: 
 Hồ Xuân Tam
 Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt: 
 Trần Văn Hữu
 Phụ trách Kế toán


 Lê Hồng Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09– DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (“các đơn vị phụ thuộc”).

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 10 ngày 8 tháng 5 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
- Đào tạo, dạy nghề: ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ và thợ kỹ thuật hàng không; và
- Tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 27 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, Tổng Công ty có 27 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Tạp chí Heritage
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Chi nhánh khu vực Việt Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Ấn Độ



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

| Công ty con | Địa chỉ | 31/12/2024 | | | 1/1/2024 | | | Hoạt động chính |
|---|----------|------------|----------|--------------------|------------|----------|--------------------|--|
| | | Số cổ phần | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Số cổ phần | % sở hữu | % quyền biểu quyết | |
| Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines | Việt Nam | 31.648.701 | 98,84% | 98,84% | 31.648.701 | 98,84% | 98,84% | Kinh doanh vận tải hàng không |
| Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay | Việt Nam | | 100,00% | 100,00% | | 100,00% | 100,00% | Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay |
| Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam | Việt Nam | | 100,00% | 100,00% | | 100,00% | 100,00% | Kinh doanh nhiên liệu hàng không |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài | Việt Nam | 17.027.005 | 60,62% | 65,07% | 17.027.005 | 60,62% | 65,07% | Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay |
| Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài | Việt Nam | 11.106.622 | 61,87% | 61,87% | 11.106.622 | 61,87% | 61,87% | Cung cấp suất ăn trên máy bay |
| Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam | Việt Nam | 3.400.000 | 100,00% | 100,00% | 3.400.000 | 100,00% | 100,00% | Cung cấp suất ăn trên máy bay |
| Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt | Việt Nam | 3.060.000 | 51,52% | 51,52% | 3.400.000 | 51,52% | 51,52% | Đào tạo phi công |
| Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không | Việt Nam | 3.060.000 | 52,73% | 52,73% | 3.060.000 | 52,73% | 52,73% | Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất | Việt Nam | 5.154.930 | 55,00% | 55,00% | 5.154.930 | 55,00% | 55,00% | Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay |
| Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất | Việt Nam | | 51,00% | 51,00% | | 51,00% | 51,00% | Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài | Việt Nam | 4.241.160 | 51,00% | 51,00% | 4.241.160 | 51,00% | 51,00% | Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không |
| Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá Vinako | Việt Nam | | 65,05% | 65,05% | | 65,05% | 65,05% | Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi |
| Công ty Cổ phần Cung ứng Lao động Hàng không | Việt Nam | 510.000 | 51,00% | 51,00% | 510.000 | 51,00% | 51,00% | Cung ứng lao động |
| Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam | Việt Nam | 268.800 | 51,69% | 51,69% | 268.800 | 51,69% | 51,69% | Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam | Việt Nam | | 100,00% | 100,00% | | 100,00% | 100,00% | Dịch vụ mặt đất |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Hàng không Việt Nam Singapore (i) | Việt Nam | | 51,00% | 51,00% | | 51,00% | 51,00% | Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco (i) | Việt Nam | 6.222.000 | 25,05% | 51,00% | 6.222.000 | 25,05% | 51,00% | Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

| Công ty liên kết | Địa chỉ | 31/12/2024 | | | 1/1/2024 | | | Hoạt động chính |
|---|----------|------------|----------|--------------------|------------|----------|--------------------|-------------------------------------|
| | | Số cổ phần | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Số cổ phần | % sở hữu | % quyền biểu quyết | |
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | Việt Nam | 42.835.200 | 32,48% | 32,48% | 42.835.200 | 32,48% | 32,48% | Cho thuê máy bay |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | Việt Nam | 1.285.200 | 41,31% | 41,31% | 1.285.200 | 41,31% | 41,31% | Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | Việt Nam | 1.541.265 | 36,11% | 36,11% | 1.541.265 | 36,11% | 36,11% | Dịch vụ phục vụ hàng không |
| Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không | Việt Nam | 1.359.359 | 30,41% | 30,41% | 1.359.359 | 30,41% | 30,41% | Sản xuất sản phẩm nhựa |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (i) | Việt Nam | 11.968.642 | 30,47% | 30,47% | 11.968.642 | 30,47% | 30,47% | Dịch vụ tra nạp nhiên liệu |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (i) | Việt Nam | 3.000.000 | 30,00% | 30,00% | 3.000.000 | 30,00% | 30,00% | Dịch vụ tra nạp nhiên liệu |
| Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (i) | Việt Nam | | 25,00% | 25,00% | | 25,00% | 25,00% | Dịch vụ mặt đất |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (i) | Việt Nam | 378.000 | 8,16% | 36,00% | 378.000 | 8,16% | 36,00% | Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ |

(i) Các doanh nghiệp do các công ty con của Tổng Công ty góp vốn và nắm quyền biểu quyết trực tiếp. Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty; tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ quyền biểu quyết của các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có 23.033 nhân viên (31/12/2023: 21.130 nhân viên).





Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 (“Quyết định số 1913”) của Tổng Công ty và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 39.822 tỷ đồng (1/1/2024: 46.287 tỷ đồng), khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 10.812 tỷ đồng (1/1/2024: 13.743 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu âm (-) 9.344 tỷ đồng (1/1/2024: âm (-) 17.026 tỷ đồng).

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối phó với các khó khăn về tình hình tài chính để Tổng Công ty và các công ty con có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Quản lý hoạt động

Với các diễn biến tích cực của ngành hàng không, Tổng Công ty đã vận chuyển khoảng 16,33 triệu hành khách nội địa và 7,21 triệu khách quốc tế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tương đương với 93% và 109% so với sản lượng hành khách năm 2023 (2023: 17,62 triệu hành khách nội địa và 6,62 triệu khách quốc tế).

Tổng Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sử dụng đội tàu bay, lịch bay, các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường, giai đoạn cao điểm và nhu cầu du lịch, đi lại hậu COVID-19 nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay, tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa. Tổng Công ty cũng tập trung quản lý và phát triển dịch vụ và khách hàng trong các chặng bay có doanh thu và lợi nhuận cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, Tổng Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa nhằm tận dụng hiệu quả năng lực đội bay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và dòng tiền hoạt động.

Đối với chi phí hoạt động, Tổng Công ty tiếp tục thực hành chính sách tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng đội bay và triển khai các giải pháp đàm phán giảm giá, tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, Tổng Công ty liên tục xem xét để tối ưu quy trình dịch vụ mặt đất, dịch vụ phục vụ trên chuyến bay cũng như việc sửa chữa và bảo dưỡng động cơ và máy bay, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

(ii) Nguồn vốn hoạt động

Tổng Công ty và các công ty con đã và đang đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng hạn mức tín dụng mà Tổng Công ty và các công ty con đã ký với các ngân hàng thương mại là 44,3 nghìn tỷ VND (1/1/2024: 25,4 nghìn tỷ VND), ngoài ra Tổng Công ty còn có nguồn vốn vay tái cấp vốn 4 nghìn tỷ VND từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 5 tháng 4 năm 2021.

Trong năm, các ngân hàng đã đồng ý tiếp tục cấp hạn mức tín dụng cho các khoản vay ngắn hạn mà Tổng Công ty và các công ty con đã thanh toán đúng hạn và đáp ứng các điều kiện và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng hiện tại trong năm tiếp theo cũng như đảm bảo thanh toán các khoản gốc vay đến hạn.

Đối với các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính, Tổng Công ty cũng đã đàm phán thành công với một số chủ nợ để cơ cấu lại lịch thanh toán các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả.

Tổng Công ty và các công ty con đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, giãn hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê tàu bay và bảo dưỡng...) hoặc giãn, hoãn lịch thanh toán (đối với chi phí thuê tàu bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyển bay...).

Một mặt, Tổng Công ty và các công ty con đang tích cực tìm kiếm các nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ quá hạn nhà cung cấp với số tiền 10.812 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Thuyết minh số 18). Mặt khác, Tổng Công ty và các công ty con cũng đang tiếp tục đàm phán và kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác trong việc giảm và giãn hoãn thời hạn thanh toán đối với các khoản nợ quá hạn. Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các đối tác đã và vẫn đang hỗ trợ tích cực Tổng Công ty và các công ty con trong những năm qua và trong thời gian tới.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty

Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng và báo cáo các cơ quan liên quan về Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng công ty sớm phục hồi và phát triển bền vững giai đoạn 2021-2035 và Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn đến hết năm 2025 (“đề án”). Các giải pháp trong đề án đã được Quốc hội và các cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua. Trong các đề án, Tổng Công ty sẽ thực hiện đồng bộ ba (3) nhóm giải pháp để khắc phục tình trạng tài chính hiện tại bao gồm:

- Giải pháp cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh vận tải hàng không, trong đó, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường thích nghi, nhanh chóng phục hồi và sử dụng hiệu quả năng lực sản xuất;
- Tái cơ cấu tài sản và thoái vốn các công ty con và công ty liên kết để gia tăng thu nhập và dòng tiền;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu sau khi được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 174/2024/QH15.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ từ Chính phủ và khả năng thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021 - 2025. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê, cũng như một số giải pháp khác trong đề án tái cơ cấu. Trong các kế hoạch này có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Hướng dẫn kế toán riêng áp dụng cho giai đoạn 2020 - 2022

Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, chi phí khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng hoặc chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay | Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay hoặc giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường | Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay | X | Tổng giờ khai thác theo tháng kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19) |
|--|---|---|---|---|

Đối với các động cơ dự phòng và cảng máy bay, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh 4(g).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như sau:

- Đối với chi phí khấu hao máy bay, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được phê duyệt riêng nêu trên tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.
- Đối với chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, phần chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp phân bổ được phê duyệt riêng nêu trên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn hoặc tăng vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn hoặc tăng vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh 2(a), Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Tổng Công ty với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Tổng Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giá định là số tồn kho của năm trước đã được sử dụng hết trong năm nay.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ tỷ giá của ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

(ii) Quy đổi báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bằng VND, báo cáo tài chính của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND. Vốn chủ sở hữu và các khoản mục liên quan (như thặng dư vốn cổ phần) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí, lưu chuyển tiền tệ trong năm được quy đổi theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận vào “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 417).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty hoặc công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí trực tiếp để bán sản phẩm.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-------------------------------|-------------|
| ▪ Máy bay | 16 – 20 năm |
| ▪ Động cơ máy bay | 10 năm |
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 3 – 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải mặt đất | 3 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 10 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 3 – 7 năm |

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 30 năm. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bảy năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí sửa chữa bảo dưỡng là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng định kỳ đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và cảng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm theo phương pháp đường thẳng. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phần chi phí chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 3 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

Ngoài các chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay nêu trên, chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên số giờ bay thực tế.

(ii) Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay

Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm:

- Các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong vòng hai đến ba năm;
- Các vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều (Thuyết minh 4(f)).

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh và không lập dự phòng cho nghĩa vụ này trong báo cáo tài chính.

(n) Doanh thu chưa thực hiện từ các chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện các chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên và chương trình Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp, theo đó các khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty hay một số đối tác cụ thể của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào một tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào tài khoản tương ứng thuộc vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

Doanh thu chuyên cơ, thuế chuyển được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Giám đốc Tổng Công ty xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của Tổng Công ty và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới. Theo đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 13.172.598.115 | 10.194.150.961 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.741.296.394.832 | 1.863.228.591.781 |
| Tiền đang chuyển | 107.474.016.942 | 90.819.263.636 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.764.795.454.052 | 586.800.000.000 |
| | 4.626.738.463.941 | 2.551.042.006.378 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bị hạn chế sử dụng là 7 tỷ VND (1/1/2024: 110 tỷ VND).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|--------------------|-------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 1.015.203.600.683 | 1.015.203.600.683 | 920.438.534.909 | 920.438.534.909 |

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,1%/năm đến 10,5%/năm (1/1/2024: 0,86%/năm đến 9,5%/năm).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND |
| Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air | 248.141.431.740 | - | 248.141.431.740 | - |
| Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam | 90.000.000.000 | (90.000.000.000) | 90.000.000.000 | (90.000.000.000) |
| Công ty Cổ phần Logistics Hàng không | 65.049.600.000 | - | 65.049.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam | 52.000.000.000 | - | 52.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn | 6.161.138.309 | - | 6.161.138.309 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long | 2.550.000.000 | - | 2.550.000.000 | - |
| | 463.902.170.049 | (90.000.000.000) | 463.902.170.049 | (90.000.000.000) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ tại các công ty con/công ty liên kết niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM để đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 23(a)).

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì:
- Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, số lượng giao dịch cổ phiếu của các đơn vị này trong năm rất nhỏ, do đó, giá cổ phiếu niêm yết có thể không phản ánh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và
 - Đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Chi tiết phải thu của khách hàng

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách | 1.659.782.833.368 | 1.952.145.989.033 |
| Các hãng hàng không khác | 1.230.495.876.704 | 1.283.309.215.432 |
| Hành khách và đại lý hàng hóa | 329.922.409.858 | 297.874.336.285 |
| Phải thu cho thuê tàu bay | 353.651.406.687 | 263.052.479.775 |
| Các khách hàng khác | 1.084.891.630.079 | 680.327.587.700 |
| | <u>4.658.744.156.696</u> | <u>4.476.709.608.225</u> |

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|----------|--------------------------|--------------------------|
| Ngắn hạn | 4.656.848.501.751 | 4.474.693.862.337 |
| Dài hạn | 1.895.654.945 | 2.015.745.888 |
| | <u>4.658.744.156.696</u> | <u>4.476.709.608.225</u> |

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không | 2.384.585.680 | 4.850.421.719 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 60.497.212 | 98.295.964 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 45.293.138 | 122.408.331 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam | 13.541.686 | 52.501.128 |
| | <u>2.503.917.716</u> | <u>5.123.627.142</u> |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang | 92.846.568.131 | 93.350.632.911 |
| Trả trước về tiền thuê máy bay | 1.727.544.001 | 9.592.533.931 |
| Trả trước cho các nhà cung cấp khác | 441.502.551.696 | 117.177.149.538 |
| | <u>536.076.663.828</u> | <u>220.120.316.380</u> |

9. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu (i) | 1.946.242.159.542 | 1.087.847.023.048 |
| Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm | 156.398.991.156 | 244.426.439.455 |
| Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại | 51.544.033.193 | 31.496.723.577 |
| Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay ngắn hạn | 47.930.467.142 | 185.605.090.791 |
| Xuất vật tư phụ tùng cho đối tác sửa chữa | 13.141.017.432 | 19.452.762.526 |
| Bù trừ công nợ các khoản hỗ trợ tín dụng | - | 60.438.013.291 |
| Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | - | 1.211.178.344 |
| Phải thu khác | 238.425.561.870 | 127.550.195.582 |
| | <u>2.453.682.230.335</u> | <u>1.758.027.426.614</u> |

(i) Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty và các công ty con ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty và các công ty con hạch toán vào chi phí trong năm hoặc chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong thời gian không quá 3 năm như chính sách kế toán trình bày tại Thuyết minh 4(k).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii) | 1.656.216.255.802 | 1.418.242.292.011 |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác | 209.381.373.205 | 208.946.640.562 |
| Phải thu dài hạn khác | 5.013.056.809 | 5.180.789.616 |
| | 1.870.610.685.816 | 1.632.369.722.189 |

(ii) Khoản tiền Tổng Công ty và các công ty con đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

(c) Phải thu khác từ bên liên quan

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 1.647.735.799.761 | 402.363.651.223 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 35.905.926.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 9.272.433.841 | 10.000.000.000 |
| | 1.692.914.159.602 | 412.363.651.223 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|--------------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nợ quá hạn | | | | |
| Hàng Hàng không | | | | |
| Cambodia Angkor Air | 319.373.610.000 | (219.802.090.000) | 263.052.480.000 | (141.091.344.000) |
| Air Fast Ticket Group | 2.965.486.018 | (2.965.486.018) | 5.429.413.506 | (5.429.413.506) |
| Các đối tượng khác | 112.129.831.856 | (106.144.037.816) | 239.643.189.526 | (186.737.382.283) |
| | 434.468.927.874 | (328.911.613.834) | 508.125.083.032 | (333.258.139.789) |
| Hàng không | | | | |
| Từ 1 tháng đến trên 3 năm | | | 99.571.520.000 | 121.961.136.000 |
| Trên 3 năm | | | - | - |
| 1 - 20 năm | | | 5.985.794.040 | 52.905.807.243 |
| | 105.557.314.040 | 105.557.314.040 | 174.866.943.243 | 174.866.943.243 |
| Trong đó: | | | | |
| Dự phòng phải thu kho đối - ngắn hạn | | (324.282.926.492) | | (331.104.139.597) |
| Dự phòng phải thu kho đối - dài hạn | | (4.628.687.342) | | (2.154.000.192) |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTRP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 272.016.956.794 | - | 96.492.034.376 | - |
| Nguyên vật liệu | 1.240.322.904.082 | (249.815.966.064) | 1.181.552.803.972 | (228.635.716.595) |
| Công cụ và dụng cụ | 78.850.686.143 | - | 73.189.787.053 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 37.777.177.690 | - | 93.127.872.417 | - |
| Thành phẩm | 966.923.479 | - | 889.936.203 | - |
| Hàng hóa (*) | 1.964.202.614.862 | - | 2.180.761.051.738 | - |
| Hàng hóa kho bảo thuế | 24.799.904.021 | - | 32.915.903.381 | - |
| Hàng gửi đi bán | 322.317.704 | - | 405.791.911 | - |
| | 3.619.259.484.775 | (249.815.966.064) | 3.659.335.181.051 | (228.635.716.595) |

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A 1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam, một công ty con của Tổng Công ty.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 334.574 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2024: 268.333 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTRP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Máy bay, động cơ máy bay VND | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải mặt đất VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 32.722.383.558.947 | 2.979.614.178.924 | 4.304.783.412.198 | 2.006.176.297.101 | 1.096.276.256.360 | 343.808.044.466 | 43.453.041.747.996 |
| Tăng trong năm | - | 4.670.588.594 | 51.969.932.561 | 32.318.357.122 | 15.837.345.833 | 2.700.150.000 | 107.496.374.110 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 5.554.200.857 | 10.847.857.096 | 60.789.444.747 | 8.064.261.245 | 732.500.000 | 85.988.263.945 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 5.942.303.623.239 | - | - | - | 3.712.444.000 | - | 5.946.016.067.239 |
| Thanh lý | (2.707.275.343.025) | (2.387.391.764) | (27.386.632.561) | (15.472.256.807) | (11.937.195.097) | (5.346.097.190) | (2.769.804.916.244) |
| Biến động khác | - | (555.334.634) | 719.545.454 | (654.545.455) | (176.112.327) | (130.596.804) | (797.043.766) |
| Số dư cuối năm | 35.957.411.839.161 | 2.986.896.241.977 | 4.340.934.114.948 | 2.083.157.296.708 | 1.111.777.000.014 | 341.764.000.472 | 46.821.940.493.280 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 21.885.364.779.131 | 1.617.107.055.405 | 3.592.618.479.841 | 1.459.825.391.095 | 954.741.954.007 | 236.951.012.325 | 29.746.608.671.804 |
| Khấu hao trong năm | 2.014.748.059.087 | 100.917.262.652 | 185.392.336.639 | 124.744.326.677 | 63.495.338.123 | 13.974.245.302 | 2.503.271.568.480 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 4.452.020.579.117 | - | - | - | 2.969.955.196 | - | 4.454.990.534.313 |
| Thanh lý | (2.707.275.343.025) | (2.387.391.764) | (27.386.632.561) | (15.472.256.807) | (11.937.195.097) | (5.346.097.190) | (2.769.804.916.244) |
| Biến động khác | - | (389.576.711) | 222.296.198 | (203.005.869) | (130.402.644) | (92.360.945) | (593.049.971) |
| Số dư cuối năm | 25.644.858.074.310 | 1.715.247.349.582 | 3.750.846.480.317 | 1.568.894.455.096 | 1.009.139.649.585 | 245.486.799.492 | 33.934.472.808.382 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 10.837.018.779.816 | 1.362.507.123.519 | 712.164.932.357 | 546.350.906.006 | 141.534.302.353 | 106.857.032.141 | 13.706.433.076.192 |
| Số dư cuối năm | 10.312.553.704.851 | 1.271.648.892.395 | 590.087.634.631 | 514.262.841.612 | 102.637.350.429 | 96.277.200.980 | 12.887.467.684.898 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 12.056 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 11.048 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.193 tỷ VND (1/1/2024: 9.159 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23).

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ tăng 1.609 tỷ VND (1/1/2024: tăng 1.669 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm với số tiền là 422 tỷ VND (2023: giảm 925 tỷ VND).

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Máy bay và động cơ máy bay VND | Máy móc, thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 39.056.930.976.829 | 3.712.444.000 | 39.060.643.420.829 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (5.942.303.623.239) | (3.712.444.000) | (5.946.016.067.239) |
| Số dư cuối năm | 33.114.627.353.590 | - | 33.114.627.353.590 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 18.553.919.604.490 | 2.969.955.196 | 18.556.889.559.686 |
| Khấu hao trong năm | 2.548.530.151.870 | - | 2.548.530.151.870 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (4.452.020.579.117) | (2.969.955.196) | (4.454.990.534.313) |
| Số dư cuối năm | 16.650.429.177.243 | - | 16.650.429.177.243 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 20.503.011.372.339 | 742.488.804 | 20.503.753.861.143 |
| Số dư cuối năm | 16.464.198.176.347 | - | 16.464.198.176.347 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đang thuê tài chính 16 máy bay bao gồm các loại máy bay A321 và B787. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ tăng 2.204 tỷ VND (1/1/2024: tăng 2.987 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm với số tiền là 421 tỷ VND (2023: giảm 526 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính có giá trị còn lại là 1.992 tỷ VND được thế chấp cho các khoản nợ thuê tài chính đã trả hết số dư nợ vay. Tổng công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải chấp để chuyển quyền sở hữu.

14. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 73.846.177.206 | 727.040.291.997 | 25.885.231.380 | 826.771.700.583 |
| Tăng trong năm | - | 4.053.500.000 | - | 4.053.500.000 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 130.159.936.518 | - | 130.159.936.518 |
| Biến động khác | - | (2.155.668.965) | - | (2.155.668.965) |
| Số dư cuối năm | 73.846.177.206 | 859.098.059.550 | 25.885.231.380 | 958.829.468.136 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.381.680.549 | 673.333.310.259 | 685.231.380 | 678.400.222.188 |
| Khấu hao trong năm | 113.859.656 | 42.930.355.284 | - | 43.044.214.940 |
| Biến động khác | - | (1.954.183.637) | - | (1.954.183.637) |
| Số dư cuối năm | 4.495.540.205 | 714.309.481.906 | 685.231.380 | 719.490.253.491 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 69.464.496.657 | 53.706.981.738 | 25.200.000.000 | 148.371.478.395 |
| Số dư cuối năm | 69.350.637.001 | 144.788.577.644 | 25.200.000.000 | 239.339.214.645 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 654 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 546 tỷ VND).



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 132.650.060.151 | 94.019.231.444 |
| Tăng trong năm | 288.773.855.046 | 160.240.330.517 |
| Chi phí lãi vay vốn hóa | 1.612.286.723 | 4.267.472.385 |
| Chuyển từ tài sản cố định vô hình | - | 428.087.833 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (85.988.263.945) | (50.892.300.532) |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | - | (1.238.695.182) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (130.159.936.518) | (6.121.017.593) |
| Chuyển sang hàng tồn kho | (25.752.087) | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn | - | (96.211.820) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (85.826.412.743) | (49.121.327.852) |
| Quyết toán các công trình sửa chữa | (11.876.283.216) | (18.835.509.049) |
| Số dư cuối năm | 109.159.553.411 | 132.650.060.151 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Kho xăng dầu sân bay Phú Bài | 51.311.528.216 | 11.495.867.327 |
| Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha | 17.837.109.000 | 17.837.109.000 |
| Phần mềm MRO đang trong quá trình lắp đặt | - | 86.141.813.552 |
| Các dự án khác | 40.010.916.195 | 17.175.270.272 |
| Tổng cộng | 109.159.553.411 | 132.650.060.151 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư vào công ty liên kết

| Địa chỉ | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---|------------------------|---|------------------------|---|
| | Giá gốc VND | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND | Giá gốc VND | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 439.335.275.853 | 1.156.295.411.231 | 439.335.275.853 | 1.070.125.339.375 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 119.686.420.000 | 180.436.985.685 | 119.686.420.000 | 147.950.025.874 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 86.652.841.772 | 12.417.152.034 | 86.652.841.772 | 11.024.432.707 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài | 30.000.000.000 | 42.292.935.147 | 30.000.000.000 | 39.961.863.164 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 22.812.300.000 | 15.936.250.678 | 22.812.300.000 | 15.455.358.860 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không | 17.000.000.000 | - | 17.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không | 14.266.335.863 | 13.354.000.000 | 14.266.335.863 | 13.354.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam | 1.280.000.000 | 652.612.676 | 1.280.000.000 | 728.312.415 |
| Tổng cộng | 731.033.173.488 | 1.421.385.347.451 | 731.033.173.488 | 1.298.599.332.395 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.298.599.332.395 | 1.182.959.007.769 |
| Lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm | 70.287.711.026 | 88.210.560.520 |
| Chênh lệch do quy đổi tiền tệ | 55.264.675.168 | 31.843.046.506 |
| Biến động khác | (2.766.371.138) | (4.413.282.400) |
| Số dư cuối năm | 1.421.385.347.451 | 1.298.599.332.395 |

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác | 545.708.100.892 | 519.780.557.186 |
| Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*) | 9.597.444.598 | 16.714.433.506 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 76.108.869.064 | 68.785.048.387 |
| Số dư cuối năm | 631.414.414.554 | 605.280.039.079 |

(*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

11.1 2024/12

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí sửa chữa lớn thân và động cơ máy bay VND | Chi phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay VND | Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng VND | Chi phí trả trước dài hạn khác VND | Tổng cộng VND |
|---|--|---|---|------------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 3.685.278.308.552 | 471.767.022.865 | 457.894.712.773 | 230.032.180.484 | 4.844.972.224.674 |
| Tăng trong năm | 4.429.986.534.291 | - | 511.058.988.707 | 266.216.563.525 | 5.207.262.086.523 |
| Chuyển sang hàng tồn kho | - | - | (713.414.739) | - | (713.414.739) |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 530.627.329 | 85.295.785.414 | 85.826.412.743 |
| Phân bổ trong năm | (2.241.431.833.883) | (161.642.728.112) | (267.283.017.606) | (237.696.807.436) | (2.908.054.387.037) |
| Số dư cuối năm | 5.873.833.008.960 | 310.124.294.753 | 701.487.896.464 | 343.847.721.987 | 7.229.292.922.164 |

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa phương pháp phân bổ theo đường thẳng và phương pháp phân bổ được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 đang được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tới đa không quá 3 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục chi phí trả trước dài hạn và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm và tăng 4 tỷ đồng (1/1/2024: giảm và tăng 48 tỷ đồng), giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm với số tiền là 44 tỷ đồng (2023: giảm 1.519 tỷ đồng).

11.1 2024/12



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán – ngắn hạn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|----------------------------------|---------------------------|
| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
| Phải trả các nhà cung cấp chính | 14.991.952.401.613 | 18.251.179.961.779 |
| Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i) | 13.229.770.717.560 | 10.518.729.323.348 |
| Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii) | 2.235.215.228.154 | 1.685.118.016.356 |
| Phải trả Interlines | 23.500.200.033 | 333.087.597.109 |
| Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa | 23.868.537.137 | 9.234.313.645 |
| | 30.504.307.084.497 | 30.797.349.212.237 |

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

(b) Phải trả người bán – dài hạn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|------------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
| Phải trả tiền thuê máy bay dài hạn | 268.737.939.234 | 763.215.038.360 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|----------------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 627.739.256.135 | 1.252.858.581.370 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 31.953.045.711 | 42.398.669.111 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 23.465.653.365 | 20.666.653.090 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 3.067.173.500 | 6.371.022.881 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam | - | 502.713.241 |
| | 686.225.128.711 | 1.322.797.639.693 |

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo và phải trả theo thỏa thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán của Tổng Công ty và các công ty con là 10.812 tỷ VND (1/1/2024: 13.743 tỷ VND). Ngoài ra, Tổng Công ty và các công ty con cũng đã thỏa thuận bù trừ một phần khoản phải trả với quỹ đại tu đã nộp cho bên cho thuê.

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và việc được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê (Thuyết minh 2(c)).



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2024 | | Số phải nộp trong năm sau khi bù trừ VND | Số đã nộp trong năm VND | 31/12/2024 | |
|--------------------------------|---------------|-----------------|--|-------------------------|--------------|-----------------|
| | Phải thu VND | Phải nộp VND | | | Phải thu VND | Phải nộp VND |
| Thuế | | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 140.318.236 | 77.848.859.221 | 1.026.903.393.682 | (1.064.229.408.626) | 381.373.896 | 40.763.899.937 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 44.799.179 | - | 17.035.311.615 | (17.077.994.934) | 87.482.498 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.845.380.631 | 126.014.675.847 | 390.656.861.893 | (325.153.084.531) | 134.314.643 | 189.807.387.221 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.797.642.886 | 52.542.652.644 | 691.862.021.881 | (669.126.601.802) | 136.278.399 | 70.616.708.236 |
| Thuế tài nguyên | 177.158.240 | - | - | - | 177.158.240 | - |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 239.099.703 | - | 95.522.129.171 | (86.779.959.490) | - | 8.503.069.978 |
| Thuế bảo vệ môi trường | 18.000 | 53.590.466.000 | 688.431.519.995 | (687.774.380.195) | 1.200 | 54.247.589.000 |
| Thuế nhà thầu | - | 8.427.280.200 | 145.230.734.724 | (151.935.266.506) | - | 1.722.748.418 |
| Các loại thuế khác | 2.000.000 | 2.952.762.079 | 10.599.157.648 | (13.547.381.801) | 2.000.000 | 4.537.926 |
| Các khoản phải nộp khác | | | | | | |
| Phi, lệ phí | - | - | 117.527.612.714 | (117.527.612.714) | - | - |
| | 7.246.416.875 | 321.376.695.991 | 3.183.768.743.323 | (3.133.151.690.599) | 918.608.876 | 365.665.940.716 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Quyết định 1577/QĐ-CT-KT1 ngày 28 tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (“PA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 304,2 tỷ đồng, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186,9 tỷ đồng và 117,3 tỷ đồng. Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này với số tiền là 59,1 tỷ đồng, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng Cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, Tổng Cục thuế đã đồng ý tạm thời chưa cưỡng chế phần tiền phạt vi phạm hành chính 117,3 tỷ đồng của PA cho đến khi có chỉ đạo từ cơ quan cấp trên. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ đồng trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có kết luận chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong năm 2024, PA nhận được các Quyết định từ số 3530 đến số 3537 và từ số 3567 đến số 3575/QĐ-CTTPHCM-KĐT của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng để thu khoản nợ thuế tồn đọng nói trên. Theo thông báo số 181497/TB-CTTPHCM-KĐT ngày 8 tháng 7 năm 2024 về tiền nợ thuế của PA, tổng số tiền nợ thuế chưa nộp vào Ngân sách nhà nước là 772,3 tỷ đồng, trong đó tiền thuế và các khoản phải thu khác là 219,6 tỷ đồng, số tiền chậm nộp là 552,7 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết Quốc hội kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 30 tháng 11 năm 2024, Quốc hội thông qua các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sớm phục hồi và phát triển bền vững trong đó cho phép PA được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền, còn nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. PA có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) trước ngày 31 tháng 12 năm 2024. Sau thời hạn trên, cơ quan thuế thực hiện tính tiền chậm nộp, đơn đốc và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo đúng quy định.

PA đã thực hiện nộp toàn bộ số tiền thuế còn nợ (nợ gốc) cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định. Đối với phần tiền phạt chậm nộp, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được văn bản từ Chính phủ hoặc Bộ Tài chính hướng dẫn việc xóa tiền chậm nộp cho PA nên trên hệ thống quản lý của cơ quan thuế, PA vẫn còn nợ tiền chậm nộp và chưa được dỡ bỏ các biện pháp cưỡng chế.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả – ngắn hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí thuê, sửa chữa máy bay | 4.465.552.485.448 | 5.317.658.402.615 |
| Chi phí lãi trả chậm | 1.232.685.018.989 | 1.729.044.481.196 |
| Chi phí lãi vay | 225.719.160.931 | 182.265.443.419 |
| Chi phí phục vụ chuyến bay | 14.096.499.501 | 60.683.665.917 |
| Chi phí nhiên liệu | - | 5.257.928.637 |
| Các khoản trích trước khác | 1.099.976.012.278 | 575.022.982.696 |
| | <u>7.038.029.177.147</u> | <u>7.869.932.904.480</u> |

(b) Chi phí phải trả – dài hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí sửa chữa máy bay | 2.326.103.000.106 | 1.528.272.034.954 |

(c) Chi phí phải trả các bên liên quan

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 231.334.019.443 | 122.969.588.114 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 79.992.625 | - |
| | <u>231.414.012.068</u> | <u>122.969.588.114</u> |

Khoản chi phí phải trả các bên liên quan không có đảm bảo và phải trả theo thỏa thuận.

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chương trình khách hàng thường xuyên | 1.606.884.348.427 | 1.171.989.632.213 |
| Khác | 59.177.834.996 | 43.919.602.126 |
| | <u>1.666.062.183.423</u> | <u>1.215.909.234.339</u> |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------------------|--------------------------|
| Nhận khoản hỗ trợ ký kết hợp đồng từ nhà cung cấp | 81.164.800.000 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 63.539.356.568 | 245.640.377.899 |
| Cổ tức phải trả | 5.257.466.318 | 3.517.236.439 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 534.772.802.965 | 1.051.293.288.248 |
| | <u>684.734.425.851</u> | <u>1.300.450.902.586</u> |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Nhận quỹ đại tu và đặt cọc thuê máy bay | 373.629.111.594 | 294.767.343.864 |
| Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay | 306.861.245.824 | 306.861.245.824 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 133.617.064.590 | 163.477.318.933 |
| Nhận khoản hỗ trợ ký kết hợp đồng từ nhà cung cấp | 270.549.290.806 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 292.795.384.884 | 550.543.140.922 |
| | <u>1.377.452.097.698</u> | <u>1.315.649.049.543</u> |

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 6.515.731.530 | 8.270.008.790 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài | 468.006.570 | 1.572.621.523 |
| | <u>6.983.738.100</u> | <u>9.842.630.313</u> |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

| | 1/1/2024 | | Biến động trong năm | | 31/12/2024 |
|---|---|--------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|
| | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Chênh lệch tỷ giá VND | |
| Vay ngắn hạn | 12.055.763.479.157 | 33.160.772.369.595 | (35.131.259.664.896) | 16.988.563.371 | 10.102.264.747.227 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b)(i)) | 1.542.128.291.036 | 1.259.843.989.313 | (1.569.700.119.416) | 31.585.894.107 | 1.263.858.055.040 |
| Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 23(b)(ii)) | 3.963.889.144.913 | 2.857.829.027.539 | (3.963.889.103.635) | 87.247.851.854 | 2.945.076.920.671 |
| | 17.561.780.915.106 | 37.278.445.386.447 | (40.664.848.887.947) | 135.822.309.332 | 14.311.199.722.938 |

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào việc tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và việc được gia hạn thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuế (Thuyết minh 2(c)).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|-----------|--------------|--------------------|--------------------|
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | VND | 2,9% | 1.977.205.522.423 | 2.379.818.949.408 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | 2,8% - 4,3% | 3.624.539.685.809 | 2.108.167.828.120 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | VND | 2,9% - 3,0% | 1.438.627.248.303 | 1.915.205.037.975 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội | VND | 2,9% | 999.999.999.874 | 999.999.999.874 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | 3,2% - 5,3% | 421.231.791.176 | 291.483.242.052 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | USD | 3,3% | 344.010.122.812 | 430.099.226.065 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | USD | 3,2% | 336.847.352.215 | 286.925.274.005 |
| Kestrel Aviation Ireland No.1 Limited | USD | 4,5% | 233.017.695.755 | 222.155.696.709 |
| Ngân hàng Quân Đội | USD | 3,3% | 231.274.936.289 | - |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | USD | 3,0% | 212.572.195.540 | 474.371.512.442 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 3,0% - 4,4% | 102.528.767.949 | 193.276.873.318 |
| Ngân hàng HSBC Việt Nam | USD | 7,0% | 108.974.880.924 | 45.453.894.000 |
| Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga | VND | 3,2% | 55.523.346.286 | - |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | VND | 3,8% - 4,2% | 15.911.201.872 | - |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín | VND | 2,5% - 5,5% | - | 1.196.055.177.565 |
| Ngân hàng TMCP An Bình | VND | 5,3% - 6,5% | - | 580.697.407.886 |
| Ngân hàng Quân Đội | VND | 3,5% | - | 346.131.885.603 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế | VND | 3,3% - 4,0% | - | 293.273.129.421 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | USD | 3,6% | - | 292.648.344.714 |
| | | | 10.102.264.747.227 | 12.055.763.479.157 |

Các khoản vay tài cấp vốn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với tổng hạn mức của các khoản vay là 4.000 tỷ VND theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 5 tháng 4 năm 2021 (Thuyết minh số 2) được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM.

Ngoài các khoản vay tài cấp vốn, số dư khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản là 2.964 tỷ VND (1/1/2024: 1.695 tỷ VND) (Thuyết minh số 12). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| (b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|----------|--|
| | VND | | VND | |
| Vay dài hạn (i) | 3.868.111.734.489 | 5.158.987.901.512 | | |
| Nợ thuế tài chính dài hạn (ii) | 6.512.423.461.141 | 10.153.308.661.977 | | |
| | 10.380.535.195.630 | 15.312.296.563.489 | | |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 4.208.934.975.711 | 5.506.017.435.949 | | |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 6.171.600.219.919 | 9.806.279.127.540 | | |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| (i) Vay dài hạn | Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau: | Loại tiền | Năm đáo hạn | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|-----------------|---|-----------|-------------|-------------------|-------------------|----------|--|
| | | | | VND | | VND | |
| | | USD | 2025 – 2028 | 2.008.344.562.793 | 2.677.052.028.752 | | |
| | | USD | 2027 – 2028 | 470.159.959.125 | 782.649.686.463 | | |
| | | USD | 2028 | 511.242.624.000 | 582.690.816.000 | | |
| | | VND | 2025 – 2028 | 232.563.083.927 | 323.698.083.538 | | |
| | | VND | 2027 – 2029 | 157.732.587.010 | 246.105.089.025 | | |
| | | USD | 2028 | 167.451.649.220 | 198.742.596.480 | | |
| | | USD | 2028 | 140.726.388.000 | 167.023.296.000 | | |
| | | VND | 2026 – 2028 | 35.295.735.927 | 48.895.735.926 | | |
| | | VND | 2025 – 2029 | 54.689.160.961 | 43.666.719.190 | | |
| | | VND | 2028 | 13.148.063.552 | 28.670.580.553 | | |
| | | VND | 2025 – 2029 | 15.395.163.104 | 25.760.111.484 | | |
| | | VND | 2025 – 2026 | 14.185.978.813 | 24.122.343.709 | | |
| | | VND | 2027 | 5.873.493.700 | 7.706.968.000 | | |
| | | USD | 2029 | 41.303.284.357 | 2.203.846.392 | | |
| | | | | 3.868.111.734.489 | 5.158.987.901.512 | | |
| | Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | 1.263.858.055.040 | 1.542.128.291.036 | | |
| | Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | 2.604.253.679.449 | 3.616.859.610.476 | | |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Bao gồm khoản vay hợp vốn của 3 ngân hàng trong nước do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đầu mỗi cấp tín dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản là 2.381 tỷ VND (1/1/2024: 3.408 tỷ VND) (Thuyết minh số 12), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Tập đoàn ING | 3.925.057.061.533 | 5.349.096.969.898 |
| Ngân hàng Citibank | 1.223.386.579.298 | 2.269.233.410.015 |
| Ngân hàng MUFG | 892.675.000.000 | 1.060.500.000.000 |
| Ngân hàng HSBC | 471.304.820.310 | 814.236.813.266 |
| Ngân hàng JP Morgan Chase | - | 660.241.468.798 |
| | <u>6.512.423.461.141</u> | <u>10.153.308.661.977</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản nợ thuế tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính là 5.620 tỷ VND (1/1/2024: 9.093 tỷ VND), các khoản nợ thuế tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuế tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ có số dư 255.339.088 USD (1/1/2024: 418.865.869 USD).

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND | Tiền lãi thuê VND | Nợ gốc VND |
|----------------------------|---|------------------------|--------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 3.234.923.614.671 | 289.846.694.000 | 2.945.076.920.671 |
| Trong năm thứ 2 | 2.026.185.201.199 | 154.903.377.484 | 1.871.281.823.715 |
| Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 | 1.766.123.654.116 | 70.058.937.361 | 1.696.064.716.755 |
| | <u>7.027.232.469.986</u> | <u>514.809.008.845</u> | <u>6.512.423.461.141</u> |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2024

| | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND | Tiền lãi thuê VND | Nợ gốc VND |
|----------------------------|---|--------------------------|---------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 4.516.374.594.081 | 552.485.449.168 | 3.963.889.144.913 |
| Trong năm thứ 2 | 3.126.245.989.111 | 327.239.327.750 | 2.799.006.661.361 |
| Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 | 3.643.007.689.397 | 252.594.833.694 | 3.390.412.855.703 |
| | <u>11.285.628.272.589</u> | <u>1.132.319.610.612</u> | <u>10.153.308.661.977</u> |

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này chủ yếu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 670.499.547.015 | 756.601.328.434 |
| Trích lập trong năm | 112.315.792.270 | 82.942.857.805 |
| Sử dụng trong năm | (183.546.931.918) | (168.487.031.146) |
| Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ | (332.673.042) | (557.608.078) |
| | <u>598.935.734.325</u> | <u>670.499.547.015</u> |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn thặng VND | Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND | Chênh lệch ty giá hội doanh VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi lũy kế VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------|--------------------------|-----------------|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 22.143.941.740.000 | 1.220.498.156.541 | 241.355.237.827 | (1.153.004.222.954) | 122.441.972.786 | 932.083.454.332 | 2.024.298.864 | (35.072.236.866.310) | (11.562.896.228.947) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 1.030.958.000 | - | (5.930.301.562.765) | (5.930.301.562.765) |
| Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | - | - | - | (1.030.958.000) | (1.030.958.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (75.208.924.860) | (75.208.924.860) |
| Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 40(b)(6)) | - | - | - | - | 31.843.046.506 | - | - | - | 31.843.046.506 |
| Bổ sung khác | - | - | - | - | - | - | - | 21.368.285.560 | 21.368.285.560 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 22.143.941.740.000 | 1.220.498.156.541 | 241.355.237.827 | (1.153.004.222.954) | 154.285.019.292 | 933.114.412.332 | 2.024.298.864 | (41.057.410.026.425) | (17.515.195.384.526) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 7.564.092.019.695 | 7.564.092.019.695 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (103.033.015.126) | (103.033.015.126) |
| Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 40(b)(6)) | - | - | - | - | 55.264.675.168 | - | - | - | 55.264.675.168 |
| Bổ sung khác | - | - | - | - | - | - | - | (17.843.447.716) | (17.843.447.716) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 22.143.941.740.000 | 1.220.498.156.541 | 241.355.237.827 | (1.153.004.222.954) | 209.549.694.460 | 933.114.412.332 | 2.024.298.864 | (33.614.194.469.572) | (10.016.715.152.905) |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

| | 31/12/2024 và 1/1/2024 | |
|---------------------------|------------------------|--------------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 2.214.394.174 | 22.143.941.740.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.214.394.174 | 22.143.941.740.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.214.394.174 | 22.143.941.740.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 1 năm 2022, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 22.143.941.740.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

| | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) | Số vốn góp tại ngày 31/12/2024 và 1/1/2024 VND |
|--|------------------|-----------|--|
| Cổ đông Nhà nước | 1.222.368.291 | 55,20 | 12.223.682.910.000 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 689.488.080 | 31,14 | 6.894.880.800.000 |
| Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA) | 124.438.698 | 5,62 | 1.244.386.980.000 |
| Các cổ đông khác | 178.099.105 | 8,04 | 1.780.991.050.000 |
| | 2.214.394.174 | 100 | 22.143.941.740.000 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 489.269.505.788 | 507.271.473.093 |
| Lợi nhuận trong năm | 393.470.738.731 | 298.553.092.074 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | (9.276.851.226) | (7.688.071.592) |
| Cổ tức | (227.434.257.604) | (308.687.526.178) |
| Biến động khác | 26.443.141.656 | (179.461.609) |
| Số dư cuối năm | 672.472.277.345 | 489.269.505.788 |

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Trong vòng một năm | 12.274.948.314.328 | 11.623.268.001.444 |
| Trong vòng 2 đến 5 năm | 44.269.318.886.629 | 44.045.111.449.467 |
| Sau 5 năm | 37.270.540.606.656 | 40.870.907.936.097 |
| | 93.814.807.807.613 | 96.539.287.387.008 |

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

- Máy bay A321 – 10 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO – 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 – 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 – 4 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-10 – 6 chiếc thuê khô; và
- Máy bay A320 NEO – 3 chiếc thuê khô.

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay. Tài sản thuê hoạt động là động cơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 11 chiếc gồm 1 động cơ máy bay A321, 4 động cơ máy bay A321 NEO, 3 động cơ máy bay A350 và 3 động cơ máy bay B787; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 20 chiếc gồm 9 động cơ máy bay A321, 1 động cơ máy bay A321 NEO, 3 động cơ máy bay A350, 3 động cơ máy bay ATR72 và 4 động cơ máy bay B787.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

| | | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|------------------------|-----|---------------|--------------------------|---------------|------------------------|
| | | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| Đô la Mỹ | USD | 22.991.893 | 583.155.740.554 | 13.221.084 | 319.655.295.582 |
| Bạt Thái Lan | THB | 12.293.717 | 9.164.032.253 | 20.841.010 | 14.796.889.910 |
| Nhân dân tệ Trung Quốc | CNY | 10.785.326 | 37.633.945.490 | 7.509.167 | 25.596.067.472 |
| Đô la Singapore | SGD | 782.872 | 14.680.412.181 | 481.987 | 8.869.990.840 |
| Đô la Úc | AUD | 1.398.106 | 22.146.000.256 | 1.140.354 | 18.906.949.716 |
| Euro | EUR | 3.318.875 | 88.484.515.087 | 3.219.247 | 86.919.561.947 |
| Đô la Hồng Kông | HKD | 1.769.547 | 5.805.878.665 | 2.753.276 | 8.543.411.905 |
| Won Hàn Quốc | KRW | 2.419.536.274 | 41.906.358.066 | 2.200.734.801 | 41.505.844.547 |
| Yên Nhật | JPY | 380.499.227 | 61.629.426.606 | 376.971.902 | 65.200.930.678 |
| Patacas Macao | MOP | 2.520 | 7.638.120 | 2.520 | 7.517.160 |
| Đô la Đài Loan | TWD | 8.666.575 | 6.751.261.925 | 5.688.535 | 4.488.254.115 |
| Bảng Anh | GBP | 3.185.398 | 101.798.938.418 | 402.715 | 12.459.192.957 |
| Đô la Canada | CAD | 439.455 | 7.800.319.860 | 14.714 | 269.538.013 |
| Rúp Nga | RUB | 587.025.997 | 135.603.005.272 | 119.553.365 | 32.279.408.420 |
| Kíp Lào | LAK | 2.007.606 | 2.348.899 | 68.384.000 | 68.384.000 |
| Ringit Malaysia | MYR | 413.440 | 2.364.047.347 | 742.293 | 3.924.504.413 |
| Rupiah Indonesia | IDR | 1.185.280.817 | 1.860.890.883 | 2.736.888.780 | 4.324.284.272 |
| Kyat Myanmar | MMK | 96.444 | 1.157.328 | 150.444 | 1.805.328 |
| Franc Thụy Sĩ | CHF | 10 | 274.636 | 10 | 281.415 |
| Rupee Ấn Độ | INR | 163.842.856 | 48.825.170.990 | - | - |
| Peso Phillipines | PHP | 39.185.201 | 17.280.673.610 | - | - |
| | | | 1.186.902.036.446 | | 647.818.112.690 |

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---------------------|-------------------|-----------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | 100.479.380.837 | 95.699.689.119 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------|--------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý | 73.925.345.111.447 | 65.444.120.557.354 |
| ▪ Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện | 6.912.968.372.195 | 4.939.729.223.455 |
| ▪ Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyên | 1.267.690.267.729 | 1.084.153.475.172 |
| ▪ Doanh thu vận chuyển hàng không khác | 1.181.641.635.608 | 776.743.289.825 |
| Doanh thu vận chuyển hàng không | 83.287.645.386.979 | 72.244.746.545.806 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ | 3.993.654.325.857 | 3.066.820.277.786 |
| Bán hàng | 17.442.844.936.965 | 15.055.239.756.871 |
| Khác | 2.187.670.673.786 | 1.864.403.646.949 |
| | 106.911.815.323.587 | 92.231.210.227.412 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | (969.843.018.400) | (691.345.042.213) |
| Doanh thu thuần | 105.941.972.305.187 | 91.539.865.185.199 |

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay | 56.239.266.175 | 71.837.074.170 |
| Cổ tức được chia | 170.229.431.500 | 94.886.217.750 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 1.034.091.145.196 | 698.932.894.946 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 5.517.286.415 | 60.692.465.501 |
| | 1.266.077.129.286 | 926.348.652.367 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.281.733.876.235 | 1.554.935.763.903 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.529.608.833.787 | 1.600.807.552.568 |
| Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính | 179.592.843.695 | 237.941.458.077 |
| Chi phí tài chính khác | 960.240.299.442 | 1.011.292.862.165 |
| | 4.951.175.853.159 | 4.404.977.636.713 |

32. Chi phí bán hàng

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 715.184.673.894 | 588.811.734.655 |
| Chi phí hoa hồng | 203.889.469.256 | 276.150.024.686 |
| Chi phí đặt vé giữ chỗ | 1.638.462.737.084 | 1.555.391.392.723 |
| Chi phí bán hàng khác | 2.340.811.537.008 | 1.956.315.829.649 |
| | 4.898.348.417.242 | 4.376.668.981.713 |

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 815.144.426.512 | 728.911.502.891 |
| Chi phí thuê | 166.863.802.991 | 160.531.554.889 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.208.712.430.094 | 1.206.649.573.157 |
| | 2.190.720.659.597 | 2.096.092.630.937 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|--------------------------|------------------------|
| Nhà cung cấp xoá nợ (*) | 4.710.966.556.316 | 326.292.263.582 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 569.303.776.906 | 1.876.647.149 |
| Tiền phạt thu được | 66.799.547.557 | 52.335.925.933 |
| Thu nhập từ bán và thuê lại động cơ và trang thiết bị | - | 185.710.954.683 |
| Các khoản khác | 151.111.431.889 | 143.953.720.253 |
| | 5.498.181.312.668 | 710.169.511.600 |

(*) Theo thoả thuận với các bên cho thuê tàu bay, PA đã được xoá nợ đối với các khoản chi phí tiền thuê và lãi phạt trả chậm tiền thuê.

35. Chi phí khác

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lỗ từ thanh lý tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang, bất động sản đầu tư | 612.834.725 | 48.470.720 |
| Các khoản phạt về trả chậm, thuế | 250.179.064.428 | 1.887.398.460 |
| Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng | 3.799.128.822 | 77.242.951.847 |
| Chi phí khác | 26.461.817.013 | 15.863.973.380 |
| | 281.052.844.988 | 95.042.794.407 |

36. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 26.087.879.449.263 | 26.042.294.140.081 |
| Chi phí nhân công | 8.959.764.891.442 | 7.935.963.198.272 |
| Chi phí khấu hao | 5.094.513.262.248 | 5.986.064.143.591 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 40.546.860.649.877 | 37.943.413.255.251 |
| Trong đó: | | |
| - Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay | 4.948.866.413.122 | 5.989.469.891.287 |
| - Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay | 2.851.076.130.430 | 3.123.563.663.585 |
| - Chi phí thuê máy bay | 13.221.811.650.880 | 12.253.707.591.602 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 19.525.106.455.445 | 16.576.672.108.777 |
| Chi phí khác | 1.319.008.539.704 | 1.164.228.117.322 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) **Đối chiếu thuế suất thực tế**

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế | 8.415.642.344.129 | (5.362.609.321.731) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước | 153.974.597.090 | 108.705.140.008 |
| Chi phí không được khấu trừ | 289.897.151.171 | 770.691.572.196 |
| Thu nhập không chịu thuế | (170.229.431.500) | (94.886.217.750) |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay | (277.122.729.651) | (170.386.785.128) |
| Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | (58.337.706.925) | (46.839.911.697) |
| Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết | (70.287.711.026) | (88.210.560.520) |
| Chênh lệch chi phí phải trả | (945.149.611.876) | 1.265.649.040.740 |
| Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất | (323.399.932.046) | 18.662.657.601 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng trong năm | (5.126.582.027.747) | (89.339.713.267) |
| Thu nhập chịu thuế | 1.888.404.941.619 | (3.688.564.099.548) |
| Lỗ tính thuế chưa được sử dụng trong năm | - | 5.001.366.607.840 |
| Thu nhập chịu thuế | 1.888.404.941.619 | 1.312.802.508.292 |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 377.680.988.324 | 262.560.501.658 |
| Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm | 67.603.718.224 | (4.309.540.329) |
| Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh | 11.667.541.385 | 9.367.982.340 |
| Dự phòng thiếu của các năm trước | 1.127.337.770 | 1.520.205.291 |
| | 458.079.585.703 | 269.139.148.960 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị thuế VND | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị thuế VND |
| Lỗi tính thuế | 35.371.717.922.370 | 7.074.343.584.474 | 40.498.299.950.117 | 8.099.659.990.023 |

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các năm sau:

| Năm phát sinh | Năm hết hiệu lực | Tình hình quyết toán | Số lỗi được khấu trừ VND |
|---------------|------------------|----------------------|--------------------------|
| 2020 | 2025 | Chưa quyết toán | 7.184.724.237.655 |
| 2021 | 2026 | Chưa quyết toán | 12.849.103.183.572 |
| 2022 | 2027 | Chưa quyết toán | 10.012.259.729.727 |
| 2023 | 2028 | Chưa quyết toán | 5.325.630.771.416 |
| | | | 35.371.717.922.370 |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

| | 2024 | 2023 |
|---|-------------------|---------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm (VND) | 7.564.092.019.695 | (5.930.301.562.765) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | - | - |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND) | 7.564.092.019.695 | (5.930.301.562.765) |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu) | 2.214.394.174 | 2.214.394.174 |
| Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 3.416 | (2.678) |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 2024 VND | 2023 VND |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm | | |
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 94.237.449.000 | 47.263.271.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 35.905.926.000 | 40.496.605.750 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài | 5.400.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 1.285.200.000 | 771.120.000 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty TNHH Dịch vụ Mật đất Hàng không | 2.188.810.528 | 2.303.787.488 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 2.563.675.740 | 2.167.366.083 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 526.490.854 | 241.017.982 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 1.323.435.840 | 176.852.520 |
| Mua hàng và sử dụng dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam | 2.218.991.721.129 | 2.182.318.520.859 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 293.267.762.720 | 240.945.887.433 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không | 183.019.809.632 | 165.715.575.923 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng | 58.995.714.266 | 58.444.251.942 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Mật đất Hàng không | 43.654.490.813 | 46.714.143.580 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam | - | 1.274.887.124 |
| Tiền thưởng hao hụt nhiên liệu phải trả | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất | 15.738.971.407 | 15.726.254.817 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài | 1.917.246.589 | 3.001.379.289 |



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tiền lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

| | | 2024 VND | 2023 VND |
|-------------------------|---|---------------|---------------|
| Ông Đặng Ngọc Hòa | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 1.387.674.936 | 1.189.435.650 |
| Ông Tạ Mạnh Hùng | Ủy viên Hội đồng Quản trị | 1.110.140.100 | 951.548.653 |
| Ông Lê Hồng Hà | Ủy viên Hội đồng Quản trị | | |
| | Tổng Giám đốc | 1.380.771.264 | 1.183.518.225 |
| Ông Lê Trường Giang | Ủy viên Hội đồng Quản trị | 1.110.140.100 | 951.548.653 |
| Ông Hiroyuki Kometani | Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21/6/2024) | 105.463.310 | 189.046.603 |
| Ông Daisuke Suzuki | Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21/6/2024) | 116.564.710 | - |
| Ông Đinh Việt Tùng | Ủy viên Hội đồng Quản trị | 222.028.020 | 189.046.603 |
| Ông Trương Văn Phước | Ủy viên Hội đồng Quản trị | 222.028.020 | 189.046.603 |
| Ông Trịnh Hồng Quang | Phó Tổng Giám đốc | 740.093.400 | 951.548.653 |
| Ông Đặng Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 1.110.140.100 | 475.774.326 |
| Ông Nguyễn Chiến Thắng | Phó Tổng Giám đốc | 1.110.140.100 | 951.548.653 |
| Ông Đinh Văn Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 1.110.140.100 | 434.238.472 |
| Ông Lê Đức Cảnh | Phó Tổng Giám đốc | 1.110.140.100 | 951.548.653 |
| Ông Nguyễn Thế Bảo | Phó Tổng Giám đốc | 1.110.140.100 | 951.548.653 |
| Ông Trịnh Ngọc Thành | Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2023) | - | 951.548.653 |
| Ông Trần Thanh Hiền | Kế toán trưởng (đến ngày 1/5/2024) | 370.046.700 | 951.548.653 |
| Bà Dương Thị Việt Thâm | Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 1/1/2024) | 1.110.140.100 | 37.759.867 |
| Bà Nguyễn Thị Thiên Kim | Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 31/12/2023) | - | 913.788.785 |
| Bà Lê Trúc Quỳnh | Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 1/1/2024) | 693.837.468 | 23.599.914 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Thành viên Ban Kiểm soát | 138.767.496 | 118.154.127 |
| Ông Mai Hữu Thọ | Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 31/12/2023) | - | 351.747.321 |

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập: 
 Hồ Xuân Tam
 Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt: 
 Trần Văn Hữu
 Phụ trách Kế toán


 Lê Hồng Hà
 Tổng Giám đốc





“Một dặm” là không ngừng kết nối Việt Nam với thế giới

Cùng Vietnam Airlines sải cánh vươn đến những chân trời mới
và lan tỏa những giá trị văn hóa Việt Nam.

